

VĂN HỌC

LỚP
PHỔ THÔNG

12

huongmaitruongxua.v

Tập I



Nhà xuất bản Giáo dục
* 1988

PHẦN THỨ NHẤT

VĂN HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930 — 1945

CHƯƠNG I

KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930 — 1945

I — BỐI CẢNH LỊCH SỬ

Ở giai đoạn này, nhiều sự việc quan trọng xảy ra trên thế giới đã có ảnh hưởng về nhiều mặt đến tình hình xã hội Việt Nam.

1. Về kinh tế

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 — 1933 và ảnh hưởng cuộc đại chiến thế giới lần thứ hai đã làm cho nền kinh tế thuộc địa Đông Dương bị kiệt quệ.

Bọn thực dân Pháp bị dồn dập đẩy tới miệng hố diệt vong không còn giữ được cái mặt nạ giả khai hóa, mà buộc phải lộ hết bản chất dã man về mọi phương diện. Chúng ra sức vơ vét lúa gạo, bạc tiền bằng đủ mánh khóe. Chính sách của chúng cũng tình hình kiệt quệ của nền kinh tế chung đã ảnh hưởng nặng nề đến cuộc sống của các tầng lớp nhân dân và làm

cho các giai cấp bị phân hóa nhanh chóng. Giai cấp địa chủ và giai cấp tư sản, một bộ phận bị phá sản, một bộ phận chuyển hình thức bóc lột. Giai cấp tiểu tư sản thành thị bị phá sản và bị phân hóa, sống túng quẫn, mòn mỏi. Giai cấp công nhân và nông dân đã bị sưu cao thuế nặng lại bị tư sản, địa chủ tăng cường bóc lột. Cuộc sống của họ, trước kia đã cơ cực, nay càng cơ cực hơn. Kết quả của mấy tầng bóc lột đó là mùa xuân năm 1945, hai triệu người đã chết đói, xác ngổn ngang trên khắp các nẻo đường. Mâu thuẫn giữa dân tộc và bọn thống trị, giữa nhân dân lao động và bọn bóc lột, đặc biệt là giữa nông dân và địa chủ, trở nên sâu sắc hơn bao giờ hết.

II. Về văn hóa, xã hội

Hồng lam tiêu ma tinh thần đấu tranh của nhân dân, bọn thực dân Pháp liên tục gieo rắc những tư tưởng thoái hóa, lạc hậu, thù địch với cách mạng và thực phong kiến vốn có cơ sở vật chất trong xã hội một bộ phận nhỏ dân. Chúng gây lòng tự ti về văn hóa, coi thường công nghệ, công nghiệp, chủ nghĩa khoa học... Là nạn tư tưởng Tư sản-khủ, tư tưởng phục cổ... Chúng gây nhiều phong trào văn hóa truy lạc rộng lớn, cho mở thêm trường học, nhà chùa, sông bèo, lời cuốn hàng vạn thanh niên vào con đường tự thất sa đọa.

Đảng cộng sản Đông Dương ra đời mở một con đường mới cho văn hóa Việt Nam đi tới thắng lợi.

Đảng và giải phóng nhân dân khỏi cảnh lầm than, cứu nước khỏi nguy cơ bị diệt vong đã đặt ra khẩn cấp. Nhiệm vụ đó, Đảng cộng sản Đông Dương đã anh dũng gánh lấy. Từ năm 1945, Đảng đã tập hợp quần chúng phát huy tinh thần yêu nước quyết cường của giai cấp, của dân tộc, mở một cuộc đấu tranh chính diện và cuối cùng thực hiện được cái mộng giải phóng của nhân dân ta trong 80 năm với cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 thắng lợi.

II — TÌNH HÌNH VĂN HỌC

I. Những nét lớn: Văn học phản ánh khá trung thực bối cảnh lịch sử và tiếp tục phát triển

a) Một số đặc điểm của bối cảnh lịch sử trên đây đã được phản ánh trong văn học

— Những mâu thuẫn trong xã hội, các cuộc đấu tranh giai cấp được thể hiện trong văn học ở những cuộc đấu tranh kéo dài liên tục (đấu tranh của phái nghệ thuật vị nhân sinh chống phái nghệ thuật vị nghệ thuật, đấu tranh chống văn học lãng mạn...).

— Sự phân hóa giai cấp biểu hiện ở sự thay đổi vị trí của các nhà văn, sự xen kẽ của các dòng văn học (1).

— Cuộc sống cơ cực của quần chúng lao động được miêu tả ít nhiều trong các tác phẩm tiến bộ.

— Những phong trào sa đọa do đế quốc gây ra, sự hư hỏng của thanh niên và tâm lý hưởng lạc của họ là nguồn đề tài sáng tác của một số nhà văn lãng mạn.

b) Vai trò của Đảng cộng sản đối với văn học được biểu hiện trước hết ở sự ra đời của dòng văn học cách mạng theo ý thức vô sản. Đó là dòng văn học tiên tiến của thời đại. Đảng lại đã có tác dụng trực tiếp hoặc gián tiếp đối với các nhà văn, nhất là trong thời kỳ hoạt động công khai. Tất nhiên, khi bọn thống trị có thái độ quyết liệt đối với Đảng, khi các văn nghệ sĩ còn chậm tiến bộ, thì vai trò của Đảng về văn học không khỏi không bị hạn chế.

c) Văn học công khai, sau một thời gian được chuẩn bị và phát triển đã trưởng thành, có khả năng phản ánh nhiều mặt hiện thực của thời đại. Đời sống văn học cũng phong phú hơn trước, công chúng văn học đông hơn, sách báo phát hành nhiều

(1) Có nhà văn lãng mạn viết tiểu thuyết hiện thực như Lan Khai. Lan Khai vốn là nhà văn lãng mạn lại viết cuốn *Lầm than* có khuynh hướng hiện thực.

hơn. Đã có những nhà văn chuyên nghiệp sống bằng ngòi bút của mình. Thời đại lại đã cung cấp nhiều vấn đề sáng tác: cuộc sống quần quanh ngọt ngào của các tầng lớp nhân dân thành thị và nông thôn, những âm mưu đen tối và xảo quyệt của bọn thống trị, cuộc sống xa hoa, đọa lạc của bọn giàu có, vận mệnh của giai cấp, của dân tộc...

Đề phản ánh nội dung mới, văn học, một mặt phát triển và hoàn thiện những thể loại cũ, một mặt tạo thêm một số thể loại mới. Thể tiểu thuyết được dùng nhiều và đã có nhiều tiến bộ về kết cấu, về cách diễn tả đời sống nội tâm của nhân vật. Phong trào thơ mới mang nhiều thay đổi đến cho thơ ca. Văn điệu và kiến trúc mới của câu thơ tạo khả năng diễn đạt dồi dào những tình cảm tế nhị hoặc sôi nổi, những trạng thái phức tạp của tâm hồn. Kịch nói so với trước đã tiến thêm một bước. Tính cách nhân vật, thông qua đối thoại, được rõ nét hơn. Các thể văn nghị luận, phê bình, bút chiến, hùng biện đều phát triển, cả về số lượng lẫn chất lượng. Thể phóng sự ra đời, gắn liền với những hoạt động báo chí và chiếm ưu thế trong thời kỳ đầu, chuẩn bị cho những tiểu thuyết hiện thực có giá trị thời kỳ sau. Một số thể loại khác ít phổ biến hơn, cũng có thành tựu như thể tùy bút. Ngôn ngữ văn học đã dần dần trở nên thuần thực, trong sáng.

2. Ba dòng văn học, ba thời kỳ

Văn học giai đoạn này chia làm ba dòng lớn, biểu hiện những ý thức giai cấp khác nhau của những người đứng ở vị trí khác nhau trong cuộc đấu tranh với bọn thống trị.

— Dòng văn học cách mạng (hay dùng hơn là bộ phận văn học cách mạng) là của các chiến sĩ và quần chúng cách mạng đứng ở mũi nhọn của cuộc đấu tranh. Nhà văn có ý thức « dùng cán bút làm đòn xoay chế độ »; văn thơ cách mạng là một bộ phận của sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản và có tác dụng mạnh mẽ đến quần chúng tiến bộ.

— Dòng văn học hiện thực phê phán phần lớn là của các nhà văn tiểu tư sản lớp dưới. Họ không đứng ở vị trí tiền tuyến,

nhưng họ thông cảm với nỗi khổ của quần chúng và biết oán ghét chế độ đương thời. Tác phẩm của họ tùy mức độ, có lợi cho phong trào đấu tranh chống áp bức bóc lột của quần chúng tuy không tránh khỏi những hạn chế.

— Dòng văn học lãng mạn là tiếng nói của ý thức tư sản và tiểu tư sản. Nhà văn không đề cập đến mâu thuẫn trung tâm của thời đại. Tác phẩm của họ nói chung không có lợi cho cuộc đấu tranh mà lại có hại.

Ba dòng văn học đều diễn biến theo ba thời kỳ của giai đoạn. Mở đầu cho thời kỳ 1930 — 1935 là thơ ca Xô viết Nghệ — Tĩnh mở đường cho dòng văn học vô sản chính thức ra đời. Thơ ca Xô viết Nghệ — Tĩnh bị đàn áp cũng như phong trào Xô viết đã bị chìm trong biển máu. Nhưng trên báo chí công khai, ý thức vô sản vẫn vươn lên đầy sức sống, biểu hiện ở sự thắng lợi của nhà văn cộng sản Hải Triều trong cuộc đấu tranh chống tư tưởng duy tâm của Phan Khôi và tư tưởng nghệ thuật vị nghệ thuật của Thiều Sơn.

Về văn học hiện thực, thành tựu đáng chú ý nhất là tập truyện ngắn Kép Tư Bền của Nguyễn Công Hoan.

Thực sự chiếm ưu thế trên văn đàn công khai là văn chương lãng mạn và trào phúng của Tự lực văn đoàn. Nó có cơ sở ở tâm trạng bạc nhược, bi quan của tư sản, một số tiểu tư sản trước thời cuộc. ở phong trào « vui vẻ trẻ trung » được đế quốc khuyến khích và ở xu hướng Âu hóa đang lan rộng. Năm 1932 nảy ra cuộc tranh luận quanh vấn đề thơ mới, kéo dài trong bốn năm.

Thời kỳ 1935 — 1939 là thời kỳ một bộ phận của Đảng ta ra hoạt động công khai. Phong trào quần chúng sôi nổi khắp nơi. Trong không khí đó nhiều cuộc tranh luận đã diễn ra. Các dòng văn học cũng đều chuyển biến. Văn học cách mạng có thành tựu về nhiều mặt, một trong những thành tựu quan trọng nhất là thơ ca của người thanh niên cộng sản Tố Hữu.

Văn học hiện thực phê phán phát triển đến một đỉnh cao. Hàng ngũ nhà văn thêm một số cây bút mới. Họ đã chiếm

được cảm tình của cả một phần những người ưa đọc văn chương lãng mạn trước kia.

Hàng ngũ văn học lãng mạn cũng đông thêm. Nhiều nhà thơ mới xuất hiện. Nhóm Tự lực văn đoàn cũng hướng sáng tác về nông thôn. Một số nhà văn lãng mạn khác viết tiểu thuyết hiện thực.

Ở thời kì cuối, 1939 — 1945, các khuynh hướng tiến bộ đều bị khủng bố. Văn học lãng mạn hoàn toàn bế tắc, nhiều khuynh hướng suy đồi ra đời. Văn học hiện thực không phát triển như trước tuy có thêm vài cây bút mới. Nhưng trong vòng bí mật và ở các chiến khu, « một nền văn học cách mạng có tính chất dân tộc dân chủ của Đảng cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt minh đã phát triển trong bóng tối và chiếu rọi ánh sáng ra ngoài » (1).

Mười lăm năm phát triển trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, văn học Việt Nam đã lớn lên một bước cùng với sự trưởng thành của dân tộc. Bộ phận văn học tiến bộ và nhất là văn học cách mạng đã có phần đóng góp vào sự nghiệp giải phóng chúng ta. Văn học sau Cách mạng tháng Tám sẽ tiếp tục và phát triển phần tinh hoa của nó.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tình hình xã hội Việt Nam giai đoạn 1939 — 1945 đã có những ảnh hưởng gì đến văn học? Tình hình phát triển của văn học giai đoạn này so với giai đoạn trước như thế nào?
2. Trong ba dòng văn học giai đoạn này, mỗi dòng là tiếng nói của giai cấp nào?
3. Vai trò của Đảng cộng sản Đông Dương đối với văn học giai đoạn này như thế nào?
4. Quá trình diễn biến của ba dòng văn học qua ba thời kì và nguyên nhân.

(1) Trích: « Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam » — Trường Chinh

CHƯƠNG II

VĂN HỌC LÃNG MẠN 1930 — 1945 (1)

I — CÁC TỔ CHỨC

Ở giai đoạn trước, văn học gọi là lãng mạn đã thành một xu hướng, vì hợp với khẩu vị của tầng lớp người đọc tư sản và tiểu tư sản thành thị. Đến giai đoạn này, số người đọc ở thành phần như trên tăng lên nhiều, số nhà văn của họ cũng tăng lên theo. Phần đông các nhà văn đã tập hợp thành từng nhóm: nhóm tiêu biểu hơn cả là *Tự lực văn đoàn* thành lập từ năm 1932 gồm mấy nhà văn chính: Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Thế Lữ... Họ có cơ quan ngôn luận riêng (tờ *Phong hóa*, sau là tờ *Ngày nay*) có nhà xuất bản riêng (nhà xuất bản *Đời nay*). Công việc kinh doanh văn học của họ phát đạt. Số lượng tác phẩm in nhiều.

Ra đời ít lâu sau nhóm *Tự lực văn đoàn* là nhóm *Tiểu thuyết thứ bảy*. Hai tờ tập san của nhóm này là *Tiểu thuyết thứ bảy* và *Phổ thông văn nguyệt san*. Ở nhóm *Hà Nội báo* ra đời trong thời kì Mặt trận dân chủ cũng có một số nhà văn có khuynh hướng lãng mạn. Ngoài ra còn một số nhà văn lãng mạn không thuộc nhóm nào.

(1) Cần phân biệt hai khái niệm lãng mạn. Một khái niệm lãng mạn dùng để chỉ trạng thái tâm lý; một trạng thái tâm hồn có nhiều mơ ước, khát vọng và thường là xa rời thực tiễn, ví dụ: Một tâm hồn lãng mạn. Khái niệm lãng mạn thứ hai được dùng trong văn học với tư cách là một yếu tố hoặc là một trào lưu. Khi ta nói đến tính chất lãng mạn trong thần thoại, trong truyện cổ là ta nói đến khái niệm *yếu tố lãng mạn* trong văn học. Còn khái niệm lãng mạn được dùng với tư cách là một xu hướng, một trào lưu, đó là văn học lãng mạn. Trào lưu văn học này xuất hiện ở Pháp và ở châu Âu thế kỉ XVIII, lúc mà giai cấp tư sản, sau cách mạng tư sản, đã tự lột mặt nạ bóc lột và đàn áp nhân dân lao động. Một số nhà văn chán ghét thực trạng xã hội đó, họ biểu hiện trong sáng tác ước mơ, khát vọng một trật tự xã hội khác. Người thì hướng về tương lai. Đó là lãng mạn tích cực. Người thì hướng về quá khứ, về chế độ phong kiến. Đó là lãng mạn tiêu cực. Văn học lãng mạn Việt Nam giai đoạn 1930 — 1945 là lãng mạn tiêu cực.

II — VĂN HỌC LÃNG MẠN VIỆT NAM CĂN BẢN LÀ BẠC NHƯỢC, SUY ĐỒI

Văn học lãng mạn Việt Nam có nhiều khuynh hướng phức tạp. Các nhóm trên, khuynh hướng đã khác nhau mà trong từng nhóm, các nhà văn cũng có nhiều điểm khác nhau. Ở từng nhà văn, tư tưởng thường cũng diễn biến theo các thời kỳ phát triển của văn học. Nhưng nhìn chung, và đối chiếu với nhiệm vụ dân tộc, dân chủ mà lịch sử đề ra một cách khách quan cho toàn bộ nền văn học của giai đoạn, thì dòng văn học lãng mạn căn bản là bạc nhược, suy đồi.

1. Cơ sở giai cấp tiền tư sản có khuynh hướng tư tưởng tư sản

Văn học lãng mạn Việt Nam là tiếng nói của người tiểu tư sản theo ý thức của giai cấp tư sản Việt Nam. Giai cấp này đã ốm yếu lại bị đế quốc chèn ép. Nó không có sinh khí, không có tiền đồ. Giai cấp tư sản đã không dám trực diện đấu tranh cách mạng với đế quốc thì tất cả những hình thức phản kháng của nhà văn lãng mạn chỉ còn là chống lại một số lễ nghi, tập tục phong kiến cản trở họ và cản trở những thanh niên tư sản, tiểu tư sản hưởng thụ theo hướng cá nhân chủ nghĩa tư sản.

Vốn là những nhà văn đại diện cho một giai cấp thất bại, họ dễ dàng hấp thụ cái không khí bi thương tào náo nên do sự khủng hoảng của đế quốc kéo dài suốt giai đoạn, dễ dàng tiếp tục cái phần bi thảm của văn chương quá khứ cũng như cái phần đồi bại của văn chương nước ngoài.

2. Nội dung bạc nhược, suy đồi và có tính chất phản động

Nhà văn lãng mạn không biết nhìn hoặc không dám nhìn vào vấn đề trung tâm của thời đại: vấn đề chống đế quốc. Họ không nghe thấy tiếng nói đau xót và căm hờn của quần chúng nhân dân. Chỉ ở thời kỳ Mặt trận dân chủ, trong phong trào

đấu tranh rộng rãi của các tầng lớp nhân dân, một số nhà văn lãng mạn mới đề cập đến công nhân, nông dân và dân nghèo, nhưng lại xuyên tạc người nông dân, miêu tả họ như những kẻ ngây ngô, dần dộn. Nhà văn làm ra vẻ muốn cứu vớt họ ra khỏi cảnh lầm than, nhưng là để tuyên truyền cho một thứ chủ nghĩa cải lương phản động, đề cao lòng từ thiện của bọn « địa chủ văn minh » xoa dịu cuộc đấu tranh đang sôi nổi khắp nơi.

Chủ đề phổ biến trong những tác phẩm lãng mạn là tình yêu lứa đôi. Nhà thơ, nhà văn lấy ái tình làm lẽ sống cho mình và cho thanh niên, bạn đọc của họ.

Có nhà văn lấy việc đi tìm cảm giác làm mục đích cuộc đời. Họ sống không chút trách nhiệm, cả với những người thân yêu nhất trong gia đình, đem quãng đời thanh xuân phục vụ cho chủ nghĩa giang hồ xê dịch.

Họ trốn tránh cuộc sống bằng mọi hình thức thoát li: vào dĩ vãng, lên tiên giới, vào nghệ thuật, vào tôn giáo... Nhưng thoát đi đâu rồi cũng phải trở về cuộc đời thực. Cuộc đời cơ cực tủi nhục mà họ không có can đảm đấu tranh để xóa bỏ. Tuyệt vọng, cô đơn, họ dùng văn thơ để khóc lóc, rên rỉ. Tác phẩm của họ (nhất là thơ) có cái thê lương, ảm đạm của một « cô hồn vạn thuở buồn đơn chiếc ».

Không biết đi vào đời sống lao động đấu tranh của quần chúng để tìm nguồn cảm hứng, khai thác mãi đề tài trong tình yêu nhỏ bé hoặc ở cái « tôi » cô đơn, văn chương lãng mạn chóng đi tới chỗ bế tắc. Đến cuối giai đoạn, xuất hiện những khuynh hướng suy đồi, điên loạn.

3. Ảnh hưởng và tác hại

Với nội dung có nhiều chất độc như trên (chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa thất bại, chủ nghĩa hưởng lạc...), văn học lãng mạn đã có nhiều tác hại. Nó làm suy nhược chí khí kiên cường của tuổi trẻ. Nó đã bị đế quốc lợi dụng vì đã vô tình phụ họa những chủ trương nguy hiểm của chúng. Văn học lãng mạn không chiếm được cảm tình của quần chúng tiến

bộ. Nó đã bị dư luận lên án nhiều. Ngày nay, học sinh, thanh niên ta cũng cần phải có ý thức cảnh giác đối với loại sách có nhiều nọc độc đó.

III — ÍT NHIỀU YẾU TỐ TÍCH CỰC

Tuy nhiên, do tính chất chống đối lễ giáo phong kiến, do hoàn cảnh tủi nhục của nhà văn một nước thuộc địa, do ảnh hưởng một thời của phong trào quần chúng, văn học lãng mạn có ít nhiều yếu tố gọi được sự thông cảm của người đọc.

Văn học lãng mạn đã đi sâu vào thế giới nội tâm của một lớp thanh niên để miêu tả tỉ mỉ, say sưa những rung cảm của tâm hồn. Nhà văn biết lấy cảnh ngụ tình nên đã đưa vào tác phẩm những trang có giá trị miêu tả cảnh thiên nhiên. Họ cũng có những trang hiện thực về cuộc sống nhỏ nhen ở những gia đình phong kiến, tư sản, tiểu tư sản. Trong số những nhà văn lãng mạn lại có người đã tham gia phong trào yêu nước trong giai đoạn trước. Như văn văn nhớ tiếc cái không khí hoạt động thời xưa, chán ghét cuộc sống tầm thường hiện tại (1). Nhiều nhà thơ, nhà văn khác cũng đều cảm thấy cái nhục nhã, đau xót của người dân mất nước. Có nhà thơ mượn tên họ của người Hời để khóc nước Chiêm Thành đã bị tiêu diệt (2): Nói chung dưới hình thức này hay hình thức khác, họ không muốn thừa nhận trật tự xã hội lúc bấy giờ:

Vội tôi tắt cả như vô nghĩa

Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau (3).

Đối với sự phát triển của toàn bộ nền văn học, dòng lãng mạn cũng góp phần đóng góp nhỏ thúc đẩy cho văn học tiến lên. Nhà văn đã có những tìm tòi giúp vào sự phát triển của ngôn ngữ và của các thể loại, nhất là tiểu thuyết. Trong phạm

vi thơ ca, phong trào thơ mới đã kết hợp truyền thống thơ ca dân tộc với những kĩ thuật mới của nền thơ ca châu Âu, đưa thơ ca dân tộc tiến lên một bước mới.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Anh (chị) hiểu như thế nào về khái niệm văn học lãng mạn?
2. Nêu những biểu hiện tiêu cực của văn học lãng mạn giai đoạn 1930 — 1945, nguyên nhân xã hội và tác hại của nó đối với thanh niên và cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta hồi bấy giờ.
3. Văn học lãng mạn có những đóng góp gì cho sự phát triển văn học? Chúng ta cần có ý thức cảnh giác đối với sách báo lãng mạn, vì sao?

BÀI ĐỌC THÊM

CÂY ĐÀN MUÔN ĐIỀU

Tôi là người bộ hành phiêu lãng
Đường trần gian xuôi ngược dễ vui chơi:
Tìm cảm giác hay trong tiếng khóc cười,
Trong lúc gian lao, trong giờ sung sướng,
Khi phấn đấu cũng như hồi mơ tưởng.
Tôi yêu đời với cảnh làm than,
Cảnh thương tâm, ghê gớm hay địn dằng,
Cảnh rực rỡ, ái ân hay dữ dội,
Anh dù bảo: tình tình tôi hay đời
Không chuyên tâm, không chủ nghĩa: nhưng cần chi?
Tôi chỉ là một khách tình si
Ham vẻ Đẹp có muôn hình, muôn thể,
Mượn lấy bút nàng Li tao (), tôi vẽ,

(1) Nàng Li tao: Li tao là tên bài thơ trữ tình dài 373 câu của nhà thơ cổ điển Trung Quốc: Khuất Nguyên. Sau người ta dùng danh từ Nàng Li tao để chỉ nguồn cảm hứng khi làm thơ, vì thơ phần lớn đều có tính chất trữ tình.

(1) Như Thế Lữ trong bài Nhớ rừng.

(2) Trường hợp Chế Lan Viên qua tập Diên tàn.

(3) Thơ của Chế Lan Viên trích ở tập Diên tàn.

Và mượn cây đàn ngàn phím, tôi ca
 Vẻ Đẹp u trầm, đắm đuối, hay ngày thơ
 Cũng như vẻ Đẹp cao siêu, hùng tráng
 Của non nước, của thi văn, tư tưởng.
 Dáng yêu kiều tha thướt khách giai nhân,
 Ánh tung bừng linh hoạt nắng trời xuân,
 Vẻ sâu muợn âm thầm ngày mưa gió.
 Cảnh vĩ đại, sóng nghiêng trời, thác ngàn đò,
 Nét mong manh, thấp thoáng cánh hoa bay,
 Cảnh cơ hàn nơi nước đọng bùn lầy,
 Thú xán lạn mơ hồ trong ảo mộng,
 Chí hăng hái đua ganh đời náo động:
 Tôi đều yêu, đều kiếm, đều say mê.
 Tôi sẵn lòng đau vì tiếng ai bị,
 Và cảm khái bởi những lời hăng hái,
 Tôi ngợi ca với tiếng lòng phấn khởi,
 Tôi thở than cùng thiếu nữ băng khuâng,
 Tôi vèo vọt theo tiếng sáo lưng chừng,
 Tôi yên ả với tiếng chuông huyền diệu,
 Với Nàng Thơ, tôi có dân muôn điệu,
 Với Nàng Thơ, tôi có bút muôn màu;
 Tôi muốn làm nhà nghệ sĩ nhiệm màu;
 Lấy Thanh Sắc trần gian làm tài liệu.

THẾ LỮ
 1934

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Thế Lữ tên là Nguyễn Thứ Lễ, sinh năm 1907, quê ở ấp Thái Hà (khu Đống Đa, Hà Nội) là nhà thơ đầu tiên tiêu biểu cho phong trào thơ mới. Cuốn *Mấy vần thơ* của ông xuất bản lần đầu năm 1935 được nhiều người thời bấy giờ rất chú ý. Thế Lữ còn là tác giả những cuốn tiểu thuyết trình thám, những cuốn tiểu thuyết lãng mạn li kì, lẫn lộn thực và mộng. Từ kháng chiến chống Pháp trở đi, ông chuyên hẳn về kịch và chèo, tự mình diễn xuất và đạo diễn, cũng có khi dịch kịch bản nước ngoài để dàn dựng kịch.

Tác phẩm: *Vàng và máu* (1934), *Mấy vần thơ* (1935), *Bên đường thiên lôi* (truyện ngắn—1936), *Mai Hương và Lê Phong* (1937), *Lê Phong phóng viên* (1937), *Gót thuốc lá* (1940), *Gió trắng ngàn* (1941), *Trại Bò-tàng-Linh* (1941).

2. Bài thơ này có thể xem là một bài thơ tuyên ngôn của thơ Thơ Mới nói riêng và thơ lãng mạn nói chung. Quan điểm đó như thế nào? (Những câu nào chứng tỏ tác giả chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật? Phê phán).

3. Căn cứ vào bài thơ này, hãy tìm hiểu xem thơ mới khác thơ cũ như thế nào về nguồn thi cảm? — Tìm hiểu âm điệu thơ hòa hợp với ý thơ như thế nào? Thi dụ:

*Cảnh vĩ đại, sóng nghiêng trời, thác ngàn đò
 Nét mong manh thấp thoáng cánh hoa bay.*

(Chú ý: cách ngắt câu, cách dùng các phụ âm, nguyên âm ở trong hai câu thơ đó khác nhau như thế nào và có tác dụng gì) — Người ta nói: thơ mới có nhiều điểm giống văn xuôi. Chứng minh điều đó qua bài này (Chú ý: số câu, số tiếng trong câu, âm thanh, tiết tấu, vần điệu...)

CHƯƠNG III VĂN HỌC HIỆN THỰC PHÊ PHÁN 1930 — 1945 (1)

KHÁI QUÁT

I — HOÀN CẢNH RA ĐỜI

Văn học hiện thực phê phán đã có mầm mống từ trước nhưng đến giai đoạn 1930 — 1945 mới phát triển thành một.

(1) Văn học hiện thực phê phán: chủ nghĩa hiện thực phê phán là một xu hướng, một trào lưu văn học xuất hiện ở Pháp, ở châu Âu và ở Nga vào thế kỉ XIX lúc chế độ tư bản và giai cấp tư sản đã bộc lộ hết mọi thói nát, quần chúng cũng khổ cảm phần và đấu tranh. Một số nhà văn biểu hiện trong tác phẩm lòng phẫn nộ và sự phê phán đối với xã hội đó. Họ tố cáo giai cấp tư sản và chế độ tư bản, đối lập bản chất ích kỉ, chạy theo đồng tiền của bọn tư sản với phẩm chất tốt đẹp của người lao động và phản ánh tình thần đấu tranh của quần chúng, nhưng chưa vạch được hướng đi cho xã hội.

trào lưu. Hoàn cảnh xã hội ta lúc đó có những yếu tố mới thúc đẩy sự phát triển của dòng văn học này.

1. Về kinh tế

Những mâu thuẫn trong xã hội thực dân nửa phong kiến ở nước ta đã trở nên gay gắt. Bọn thực dân Pháp sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 — 1933 càng bóc lột, áp bức nhân dân dã man hơn trước. Nhân dân ta, không những công nông, mà cả trí thức tiểu tư sản, đều sống rất khổ cực.

2. Về chính trị

Phong trào đấu tranh của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng với việc chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ trương, chính sách của Đảng được phổ biến rộng rãi hơn trước đã làm cho một số nhà văn tiểu tư sản thấy rõ thực tế hơn cuộc sống tối tăm của dân mình, bỏ mặt bĩ ối của bọn thống trị v.v., và đã giúp cho họ đủ can đảm nói lên sự thực, phê phán những hiện tượng bất công.

3. Về văn hóa, tư tưởng

Sách báo tiến bộ, sách báo của Đảng lưu hành công khai — nhất là trong thời kì Mặt trận dân chủ — đã ảnh hưởng nhiều đến các nhà văn. Cuộc đấu tranh chống quan điểm duy tâm, quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật, chống lại nọc độc của văn học nô dịch và văn học lãng mạn tiêu cực, cùng với thái độ khuyến khích nâng đỡ của Đảng đối với các nhà văn có khuynh hướng tiến bộ đã giúp cho họ thấy rõ trách nhiệm của người cầm bút và phương hướng sáng tác.

Trên đây là những nhân tố chính có tác dụng quyết định sự ra đời và diễn biến của trào lưu văn học hiện thực phê phán.

II — QUÁ TRÌNH DIỄN BIẾN

1. Thời kì 1930 — 1935

Đây là thời kì hình thành của trào lưu văn học hiện thực phê phán. Số nhà văn còn ít. Đề tài chủ yếu là đề tài thành thị:

những hiện tượng ở mặt trái của xã hội, cuộc sống của bọn lưu manh, gái điếm, bọn cờ gian bạc bịp và một phần nào cuộc sống của những người nghèo khổ. Đề tài nông thôn chưa được đề cập đến. Phong sự là thể văn thịnh hành nhất.

2. Thời kì 1935 — 1939

Đây là thời kì phát triển mạnh mẽ nhất của văn học hiện thực phê phán. Thời kì này, phong trào đấu tranh của quần chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát triển mạnh mẽ. Hàng ngũ nhà văn hiện thực thêm một số cây bút như Ngô Tất Tố, Nguyễn Hồng... Tác phẩm có giá trị lần lượt ra đời⁽¹⁾. Phạm vi khái quát rộng hơn, nội dung sâu sắc hơn thời kì trước. Những vấn đề lớn trong xã hội như nỗi khổ của người lao động, quan hệ giữa nông dân với địa chủ, cường hào, quan lại, mâu thuẫn giữa cá nhân và xã hội... đã được đề cập đến. Nghệ thuật viết cũng già dặn hơn. Bên cạnh phóng sự, nhiều truyện dài xuất hiện với những hình tượng nhân vật có tính chất điển hình.

3. Thời kì 1939 — 1945

Thời kì này đế quốc khủng bố ác liệt, kiểm duyệt gắt gao; do xa rời phong trào đấu tranh cách mạng sục sôi của quần chúng, nên văn học hiện thực không thể phát triển như trước nữa. Tuy vậy, trong thời kì này, vẫn xuất hiện thêm một số nhà văn hiện thực mới: Nam Cao, Tô Hoài... Tác phẩm hiện thực lúc này miêu tả người nông dân cùng quần, người dân nghèo ở ngoại ô, và thoát ra cái không khí ngột ngạt, mòm mõi của con người dưới chế độ thực dân nửa phong kiến.

III — GIÁ TRỊ CỦA VĂN HỌC HIỆN THỰC PHÊ PHÁN

Văn học hiện thực phê phán trong giai đoạn 1930 — 1945 đã phản ánh được nhiều mặt và khá trung thành xã hội thực dân nửa phong kiến và đã tố cáo, phê phán chế độ đó.

(1) *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan, *Bỉ vỏ* của Nguyễn Hồng, *Giông tố*, *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng, v.v..

a) Văn học hiện thực đã vạch trần bộ mặt tàn bạo thối nát của thực dân phong kiến. Nó đã phơi bày một xã hội lúc nhúc những nghị Quế, nghị Lại, nghị Hách, tri phủ Tư Ân, bá Kiến, lý Cường... tàn bạo và bỉ ổi. Bọn quan thầy của chúng là những tên thực dân dã man, thâm độc, ném đá giấu tay. Chúng cướp ruộng, cướp của, giết người. Chúng có hầu hết mọi thứ xấu xa trên đời này, nhưng lúc nào cũng làm ra vẻ đứng đắn, nhân đạo! Chúng là những kẻ đáng ghét, đáng khinh và cái chế độ xã hội của chúng là một chế độ thối nát, vô lương, đã sắp đến ngày sụp đổ.

b) Văn học hiện thực đã diễn tả nỗi thống khổ của các tầng lớp nhân dân lao động. Đó là những người nông dân hiền lành, cần cù làm ăn, nhưng suốt đời vẫn không trở nên giàu có được. Đời họ lắm lúc chua xót, đắng cay! Thủ đoạn cướp đoạt ruộng đất của địa chủ, sự áp bức bóc lột của cường hào, quan lại, chính sách sưu thuế nặng nề và luật pháp hà khắc của bọn cướp nước cùng với cả một hệ thống đời phong, bại tục do chúng duy trì, đã đẩy họ vào bước đường cùng. Họ muốn sống trong thiện với những mơ ước hết sức giản đơn, nhưng cũng không thể được! Xã hội đã đẩy một số không ít những người đó vào con đường tội lỗi, lưu manh.

Đó là những người công nhân suốt đời sống lầm than, bị bóc lột, hăm hiếp, đánh đập. Tính mạng của những người làm ra của cải để nuôi sống bọn chủ không hề được chú ý. Họ có thể bị sắp lò chết mà chủ không cứu, có thể bị bỏ tù một cách bất công. Đó là những người trí thức nghèo, những người lao động trí óc, mà cuộc đời cứ càng ngày càng thắt chặt vào, càng chật chội thêm, «móc lên, gỡ đi, móc ra, gỡ ra, không có lối thoát». Đó là những người dân nghèo thành thị chui rúc ở các ngoại ô.

c) Văn học hiện thực còn ghi lại ở một mức độ nhất định sự phản ứng của nhân dân ta, tinh thần đoàn kết đấu tranh của công, nông chống lại bọn thống trị bóc lột, và qua đó đã phản ánh được phần nào ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng.

d) Tác phẩm của các nhà văn hiện thực như Ngô Tất Tố, Nguyễn Hồng, Nam Cao còn toát lên một tinh thần nhân đạo đáng quý (tuy tinh thần nhân đạo ấy mang nhiều tính chất tiểu tư sản).

Về nghệ thuật, tuy văn học hiện thực phê phán còn có những biểu hiện tự nhiên chủ nghĩa⁽¹⁾ và một số thiếu sót khác, nhưng cũng có nhiều thành công. Nhà văn đã xây dựng được một số hình tượng đạt đến mức điển hình.

Văn học hiện thực có nhiều thành công, nhưng vẫn còn những hạn chế nhất định. Nó chưa đưa đến cho người đọc một nhân sinh quan đúng đắn, lạc quan, chưa vạch cho quần chúng con đường đấu tranh thoát ra khỏi những bế tắc trong xã hội đương thời.

Văn học hiện thực phê phán tuy còn những hạn chế về tư tưởng và nghệ thuật, nhưng nó vẫn có lợi cho cách mạng. Văn học hiện thực đã diễn tả khá trung thành những quan hệ thực tế trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Nó làm cho người đọc thêm căm thù bọn thực dân, phong kiến và thấy rõ trật tự mà chúng hết sức thần thánh hóa không còn cơ sở để đứng vững. Ngày nay, văn học hiện thực vẫn còn có giá trị. Nó giúp cho ta thấy rõ thêm chế độ thực dân kiểu mới phản động, nguy hiểm mà bọn Mĩ và tay sai duy trì trước đây ở miền Nam trong những vùng chúng tạm chiếm, nung nấu thêm lòng căm thù đối với bọn cướp nước và bán nước, so sánh và thấy được tinh chất ưu việt của chế độ ta: chế độ xã hội chủ nghĩa thực sự đem lại độc lập, tự do và hạnh phúc cho nhân dân.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Anh (chị) hiểu như thế nào về khái niệm văn học hiện thực phê phán?
2. Những thành công và hạn chế của văn học hiện thực phê phán Việt Nam.

(1) Mức độ nhiều ít ở từng nhà văn có khác nhau, tiêu biểu là Vũ Trọng Phụng.

3. Nêu những tác phẩm và những nhân vật điển hình của văn học hiện thực phê phán mà anh (chị) yêu thích hoặc gọi cho anh (chị) nhiều suy nghĩ.

NGÔ TẤT TỐ VÀ TÁC PHẨM “TẮT ĐÈN”

A — NGÔ TẤT TỐ (1894 — 1954)

Sơ lược tiểu sử

Ngô Tất Tố sinh năm 1894, quê ở làng Lộc Hà (1), phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; con một nhà nho nghèo.

Ngô Tất Tố là một nhà nho rất chịu khó học tập. Ông đã tìm đọc tác phẩm của Goóc-ki qua những bản dịch của Trung Quốc. Tuy là một nhà nho, ông vẫn thành công khi viết văn theo lối mới. Nhưng điều đáng chú ý nhất là sự tiến bộ về tư tưởng. Từ hồi Mặt trận dân chủ, ông đã đứng về phía các nhà văn tiến bộ, tố cáo những bất công trong xã hội. Năm 1945, ông tham gia Ủy ban giải phóng xã và sau đó tham gia Hội văn hóa cứu quốc. Trong kháng chiến, ông vẫn tiếp tục làm công tác văn nghệ, báo chí. Ngày 1-5-1948, Ngô Tất Tố được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương.

Năm 1954, Ngô Tất Tố mất tại Việt Bắc.

Tác phẩm chính của ông từ 1945 trở về trước (2) có: *Tắt đèn* (1939), *Việc làng* (1940), *Lều chõng* (1941), *Hoàng Lê nhất thống chí* (dịch của Ngô gia văn phái — 1942).

Ngô Tất Tố, nhà văn hiện thực xuất sắc có nhiều thành tựu

1. Ngô Tất Tố đã mạnh dạn dùng ngòi bút của mình tố cáo bọn thực dân phong kiến

(1) Lộc Hà nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

(2) Sau Cách mạng tháng Tám ông đã dịch *Suối Thép* của Xê-ra-phi-mô-vich, sáng tác vở chèo *Bà Thị Phúc* (được giải thưởng của Hội văn nghệ Việt Nam năm 1952).

Ngô Tất Tố là nhà văn yêu nước. Tình cảm đó không những thể hiện gián tiếp ở trong *Tắt đèn*, mà còn thể hiện ở những bài báo đả kích đích danh những tên thực dân như Pa-giét, Tô-lăng-xơ (Pagès, Tholance), đả kích những phong trào do thực dân Pháp chủ trương, hoặc khuyến khích như phong trào «vui vẻ trẻ trung», chấn hưng Phật giáo, thể thao hình thức chủ nghĩa..., những tổ chức do thực dân Pháp nặn ra như hội Khai trí tiến đức, Viện dân biểu, tổ cáo quan lại, cường hào địa chủ, cả một hệ thống phong kiến câu kết với thực dân duy trì đời phong; bại tục, đè đầu, đè cổ hút máu dân quê (*Việc làng*, *Tắt đèn*).

2. Ngô Tất Tố là nhà văn hiện thực đã phản ánh thành công nông thôn trước cách mạng

Nông thôn dưới ngòi bút của Ngô Tất Tố không bị thi vị hóa như dưới ngòi bút của các nhà văn lãng mạn. Nông thôn được miêu tả ở đây là những khung cảnh thực, những tương quan xã hội thực, những địa chủ, cường hào gian ác, tàn nhẫn và độc ác, với những hủ tục nặng nề mà chúng cố duy trì, những người nông dân hiền lành, cần cù và cùng khổ, cũng cố lúc vùng lên đấu tranh, nhưng chưa thành công (*Việc làng*, *Tắt đèn*).

Tác giả *Việc làng* đã cho chúng ta thấy bao hủ tục tẻ hại ở nông thôn xoay quanh vấn đề xôi thịt, ngôi thứ. Bao người phải sạt nghiệp, phải dỡ nhà làm củ bán, phải bỏ làng, thậm chí giết nhau hoặc tự tử vì «một góc chiếu giữa đình» vì «cổ oản tuần sóc», vì «một tiệc ăn vạ»!

Nhưng hiện thực nông thôn dưới ngòi bút của Ngô Tất Tố được biểu hiện sâu sắc, lập trung hơn hết là ở trong *Tắt đèn*, một tác phẩm vào loại có giá trị nhất trong văn học hiện thực nước ta giai đoạn 1930 — 1945 (3).

Ngô Tất Tố rất thuộc nông thôn, rất hiểu con người ở nông thôn.

(3) Sẽ nói kỹ hơn ở phần phân tích tác phẩm *Tắt đèn*.

3. Một vài hạn chế của Ngô Tất Tố

Tuy vậy ông vẫn còn một số nhược điểm. Ông chưa thấy hết được lực lượng của nông dân, chưa thấy được phong trào đấu tranh của nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, do đó thường kết thúc tác phẩm một cách bi quan (*Tắt đèn*) và nảy ra xu hướng cải lương: «*Hủ tục không phải là một thứ thiên kinh địa nghĩa, nó có thể thay đổi nếu phái trí thức đề ý đến sự khai hóa cho dân quê*» (*Việc làng*). Những nhược điểm đó đã hạn chế một phần giá trị tác phẩm của ông.

B — TÁC PHẨM «TẮT ĐÈN»

Tác phẩm *Tắt đèn* đề cập một vấn đề lớn: nỗi khổ của người nông dân, cụ thể là của người cô nông dưới chế độ sưu thuế nặng nề, vô nhân đạo của thực dân Pháp và dưới sự hà hiếp, bóc lột tàn nhẫn của bọn cường hào, địa chủ, quan lại.

1. *Tắt đèn* đã gián tiếp tố cáo tội ác của thực dân

Trong *Tắt đèn*, chúng ta không thấy có nhân vật nào là một tên thực dân, nhưng tác phẩm vẫn có giá trị tố cáo tội ác của thực dân, tố cáo chính sách thuế khóa nặng nề, vô nhân đạo của chúng. Tác phẩm đã cho chúng ta và những thế hệ sau này biết, trong thời thuộc Pháp, nhân dân ta đã chịu một thứ thuế rất dã man là *thuế thân*, thuế đánh vào đầu người. Những ngày bọn tay sai của thực dân thu thuế là những ngày nông thôn nào động, sống trong không khí khủng bố, căng thẳng: tiếng trống, mõ, tù và, tiếng ọc thúc thuế, tiếng chửi bới của bọn cường hào và tay sai, xen với tiếng thở dài lo lắng của người thiều thuế, tiếng kêu khóc của những người bị đánh đập, cùm kẹp và thân nhân của họ. Những ngày thu thuế của thực dân cũng là những ngày ở nông thôn sản xuất bị đình trệ, giá cả thị trường thay đổi, bọn địa chủ, bọn cho vay lợi dụng cơ hội «*bóp hâu, bóp cổ*», bỏ ra «*đồng bạc lãi ngày năm xu*»⁽¹⁾.

(1) Nghĩa là chỉ trong 20 ngày, bọn chủ nợ lãi 100%, lãi và vốn bằng nhau.

Và cuối cùng, khi thực dân thu thuế đầy túi, bọn quan lại, cường hào mỗi tên «*kiếm chác*» được một tí, bọn địa chủ thêm được ít ruộng hoặc «*nô lệ*», thì một thảm cảnh phổ biến xảy ra trong gia đình nông dân là mẹ con, vợ chồng, chị em phải xa nhau và suýt nữa có người tính mạng chẳng còn vì «*món nợ nhà nực*». Bao nhiêu nỗi bất công, bao nhiêu thảm cảnh ấy chủ yếu đều do bọn thực dân gây ra. Chúng là thủ phạm chính. Sự thực đó toát ra từ toàn bộ tác phẩm, và có một lần tác giả đã khéo léo để cho tên lí trưởng nói lộ ra, khi tên này trả lời chị Dậu: «*Mày đi mà hỏi ông Tây, tao không biết*».

2. *Tắt đèn* đã tố cáo tội ác và vạch trần thực chất thối nát của bọn cường hào, địa chủ, quan lại

a) *Tố cáo bọn cường hào*

Bọn cường hào bóc lột nhân dân, lại còn đánh đập nhân dân một cách tàn nhẫn. Chúng vu oan cho người không chịu nhượng mồm; chúng hạch sách, ăn uống phè phỡn trong lúc những người dân lành quanh chúng đang đau khổ, rên rỉ; chúng nhìn trên nạt dưới một cách bỉ ổi. *Tắt đèn*, đã làm cho chúng ta oán ghét, khinh bỉ chúng. Đó là một thành công của Ngô Tất Tố.

b) *Tố cáo bọn địa chủ*

Ngô Tất Tố đã từng tố cáo bọn «*đầu trâu mặt ngựa ăn thịt người không biết tanh*» ở một số bài báo, truyện ngắn. Trong *Tắt đèn*, tác giả còn cho chúng ta thấy một cách cụ thể hơn, sinh động hơn quá trình và thủ đoạn làm giàu của bọn địa chủ dốt nát, gian ác, ti tiện, keo kiệt ở nông thôn. Nghị Quế đã làm giàu bằng cách chiếm đoạt ruộng đất của nông dân và cho vay nặng lãi. Một đặc điểm nữa của hắn là có cái «*đức*» «*không thêm biết chữ*» nhưng lại muốn tỏ ra ta đây «*am hiểu thời thế*», «*cái gì cũng nhắc đến Tây*»! Trọc phú muốn học làm sang, hắn bảo vợ phải gọi con gái bằng «*mợ*»! Hắn rất keo kiệt, «*suốt năm chỉ tối, không phải thết một ông khách nào trừ ra hai ngày giỗ cha và giỗ mẹ*». Hắn có con vợ cũng không kém phần keo kiệt: «*Bà đã đem kĩ từng miếng*

rồi đây. Còn mười bốn miếng tất cả. Hễ mất miếng nào thì chết với bà!» Hân cùng vợ hân đã nhân lúc chị Dậu thiếu tiền nộp thuế cứu chồng, dùng thủ đoạn «đưa đập đưa xoa» để mua của chị một đứa con, một ổ chó với giá hai đồng hai bạc (lại còn trừ hai hào tiền văn tự và trả tiền thiếu). Hân và vợ hân đều đã man ở chỗ coi người không bằng chó!

c) Tổ cáo bọn quan lại

Ngô Tất Tố là người rất ghét quan lại. Ông đã từng đả kích những tên quan lại tay sai của Pháp như Phạm Quỳnh, Hoàng Trọng Phu, chủ rủa bọn bán nước là «mẹ chúng nó ăn rở bộ hung nên mới đẻ ra quân ấy được». Ông vạch rõ thủ đoạn của bọn quan lại: «Thủ đoạn của họ cực kỳ mầu nhiệm, họ đã bóp cổ người nào, người ấy không thể không lê lười ra, lê lười cho đến khi có đồ cúng lại họ...» (báo *Tương lai* — 1937). Trong *Tất đên*, tác giả nói được cụ thể hơn và nhiều khía cạnh hơn. Quan «phụ mẫu» có «cái mặt phèn phẹt». Trong buồng giấy của hân luôn luôn đưa ra những tiếng «bầm tình», «cách cổ», «bổ tử» và những người đến đó ai cũng vào với một cái đĩa không, rồi lại ra với một cái đĩa không. Hân vừa đập tay xuống bàn nạt tên lí trưởng, nhưng khi nghe tên này nói nhỏ «Xin ông lớn thương» là hân biết ý chuyển sang đôi giọng ngọt ngào: «Mai lên phủ hầu». Bĩ ối, đề tiện hơn nữa là hân đã đem vợ hiền cho bọn quan trên của hân để được thăng quan tiến chức và tưởng lắm chị Dậu, người phụ nữ nông dân, tư cách giống như vợ hân, nên đã định giở trò hăm hiếp.

Hiền vợ mình và hiếp vợ người là một hành động phổ biến của quan lại thời thuộc Pháp, từ quan bé đến quan lớn.

3. Tất đên của Ngô Tất Tố đã xây dựng được một hình tượng nông dân điển hình (chị Dậu) với tất cả nỗi khổ sở, đau xót, và những đức tính, phẩm cách trong sạch.

Trong *Tất đên*, tác giả đã dựng lên một hình tượng nông dân thật là điển hình: chị Dậu. Đó là một cố nông ngay thẳng, thật thà, cần cù làm ăn «hết năm này sang năm khác», cùng

chồng «đầu tắt mặt tối, không dám chơi không ngày nào», «mà vẫn cứ cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc». Tuy vậy, con người ấy lúc nào cũng tỏ ra thấm thiết với chồng con. Hoàn cảnh gieo neo không làm cho tình cảm của chị đối với chồng phai mờ đi (như bọn tư sản lật lọng) mà ngược lại càng thêm đậm đà. Yêu chồng, chị đã đảm đang tháo vát, cố tìm cách cứu chồng ra khỏi sợi thừng, ngọn roi, cái cùm, quả đấm của bọn cường hào. Yêu chồng lúc nào chị cũng nhớ mình là «gái có chồng» và đã «đầy tên tri phủ ngã quỵ xuống, giằng nắm giấy bạc vứt tọt xuống đất» làm cho con quý dâm dục ngạc nhiên «giương tròn hai mắt...». Hình ảnh ấy đã nói lên rất rõ nhân cách trong sạch của người dân lao động, của nông dân. Yêu chồng, chị đã nhẫn nhục trước bọn địa chủ, cường hào, cai lệ, nhưng những lúc cần quyết liệt để bảo vệ chồng thì cũng tỏ ra quyết liệt:

— «Mày trời ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!»

Nổi bật mình chị đánh ngã cả tên cai lệ và người nhà lí trưởng. Chị Dậu cũng là người phụ nữ yêu con rất mực. Bị đẩy vào cái thế bị phải bán con lấy tiền nộp thuế cứu chồng, chị đã dứt từng khúc ruột, lúc nào cũng nghĩ «còn có ngày nào đem được nó về nhà nữa không» và yêu con, chiều con chị đã «lẻo đẻo đi hết ngõ này sang ngõ khác», «cái Tiu ở sườn này, thằng Dần ở sườn kia» giữa cảnh trời khuya canh vắng, giữa tiếng chó sủa, hiệu rúc. Và hình ảnh người mẹ thương con ấy để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc về nỗi khổ của nông dân dưới thời thuộc Pháp.

Nhân vật điển hình ấy được xây dựng trong một hoàn cảnh điển hình: nông thôn trong những ngày sưu thuế, những ngày nào động căng thẳng nhất, nông dân lo sợ, đau xót; bọn cường hào, địa chủ cú vọ lợi dụng cơ hội để hành hạ, bóc lột, cướp của, cướp người.

Xung quanh chị Dậu, hình tượng những nhân vật nông dân khác, cũng đã phản ánh được tình thương yêu cao quý, vô tư giữa những người lao động nghèo khổ.

4. Tắt đèn chứng tỏ nhà văn Ngô Tất Tố có một nghệ thuật viết tiểu thuyết già dặn

Kết cấu của tác phẩm *Tắt đèn* rõ ràng, rành mạch, hợp lí: Có nhiều đoạn, tác giả đã khéo bố trí đưa đến cho người đọc những cảm xúc đột ngột, phấn khởi: đoạn anh Dậu được sống lại, đoạn chị Dậu được thoát khỏi nhà «lão phủ Tư Ân»...

Cảnh trong *Tắt đèn*, rất sinh động, phản ánh trung thành thực tế nông thôn: cảnh trâu bò bị giữ, không được ra đồng vì còn có người thiếu thuế, cảnh chánh tổng, hương lí ở giữa đình, cảnh bán con ở nhà nghị Quế, cảnh chia lí ở nhà chị Dậu, v.v.. Cảnh miêu tả ở đây bám sát xung quanh chủ đề, phục vụ đắc lực cho chủ đề. Cảnh đã là cái khung cần thiết để làm nổi bật tính cách của những nhân vật mà tác giả miêu tả, làm cho hai loại nhân vật chính diện và phản diện càng về cuối càng rõ nét.

Nhân vật trong *Tắt đèn* có ngôn ngữ, hành động mang đúng tính chất của loài người mà nó đại diện: nghị Quế, tri phủ Tư Ân, lí trưởng Đông Xá; và mỗi nhân vật có một lời nói riêng của nó (lời nói của tên nghị Quế thì thô bạo, hách dịch, của vợ hân thì danh giá, diết dõng, ranh mãnh, v.v...).

Văn của Ngô Tất Tố thỉnh thoảng cũng chịu ảnh hưởng lối đặt câu của tiếng Pháp («Nó là nếp nhà hai tầng muốn phần đôi kĩ thuật bằng những khung cửa ngang phè...»), nhưng nói chung, ông là nhà văn đã vận dụng ngôn ngữ đại chúng khá thành thạo.

Ngoài ra trong *Tắt đèn* (cũng như trong *Lều chõng*, *Việc làng*) ông không bị rơi vào chủ nghĩa tự nhiên nặng nề như một số nhà văn hiện thực đương thời. Điều đó càng chứng tỏ thêm Ngô Tất Tố có một nghệ thuật viết già dặn.

5. Hạn chế căn bản trong tác phẩm *Tắt đèn*

Từ năm 1930, nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng đã từng vùng lên đấu tranh một cách có ý thức chống thực dân, phong kiến, chống chiến tranh xâm lược, chống phát xít, v.v.

Nhưng trong *Tắt đèn*, tác giả chỉ dựng lên được một hình ảnh đấu tranh tự phát và kết thúc cuốn tiểu thuyết một cách bi quan: «Trời tối như mực và như cái tiền đồ của chị». Đánh rằng trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, chúng ta không thể đòi hỏi quá nhiều ở nhà văn, nhưng hạn chế căn bản trên cũng là một điều đáng tiếc.

C — KẾT LUẬN

Ngô Tất Tố là một nhà văn có tinh thần yêu nước, cầu tiến bộ. Tác phẩm của ông có nhiều giá trị tố cáo thực dân và phong kiến.

Một đặc điểm nổi bật của Ngô Tất Tố mà các nhà văn hiện thực đương thời không đạt kịp là ông đã tả nông thôn, nông dân rất thành công. Đó là nhờ Ngô Tất Tố có một vốn sống phong phú về nông thôn, có ngôn ngữ gần đại chúng, có một nghệ thuật già dặn; nhưng nguyên nhân chính là tác giả có một cách nhìn rất gần gũi với nhân dân lao động nông thôn, thông cảm và đồng tình với họ trong nhiều mặt.

Tác phẩm *Tắt đèn* của ông với nội dung hiện thực phong phú được biểu hiện bằng một nghệ thuật già dặn là một trong những tác phẩm hiện thực thành công nhất. Ngày nay, đọc lại *Tắt đèn* chúng ta càng thấy rõ hơn tội ác của bọn thực dân phong kiến, càng thông cảm hơn đối với nỗi khổ của người nông dân dưới chế độ áp bức, bóc lột cũ và càng thêm yêu quý chế độ xã hội chủ nghĩa công bằng, nhân đạo của chúng ta.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Cuộc đời và sự nghiệp văn học của Ngô Tất Tố đem lại cho anh (chị) những suy nghĩ gì?
2. Ý nghĩa tố cáo thực dân, phong kiến của tác phẩm *Tắt đèn*?
3. Những thành công và hạn chế của Ngô Tất Tố trong việc xây dựng nhân vật điển hình: chị Dậu.
4. Phát biểu cảm nghĩ của anh (chị) sau khi đọc *Tắt đèn*.

CHƯƠNG IV

Con chó cái nằm ở gậm phần bỗng chốc vẫy đuôi rồi rít, tỏ ra đáng bộ vui mừng.

Anh Dậu lủ thử từ cổng tiến vào với cái vẻ mặt xanh ngắt và buồn rứt như kẻ sắp bị tù tội.

Cái Tý, thằng Dần cùng vỗ tay reo :

— A ! Thầy đã về ! A ! Thầy đã về !...

Mặc kệ chúng nó, anh chàng ốm yếu im lặng dựa gậy lên tấm phen cửa, nâng nhẹ chống tay vào gối và bước lên thềm. Rồi lảo đảo đi đến cạnh phần, anh ta lăn kềnh lên trên chiếc chiếu rách.

Ngoài đình mõ đập chan chát, trống cái đánh thùng thùng, tù và thổi như ếch kêu.

Chị Dậu ôm con vào ngồi bên phần, sờ tay vào trán chồng và sẽ sàng hỏi :

— Thế nào ? Thầy em có mệt lắm không ? Sao chậm về thế ? Trán đã nóng lên đây mà !

Anh Dậu nằm thừ không cựa, cũng không trả lời. Chị Dậu lại gặng :

— Chắc thầy em mệt lắm thì phải, từ sáng đến giờ đi những đâu ? Hỏi vay của ai ?

Vắt tay lên trán, anh Dậu thở một tiếng dài và cất cái giọng lẽ rề của người ốm :

— Tôi lên nhà lão hội ích.

— Có được đồng nào hay không ?

— Chẳng được gì cả. Tôi cũng biết cái thằng già ấy nó bần như chó, mình đã mắc nợ của nó, chẳng khi nào nó lại cho mình vay thêm. Nhưng vì bí quá nên phải nhắm mắt đi liều. Quả nhiên mới cất miệng hỏi, nó đã mắng sấm sấm soi soi.

rồi lại dọa rằng : « Ba đồng cầm đất cầm nhà vay ngày tháng giêng, lãi mười hai phân, đến tháng sáu này thì vừa hết hạn, tính thành ra năm đồng một hào sáu xu. Nếu không trả được nó sẽ cầm cả nhà đất để làm chuồng xí ».

Chị Dậu cau đôi lông mày :

— Trời đất ơi ! Cầm cả nhà đất để làm chuồng xí ! Ăn nói như thế thì còn trời đất nào nữa ?... Thế sao thầy em không đến ông cậu hỏi tạm lấy một đồng vậy ?

— Có ! Tôi có hỏi ! Nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Ông ấy nhể mãi vợ chồng sức dài, vai rộng mà có vài ba đồng bạc tiền sưu cũng không chạy nổi.

Chị Dậu giậm chân xuống đất :

— Khốn nạn ! Ấy ông cậu đấy ! Ông cậu giàu có nứt đổ đổ vách, cả đời cháu mới hỏi vay mấy đồng, còn nợ nhể móc như thế, trách chi người ngoài !... Thế bây giờ thầy em đã định vay đâu hay chưa ?

Anh Dậu nín lặng hồi một, rồi lại thở dài tiếng nữa :

— Tôi đã nói với cụ nghị Quế ở thôn Đoài... Hay là bán quách...

Đương nói dở câu, anh Dậu ngập ngừng lại thôi, như có vật gì nghẹn ở cổ họng. Chị Dậu cố gặng :

— Bán quách cái gì ? Thầy em cứ nói ở đây có ai mà sợ !

Anh Dậu rơm rớm nước mắt :

— Hay là bán quách cái Ti cho cụ ấy ?

Chị Dậu cũng nước mắt chảy qua gò má rờn rờn. Chị cứ cúi gằm mặt xuống, không biết trả lời ra sao. Cái Ti nghe thấy rụng rời củ khoai trong tay, vội vàng đứng lên năn nỉ :

— Con van thầy ! Con van u ! Thầy u để con ở nhà chơi với em con. Con van thầy ! Con van u ! Thầy u đừng đem bán con.

Thằng Dần nhả vội miếng khoai trong miệng và sụt sịt khóc :

— Em không nào ! Em không nào ! Em không cho bán chị Ti nào ! Có bán thì bán cái Tiu kia kia !

Anh Dậu cũng như chị Dậu, ai nấy sẽ sẽ gạt thăm nước mắt và cũng giả cách làm thính.

Cái Ti vẫn bai bãi như tể sao, một hai xin thầy u đừng bán nó đi, tội nghiệp cho nó.

Chừng như cảm lòng không đau với những lời ngây thơ và thê thảm của con bé ngoan ngoãn, chị Dậu xoa xuyết cái Tiu và yên ủi cái Ti :

— Không ! Thầy con nói đùa thế thôi ! Bán con thì lấy ai ẵm con bé này cho u đi làm ?

Cái Ti vui vẻ ngồi vào cạnh đồng rế khoai, nó lại hi hoáy bới bới nhặt nhặt.

Một bầu không khí tẻ ngắt bao phủ cả mấy gian nhà, người ta có thể nghe rõ tiếng đập ở hai trái tim của hai vợ chồng anh trai cùng.

Ngoài đường có tiếng chó sủa xô xát. Rồi tiếng roi quật vào vách đèn dẹt. Rồi tiếng người hỏi dứ dứ :

— Đĩ Dậu có nhà đấy không ?

Chị Dậu lật đặt bỗng con bé con ra cổng đuổi chó. Anh Dậu cũng ngồi nhồm dậy và ngó ra sân.

Người nhà lí trưởng nghênh ngang múa chiếc tay thước với sợi dây thừng, đưa ông cai lệ và cây roi song hùng dũng bước vào trong cổng. Hai người cùng ra oai rộ con chó cái và cùng nhảy lên thềm. Phủ đầu, ông cai lệ chỉ cây roi vào mặt anh Dậu và quát :

— Sưu đâu ? Sao không đem nộp ? Người ta vào hỏi, vẫn còn ngồi ỳ ra đó !

Anh Dậu lầy bầy đứng dậy. Cái mặt xanh xao khi ấy đã đổi ra sắc tái mét. Run run, anh sẽ giơ tay gãi tai :

— Thưa ông, tôi chưa có.

Ông cai lệ thị hùng bằng hai con mắt giương tròn :

— Cả năm chỉ có hai đồng bảy hào tiền sưu, bây giờ vẫn chưa có, anh định bao giờ mới có ?

Với cái dáng điệu có vẻ van lơn, anh Dậu hèn hèn thờ và đáp :

— Thưa ông, vì tôi đau yếu, nên chưa lo kịp, xin ông thư cho đến mai. Thuế còn năm bữa nữa mới phải dâng trường kia mà !

— À ! Thuế còn năm hôm nữa mới phải dâng trường cho nên anh không nộp vội, phải không ?

Hỏi vậy, nhưng ông cai lệ không để cho kẻ bị hỏi được có thời giờ phân trần. Nhanh như cắt, ông chuyển phất cây roi song sang tay trái và năm năm ngón tay phải, đưa luôn vào ngực anh Dậu một mớ quả thui. Cái thui chuyên môn của người cửa công khác hẳn thứ thui phổ thông của thường dân. Anh Dậu chỉ ức ức mấy tiếng, chứ không thể kêu lên được. Thuận tay, ông cai lệ túm lấy cổ áo anh Dậu và ngánh lại bảo ông người nhà lí trưởng :

— Thừng đâu ? Trói cổ nó lại. Có một suất sưu bây giờ chưa nộp lại còn chực giở lí sự !

Tức thì hai người xúm lại, mỗi người nắm một cánh tay anh Dậu bẻ quặt ra đằng sau lưng, rồi luồn thừng vào và riết thật chặt. Họ trói anh chàng khôn nạn giống liều như nhà quê trói chó để làm thịt vậy.

Thằng Dần òa lên khóc.

Cái Ti mếu máo nhếch nhác, chạy đến cạnh ông cai lệ, chấp tay vái lạy vái dề :

— Châu lạy hai ông ! Hai ông tha cho thầy cháu. Hai ông đừng trói thầy cháu !

Sẵn roi song trong tay, ông cai lệ quát luôn cho nó mấy cái vào đít và quát :

— Bước ngay !

Con bé đau quá. Nó lăn đành đạch xuống đất và nó giãy giụa như con gà phải nước nóng. Thằng Dần cũng khóc dữ.

Ông cai lệ đương con thịnh nộ, lại thẳng tay giơ cây roi song, toan trừng phạt nốt thằng bé này. Chị Dậu lách thếch ôm con bé con chạy vào :

— Thôi. Tôi xin ông cai! Ông tha cho cháu. Chúng nó hãy còn bé bỏng.

Lời nói thiết tha của người đàn bà có duyên vẫn có đôi chút hiệu lực. Thằng bé ngây thơ đã được ông cai ân xá.

Ngảnh lại thấy chồng bị trời chạt quá, mặt mũi nhàu như chuột kẹp, chị Dậu lại giỡn giàng kêu van ông cai:

— Nhà tôi đương ốm... Xin ông làm phúc nói rộng nút thừng ra cho!

Lần này không có kết quả, những lời năn nỉ của chị chỉ được ông cai đáp lại bằng một giọng oai nghiêm:

— Không phải nói! Trời thế cũng chưa chết nào! Mà có chết nữa, chồng chị khỏi đóng sưu.

Anh Dậu nói xen:

— Nhưng tôi đau quá... xin ông hãy nói lỏng ra cho tôi một tí. Nào tôi có chạy mất đâu!

Ông cai lẹ nổi cơn lôi đình, tặng luôn anh Dậu năm bảy cái tát vào mặt và hăm hể.

— Bướng với ông à. Mày có tội thì ông mới trói. Lại còn bướng với ông à!

Chị Dậu nhìn ông cai bằng đôi mắt đỏ ngầu:

— Thôi, tôi cũng lay ông nữa! Chẳng qua nay mai đủ thuế thì thôi, làm gì ông phải hành hạ chồng tôi quá vậy? Có đánh thì ông cứ đánh tôi này. Bao nhiêu tôi xin chịu cả. Chồng tôi đau ốm chẳng làm nên tội.

— À, mày thách ông phải không? Hừ! Thấy ông nể mặt mày càng làm già! Được! Ông thử cho mày biết tay! Nay thách! Nay thách! Nay... thách!!!

Mỗi tiếng « này thách » từ miệng ông cai đã đưa ra, chị Dậu lại được hai ba quả thụi vào ngực. Đứng không vững, chị này ngã phịch xuống đất. Cái Tiu nằm trong lòng mẹ khóc ngất khóc nghẹn. Cái Ti, thằng Dần mỗi đứa nấp một xó cội nhìn trộm bố mẹ phải đòn. Cả hai đứa cùng nức nở khóc không ra tiếng.

Người nhà ti trưởng chỉ cái tay thước vào mặt chị Dậu:

— Không thấy người nào lắm điều như chị. Nếu nhà ai cũng hương như nhà này, có lẽ thuế của nhà nước đến bỏ. Thôi! Đứng dậy mà đi chạy sưu cho chồng, đừng ngồi ăn vạ đấy nữa!

Rồi hai ông hăm hăm túm lấy đầu thừng, sên sệt điệu anh Dậu xuống thêm. Tôi công, anh chàng khốn nạn quay lại dặn vợ:

— U nó để cái Tiu ở nhà, sang ngay bên cụ nghị Quê cho tôi...

CHƯƠNG V

Một đàn chó dữ như đàn hùm ở đầu nhút tề xổ ra. Chúng nhảy chồm lên tận mặt người lạ.

Hoảng quá, chị Dậu ngồi phịch xuống gạch, vừa vung cái nón khua đuổi những con ác thú, vừa kêu:

— Anh bếp có nhà không? Làm phúc đánh chó cho tôi với!

Trong nhà có tiếng thét ra the the, nghe rõ là tiếng đàn bà:

— Làm gì mà nheo nheo thế? Nhà ai không có chó? Làm sao đi không mang gậy? Thằng bếp còn bận việc khác, nó không phải hầu chúng bay!

Rồi lại im.

Thì ra vợ chồng ông nghị đương ăn cơm ở nhà khách. Nghe tiếng chị Dậu léo xéo, bà ngồi bực mình, quát đồng vãi câu cho oai, chứ bà không thêm đứng dậy. Tinh bà xưa nay vẫn thế, chẳng khi nào lại chịu hạ mình mà đi mắng chó, đuổi chó cho kẻ vay nợ hay người làm thuê.

Đàn chó cứ vẫy kìn chung quanh chị Dậu như quân đến cù. Hình như chúng nó muốn cố làm hết phận sự với chủ: con nào con ấy nhe răng lộ lưỡi, chỉ chực vồ vào hai chân chị chàng đáng thương.

Cái nón dùng làm khi giới đã bị đàn vật cắn rách tan tành. Chị Dậu lưỡng cuống không biết làm thế nào. Bĩ quẻ, chị phải

giơ hai nắm tay đánh nhau bộ với «đội lính coi nhà» của ông nghị.

Một mụ thợ cấy ở dưới nhà bếp lật đật vác gậy chạy lên. Mụ đuổi đàn chó tán loạn mỗi con chạy đi mỗi ngã.

Chị Dậu lớp ngóp đứng dậy và đi đến trước nhà khách. Bàn tay phải bị chó cắn vào lúc nào không biết, máu tươi chảy ra đầm đìa. Ghé răng, chị xé một miếng ở đầu giải yếm, buộc chặt lấy chỗ bị thương. Rồi, rụt rè, chị lên bậc thềm:

— Thưa lạy hai cụ ạ!

Bà nghị gắt:

— Chó cắn vào tay phải không? Cho chết! Đương lúc người ta ăn uống, ai bảo cứ dân xác vào? Hỏi gì?

Ông nghị đặt bát xuống mâm, vừa nhai nhồm nhoàm vừa đón:

— Sáng nay chồng nó đã sang xin bán đứa con. Chắc nó đến để nói nốt chuyện ấy chứ gì nữa.

— Bẩm cụ phải, con sang thưa cụ về việc ấy.

Bà nghị đưa mắt ra nhìn cho ông nghị rồi bảo chị Dậu:

— Thông thả! Hãy ngồi đây! Để người ta ăn xong cái đã. Đừng quấy rầy!

Ông nghị như đã hiểu ý của vợ, cứ việc chan chan gắp gắp, không nói không rằng.

Khép nép, chị Dậu ngồi phệt xuống mặt thềm gạch.

.....

Trên bàn có tiếng leng keng.

Ông nghị đâm chéo đôi dũa qua mặt mâm, bưng bát nước canh, trộn mắt, húp một cái đánh «soạt». Rồi ông vừa nhai, vừa nuốt, vừa giục thằng nhỏ lấy tăm. Bà nghị cầm đĩa giò kho ăn dở, trút vào trống niêu, sai thằng bếp treo lên lao mán và dạn:

— Bà đã đếm kĩ từng miếng rồi đấy. Còn mười bốn miếng tất cả. Hề mất miếng nào thì chết với bà!

Thằng bếp bưng mâm cơm ra.

Thằng nhỏ để chậu nước vào.

Ông nghị, bà nghị mỗi người nhúng ba ngón tay vào chậu, vuốt qua hai mép một lượt, rồi cùng uống nước, xĩa răng. Hai pừa dĩa tờ đứng hai bên cầm quạt phẩy lại. Bà nghị mở cái trap tròn lấy trầu và cau nhai với một sợi thuốc. Ông nghị nhúc cái điều ống để trên chốc tử, giật thuốc, châm lửa, vút cái xe chực vào miệng. Bả chân chữ «ngũ» ông vênh mặt hút sòng sọc một hơi:

— Con mẹ kia! Bán con cái thế nào? Vào mà nói chuyện với bà!...

Rón rén, chị Dậu đứng nép vào cửa và ngấp ngừng:

— Thưa lạy hai cụ, nhà con túng quá, xin hai cụ cứu giúp chúng con.

Bà nghị nhả miếng bã trầu cầm tay, quai thật dài cặp môi cắn chặt:

— Chẳng cứu với vớt gì cả! Mày có bán đứa con gái tao mua!

— Xin vâng!

— Sáng ngày chồng mày nói rằng con bé ấy đã lên bảy tuổi, xin lấy ba đồng. Cụ ông tưởng nó nói thật, bằng lòng cho hai đồng. Nhưng giờ nghe nói con mày mới có sáu tuổi, thì tao chiết đi một nửa, chỉ còn một đồng thôi. Thuận bán thì về đưa nhau sang đây!

Chị Dậu ngơ ngác:

— Thưa cụ, thật quả cháu đã lên bảy, nó để tháng giêng năm Tí. Chúng con không dám nói dối cửa cụ!

— Tao không thể tin cái miệng vợ chồng nhà mày! Người ta mách tao là nó lên sáu. Chứ tao biết đâu nó để năm Tí hay để năm tị năm tí!...

Chị Dậu dờ mắt, không biết nói sao. Bà nghị tiếp:

— Vì cái Hai bên kia...

Ông nghị cau mặt, ngắt lời:

— Sao bà cứ gọi bằng lối xách mé như vậy? Tôi đã dặn bà phải gọi nó là mợ... Bây giờ ở nhà các quan, con gái đều được kêu gọi là mợ tất cả. Tôi nhem ra cũng là một ông nghị viên, có lúc ngồi với quan sứ quan thương, danh giá không kém gì một ông quan. Bà có gọi con gái bà là mợ, cũng không quá lắm kia mà!

Bà nghị cười ngặt, cười ghẹo:

— Thế thì ông cũng lắm rồi! Con dâu kia... Người ta mới gọi là mợ; con gái thì người ta đều gọi là cô. Chẳng cứ gì nhà các quan, tôi thấy những nhà ông ki, ông phán, những nhà buôn bán ở Hà Nội đều như thế cả.

— Miễn là đừng gọi chúng nó bằng cái kiểu tục tằn của những nhà bố cụ, bố đi... Mợ thì mợ, cô thì cô...

Bà nghị ra bộ đặc ý:

— Vâng thì cô!... Cô Hai bên kia hiếm hoi, mấy lần xem bói, thấy bói đều bảo cô ấy phải nuôi con nuôi thì mới đứng số. Bối thế, tao muốn mua cho cô ấy một đứa, để nó «gánh vác đồ đạc». Chứ nhà tao thiếu gì người hầu hạ? Vả lại, con bé mới lên sáu tuổi, đã làm được công trạng gì mà tao phải chuốc? Huống chi nó sang ở với cô ấy, cơm no áo lành, lại không sung sướng gấp trăm gấp nghìn ở nhà với vợ chồng mày hay sao? Đáng lẽ biếu không thì phải... Cho một đồng cũng quá lắm rồi... Không phải nài nỉ năm gì nữa!

Chị Dậu ngồi đờ như gỗ, không biết trả lời ra sao.

CHƯƠNG VI

Bà nghị chỉ tay quát thẳng nhỏ lấy nước. Bà uống một hớp, đắp giọng rồi hỏi chị Dậu:

— Thế nào, mày nghĩ tao nói có phải không?

Chị Dậu rơm rớm nước mắt:

— Vâng, thưa hai cụ, con cũng biết rằng được sang ở nương nhờ các cụ và cô Hai, thật là phúc cho nó lắm. Nhưng

vi nhà con thiếu hơn hai đồng tiền sưu, mới phải đến kêu cửa cụ. Nếu cụ chỉ cho một đồng, thì còn hơn một đồng nữa, chúng con không biết chạy vào đâu được. Vậy xin hai cụ giốn tay làm phúc.

Ông nghị quát:

— Thiếu bao nhiêu mặc kệ mày, kệ lẽ gì? Mày định bỏ vào nhà tao đấy à?

Chị Dậu thẹn lén, nâng dải yếm sẽ chùi vào mắt.

Bà nghị yên ỏi:

— Thiếu một đồng nữa, thì xem trong nhà còn cái gì đáng tiền, đem mà bán nốt đi vậy! Chứ đứa con gái sáu tuổi, bây giờ cho không cũng không đắt thay, ai động rồ mà trả mày hơn...

— Thưa lạy hai cụ, thật quả nhà con không còn cái gì đáng giá hai hào.

Bà nghị cười nhạt:

— Sao bảo nhà mày có con chó cái khôn lắm?

— À! Thưa cụ có! Nhưng nó mới đẻ, con nó hãy còn non lắm, cỡ bán không ai mua; nếu có người mua cho, chúng con đã không phải bán con cháu!

— Nó đẻ mấy con? Con nó đã mở mắt chưa?

— Bẩm, bốn con. Nó biết ăn cơm đã hai hôm nay... Hay là xin cụ đỡ con hai đồng, lời lãi thế nào con cũng xin vâng. Chỉ độ hai phiên chợ nữa, mấy con chó ấy cứng cáp, bán được, thì con lại xin nộp cụ.

Bà nghị bấu môi:

— Tiền tao có phải vô hên mà tao quẳng cho mày bây giờ? Để tao hám lãi của mày lắm đấy? Thôi, thế này: cho con tao cũng mua vậy. Bắt cả con chó cái và đàn chó con sang đây, tao trả cho một đồng nữa. Với con bé kia một đồng là hai... Thế là nhà mày đủ tiền nộp sưu, lại khỏi nuôi chó, khỏi nuôi con. Sướng nhé!

Rồi bà nghị vui vẻ nhìn mặt ông nghị:

— Ấy tôi cứ hay thương người thế đấy!... Người khác thì họ mặc kệ, ai hơi đâu? Kêu lắm chỉ bã bọt mép.

Chị Dậu lại chứa chan nước mắt. Buồn rầu, chị sẽ ngồi xuống bậc cửa và nói chầu lên:

— Vâng! Con cũng biết cụ có lòng thương nhà con mới thế, chứ đàn chó vừa mới mở mắt, ai mua làm gì?... Nhưng, thưa cụ, giá chó bây giờ cũng không rẻ lắm, một con chó cái, con đem ra bán ít nhất cũng được đồng rưỡi. Còn bốn con chó con, nếu nuôi thêm vài phiên chợ nữa, thế nào cũng được năm hào một con. Vậy là tất cả đến ba đồng rưỡi, cụ cho một đồng thì thiệt con quá. Xin cụ trông lại!

Ông nghị đập tay xuống sập:

— Đem ngay đi chợ mà bán! Không nói lời thôi! Mất thì giờ! Thôi Tây bây giờ, thì giờ là vàng bạc, không ai công đâu mặc cả với mày... Hừ! Vừa mới ngoen ngoèn nói rằng «bán không ai mua», người ta làm phúc mua cho, lại còn những kẻ kêu rết. Rê thì đem ngay ra chợ mà bán. Ra ngay!

Chị Dậu nhồm đít toan đứng dậy. Bà nghị thề thốt:

— Chúng bay cứ cái thói ấy, không trách chẳng ai buồn thương, khờ là đáng kiếp. Trong lúc thuế má ngật ngời, đồng bạc cho vay, lãi ngày năm xu, người ta đã phải bỏ ra mà mua đàn chó mới mở mắt, thế là người ta làm ơn cho mày. Mày tưởng người ta không thể mua được chó đấy chắc? Hay là chó của mày bằng vàng? Thôi cho thêm hào nữa, thế là vừa con, vừa chó cả thầy được hai đồng một. Bằng lòng không?

Chị Dậu lại tần ngần ngồi xuống:

— Bầm cụ, một vài hào ở cụ chẳng thấm vào đâu, nhưng, ở con thì nó lớn lắm. Xin cụ cho con lấy năm hào nữa vậy.

Bà nghị ra bộ dễ dãi:

— Con mẹ này cũng ghê gớm lắm! Thấy bỏ thì đào mãi! Ừ, thì tao cũng trả thêm cho một hào. Là hai đồng hai. Bằng lòng thì lên nói với ông giáo làm văn tự cho. Và phải trả ông ấy hai hào giấy mực. Nghe không!

Chị Dậu thất vọng:

— Thế thì con chỉ được hai đồng đem về...

Ông nghị lại câu:

— Chứ bao nhiêu nữa? Hai chục nữa nhé! Thôi, cho thế cũng đắt lắm rồi. Bán thì đi làm văn tự. Không bán thì về. Về thẳng!

«Về thì đâm đầu vào đàn? Để chồng bị trói đến bao giờ nữa?... Thôi, trời đã bắt tội, cũng đành nhắm mắt liều...». Bên tai chị Dậu văng vẳng có tiếng như vậy. Nước mắt ứa ra, chị lại đứng dậy với bộ mặt náo nùng:

— Vâng con xin bán hầu hai cụ. Nhờ các cụ cho bảo ông giáo làm giấy giúp con...!

Bà nghị đồng dặc gọi xuống nhà dưới:

— Đưa nào lên nhà học mời ông giáo xuống đây cho tao!

Đồng hồ trên tủ thông thả đánh mười một tiếng. Dây còi xò ra xòe xòe.

Bà nghị tươi cười nói với ông nghị:

— Sao bây giờ mới mười một giờ? Hay là đồng hồ nhà ta chạy sai?

Ông nghị rung đùi, vuốt chòm râu Tây cong vắt trên mép ngậm tăm:

— Bà què lắm! Đồng hồ của Tây làm ra có bao giờ sai? Bây giờ mười một giờ là đúng. Nhà ta ăn cơm khi sớm.

Bóng nắng xuống thêm gần một hàng gạch.

Xe lửa «một giờ» toe toe hét còi.

Ông giáo kéo dài giây và từ đầu nhà thờ đi sang. Trong tay đủ cả quần bút, lọ mực, giấy trắng và giấy thấm.

Với cái búi tóc ngật ngưỡng trên đầu, với cái sức học chữ nho bằng rưỡi quốc ngữ, ông ấy gọi là thầy đồ thì đúng hơn. Chỉ vì về phần nhà chủ nuôi cơm, tiếng nuôi ông đồ không sang bằng tiếng nuôi ông giáo, cho nên ông ấy phải đổi sang

ngạch « thầy giáo », để dạy mấy đứa trẻ học tam tự kinh và ABC, và viết văn tự cho những người đến nhà ông nghị cầm cố vay mượn.

Vào nhà khách, ông giáo sẽ sẽ đầy thùng gạo nếp trên chiếc trảng kỷ gỗ lát và lễ phép ngồi vào chỗ đó.

Sau một hồi để ý nghe lời ông nghị dặn dò, ông giáo nghiêm trang cúi mặt vào bản. Trình trọng ông ấy viết.

Cả nhà im lặng.

Năm phút, mười phút, nửa giờ... ông giáo ngẩng lên ngó mặt chị Dậu:

— Chị kia sang đây tôi đọc cho nghe, rồi điểm chỉ vào!

Rón rén, chị Dậu đến cạnh trảng kỷ. Ông giáo dang bằng ba tiếng rồi bằng giọng cắt nghĩa cho học trò, ông ấy đọc:

« Tên tôi là Nguyễn Văn Dậu, hai mươi sáu tuổi ở làng Đông xá, và vợ tôi là Lê Thị Đào, hai mươi bốn tuổi, cũng ở làng ấy, có mướn của bà Hoàng Thị Seo, năm mươi tám tuổi, vợ cả ông nghị viên Trần Đức Quế ở làng Đoài thôn, một đôi hoa tai bằng vàng nặng ba đồng cân, đáng giá hai chục đồng bạc. Hạn trong năm ngày phải trả. Nếu không trả, chúng tôi xin chịu tội bội tín.

Giấy này làm tại làng Đoài thôn, ngày... tháng... năm ».

Chị Dậu nghe rồi giấy này:

— Thưa ông, ông lầm rồi. Tôi bán con và chó, chứ có mướn hoa tai của bà đâu?

Ông nghị rút vội cái tăm trong miệng mình đặt ngang vào miệng tách nước:

— Không ai thêm đánh lừa chúng bay. Bây giờ luật mới nghiêm cấm cha mẹ bán con, cho nên văn tự phải viết như thế, chứ không nói con, nói chó vào được. Sau này, mày cứ để cho con mày ở mãi với cô Hai thì cái giấy ấy tao cũng coi như không có. Nếu mày trở mặt mà đem con về, tao sẽ chiếu giấy bỏ tù cả vợ lẫn chồng. Giấy làm như vậy, chỉ cốt giữ cho nhà mày khỏi lật nhào, chứ nhà tao không đời nào thêm

lật nhào. Thế là bao giờ tao cũng nắm đằng chuôi, chứ tao không cầm đằng lười. Nghe không?

Dứt mạch diễn thuyết, ông nghị bưng tách nước uống một hớp lớn, súc miệng ông ọc mấy cái, rồi nhổ toẹt xuống nền nhà:

— Tùy đây, mày có tin nhà tao thì điểm chỉ vào đem về cho chồng mày ki tên, và xin chữ lí trưởng nhân thực tử tế. Rồi mang sang đây, thì tao sẽ giao tiền cho. Nếu mày không tin thì thôi. Đây tao không ép.

Hai hàng nước mắt hòa với những giọt mồ hôi, thánh thót rơi xuống gỗ má, chị Dậu cầm mặt đứng im. Một lát sau, chị cả quyết:

— Con xin vâng theo lời cụ.

Thế rồi chị gơ bàn tay buộc giẻ chla hai ngón tay để cho ông giáo bôi mực và in vào bức văn tự. Xong việc, chị gấp bức văn tự, giắt vào lưng. Bước ra thêm, chị nhặt lấy cái mề nón bị chó cắn rách. Ngán ngại, chị đặt mề nón lên đầu, cúi chào vợ chồng ông nghị và ông giáo. Bà nghị cầm đèn nhắc đèn nhắc lại:

— Nhớ lấy cái gì đây cho mày con cho con, kẻo nó bị nâng.

CHƯƠNG VIII

Vừa nói câu cơ vừa dùng dùng chạy lại, gơ thẳng cánh tay tát đánh bốp vào mặt anh Dậu một cái. Và mồm mồm, mồm lợi, câu thét:

— Mày đi kiện đi, ông xem! Bây giờ vẫn chưa nộp sưu, còn chực sinh sự với ông à?

Anh Dậu chết điếng người đi. Nước mắt chảy ra như mưa, anh sẽ đập đầu vào bức chần song và kêu:

— Ồi trời đất ơi! Ồi cha mẹ ơi! Thân tôi sao mà nhục đến thế này? Nào tôi có định kiện tụng gì ai cho cam!

Chị Dậu ậm ục muốn khóc, nhưng không khóc được. Những người bên cạnh đều rớt nước mắt.

Cậu cơ vẫn nét mặt hăm hăm. Nắm chặt bàn tay, cậu chìa vào mặt anh chàng khốn nạn:

— Mày muốn vu vạ, bảo ông?

Luống cuống, chị Dậu vội đứng dậy. Một tay giờ bực vắn tự, một tay nắm lấy cổ tay cậu cơ, thê thảm, chị nói bằng giọng van lơn:

— Thôi! Em xin ông quyền. Nhà em đau yếu, ông tha cho! Có phải đơn kiện, đơn tụng gì đâu? Đây ông coi, cái văn tự của em bán con bé cháu để lấy tiền nộp sưu cho nhà em đấy mà!

Chừng muốn tỏ ra mình là người thạo chữ, cậu cơ đón bực vắn tự trầm tĩnh xem hết từ đầu đến cuối. Rồi cậu dịu giọng sẽ gắt:

— Nói láo! Cái giấy mượn đòi hoa tai bằng vàng đấy chứ, văn tự đâu mà văn tự?

Chị Dậu lễ phép:

— Thưa ông, thật văn tự đấy ạ! Lúc này, ở bên cụ nghị, ông giáo viết xong, đọc cho em nghe, em cũng ngạc nhiên, và đã nói như ông vừa nói. Cụ nghị bảo rằng: luật mới không cho cha mẹ được phép bán con, nên phải viết thế, chứ có hoa tai, hoa tung gì đâu? Nhà em kiết « xác mồng toi », ai còn dám rời hoa tai cho mượn?

Những lời êm ái của chị hình như cũng có sức mạnh, làm cho nhà binh dần lòng đứng lại, nghe cho hết câu. Rồi, cố liếc con mắt cho có vẻ tỉnh đề nhìn vào mặt chị chàng nhà quê, cậu cơ trao trả chị này tờ giấy văn tự và hỏi một cách lả lơi:

— Đức ông chồng vẫn chưa kí tên đây mà! Sao không bảo đức ông chồng kí vào, rồi đi lấy tiền mà nộp sưu cho xong đi, cứ để lòi thôi mãi thế?

Ngay thật, chị chàng nhà quê không biết cái lối mãnh khỏe văn đáp bằng giọng rầu rĩ:

— Em vừa giờ lên cho nhà em coi, các ông tưởng là đơn kiện đã cùng đánh mắng om sòm...

Cậu cơ cứ nhăn nhăn và cười hênh hếch:

— Thế là đức ông chồng phải đòn oan nhỉ? Nhưng thôi, bây giờ đức ông chồng cho tên vào đó cũng chưa muộn gì.

Chị Dậu năn nỉ:

— Cảnh tay nhà em bị trói chặt quá, không thể cầm bút kí được. Ông làm phúc cởi trói ra cho nhà em, thì em ơn ông vạn bội.

Cậu cơ vẫn tùm tùm:

— Tôi muốn làm ơn... cho chị lắm lắm... Nhưng còn quyền ở ông lí.

Lí trưởng nghe nói tên mình, liền cất giọng nhẹ nhè:

— Ông lí cái gì? Việc gì mà nói đến ông lí đấy?

Cậu cơ tả tơi chạy đến trả lời:

— Nhà chị kia, chị ta muốn xin ông cởi trói cho đức ông chồng, để đức ông chồng chị ta kí vào văn tự.

Lí trưởng lại kéo dài cái giọng khề khà:

— Thế nó không đi kiện nữa ă, mà còn muốn xin cởi trói cho chồng? Cậu bảo nó: « không cho phép » nhé! Nộp đủ tiền sưu thì đây cởi cho! Nếu mà tiền sưu chưa đủ, ông trói xuống đây cũng không tháo được cái thừng ở tay thằng Dậu. Đây còn trói. Có giỏi cứ đi kiện. Đây chỉ trói cho mà đi kiện!

Lí cự bưng bát rượu kê gần lên môi, và gật gật gù gù:

— Mặc! Đây không biết. Ai trói cứ trói, ai cởi cứ cởi, mà ai đi kiện cứ đi kiện! Đây qua cầu rồi, cứ việc đánh chén cho đầy! Thằng Mới đâu? Ông bảo mày lấy thêm rượu, làm sao từ này đến giờ chưa thấy? Đừng láo, ông thì chẻ xác mày ra!

Chánh hội quăng tọt đôi đũa xuống mâm và nói đồng dặc:

— Ông lí cự! Việc gì đến ông mà ông « đâm ba chày củ » vào đấy? Uống rượu cứ việc uống, người ta nói gì thì mặc người ta. Cậu nào cũng chõ mồm vào, không để cho ai bàn bạc gì nữa!

Lí cự đặt bát rượu vào mâm và đâm thật mạnh xuống sàn đình:

— A! Ông cấm tôi nói à? Quyền ông được thế phải không? Ông chánh hội!

Chánh hội vênh bộ mặt hách dịch:

— Ừ, đấy! Quyền tôi được thế! Quan sức cho tôi «hiệp dư li trưởng» thời đốc vụ thuế năm nay, người nào gan ngạnh tức là «hăn trở thuế sự», tôi gong cổ lại cho mà xem!

Lí cự sùng sộ:

— Miếng ông, ông nói, đình làng, ông ngồi! Đồ thằng nào làm gì được ông!

Chánh hội hung hăng đứng lên, rồi lại loạng choạng ngồi xuống, và quát:

— Tuần đâu! Chúng bay trời thằng lí cự lại cho ông! Tội đâu ông chịu.

Tuần phủ im lặng không thưa. Lí cự xắn nắm vón hai tay áo lên đến khuỷu tay:

— Cha thằng nào trời được ông!

Chánh hội vó luôn chai rượu canh mâm, toan liêng ra chỗ lí cự. Phó hội nhanh tay giăng lại và can:

— Thôi ông? Làm gì mà nóng tính thế? Ông lí cự ông ấy say rượu đấy mà!

Lí cự gằn giọng:

— A! Ông phó hội! Ông bảo tôi say rượu phải không! Ừ thì tôi say! Rượu uống chả say, thì ra rượu đổ vào hang chuột à? Nhưng mà đây tôi không say, ông đừng nói bậy! Thuế làng, bỏ hai đồng một mẫu, các ông thu của ngoài canh ba đồng năm hào, có ai nói với tôi được câu nào không? Các ông mời tôi ra đây uống vài chén rượu, lại còn cà khịa! Tôi không cần, đây tôi uống của mấy đũa phụ canh, không thêm uống nhờ thằng nào.

Lí trưởng động lòng:

— Tiền của phụ canh, nó vẫn giắt ở cạp váy nó ấy. Chúng nó ngồi dưới giạt đình kia kia. Xuống lần cạp váy chúng nó

mà uống. Bữa rượu hôm nay tiền túi của ông bỏ ra, ông muốn mời ai thì mời, ông không phải nói với đũa nào hết. Ông thu «lam» đấy! Thằng nào làm gì được ông?

Lí cự hung hăng như người điên:

— A! Thằng lí đương! Mày bảo ông uống máu mấy con ngoại canh đấy à?

Đánh «soảng» một cái, cái bát ở mâm lí cự bay thẳng sang mâm lí đương, và đánh «chát» một cái, cái chậu ở chiếu lí đương cũng đập luôn vào cây cột bên cạnh lí cự. Nước canh, nước mâm bắn ra tứ tung. Hết thấy mọi người đều lố nhố đứng dậy. Rồi hết thấy mọi người lại lảo đảo ngồi xuống. Tuần phủ và người nhà lí trưởng, người nhà chánh tổng sẵn sào chen vào, chạy hồi mâm, bát, chai, chén xuống sân đình.

Cai lệ rước chén thuốc phiện và bộ khay đèn sang thẳng gian đình bên kia.

Thủ quỹ cố ôm trap bạc đứng dậy, nhưng không đứng được, lại phải ngồi thụp xuống.

Chánh tổng sức tàn giặc mộng, ngo ngoe hổi giật hổi giọng:

— Cái gì thế? Cái gì thế? Nốc cho lắm tôi nói bậy! Người nào gây chuyện với người nào?

Trong đám đông mỗi người một câu:

— Bầm, ông lí cự với ông chánh hội.

— Bầm, ông lí cự với ông lí đương.

Chánh tổng lên giọng hống hách:

— Tuần đâu? Mày điếu cò thằng lí cự xuống sân đình kia cho ông! Nó định ăn cướp tiền thuế của lí trưởng à? Rồi ông trình quan cho nó.

Lí cự vó miếng mảnh chậu ở cạnh cột đình toan rạch vào trán. Trương tuần vội vàng chạy đến giắt được, vứt đi. Hăn xốc nách lí cự và vực ra cửa. Rượu thịt, rau, đậu tỵ trong miệng ông lí cự thông thốc tuôn ra thêm đình.

CHƯƠNG X

Thoáng thấy mẹ về đến cổng, thằng Dần mừng nhảy chân sáo:

— U đi đâu từ lúc non trưa đến giờ? Có mua được gạo hay không? Sao u lại về không thể?

Cái Tí ở trong bếp sa sả mắng ra:

— Đã bảo u không có tiền lại cứ lằng nhằng nói mãi! Mày tưởng người ta dám bán chịu cho nhà mày sao? Thôi! Khoai chín rồi đây, để tôi đồ ra ông xoi, ông đừng có làm tội u nữa.

Rồi nó tắt tả bằng em chạy ra trước thêm đôn đá chào mẹ:

— U đã về à! Ông Lí cười trối cho thầy con chưa, hử u? Cái nón của u làm sao bị rách tan tành thế ấy? Tay u làm sao lại phải buộc giẻ thế kia?

Chị Dậu không trả lời. Thờ thẩn, chị đón lấy con bé con và ngồi ghé vào bên mép chõng.

Cái Tí xoa đầu cái Tũn kể lể bằng giọng hú hí:

— Cô ả này hôm nay quấy lắm ư ả! U đi khỏi nhà, cô ta cứ ra rả khóc không dứt miệng. Đồ thế nào cô ta cũng không nín cho. Đặt ngồi xuống phần, cô ta lại nín lấy con và cố đứng lên. Con vừa leo đèo cấp cô ta ở sườn, lại vừa hí hục rửa khoai, tra nồi, xin lửa dóm bếp. Củi thì ướt chấy ướt chấy; lì lụm mãi vẫn không cháy cho. Thế mà con cũng luộc được chín nồi khoai rồi đấy! U bảo con có ngoan không?

Chị Dậu vẫn không nói gì. Buồn rầu chị kéo «chéo yếm» cái trong giải lưng, vạch bầu vú nổi gân xanh lè, và bóp mạnh «cổ» vú, vắt những sữa chua xuống đất.

.....

Cạnh chõng, nghi ngút một đám khói bay.

Cái Tí lễ mễ bung rô khoai luộc ghếch vào chân cột, và dặn thằng Dần:

— Hãy còn nóng lắm đấy nhé! Em đừng mó vào má bỏng thì khốn.

Vừa nói, nó vừa tung tăng chạy đến rô bát, lục lấy hai cái to và một đôi đũa, đem lại. Bới từ tròn rô bới lên, nó gấp những mẩu khoai to xếp đầy hai bát. Bằng cái dáng bộ vui vẻ, nhẹ nhàng, nó đặt một bát lên chõng:

— Mời u xoi khoai đi ả!

Rồi nhanh nhẩu, nó bung một bát, bước qua tấm phần cặp kênh ngửa cổ để lên bàn thờ, và quay xuống, nó bảo thằng Dần:

— Bát này chị để phần thầy đấy nhé! Chốc nữa thầy về thầy ăn. Đứa nào ăn «vèn» của thầy thì chị không cho đi chơi với chị.

Thằng bé không để tiếng nào vào tai, nó cứ ngồi sán bên cạnh rô khoai và nuốt nước dãi ừng ực. Cái Tí lật đật chạy đi tìm cái quạt nan, để quạt cho khoai chõng nguội.

Rô khoai vừa đi hết khói, hai đứa xúm lại, lê la ngồi phệt dưới đất, mỗi đứa nhón lấy mỗi củ, không kịp bóc vỏ, chúng nó vừa thổi phũ phũ vừa cắn ngấu nghiến. Giống như con cạp trong chuồng bách thú vó miếng thịt bò tươi, đứa nào đứa ấy nhai nuốt một cách ngon lành gọn vẹn. Trừ ra khi gặp củ nào «hà nhây» đắng quá không thể nuốt được, chúng nó mới chịu nhổ đi, và khi bị củ nào nhiều xơ, dai quá không thể nhai được, chúng nó mới chịu nhả bã.

Những sự hiền thảo, ngoan ngoãn của hai đứa trẻ ngày thơ vô tình lộ ra từ này đến giờ, hình như đều là những lưỡi dao găm cắt từng khúc ruột chị Dậu. Càng nhìn chúng nó, chị càng nước mắt ngấn dai.

Ngạc nhiên, cái Tí thổ thổ giục mẹ:

— U ăn khoai đi, để lấy sữa cho em nó bú. Từ sáng đến giờ, u chưa ăn gì, đói quá chịu làm sao được?

Chị Dậu vẫn cứ rầu rĩ nét mặt, những giọt nước mắt rơi xuống càng mau.

Vội về mặt bàn khoán, cái Tí lại bung bát khoai chia tận mặt mẹ:

— Này u ăn đi! Để mãi! U có ăn thì con mới ăn. U không ăn con cũng không muốn ăn nữa.

Nề con, chị Dậu cầm lấy một củ, rồi chị lại đặt xuống chõng.

Về nghỉ ngơi hiện ra sắc mặt, con bé hóm hỉnh hỏi mẹ một cách thiết tha:

— Sáng ngày người ta đấm u có đau lắm không?

Chị Dậu sẽ gạt nước mắt:

— Không đau con à!

— Thế làm sao u cứ khóc mãi mà không ăn khoai? Hay là u thương chúng con đói quá? Không, chúng con không đói nữa đâu. Hai đứa ăn hết ngần kia củ khoai thì no bụng bụng ra rồi còn đói gì nữa? U cứ ăn đi, u cứ ăn hết bát khoai ấy đi! Nếu u không ăn, lấy đầu ra sữa cho em nó bú?

Chị Dậu vừa nói vừa mếu:

— Thôi u không ăn, để phần cho con. Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi. U không muốn ăn tranh của con. Con cứ ăn thật no, không phải nhường nhịn cho u.

Cái Ti chưa hiểu hết ý của mẹ, nó xem mặt mẹ và hỏi bằng giọng lưỡng lự:

— Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu?

Thêm thêm một «giây» nữa nữa, chị Dậu ngó con bằng cách xót xa:

— Con sẽ ăn ở nhà cụ nghị thôn Đoài.

Cái Ti nghe nói giây này, giống như sét đánh bên tai, nó liệng củ khoai vào rổ và òa lên khóc:

— U bán con thật đấy ư? Con van u, con lạy u, con còn bé bỏng, u đừng đem bán con đi, tội nghiệp! U để cho con ở nhà chơi với em con.

Thằng Dần cũng khóc tru tréo, bỏ luôn rổ khoai đứng dậy, ngoay ngoáy lắc cái mông dít, nó nhắc lại câu đã nói sang ngày:

— Em không! Nào! Em không cho bán chị Ti! Nào! Nào! Có bán thì bán cái Ti này này!

Chị Dậu chỉ thồn thồn, thức thức, không nói thêm được câu gì. Bộ mặt sầu thảm dần dần ngã xuống, đối thẳng với mặt con bé đương bú.

Bên đám lông mày cong rướn, mấy sợi tóc mai lá chả thả rủ xuống, hình như làn khói thuốc lá phớt phơ bay trước khuôn gương. Và trên cái gò má đỏ bừng, vài ba giọt nước mắt thánh thót đuổi nhau chẳng khác hạt sương buổi mai lạnh động trong cánh hoa hồng mới nở.

CHƯƠNG XI

Gió chiều thổi đám lá tre rơi tả.

Nắng tây gay gắt đến nửa thềm.

Thằng Dần cái Ti thôi không ăn khoai, lải nhải vừa van vừa khóc.

Cái Tiểu đã lũng đạ, hớn hờ ngoảnh ra cười đùa.

Chị Dậu lại càng rủ rượi. Chồng tay lên trán, chị như nghĩ ngợi phân vân. Một lúc sau, chị đứng phắt dậy với cái dáng điệu quả quyết:

— Thôi, phải tội với trời, mẹ chịu! Cảnh nhà đã thế, mẹ đành dứt tình với con!

Tức thì, chị chùi nước mắt và đi làm những việc mà chị cho là đau đớn.

Cái Tiểu lại bậu bên sườn cái Ti.

Con chó đã chui đầu vào sọt xích sắt để cho bà chủ bước vào cột nhà.

Đàn chó con phải bắt vào trong rổ thưa, trên có mẹt dầy và có lạt chằng chắc chắn.

Các việc xong hết, chị lại đón lấy cái Tiểu, cho nó bú thêm lúc nữa. Sau khi đã kéo chiếc chiếu thủng rách trên phản trải xuống giữa nhà, chị đặt con nhỏ vào chiếu và sai thằng Dần ngồi đó trông em. Chị lục tất cả quần áo cái Ti và gói chung làm một

gói. Rồi, một tay nung rỏ chó con lên đầu, một tay cầm sợi xích định dắt luôn con chó cái ra cửa, sụt sịt chị bảo cái Ti:

— Con hãy đội cái mũ nón cho đỡ nắng, và con cấp lấy gói quần áo rồi sang bên cụ nghị Quế với u.

Chừng như lúc này thấy bắt cả chó lớn, chó con, cái Ti vẫn tưởng những con vật ấy sẽ đi thế mạng cho mình, cho nên nó đã vững dạ ngồi im. Bây giờ nghe mẹ nó giục phải đi, nó lại nhếch nhác miễn khóc:

— U nhất định bán con đấy ư? U không cho con ở nhà nữa ư? Khốn nạn thân con thế này! Trời ơi!... Ngày mai con chơi với ai? Con ngủ với ai?

Chị Dậu lã chã hai hàng nước mắt.

— U van con, u lạy con, con có thương thầy thương u, thì con cứ đi với u, đừng khóc lóc nữa, đau ruột u lắm. Công u nuôi con sáu, bảy năm trời, tốn kém bao nhiêu tiền của! Bây giờ phải đem con đi bán, u đã chết từng khúc ruột rồi đấy, con ạ. Nhưng mà tiền sưu không có, thầy con đau ốm là thế, vẫn bị người ta đánh trời, sưng cả hai tay lên kia... Nếu không bán con, thì lấy tiền đâu nộp sưu? Để cho thầy con khổ sở đến nước nào nữa? Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u thì con cứ đi với u!

Cái Ti vẫn khóc rung rức. Chị Dậu cũng vừa đội rỏ chó con vừa khóc nức nở, nhưng vẫn cố kiềm những lời thăm thía xót xa để khuyên con.

Lâu lâu, cái Ti chừng cũng hiểu những nỗi đau lòng của mẹ, nó không khóc nữa. Lau sạch nước mắt, nó chạy đến chỗ cái Tiu cúi đầu tận mặt con này, nó hôn mỗi má mấy cái, và nó lại miễn:

— Tiu ở nhà nhé! Tiu ở nhà với anh Dần nhé! Chị phải đi đây. Chị sang ở với cụ nghị kia đây. Từ rày trở đi chị không được lăm Tiu nữa. Bao giờ Tiu lớn, Tiu sang bên ấy tìm chị, Tiu nhé!

Rồi nó ôm lấy thằng Dần và cũng hôn luôn hai má thằng ấy. Vừa nói, nó vừa ràn rụa nước mắt:

— Dần có thương chị không? Dần có nhớ chị không? U bán chị rồi. Dần ở nhà chơi với Tiu vậy. Nó khóc thì Dần dỗ nó, không được đánh nó đấy nhé. Bao giờ nó lớn, thì Dần rỏ nó sang nhà cụ nghị với chị. Thôi Dần ở nhà, chị phải đi với u đây, chị không được về nữa đâu, Dần ạ!

Thằng Dần nín lấy áo chị và khóc râm rĩ:

— Chị phải ở nhà với em! Em không cho chị sang nhà cụ nghị. Nếu chị sang nhà cụ nghị rồi thì em chơi với ai?

Cái Ti khóc hu hu. Nó cứ quán quít thằng Dần, không muốn rời ra. Ngoảnh lại nhìn mặt chị Dậu, nó nói bằng giọng năn nỉ:

— Con nhớ em quá! Hay là u hãy cho con ở nhà một đêm nay nữa, để con ngủ thêm với em, để con nói chuyện với em. Sáng mai con xin đi sớm.

Chị Dậu càng tỏ ra bộ đau đớn:

— Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u. Nếu con chưa đi, cụ nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu thì không khéo thầy con sẽ chết ở đình, chứ không sống được. Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u.

Và chị cố kiềm cho được cái giọng ngon ngọt để dỗ thằng Dần:

— Dần buông chị ra, đi con! Dần ngoan lắm nhỉ! U van Dần, u lạy Dần! Dần hãy để cho chị đi với u đừng giữ chị nữa. Chị nó có đi, u mới có tiền nộp sưu, thầy Dần mới được về với Dần chứ! Sáng ngày người ta đánh trời thầy Dần như thế, Dần có thương không. Nếu Dần không buông chị ra, chốc nữa ông lí vào đây, ông ấy trời nốt cả u, trời nốt cả Dần nữa đấy.

Thằng Dần vẫn sợ ông lí, như đứa trẻ khác sợ ông giáo ộp, nghe nói đến tên ông ấy nó đã mất vía đi rồi. Lập tức nó rời vạt áo cái Ti và nó ồm ồm dặn mẹ:

— Em chỉ cho chị Ti đi một lúc thôi. Lấy được tiền rồi, u lại phải đem chị ấy về đây với em.

Chị Dậu buột miệng:

— Ừ...

Rồi, hình như có ý hối vì mình đã nói dối trẻ con, tức thì chị lại nói chữa:

— Ừ, hể cụ nghị bằng lòng để cho chị con về nhà vài hôm, thì u đem nó về với con.

Cái Ti với hai húng nước mắt rùng rùng, hôn hít các em một lượt nữa, rồi cúi đầu nó đội mê non trên đầu và cặp gói áo vào nách.

Chị Dậu vừa dẫn thằng Dần ngồi coi cái Ti, vừa cõi dây xích lôi con chó cái.

Mặt trời đã xế.

Bóng người ngã xuống mặt ruộng, dài thườn thượt như bóng cây cau.

Trâu bò không phải cày cấy, nhều nhện theo đàn trẻ chăn ra các bờ ruộng gặm cỏ.

Với những tiếng thôn thục trong đáy tim và những giọt nước mắt luôn luôn đọng ở gò má, chị Dậu cố sống cố chết, những nhằng dằng con và chó leo đèo dưới ánh nắng mùa hè. Con vẫn lười mướt khóc, chó vẫn ý ắng kêu, chị vẫn nhất định giả câm giả điếc mong cho chóng đến nhà cụ nghị.

CHƯƠNG IX

Dưới ánh lửa sáng quắc của ngọn đèn hai dây, quang cảnh trong nhà lí trưởng lúc này cũng như quang cảnh ngoài đình lúc nãy. Anh Dậu và bọn trai đinh thiếu sưu đều gơ khuỷu tay cho sợi dây thừng buộc vào cột nhà. Đàn ông, đàn bà chờ đợi nộp thuế còn lơ nhơ suốt một bậc cửa.

Linh cơ, cai lệ vẫn nằm châu chánh tổng ở bên bàn đèn, thủ quỹ, thư kí, chánh hội, phó hội và các chức dịch ngổn ngang ngồi ở cạnh những cuốn sổ sách bề bộn.

Cái mặt «bồ hơi nước mắt» vừa ló vào thêm, chị Dậu liền được mấy ông chức dịch nhao nhao thét hỏi:

— Đã bán được con rồi chứ! Dem tiền nộp sưu mau lên.

— Thưa đã!

Vừa nói, chị vừa gỡ chuỗi tiền chính giắt ở giải lưng và tám hào con, tiền bán khoai mà chị vẫn khư khư buộc đầu giải yếm. Bớt lại một hào, chị rón rén đặt hai đồng bảy lên trước lí trưởng:

— Thưa ông, nhà cháu không kịp đi đòi tiền giấy, xin ông làm ơn nhận cho!

Lí trưởng cầm chuỗi tiền chính đưa cho thủ quỹ đếm lại và bảo chị Dậu:

— Mỗi đồng phải các ba xu, bỏ luôn ra đây, tao nhận cho. Nhưng sao lại có hai đồng bảy hào?

Ngơ ngác, chị Dậu vừa đưa đồng hào để trả tiền các, vừa đáp bằng giọng lơ ngơ:

— Thưa ông, cháu tưởng năm nay sưu bỏ mỗi suất chỉ có bảy nhiều.

— Phải rồi; tiền sưu năm nay mỗi suất chỉ có hai đồng bảy hào. Nhưng nhà mày phải nộp hai suất nghe không? Một suất của chồng mày, một suất nữa của thằng Hợi.

— Thưa ông, chú nó chết từ tháng giêng rồi mà! Nhà con vẫn chưa khai tử hay sao?

Lí trưởng phát gắt:

— Khai tử rồi cũng phải đóng sưu. Ai bảo nó không chết ngay từ tháng mười năm ngoái?

Chị càng ngẩn ngơ ra bộ không hiểu, như ý ngờ người ta ăn hiếp nhà mình:

— Thưa ông, người chết đã gần năm tháng, sao lại còn phải đóng sưu?

Lí trưởng quát :

— Mày đi mà hỏi ông Tây, tao không biết.

Thư kí đồng đặc cất nghĩa :

— Chết cũng không trốn được sưu nhà nước ! Là vì thằng em chồng chị mới chết tháng giêng An Nam, mà sổ « thông qui » của làng đã làm từ đầu năm tây, tức là tháng một An Nam năm ngoái. Sổ ấy có tên thằng Hợi — lúc ấy nó còn chưa chết — Khi đệ lên tỉnh, tòa sứ cứ theo sổ định trong sổ mà làm bài chỉ đưa sang sổ kho bạc. Rồi đến kì thuế, sổ kho bạc lại cứ theo đúng sổ thuế ghi trong bài chỉ mà thu. Nó chết tháng giêng, chứ đầu nó chết tháng chạp cũng vậy, bài chỉ làm rồi, người ta không có chữa lại bao giờ, « khai tử » hay chẳng « khai tử » mặc kệ ! Bởi thế, bài chỉ làng ta năm nay vẫn không trừ được sổ sưu thằng Hợi nhà chị. Nó chết, vợ con chưa có, ông lí phải cứ lấy vào thân nhân, chồng chị không nộp cho nó thì ai nộp ?

Chị Dậu đỏ mặt khóc :

— Châu là đàn bà, biết đâu việc quan như thế. Khốn nạn, chú nó chết đi, nhà cháu thật như mất cánh tay phải ! Còn nó, chúng cháu có đâu đến nỗi khổ sở thế này ? Bấy giờ nó đã chẳng may thiệt phận, đành rằng suất sưu của nó, nhà cháu phải đóng, nhưng cháu xin các ông cho khất đến mai. Hôm nay cháu hãy đóng trước một suất, các ông tha cho nhà cháu về, kéo người yếu đau bị trời cả ngày, không khéo chết mất.

Lí trưởng trừng mắt.

— Chết thì ông chôn ! Mày tưởng chống mày chết mà ông sợ à ? Muốn chồng khỏi trời, về đem nốt hai đồng bẩy nữa ra đây. Nếu không thì ông còn trời, ông trời cho đến bao giờ đủ sưu thì thôi.

Chị Dậu chừng như uất quá, ngồi sụp xuống chỗ cạnh chồng, chị khóc tru tréo :

— Ôi trời ơi ! Tôi bán cả con lẫn chó và hai gánh khoai mới được hai đồng bẩy bạc. Tưởng rằng đủ tiền nộp sưu cho chồng, thì chồng tôi khỏi bị hành hạ đêm nay ? Ai ngờ lại còn

suất sưu của người chết nữa ! Khốn nạn thân tôi ! Trời ơi ! Em tôi chết rồi còn phải đóng sưu hờ trời ? Tôi biết đâm đầu vào đâu cho được hai đồng bẩy bạc bấy giờ ?

Cai lệ ngồi phất dậy gán cổ thét ra :

— Chỗ mày kêu khóc ở đây à, con mẹ kia ? Muốn sống thì cầm cái mõm, không thì ông sẽ cho một trận nữa !

Anh Dậu run run khuyên vợ :

— Thôi ! U nó cứ về với con, kéo có hai đứa ở nhà nó khóc hết hơi. Mặc tôi ở đây, bị trời thêm một đêm nữa cũng chẳng chết nào ! Đừng nói nữa người ta đánh đập khổ thân !

Chị Dậu vẫn không dứt được cơn hậm hực.

Thủ quỹ vừa đếm xong hai chuỗi tiền chính, hẳn gọi chị Dậu và bảo :

— Này chị kia, đừng khóc nữa, vào đây mà xem, mỗi đồng thiếu mất bốn xu đây này ! Một hào của chị đưa trả tiền các, trừ vào chỗ này hết tám xu rồi, còn thiếu bốn xu nữa nhé.

Chị Dậu lại mếu :

— Khốn nạn ! Tôi vẫn chắc mẫm còn thừa một hào, đem về đóng gạo cho con ăn. Bấy giờ hết cả vẫn chưa đủ ! Gớm ! Cái bà nghị giàu thế mà còn làm điều.

Rồi chị rũ rượi ngồi khóc.

Anh Dậu thiết tha giục :

— Thôi ! U nó nghe tôi ! Có thương tôi thì hãy đi về với con ! Đừng cứ ngồi đây mà khóc cho tôi càng thêm não ruột !

Các bạn bị trời của anh Dậu ra ý thương hại và hỏi :

— Con bé lớn chị đã bán đi rồi, hai đứa bé con ở nhà với ai ?

Chị Dậu sụt sịt đáp :

— Anh em chúng nó ở nhà với nhau, chứ có ai đâu, các bác ?

Những người ấy ra ý áy náy :

— Khốn nạn ! Thằng bé lên năm phải giữ con bé lên hai ! Tội nghiệp quá !

Cháo đã hơi nguội.

Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp xoàn xoạt.

Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm.

— Thầy em hãy cố ngồi dậy, húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

Rồi chị đón lấy cái Tiu và ngồi xuống đó, như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không.

Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uề oái, chống tay xuống phần, anh vừa rên vừa ngồng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kê vào đến miệng, cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng.

Gõ đầu roi xuống đất, cai lệ hét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xai cũ:

— Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu! Mau!

Hoảng quá, anh Dậu vội để bát cháo xuống phần và lần đùng ra đó, không nói được câu gì. Người nhà lí trưởng cười một cách mỉa mai:

— Anh ta lại sắp phải gió như đêm qua đấy!

Rồi hắn chỉ luôn vào mặt chị Dậu:

— Chị khát tiền sưu đến chiều mai phải không? Đấy! Chị hãy nói với ông cai, để ông ấy ra đình kêu với quan cho! Chứ ông lí tôi thì không có quyền dám cho chị khát một giờ nào nữa.

Chị Dậu run run:

— Nhà cháu đã túng, lại phải đóng cả suất sưu của chú nó nữa, nên mới lòi thoi như thế. Chứ cháu có dám bỏ bễ tiền sưu của nhà nước đâu! Hai ông làm phúc nói với ông lí hãy cho cháu khát...

Cai lệ không đề cho chị được nói hết câu, trợn ngược hai mắt, hăn quát:

— Mày định nói cho cha mày nghe đấy à! Suu của nhà nước mà dám mở mồm xin khát!

Chị Dậu vẫn cố thiết tha:

— Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, đầu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!

Cai lệ vẫn giọng hăm hè:

— Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!

Rồi hắn quay ra bảo anh người nhà lí trưởng:

— Không hơi đâu mà nói với nó, trời cổ thẳng chồng nó lại, điệu ra đình kia.

Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hắn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Đứng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu.

Chị Dậu xam mắt, vội vàng dắt con bé xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn:

— Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!

— Tha này! Tha này!

Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:

— Chồng tôi ốm đau, ông không được phép hành hạ!

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

Chị Dậu nghiêng hai hàm răng:

— Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Người nhà lí trưởng sẵn sò bước đến giờ gây chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai người giằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om sòm. Kết cục, anh chàng «hầu cận ông lí» yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Anh Dậu sợ quá muốn dấy can vợ, nhưng mệt lắm ngồi lên lại nằm xuống, vừa run vừa kêu:

— U nó không được thế! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù phải tội.

Chị Dậu vẫn chưa nguôi giận:

— Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được...

Người nhà lí trưởng hết cơn lạng cá. Lóp ngóp bỏ dấy hắn chỉ vừa thở vừa chửi chị Dậu, không dám động đến thân thể chị nữa. Chị Dậu lại đón cái Tíu vào lòng, và cũng sa sả chửi giã.

Anh Dậu không biết làm thế nào mà can đôi bên, chỉ nằm mắng vợ và xin lỗi ông người nhà lí trưởng.

Một hồi hiệu ốc rúc từ ngoài đình rúc vào. Mấy bác tuần phu gậy lầy mã thò theo chân lí trưởng, cai lệ kéo đến. Thì ra trong lúc chị Dậu và anh người nhà lí trưởng vật nhau, cai lệ đã chạy thoát ra đình báo với lí trưởng liền đem tuần phu vào bắt vợ chồng chị Dậu. Họ đã giằng giải ra đình hầu quan tất cả, tiếng rên của người ốm, tiếng khóc của hai đứa trẻ, và tội án của người đàn bà táo bạo

CHƯƠNG XX

Đôi long xanh nằm tráo đầu đuôi trước cửa đại đạo. Cái trống cái và cái dòn tre trơ trống lẩn bên tường bao lan. Chín, mười lá cờ rủ rủ, rủ dưới giọt đình. Một đoàn giáo, mác loi nhồi chĩa mũi nhọn lên mái giải vũ.

Quang cảnh ngoài đình hôm nay khác hẳn hôm qua.

Phó lí, trương tuần cũng như tộc biểu, tuần phu tuy không phải làm việc gì, ai nấy vẫn xơ tóc gậy, chạy xuôi chạy ngược. Phó hội, thủ quỹ đối nhau với thư kí, chường bả, mỗi người khoanh tay đứng dựa mỗi cột, dáng điệu len lét như rắn mòng năm. Chánh tổng ngồi ngáp vật cách bức câu lơ, con ruồi đậu mép không muốn đuổi. Chánh hội luôn tay giở cuốn sổ thuế, hai mắt vẫn lăm lét trông đi đặng nào!

Vợ chồng chị Dậu không can đảm hơn thằng Dần, vừa ló mặt lên thềm đình, đã mất vía về bộ râu của quan phụ mẫu.

Cái râu mới lạ làm sao? Nó đen như vệt hắc ín và cong như cái lưỡi liềm. Nó nhọn như mũi dùi nung và bầu như đầu đao trở. Nó khum khum quắp lấy hai mép, giống như hai cái cánh dơi. Nó vất vều vênh ra hai mang tai, gần như hai cái sừng củ ấu. Nó châu đầu dưới ống mũi, như sắp chui vào trong cái mũi dọc dừa. Nó lại giúp cho cái mồm lèm bèm thêm sự dữ dối.

Nếu không biết quan phủ xuất thân từ chức thông phán, người ta sẽ tưởng ngài được làm quan chỉ vì bộ râu.

Và nếu không rõ là ông quan, người ta lại có thể lầm ngài với ông eai xe hay ông thầu khoán.

Dựa tay vào mặt cái bàn phủ tấm thảm đỏ của tế chủ vẫn thường đứng lễ, quan phủ ngất ngưỡng ngồi vào chiếc chiếu cap đỏ trải trên ghế ngựa quang dầu. Dưới vành khăn xếp nhiều tây, cái mặt phên phet luôn luôn hăm hăm như sắp rơi xuống sân đình đánh «huych».

Cạnh ngài, một tên tuần đình lực lưỡng vác cái quạt lông đứng đặng xa xa phẩy vào.

Trước ngài, thầy thừa và anh nho đều muốt mồ hôi với mấy cuốn biên lai thu thuế của lí trưởng.

— Bẩm ông lớn! «Thừa» lệnh ông lớn, chúng con và tên người nhà lí trưởng vào nhà tên Nguyễn Văn Dậu bắt nó đem tiền nộp sưu, vợ tên ấy muốn tháo cho chồng, nó đánh con, đánh cả tên người nhà lí trưởng, hiện có lí trưởng cùng bọn tuần phu đều biết. Lạy ông lớn, xin ông lớn...

Cai lệ chưa nói hết câu, lí trưởng đứng ở đằng sau vội vàng cướp lời :

— Bầm ông lớn, con mẹ ấy tên là Thị Đào, nó bường bình thứ nhất làng con. Năm, sáu hôm nay, hôm nào chúng con cũng sai người đến nhà giục tên Nguyễn Văn Dậu đóng sưu, nó xúi chồng nó nhất định không đóng. Chúng con bảo nó thuê sắp đảng trưởng, nếu không đóng sẽ phải trình quan phụ mẫu, nó nói quan phụ mẫu nó cũng không cần. Hôm nay «thừa» bóng ông lớn về đây, anh cai lệ và người nhà con vào đốc, nó dám đánh lại tất cả. Hiện mắt chúng con và nhiều người nữa trông thấy. Ông lớn là đèn trời, xin ông lớn xét tình chúng con, bắt nó bỏ tù, chúng con và anh cai lệ được đội ơn ông lớn.

Quan phủ vénh cái mặt nặng trịch và đập tay xuống mặt bàn :

— Không đóng sưu ! Lại đánh cả lính ! Nó định làm giặc à ? Bắt cổ nó ra đây !

Một tiếng ủa vang năm gian đình. Vợ chồng chị Dậu và hai đứa bé sênh sênh lên đình theo dấu thừng trong tay lí trưởng.

— Bầm ông lớn, chúng con đã giải tên Dậu và Thị Đào ra hầu ông lớn !

Dứt lời lí trưởng, quan phủ giương đôi mắt trắng dã nhìn vào mặt anh Dậu :

— Mày định trốn sưu của Nhà nước ? Thằng kia ?

Anh Dậu run như cây sậy :

— Bầm lay quan lớn, tiền sưu con đã nộp rồi.

Quan phủ quát hỏi lí trưởng :

— Nó đã nộp rồi, sao mày bảo nó chưa nộp ?

Lí trưởng vội kêu :

— Bầm ông lớn, tên ấy «man» của ông lớn, thực quả tên ấy chưa nộp...

Quan phủ không để cho lí trưởng hết lời, ngai vắn anh Dậu :

— Mày nộp rồi thì biên lai đâu ?

— Bầm lay quan lớn, con không lấy giấy biên lai, nhưng khi nộp có cụ chánh tổng, ông thủ quỹ và các ông chức dịch đều biết...

Quan phủ nhìn mặt thủ quỹ và chánh tổng :

— Các thầy có trông thấy nó nộp sưu cho lí trưởng không ?

Thủ quỹ ngó trộm lí trưởng rồi thưa :

— Bầm ông lớn, đêm qua, Thị Đào có nộp anh lí chúng con hai đồng bảy hào tiền chính, anh lí chúng con giao cho chúng con đem lại.

Xen vào câu nói của thủ quỹ, thằng Dần kéo vạt áo mẹ và giục :

— U đem con về mau lên. Con chả ở đây nữa ! Nào !

Quan phủ trừng mắt và quát lí trưởng :

— Sao lại cho nó dắt cả con nít lên đây ? Ông thì đập vào mặt mày bây giờ !

Sắc mặt xám như gà cắt tiết, lí trưởng vội vàng một tay giăng sắp cái Tễu trên tay chị Dậu, một tay tóm đầu thằng Dần đưa xuống thêm đình rồi đem tít ra ngoài cổng đình, giao cho đứa lớn ngồi giữ đứa bé.

Hai đứa cùng khóc ngặt nghèo. Thằng Dần nheo nheo gọi «. Mắc kệ chúng nó ở đấy, lí trưởng lại quay lên đình.

Quan phủ dương hỏi thủ quỹ :

— Tiền đêm rồi mày đưa cho ai ?

— Bầm ông lớn, con đưa cho anh lí chúng con.

Lí trưởng nói đón :

— Số tiền ấy mới là suất sưu của tên Hợi.

Quan phủ cau mày :

— Tên Hợi là tên nào ? Sao thằng Dậu lại phải nộp sưu cho nó ?

— Bầm ông lớn, tên Hợi là em ruột tên Dậu. Hắn chết từ đầu tháng giêng... Vì tên Dậu là thân nhân của hắn, cho nên chúng con bắt phải nộp thay.

Quan phủ hỏi gặng:

— Thế làm sao mày lại không đưa biên lai cho nó? Định thu lạm thuế phải không?

Rồi ngoảnh lại nhìn viên thừa phái, quan phủ nói bằng giọng nghiêm nghị:

— Thầy thảo biên bản, nói rằng nay tôi về đây khám thuế bắt được lí trưởng thu thuế của tên Dậu mà không biên nhận cho nó. Rồi báo chánh tổng kí vào. Nghe không?

Sau tiếng dạ của viên thừa phái, lí trưởng chấp tay đến cạnh quan phủ và gãi tai:

— Bầm lạy ông lớn, chúng con là tôi con ông lớn, xin ông lớn thương... Thực quả chúng con tình oan.

Quan phủ càng ra bộ giận dữ:

— Vụ thuế này mày kiếm của những đứa ngoại canh được mấy trăm đồng. Con chực thu lạm của thằng cùng đinh! Ông thì cách cổ...!

Lí trưởng lại năn nỉ nhắc lại câu vừa mới nói:

— Bầm lạy ông lớn, chúng con là tôi con ông lớn, xin ông lớn thương... Thực quả chúng con tình oan.

Quan phủ dịu giọng:

— Mai lên phủ hầu. Nghe không?

Lí trưởng dạ một tiếng dài, rồi khúm núm đi lùi trở ra.

Quan phủ hỏi đến chị Dậu:

— Mày đánh lính và người nhà lí trưởng đề thảo cho chồng mày trốn sưu phải không?

Chị Dậu cất giọng run run:

— Bầm lạy quan lớn, con không đánh các ông ấy. Vì các ông ấy định đánh chồng con, con sợ chồng con đương ốm mà lại phải đòn thì chết, nên con phải oan.

Lí trưởng nói xen:

— Bầm ông lớn, chính thị ấy có đánh người nhà chúng con và anh cai lệ, mắt con trông thấy.

Quan phủ gạt đi:

— Im cái mồm! Không ai hỏi mày!

Rồi ngai lại gần chị Dậu:

— Mày can, tức là mày đánh nhau với chúng nó... A! Con này dám chống cự với lính trong khi làm việc phận sự! Muốn vào tù?

Chị Dậu nín lặng, không biết nói sao. Quan phủ cất giọng hách dịch:

— Cho ra ngoài kia!

Thầy thừa vừa thảo xong tờ biên bản, để lên trước mặt quan phủ. Nhìn qua biên bản một lượt, quan phủ bảo chánh tổng đóng triện và mấy người hương chức kí tên làm chứng. Rồi ngài mới kiểm đến thuế.

Trước mặt chánh tổng và các hương chức, lí trưởng đổ tráp bạc cho thầy thừa đếm. Tất cả bạc giấy, bạc hào mới được sáu trăm và chục đồng. So với ruộc thuế còn thiếu năm trăm, nhưng so với số tiền đã biên trong sổ lí trưởng, thì dôi ra đến hai chục đồng.

Quan phủ đập tay xuống bàn và dọa lí trưởng:

— Mày không thu lạm, làm sao tiền thuế lại thừa? Xong vụ thuế này, ông thu bằng triện.

Lí trưởng sợ tái mặt, chỉ nức hai tay như người bắt quýt và nói đi nói lại một câu «xin ông lớn thương».

Quan phủ đổi giọng ngọt ngào:

— Mai lên phủ hầu! Giải cả con vợ thằng Dậu lên nữa. Nghe không!

Rồi ngài chững chạc đứng dậy, đi xuống giột đình. Tù và trống cái và cờ quạt lũ lượt tiễn ngài lên phía đầu làng.

TÁC PHẨM «CHÍ PHÈO»

(NAM CAO)

I — SƠ LƯỢC TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Nam Cao, tên là Trần Hữu Trí, sinh năm 1917 tại làng Đại Hoàng, phủ Lí Nhân, tỉnh Hà Nam (nay thuộc huyện Lí Nhân, tỉnh Hà Nam Ninh), trong một gia đình làm ruộng pha buôn bán bị phá sản dần. Học hết trung học ở Nam Định, Nam Cao vào Sài Gòn làm nhiều nghề như phóng viên báo, thư kí nhà buôn, rồi trở về Hà Nội dạy học tư cho đến năm 1944.

Năm 1943, Nam Cao gia nhập nhóm Văn hóa cứu quốc bí mật ở Hà Nội. Sau đó năm 1945 về quê tham gia cướp chính quyền ở phủ Lí Nhân. Kháng chiến bùng nổ, Nam Cao làm công tác tuyên truyền, báo chí ở Hà Nam; năm 1947 lên Việt Bắc làm báo Cứu quốc; 1950 về công tác ở Hội văn nghệ Việt Nam. Năm 1948, Nam Cao được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương.

Năm 1951, Nam Cao vào vùng tạm bị chiếm để chuẩn bị sáng tác, bị giặc phục kích, đã hi sinh trong lúc đi công tác phục vụ thuế nông nghiệp ở đồng bằng, khu III.

Tác phẩm chính: *Chí Phèo* (1940), *Nửa đêm* (1944), *Sống mòn* (1944), *Đôi mắt* (1948 — 1949), *Chuyện bên giới* (1950).

II — GIỚI THIỆU TÁC PHẨM «CHÍ PHÈO»

Tác phẩm *Chí Phèo* của Nam Cao đã nêu lên vấn đề xã hội lớn: số phận bi thảm của người nông dân lương thiện mà ở đây là người cố nông, bị bọn địa chủ, cường hào và chế độ xã hội thực dân nửa phong kiến xô đẩy vào con đường lưu manh, tội lỗi, không có lối thoát.

1. Tác phẩm *Chí Phèo* tố cáo tội ác và những mâu thuẫn thối nát của bọn địa chủ, cường hào sâu một

Trong tác phẩm *Chí Phèo*, Nam Cao đã tố cáo một tội ác lớn của bọn địa chủ, cường hào, thực dân: xô đẩy những người

nông dân lương thiện vào con đường lưu manh, tội lỗi, không có lối thoát. Cùng với cả chế độ thực dân nửa phong kiến, với nhà tù và sự cùng khổ, bọn chúng đã làm cho những con người vốn hiền lành, có phẩm cách trong sạch như Chí Phèo trở thành méo mó, xấu xa đến quái dị.

Bà Kiến là nhân vật tiêu biểu cho bọn địa chủ, cường hào được Nam Cao xây dựng thành một điển hình kiểu cụ lí của làng xã Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. Để làm giàu và giữ gìn uy thế chính trị, hắn không từ một thủ đoạn tàn ác nào đối với nông dân kể cả việc cầm đất, cầm nhà, đưa người ta vào vòng tù tội hay xúi giục bọn lưu manh đến đốt phá nhà cửa. Mặt khác, hắn cũng rất thâm hiểm. Hắn có cái « cười Táo Tháo »⁽¹⁾. Hắn biết « mềm nắn rắn buông », biết « cướp của người tu năm mươi đồng nhưng lại quảng trả năm hào vì tương anh từng quá ». Lịch sử làm giàu và làm lí trưởng, chánh tổng rồi bá hộ của hắn cũng là lịch sử việc hắn xô đẩy hết Năm Thọ, Bình Chức rồi Chí Phèo vào con đường lưu manh, tội lỗi, không có lối thoát.

Vạch được tội ác lớn của chúng, Nam Cao còn vạch được những mâu thuẫn thối nát trong bọn chúng. Như đàn cá tranh mồi, bọn chúng một mặt đù lại với nhau để đàn áp, bóc lột nông dân, mặt khác lại ngấm ngấm dìm nhau và cho nhau « ăn bùn ». Bà Kiến dùng bọn tay sai lưu manh để đối phó với Đội Tảo. Đội Tảo như nổ từng khúc ruột khi Bà Kiến chết.

2. Tác phẩm *Chí Phèo* đã khắc họa thành công hình ảnh người cố nông lương thiện bị bọn địa chủ, cường hào, và chế độ xã hội thực dân nửa phong kiến xô đẩy vào con đường lưu manh, tội lỗi, không có lối thoát

Chí Phèo trước hết là một người lương thiện. Cũng đã có một thời, Chí Phèo ao ước « một gia đình nhỏ nhỏ, chồng cuốc vườn, cây thuê, vợ dệt vải ». Khi làm canh điền cho Bà Kiến,

(1) Cười Táo Tháo: chữ dùng của Nam Cao, ý nói tiếng cười giả dối.

Chi Phèo là người khỏe mạnh và giàu lòng tự trọng, biết nhục khi bị bà Ba nhà cụ Bá sai làm điều không chính đáng. Thế nhưng, do âm mưu của Bá Kiến, nhà tù của thực dân và cảnh cùng khổ đã biến Chi Phèo thành một con người có bộ mặt và tính cách méo mó, xấu xa, hết sức quái dị. Cuộc đời Chi Phèo là một cơn say dài, say vô tận. Hắn trở thành công cụ vô ý thức trong tay bọn thống trị. Hắn làm tất cả mọi việc dốt phá, đâm chém trong lúc say. «Hắn làm mọi việc người ta sai hắn làm» và trở thành «con quỷ dữ của làng Vũ Đại».

Khi đã dần sâu vào con đường lưu manh, tội lỗi cũng có lúc Chi Phèo muốn trở lại sống cuộc đời lương thiện. Cuộc gặp gỡ của Chi Phèo với Thị Nở giống như một tia sáng bé nhỏ lóe lên trong cuộc đời tối tăm dằng dặc của Chi Phèo để rồi tắt ngấm. Ao ước chung sống với Thị Nở — một người đàn bà vừa xấu, vừa nghèo, vừa dở hơi, lại là đồng giống của một nhà có «mả hủi» — để sống cuộc đời lương thiện mà không được, tiếng kêu của Chi Phèo: «Tao muốn làm người lương thiện!... không được... Ai cho tao lương thiện?» là tiếng kêu tuyệt vọng của một con người không có lối thoát.

Kết cục, thái độ phản kháng của Chi Phèo — nên có thể gọi như vậy — là giết Bá Kiến và giết chết mình. Điều đó được Chi Phèo làm lúc nửa say, nửa tỉnh, là vô ý thức, nhưng cũng là hành động dễ hiểu của một kẻ cùng đường.

Bên cạnh việc tập trung miêu tả Chi Phèo, Nam Cao cũng đã vẽ ra một vài nét đơn sơ nhưng cũng đủ rõ hình ảnh và số phận của Năm Thọ, Binh Chức, những con người cùng chung số phận với Chi Phèo. Họ góp phần làm nổi rõ tính điển hình của nhân vật chính và hoàn thiện bức tranh hiện thực tố cáo mà tác giả đã vẽ ra.

3. Tác phẩm Chi Phèo đạt được một số thành công đặc sắc về nghệ thuật

Nói đến thành công về nghệ thuật của tác phẩm *Chi Phèo* trước hết phải nói đến nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình. Chi Phèo, Bá Kiến, nhất là Chi Phèo là những nhân vật

vừa có tính điển hình, vừa có cá tính. Chi Phèo điển hình và độc đáo từ chân dung đến tính cách, từ bộ mặt đến tâm lý. Bà Kiến giống và khác đồng bọn ở âm mưu, thủ đoạn gây tội ác và cái cười Tào Tháo của hắn. Những nhân vật khác như Năm Thọ, Binh Chức, Thị Nở, Lí Cường, Đội Tảo chỉ là những phác họa, nhưng dáng dấp cũng rõ.

Thành công thứ hai là về ngôn ngữ. Ngôn ngữ của Nam Cao trong tác phẩm *Chi Phèo* rất phong phú, nhiều vẻ, trong sáng mà rất đại chúng. Nam Cao sử dụng rất linh hoạt lối văn miêu tả, kể chuyện, lối văn nhân vật tự bộc lộ tâm trạng mình cũng như lối văn đối thoại. Nam Cao biết kết hợp một cách tài tình ngôn ngữ tác giả và ngôn ngữ nhân vật.

Thành công thứ ba của tác phẩm *Chi Phèo* là kết cấu tác phẩm. Nam Cao kết cấu tác phẩm của mình vừa hấp dẫn, vừa chặt chẽ. Từ tiếng chửi và cái lò gạch bỏ không mở đầu tác phẩm đến việc Thị Nở nhìn vào bụng và nghĩ đến cái lò gạch, mọi chi tiết đều được tập trung để nêu bật chủ đề tác phẩm.

4. Tác phẩm Chi Phèo có một vài hạn chế

Trước hết đó là cái nhìn bi quan. Mở đầu tác phẩm là cái lò gạch. Kết thúc tác phẩm cũng là cái lò gạch. Chi Phèo chết, nhưng một Chi Phèo khác lại có thể ra đời. Nam Cao chưa nhìn thấy lối thoát của những con người bị áp bức, bóc lột mà trong thực tế xã hội lúc đó đã có với cả một phong trào cách mạng rộng lớn do Đảng lãnh đạo. Nhà văn cũng còn một số biểu hiện của chủ nghĩa tự nhiên khi miêu tả Thị Nở.

Mặc dù có những hạn chế đó, *Chi Phèo* vẫn là một trong những tác phẩm xuất sắc của văn học hiện thực phê phán Việt Nam.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tác phẩm *Chi Phèo* đã nêu lên vấn đề xã hội gì?
2. Những thành công và hạn chế của tác phẩm *Chi Phèo*?
3. Anh (chị) hiểu thế nào là nhân vật điển hình? Tại sao ta lại nói Chi Phèo là một điển hình độc đáo?

CHÍ PHEO
(Trích)

Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao; đời là tất cả nhưng cũng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại, ai cũng tự nhủ: «Chắc nó trờ mình ra!». Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Tức thật! Ô! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Bã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì nó khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này? A bà! Phải đấy, hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hắn nghiêng rặng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí Phèo. Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có mà trời biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết.

Một anh đi thả ống lươn, một buổi sáng tinh sương, đã thấy hắn trần truồng và xám ngắt trong một cái váy đụp để bên một cái lò gạch bỏ không, anh ta rước lấy và đem cho một người đàn bà góa mù. Người đàn bà góa mù này bán hắn cho một bác phó (¹) cối không con, và khi bác phó cối này chết thì hắn bỏ vợ, hết đi ở đợ cho nhà này lại đi ở cho nhà nọ. Năm hai mươi tuổi, hắn làm canh điền cho ông lí Kiến, bây giờ là cụ bá (²) Kiến, ăn tiền chỉ làng. Hình như có mấy lần bà ba nhà ông Lí, còn trẻ lắm mà lại cứ hay ồm ồm, bắt hắn bóp chân, hay xoa bụng, đâm lưng gì đấy. Người ta bảo ông lí ra đình thì hách dịch, cả làng phải sợ, mà về nhà thì lại sợ cái bà ba còn trẻ này. Người bà ấy phốp pháp, má bà ấy hồng hồng, mà ông lí thì hay đau lưng lắm; những người có bệnh đau lưng hay sợ vợ mà chưa đời là khỏe ghen. Có người bảo ông lí ghen với anh canh điền khỏe mạnh mà sợ bà ba

không dám nói. Có người thì lại bảo anh canh điền ấy được bà ba quyền thu quyền bỏ trong nhà tin cần nên lấy trộm tiền, trộm thóc nhiều. Mỗi người nói một cách. Chẳng biết đâu mà lần, chỉ biết có một hôm Chí bị người ta giải huyện rồi nghe đâu phải đi tù. Không biết tù mấy năm, nhưng hắn biệt tăm đến bảy, tám năm, rồi một hôm, hắn lại lù lù ở đâu lần về. Hắn về lớp này trông khác hẳn, mới đầu chẳng ai biết hắn là ai. Trông đặc như thằng sắng đá (³)! Cái đầu thì trọc lóc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen và rất cơng cơng, hai mắt gườm gườm trông gớm chết! Hắn mặc quần áo nái đen với cái áo tây vàng. Cái ngực phanh ra, đầy những nét chạm trổ rồng, phượng với một ông tướng cầm chùy (⁴), cả hai cánh tay cũng thế. Trông gớm chết!

Hắn về hôm trước, hôm sau đã thấy ngồi ở chợ uống rượu với thịt chó suốt từ trưa đến xế chiều. Rồi say khướt, hắn xách một cái vỏ chai đến cổng nhà bá Kiến, gọi tên tên tục ra mà chửi. Cụ bá không có nhà. Thấy điệu bộ hung hăng của hắn, bà cả đùn bà hai, bà hai thúc bà ba, bà ba gọi bà tư, nhưng kết cục chẳng bà nào dám nói với hắn một vại lời phải chăng. Mặc phải cái thùng liên lạc quá, nó lại say rượu, tay nó lại nhăm nhăm cầm cái vỏ chai, mà nhà lúc ấy toàn đàn bà cả... Thôi thì cứ đóng cái cổng cho thật chặt, rồi mặc thầy cha nó, nó có chửi thì tai liền miệng đấy, chửi rồi lại nghe! Thành thử chỉ có ba con chó ra gây điều. Ba con chó dữ với một thằng say rượu!... Thật là âm ỉ! Hàng xóm phải một bữa điếc tai, nhưng có lẽ trong bụng thì họ há: xưa nay họ mới chỉ được nghe bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá chửi người ta, bây giờ họ mới được nghe người ta chửi lại cả nhà cụ bá. Mà chửi mới sướng miệng làm sao! mới ngoa ngoắt làm sao! Họ bảo nhau: Phen này cha con thằng bá Kiến đỡ còn dám vào mặt đi đâu nữa! Mồ mả tổ tiên đến lộn lên mặt. Cũng có người hiền lành hơn thì bảo... «Phúc đời nhà nó, chắc ông lí không có nhà...». Ông lí đây là ông lí Cường con giai cụ bá nổi tiếng là hách dịch, coi người như rơm, như rác. Phải ông lí Cường thủ có nhà xem nào! Quả nhiên họ nói có sai đâu! Đây, có tiếng người nói sang sảng quát: «Mày muốn lời thôi

gi?... Cái thằng không cha không mẹ này! Mày muốn lời thôi gi?...». Đã bảo mà! Cái tiếng quát tháo kia là tiếng lí Cường. Lí Cường đã về! Lí Cường đã về! Phải biết... A ha! Một cái tát rất kêu. Ô! Cái gì thế này? Tiếng đập, tiếng đá nhau bình bịch. Thôi, cứ gọi là tan xương!... Bỗng «choàng» một cái: thôi, phải rồi, hấn đập cái chai vào cột cổng... Ô hấn kêu! Hấn vừa chửi vừa kêu lằng nhằng như bị người ta cắt họng. Ô hấn kêu!

— Ôi làng nước ôi! Cứu tôi với... Ôi làng nước ôi! Bỏ con thằng Kiến nó đâm chết tôi! Thằng lí Cường đâm chết tôi rồi, làng nước ôi!...

Và họ thấy Chí Phèo lăn lộn dưới đất, vừa kêu vừa lấy mảnh chai cào vào mặt. Máu ra loe loét trông gớm quạ! Mấy con chó xông xáo quanh hấn, sủa rất hăng. Lí Cường hơi tái mặt, đứng nhìn mà cười nhạt, cười khinh bỉ. Hừ! Ngờ là gì, chẳng hóa ra nằm vạ! Thì ra hấn định đến đây nằm vạ.

Người ta tuôn đến xem. Mấy cái ngõ tối xung quanh đùn ra biết bao nhiêu là người! Thật ồn ào như chợ. Bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá vững dạ vì có anh lí, cũng xung xĩa ra chửi góp. Thật ra, các bà muốn xem Chí Phèo ra làm sao? Không khéo nó có ý gieo vạ cho cụ ông phen này...

Nhưng kia cụ ông đã về. Cụ cất tiếng rất sang hỏi «Cái gì mà đông như thế này?». Chỗ này «lạy cụ» chỗ kia «lạy cụ», người ta kính cẩn đứng giãn ra, và Chí Phèo bỗng nằm dài, không nhúc nhích, rên khe khẽ như gần chết.

Thoảng nhìn qua, cụ đã hiểu cơ sự rồi. Làm lí trưởng, rồi chánh tổng bây giờ lại đến lượt con làm lí trưởng, những việc như thế này cụ không lạ gì. Cụ hãy quát mấy bà vợ đang xung xĩa chực tâng công với chồng:

— Các bà đi vào nhà, đàn bà chỉ lời thôi, biết gì?

Rồi quay lại bọn người làng, cụ dịu giọng hơn một chút:

— Cả các ông bà nữa, về đi thôi chứ! Có gì mà xúm lại như thế này?

Không ai nói gì, người ta lặng dần đi. Vì nề cụ bá cũng có, những người vì nghĩ đến sự yên ổn của mình cũng có: người

nhà quê vốn ghét lời thôi: ai dai gì đứng ý ra đây, có làm sao họ triệu mình đi làm chứng! Sau còn trở lại Chí Phèo và cha con cụ bá. Bấy giờ cụ mới lại gần hấn, khẽ lay và gọi:

— Anh Chí ơi! Sao anh lại làm ra thế?

Chí Phèo lim dim mắt, rên lên:

— Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sặt nghiệp, mà còn rủ tù chưa biết chừng.

Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm; người ta bảo cụ hơn người cũng chỉ bởi cái cười:

— Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì mà anh phải chết? Đòi người chứ có phải con ngóe đâu? Lại say rồi phải không?

Rồi đổi giọng, cụ thân mật hỏi:

— Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước.

Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn:

— Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì, ta nói chuyện tử tế với nhau. Cần gì mà phải làm thành động (?) lên thế, người ngoài biết mang tiếng cả.

Rồi vừa xốc Chí Phèo, cụ vừa phản nản:

— Khổ quá! Giá có tôi ở nhà thì đâu đến nỗi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ. Chỉ tại thằng lí Cường nóng tính không nghĩ trước nghĩ sau. Ai, chứ anh với nó còn có họ kia đây.

Chí Phèo chả biết họ hàng ra sao, nhưng cũng thấy lòng người người. Hấn cố làm ra vẻ nặng nề, ngồi lên. Cụ bá biết rằng mình đã thắng, đưa mắt nháy con một cái, quát:

— Lí Cường đàn! Tội mày đang chết. Không báo người nhà đun nước mau lên!

Cụ dắt Chí Phèo đứng dậy, giục thêm vài tiếng nữa và Chí Phèo chịu đi! hấn chỉ cố khập khiễng cái chân như bị què. Và vì lúc ấy trong người hấn rượu đã hơi nhạt rồi, không còn kêu gào chửi bới; và không còn ai nghe kêu gào chửi bới hấn

thấy hình như không hăng hái nữa. Sự ngọt ngào làm mềm nhũn. Và lại, những người đứng xem về cả rồi, hẳn thấy hẳn hình như trơ trọi. Cái sợ cổ hủ (6) trong lòng thức dậy, cái sợ xa xôi của ngày xưa, hẳn quả thấy là tào bạo. Không tào bạo mà dám gây sự với cha con bá Kiến, bốn đời làm tổng lí. Và nghĩ thế, hẳn thấy hẳn cũng oai. Hẳn làm cái ông gì ở làng này? Không vậy cánh, không họ hàng thân thích, anh em không có, đến bố mẹ cũng không... Ờ, thế mà dám độc lực chọi nhau với lí trưởng, chánh tổng, bá hộ, tiên chỉ làng Vũ Đại, chánh hội đồng kì hào, huyện hào, Bắc kì nhân dân đại biểu, khét tiếng đến cả trong hàng huyện. Thử hỏi đã có mặt nào trong cái làng hơn hai nghìn suất đinh này làm được thế? Kể làm rồi có chết cũng là cam tâm. Vậy mà không: cái cụ bà thét ra lửa ấy lại xử nhũn, mời hẳn vào nhà xơi nước. Thôi cũng hã, đã xử nhũn thì hẳn vào. Nhưng bỗng hẳn lại hơi ngần ngại: biết đâu cái lão cáo già này nó chắt lại lừa hẳn vào nhà rồi lòi thoi. Ờ mà thật, có thể như thế lắm! Nay, nó hãy lòi ngay mấy cái mâm, cái nồi hay đồ vàng, đồ bạc ra khoác vào cổ hẳn, rồi cho vợ ra kêu làng lên, rồi cột cổ hẳn vào, chần cho một trăn om xương, rồi vu cáo là ăn cướp thì làm sao? Cái thằng lí Kiến, già đời đưc khoét, còn đến cái nước gì mà chịu lép như trâu thế. Thôi, đại gì mà vào miệng cộp, hẳn cứ đứng đây này, cứ lại lần ra đây này, lại kêu toáng lên xem nào? Nhưng nghĩ ngợi một tí hẳn lại bảo: kêu lên cũng không nước gì! Lão bà vừa nói một tiếng bao nhiêu người, đã ai về nhà nấy, hẳn còn lần ra kêu nữa, liệu có còn ai ra? Và lại bây giờ rục rục nhát rồi, nếu lại phải vạch mặt thêm mấy nhát thì cũng đau. Thôi cứ vào! Vào thì vào, cần cái gì. Muốn đập đầu thì vào ngay giữa nhà nó mà đập đầu còn hơn ở ngoài. Cùng lắm, nó có giở quẻ, hẳn cũng chỉ đến đi ở tù. Ở tù thì hẳn coi là thường. Thôi cứ vào...

Vào rồi, hẳn mới biết những cái hẳn sợ là hão cả. Bá Kiến quả có ý muốn dàn xếp cùng hẳn thật. Không phải cụ đơn chính thật cụ khôn róc đời, thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ hai sợ kẻ cổ cùng liều thân, Chí Phèo không anh hùng, nhưng nó là cái thằng liều lĩnh. Liều lĩnh thì ai còn thêm chấp! Thế nào

là mềm nắn rắn buông? Cái nghề làm việc quan, nếu nhất nhất cái gì cũng đề đầu, ấn cổ thì lại bán nhà đi cho sớm. Cụ vậy bảo lí Cường thế đấy. Vũ dũng như hẳn mà làm được lí trưởng là nhờ có cụ. Cụ mà chết đi rồi, «Chúng nó» lại không cho ăn bòn!

Tiếng vậy, làm tổng lí không phải là chuyện dễ. Ở cái làng này, dân quá hai nghìn, xa phủ, xa tỉnh, kẻ ăn thì cũng dễ ăn, nhưng không phải dễ mà làm lí trưởng thì cứ việc ngồi mà khoét! Hồi năm nọ, một thầy địa lí qua đây có bảo đất làng này vào cái thế «quần ngư tranh thực» (7) vì thế mà bọn đàn anh chỉ là một đàn cá tranh mồi. Mồi thì ngon đấy, nhưng mà năm bè bảy bối, bè nào cũng muốn ăn; ngoài mặt thì tử tế với nhau, nhưng thật ra trong bụng lúc nào cũng muốn cho nhau lụn bại để cười lên đầu, lên cổ. Ngay thẳng Chí Phèo này đến đây sinh sự biết đâu lại không có thằng nào ấy đấy? Nếu cụ không chịu nhin, làm cho to chuyện có khi tổn tiền. Cái nghề bám thẳng có tóc, ai bám thẳng trọc đầu? Bỏ tù nó thì dễ rồi, nhưng bỏ tù nó, cũng có ngày nó được ra, liệu lúc ấy nó có để yên mình không chứ? Cụ phải cái vụ thẳng Năm Thọ, mãi đến giờ chưa quên.

Năm Thọ vốn là một thằng đầu bò, đầu bươn. Hồi ấy, bá Kiến mới ra làm lí trưởng nó hình như kinh nhau với hẳn ra mặt; lí Kiến muốn trị nhưng chưa có dịp. Được ít lâu, hẳn can dự vào một vụ cướp, bị bắt giam; lí Kiến ngấm ngấm vận động cho vào tù. Vẫn tưởng một người vai vế như Năm Thọ mà thất cơ lỡ vận (8) đến nỗi tội tù làm gì còn dám vác cái mặt me về làng? Lí Kiến mừng thầm rằng đã nhờ được cái đình trước mắt. Nào ngờ một buổi tối lí Kiến đang ngồi một mình soạn giấy mà thì Năm Thọ vác dao xộc vào. Nó đứng chặn lấy cửa và bảo: nếu kêu một tiếng thì đâm chết liền, thì ra nó vượt ngục về đây nhờ ông lí một cái thẻ mang tên một người lương thiện và một trăm đồng bạc để trốn đi. Nó lại bảo: nghe nó thì nó đi biệt, mà không nghe nó thì nó đâm chết, rồi muốn ra sao thì ra; còn muốn sống với vợ, với con thì nghe nó.

Lẽ tất nhiên là lí Kiến nghe. Năm Thọ đi phen ấy là mất tâm, cũng không bao giờ về nữa thật. Nhưng thói đời, tre già

ngon
ngọt
bùi
bùi

24 đời 49 gọi lên
suýt nghĩ của bá Kiến

những mợ, có bao giờ hết những thằng du côn? Năm Thọ vừa đi, lại có binh Chức ở đầu lân về. Mà thằng này lúc nó còn ở nhà, nào có ngạo ngược gì cho cam. Người ta đã phải gọi hần là cựa đất. Ai bảo làm sao thì ư hừ làm vậy, mới quát một tiếng thì đã đá cả ra quần, thuê đồ một đồng thì đóng quá hai, đến nỗi có con vợ hay hay mất, bị người ta ghẹo cũng im lìm rồi về nhà hành vợ chứ chẳng dám ho he gì; thế đấy; cái nghề đời hiền quả hóa ngu: ở đâu chứ ở đất này đã ngu, đã nhện thì chúng ăn cho đến không còn ngóc đầu lên được. Hần làm tí làm cật lực mà quanh năm nghèo rớt mùng tơi, chỉ vì một miếng cũng không giữ được mà ăn: đũa nào nó vớ được nó cũng xoay, mà đũa nào xoay cũng chịu. Sau cùng bực quá hần đi lính. Lại càng thêm tội! Không bực còn được vợ, tuy rằng thỉnh thoảng có bị sây sột ra ngoài, nhưng vẫn là vợ mình. Bực thì hóa ra mất vợ. Bởi vì chị vợ ở nhà còn trẻ, mới hai con, cái mặt sắc như dao lại hồng hồng đôi má, bỗng nhiên sinh ra vắng chồng, của ngon trở trở ngay trước mắt, ai mà nhịn được?

Nhà chị binh ở gần đường. Ông phó đi đánh bạc đêm về cũng lại vào; anh trưởng tuần đi tuần cũng lại vào; anh hàng xóm cũng mơ sang, thậm chí đến cái thùng hương đèn, đầu hai thứ tóc, già đời lam đầy tớ cho các ông lí trưởng, cũng mon men vào gạ gẫm. Vợ binh Chức đã nghiêm nhiên thành một con nhà thờ không phải trả tiền để bọn lí dịch nhỏ nhỏ trong làng chuyên đời? Chính ngay lí Kiến, tuy hồi ấy đã có đến ba vợ, cũng không nở bỏ hoài cái của không dùng được giới cho; và không bỏ hoài, ông còn được lợi. Mỗi lần chị binh đi lính lương hay lính măng-đa (?) của chồng phải mượn ông lí đi nhận thực. Không ông lí nào vác của nhà đi mà nhận thực cho người ta, điều ấy đã cố nhiên. Nhưng với lí Kiến, thì không những cơm rượu tiền túi, còn phải cho ngồi xe chạng và còn ở lại tỉnh nữa.

Thế là mấy đồng bạc lương đi đời; mấy đứa con của chị ngày mai chỉ được cái kẹo đạn mứt, hay hậu hĩnh ra thì được mấy cặp bánh giầy giò ăn. Thành thử công lao anh binh, rút lại

chỉ cho chị binh mỗi tháng một lần hưởng những cuộc vui với ông lí nhà.

Chẳng hiểu anh ta cũng biết thế mà chán cảnh nhà hay sao mà mãi hạn ba năm cũng không thấy về. Rồi ít lâu sau, có trát về làng bắt trở: nã và áp giải tên Trần Văn Chức. Lí Kiến khai tên ấy thuộc hạng dân lưu tán không về làng. Nhưng khai hôm trước thì hôm sau hần về. Lí Kiến sai đầy tớ đem trát đến nhà đòi hần. Hần đến ngay, nhưng lại dẫn cả vợ và hai con. Không đời ông lí nói một câu, hần rút một con dao chọc tiết lợn ra, nhăm nhăm cầm ở tay mà bảo rằng: «Chẳng nói giấu gì ông, tôi can án giết người. Nếu ông không thương, mà bắt giải thì vợ con tôi chết đói. Thôi thì đằng nào chúng nó cũng chết, tôi đâm chúng nó chết ở đây rồi ông bắt đi ở tù luôn thể». Mất hần đồ ngẫu; lưỡi dao hần hoa lên loang loang, chỉ trông cũng đủ lạnh gáy. Hần có thể giết người được lắm, mà chắc không phải chỉ giết có vợ và con thôi, khi hần đã có gan đâm chết vợ con thì hần có kiêng gì cái cò của con người khác nữa? Lí Kiến nghĩ ngợi một lúc rồi bảo cứ về rồi ông liệu. Ông liệu nghĩa là ông che đậy cái án của hần không cho ai biết mà mỗi lần có trát về nhắc, ông lại khai rằng: vẫn chưa có tên Chức về. Thế là hần cứ nghiêm nhiên sống ở ngay chính quê hương hần. Và bây giờ, người ta thấy vợ hần rất chính chuyên và lại trung thành, thì chăm chỉ làm để nuôi hần; những ông trưởng, ông phó tự nhiên nghĩ bụng rằng: người ta có chồng rồi mà còn chẳng màng thì phải tội; ai cũng sinh tử tế cả chỉ trừ anh binh, bởi vì Chức bây giờ lại rất mực ngang ngược. Hần ăn vườn đấy, nhưng chẳng nộp thuế cho ai. Thúc hần thì hần chửi. Cầm vườn hần thì hần chém, sinh chuyện với hần thì chính lí trưởng làng có lỗi bởi cố ý ăn lâu hần là một tên con phạm. Ấy thế mà hần cũng chưa vừa lòng đâu. Một hôm, không hiểu nghĩ ngợi thế nào, hần vác dao đến bảo trưởng vào mặt lí Kiến rằng:

— Hồi tôi còn tại ngũ, tôi gửi về nhà có trăm. Không biết vợ tôi có tiêu pha gì hay là cho giải mà không còn một đồng nào cả? Tôi hỏi nó thì nó bảo: ở nhà, đàn bà con gái một mình, không dám giữ tiền, được đồng nào mang gửi ông lí cả.

Tôi sợ nó bịa ra nên đã trối sẵn nó ở nhà. Bây giờ tôi đến thưa với ông linh toán xem được bao nhiêu cho đem về nuôi cháu. Thiếu một đồng thì tôi không để yên cho chúng nó.

Lí Kiến hiểu rằng : « Chúng nó » đây có thể gồm cả ông. Ông cười nhạt bảo rằng :

— Thế này này, anh bình a : chị ấy gửi tôi thì quả là không có...

Hắn tròn mắt lên quát :

— Thế thì thằng nào ăn đi ?

Lí Kiến vội nói lắp ngay :

— Thế nhưng mà anh có thiếu tiền thì cứ bảo tôi một tiếng. Chị ấy trót tiền đi rồi thì có giết cũng chẳng ra. Lỗi thời làm gì cho sinh tội ?

Ông mở trap quăng cho nó năm đồng bạc. Hắn cầm lấy « lay ông » từ tế ra về. Từ hôm ấy, hắn thành từ tế với Lí Kiến, nhân làm chỗ dựa cho chân tay, nhưng Lí Kiến thỉnh thoảng vào phải cho hắn tiền. Cho mãi đến năm ngoài đây, hắn chết...

Thì nay lại nở ra Chí Phèo. Lại một thằng hiền lành như đất, tội nghiệp cho hắn, có lần Lí Kiến thấy hắn vừa bóp đùi cho bà ba, vừa run run ! Bỗng nhiên vùng dậy, giở toàn những giọng uống máu người không tanh. Thì ra giả néo đứt dây. Cụ tiên chỉ làng Vũ Đại nhận ra rằng : để nên con em đến nỗi nó không chịu được phải bỏ làng mà đi là đại. Mười thằng đã ra đi thì chín thằng giở về với cái vẻ hung dữ, cái tính ương ngạnh học được từ phương xa. Một người khôn ngoan chỉ bóp đến nửa chừng. Hãy ngấm ngấm đây người ta xuống sông, nhưng rồi lại dắt nó lên để nó đền ơn. Hãy đập bán đập ghé, đòi cho được năm đồng, nhưng được rồi thì lại vắt trả lại năm hào « vì thương anh túng quá ! » Và cũng phải tùy mặt nữa những thằng có máu mặt, vợ đẹp, con đàn, chính là những thằng sợ quan và dễ bóp ; trái lại, những thằng từ cổ vô thân⁽¹⁰⁾, giết chúng nó thì dễ, nhưng giết được, chỉ còn có xương ; mà gây với chúng là mở một dịp tốt để cho các phe nghịch xoay lại mình. Làng

nào cũng có nhiều cánh, mỗi cánh kết bè đảng chung quanh một người : cánh cụ bà Kiến, cánh ông đội Tào, cánh ông Tư Đạm, cánh ông bát Tùng... Bằng ấy cánh du lại với nhau để bóc lột con em, nhưng vẫn ngấm ngấm chia rẽ, nhè từng chỗ hở để mà trị nhau... Cụ lại nhận ra rằng : ở cái đất nhà quê bọn dân hiền lành chỉ ẽ cõ làm nuôi bọn ki hào⁽¹¹⁾, nhưng chính bọn ki hào, nhiều khi lại phải ngấm miệng cung cấp cho những thằng cùng hơn cả dân cùng, nên liều lĩnh, lúc nào cũng có thể cầm dao đâm người hay đâm mình.

Nhưng cụ không phải là một người ưa than thở. Than thở chẳng ích gì cho ai, cái bọn dân đình suốt đời bị đè nên kia, sở dĩ bị đè nên suốt đời, chỉ vì khi bị đè nên, chúng chỉ biết than thở chứ không biết làm gì khác. Cụ bà Kiến không cần than thở, trị không lợi thì cụ dùng. Cụ nghĩ bụng : cũng phải có những thằng đầu bò chứ ? Không có những thằng đầu bò thì lấy ai mà trị những thằng đầu bò ? Thế lực của cụ sở dĩ lấn áp được các vây cánh khác, một phần lớn cũng bởi cụ biết mềm biết cứng, biết thu dụng những thằng đặt mạng không sợ chết và không sợ đi ở tù. Những thằng ấy chính là những thằng được việc. Khi cần đến, chỉ cho nó đâm hao uống rượu, là có thể sai nó đến tác hại bất cứ anh nào không nghe mình. Gặp người hương bình, đánh thép thì nó lừa đốt nhà hay cho mấy nhát dao ; gặp người non mặt, thì nó quăng vào chai rượu lậu, hay là gây sự rồi lăn ra kêu làng. Có chúng nó sinh chuyện thì mới có dịp mà ăn, nếu không thì giữa đám dân hiền lành và yên phận này, khéo lắm chỉ bóp nặn được vào vụ thuế. Thuế một năm có một lần, nếu chỉ trông vào đấy thì bán cả mã cha đi cũng không đủ để bù vào chỗ ba bốn nghìn bạc chạy chọt để tranh triển đồng⁽¹²⁾.

Vì thế, đêm hôm ấy, ở nhà bà Kiến ra về, Chí Phèo vô cùng hả hê ! Bà Kiến đã không vu vạ gì cho hắn, lại còn giết gà mua rượu cho hắn uống, xong lại đãi thêm đồng bạc để về uống thuốc. Đồng bạc, làm gì đến thế ? Hắn loạng choạng vừa đi vừa cười : hắn chẳng cần đến ba xu. Lúc ngồi tù, hắn có học một được mấy bài thuốc giã : chỉ vài năm là, là mặt hắn lại dàu vào đấy ngay. Còn đồng bạc lại để đi uống rượu.

Hắn uống được có vừa ba hôm, hôm thứ tư thì hẳn trợn mắt lên, bảo con mẹ hàng rượu rằng:

— Hôm nay ông không có tiền, nhà mày bán chịu cho ông một chai. Tối ông mang tiền đến trả.

Mụ hàng rượu hơi ngần ngừ. Thế là hẳn rút bao diêm, đánh cái xoe, châm lên mái lều của mụ. Mụ hoảng hốt kêu la om sòm, vội dập tắt được ngọn lửa vừa mới cháy. Rồi khóc khóc mếu mếu, mụ đưa ra chai rượu. Hẳn hăm hăm, chìa vào mặt mụ bảo rằng:

— Cái giống nhà mày, không ưa nhẹ! Ông m-a, chứ ông có xin nhà mày đâu! mày tưởng ông quít hờ? Mày thử hỏi cả làng xem ông có ăn quít của đứa nào bao giờ không? Ông không thiếu tiền! Ông còn gửi đặng cụ bá, chiều nay ông ới lấy về ông trả.

Mụ vừa kéo vạt áo lên quệt mũi vừa bảo:

— Chúng cháu chả dám chắc lép nhưng quả là ít vốn.

Hẳn quát lên:

— Ít vốn chỉ tối nay ông trả. Nhà mày đã chết ngay bây giờ hay sao?

Rồi hẳn xách chai ra về. Hẳn về cái miếu con ở bờ sông, vì vốn từ trước đến nay không có nhà; lúc đi đường, hẳn đã vận được ở vườn nhà nào, ba bốn quả chuối xanh và bóc của một cô hàng xén một dùm con muối trắng. Bây giờ hẳn uống rượu với chuối xanh chấm muối trắng và thấy cũng ngon. Hẳn uống rượu với cái gì cũng ngon.

Uống xong, hẳn chùi miệng rồi ngật ngà ngật ngưỡng đến nhà bà Kiến. Gặp ai hẳn cũng bảo: hẳn đến nhà cụ bá Kiến đòi nợ đấy! Mới trông thấy hẳn vào đến sân, bà Kiến đã biết hẳn đến sinh sự rồi! Cái mắt thì ngầu lên, hai chân thì lão đảo, cái môi bặm lại và run hẳn bật. Cũng may, hẳn không cầm vô chai. Bà Kiến cũng đồng dặc hỏi:

— Anh Chi đi đâu đấy?

Hẳn chào to:

— Lạy cụ ạ. Bầm cụ... con đến cửa cụ để kêu cụ một việc ạ.

Giọng hẳn lẽ nhè và tiếng đã gần như méo mó. Nhưng bộ điệu thì lại như hiền lành: hẳn vừa gãi đầu gãi tai, vừa lải nhải:

— Bầm cụ, từ ngày bị bắt đi ở tù, con lại sinh ra thích đi ở tù, bầm có thể, con có dám nói gian thì trời tru đất diệt, bầm dạ quả đi ở tù sướng quá! Đi ở tù còn cơm để mà ăn, bây giờ về làng về nước, một thước cặm dùi không có⁽¹³⁾, chả làm gì nên ăn. Bầm cụ, con lại đến kêu cụ, cụ lại cho con đi ở tù...

Cụ bá quát, bắt đầu bao giờ cụ cũng quát để thử dây thần kinh của người:

— Anh này lại say khướt rồi!

Hẳn xống lại gần, đảo ngược mắt, giơ cái tay lên nửa chừng:

— Bầm không ạ, bầm thật là không say. Con đến xin cụ cho đi ở tù, mà nếu không được thì... Thì... Thưa cụ...

Hẳn móc đủ mọi túi, để tìm một cái gì, hẳn giơ ra: đó là một con dao nhỏ, nhưng rất sắc. Hẳn nghiêng rằng nói tiếp:

— Vâng, bầm cụ không được tại con phải đâm chết đâm ba thằng, rồi cụ bắt con giải huyện...

Rồi hẳn cúi xuống, tần mần gọt cạnh cái bàn lim. Cụ bá cười khanh khách — Cụ vẫn tư phụ hơn đời cái cười Tào Tháo⁽¹⁴⁾ ấy — cụ đứng lên vỗ vai hẳn và bảo rằng:

— Anh bừa lắm! Nhưng này, anh Chi ạ, anh muốn đâm người cũng không khó gì. Đội Tảo nó còn nợ tôi năm mươi đồng đấy, anh chịu khó đến đòi cho tôi, đòi được thì tự nhiên có vườn.

Đội Tảo là một tay vai vế trong làng. Vây cánh ông ta mạnh, vẫn kinh nhau với cánh nhà cụ Bá. Cánh nhà cụ Bá thường vẫn phải chịu bởi hẳn là cựu binh, lương hưu trí nhiều, quen thuộc nhiều, lại ăn nói giỏi. Hẳn vay cụ Bá năm mươi đồng đã từ lâu bây giờ đột nhiên giở mặt vô tuột, lấy cớ rằng số tiền ấy tính vào món tiền chè lí Cường ra làm lí trưởng chưa tạ hẳn. Cụ Bá tức như chọc hòng, nhưng chưa biết làm thế nào, bởi vì thằng binh Chức, đẩy tờ chân tay của cụ, khả

đi đương đầu với hân được, chết năm ngoài rồi. Bây giờ cụ mới lại gặp được Chí Phèo có thể thay cho binh Chức được. Cụ thử nói khích xem sao. Nếu nó trị được đội Tảo thì tốt lắm. Nếu nó bị đội Tảo trị thì cụ cũng chẳng thiệt gì, chẳng nào cũng lợi cho cụ cả. Chí Phèo nhận đi ngay. Hân tức khắc đến nhà đội Tảo, và cất tiếng chửi ngay từ đầu ngõ. Giá còn phải hôm khác, thì có án mạng rồi: đội Tảo cũng có thể đâm chết được, chưa bao giờ chịu hàng trước cuộc giao tranh. Nhưng phúc đời cho hân, hay là cho Chí Phèo, hôm ấy hân ốm liệt giường, không sao nhắc mình dậy được, có lẽ hân cũng không biết Chí Phèo chửi hân. Vợ hân, thấy Chí Phèo thở ra mùi rượu, và biết rõ đầu đuôi món nợ, lấy năm mươi đồng giấu chồng đưa cho người nhà đi theo Chí Phèo. Đàn bà vốn chuộng hòa bình; họ muốn yên chuyện thì thôi, gai nganh làm gì cho sinh sự. Và lại, bà đội cũng nghĩ rằng: chồng mình đang ốm... Chồng mình có nợ người ta hân hoi... Và năm chục đồng bạc đối với nhà mình là mấy; lời thôi lại chả tốn đến ba lần năm chục đồng!

Vì thế, Chí Phèo mới được vênh vênh ra về; hân thấy hân cái thêm bạc nữa. Hân tự đắc: «Anh hùng làng này cóc thằng nào bằng ta». Cụ bà thấy mình thắng bên địch mà không cần đến hội đồng làm biên bản xem chừng thích chí. Cụ đưa cho anh đầy tớ chân tay mới luôn năm đồng:

— Anh Chí ạ, cả năm chục này phần anh. Nhưng nếu anh lấy cả thì chỉ ba hôm là tan hết. Vậy anh cầm lấy chỗ này uống rượu, còn để tôi bán cho anh mảnh vườn; không có vườn có đất thì làm ăn gì?

Chí Phèo «vàng dạ» ra về. Mấy hôm sau, cụ bà bảo lì Cường cho hân năm sào vườn ở bãi sông cấm thuế của một người làng hôm nợ. Chí Phèo bỗng thành ra có nhà. Hồi ấy hân mới đầu hăm bảy hăm tám...

Bây giờ thì hân đã thành người không tuổi rồi. Ba mươi tám hay ba mươi chín? Bốn mươi hay là ngoài bốn mươi?

Cái mặt hân không trẻ cũng không già; nó không còn phải là mặt người; nó là mặt một con vật lạ, nhìn mặt những con vật có bao giờ biết tuổi? Cái mặt hân vàng vàng mà lại muốn xam màu gio; nó vẫn dục vẫn ngang, không thứ tự biết bao nhiêu là sẹo. Vết những mảnh chai của bao nhiêu lần ăn và kêu làng, bao nhiêu lần, hân nhớ làm sao nổi? Bao nhiêu việc ức hiếp, phá phách, đâm chém, mưu hại, người ta giao cho hân làm! Những việc ấy chính là cuộc đời của hân, cuộc đời mà hân cũng chả biết đã dài bao nhiêu năm rồi. Bởi vì ngay đến cái thẻ có biên tuổi hân cũng không có, trong sổ làng người ta vẫn khai hân vào hạng dân lưu tán, lâu năm không về làng. Hân nhớ mang máng rằng có lần hân hai mươi tuổi, rồi hân đi ở tù, rồi hình như hân hăm nhăm không biết có đúng không? Rồi từ đấy đối với hân không còn ngày tháng nữa. Bởi vì từ đấy, hân bao giờ cũng say. Những cơn say của hân tràn cơn say này sang cơn khác, thành một cơn dài, mênh mông, hân ăn trong lúc say, ngủ trong lúc say, thức dậy vẫn còn say, đập đầu rạch mặt, chửi bới, dọa nạt trong lúc say, uống rượu trong lúc say, để rồi say nữa, say vô tận. Chưa bao giờ hân tỉnh, và có lẽ chưa bao giờ hân tỉnh táo, để nhớ rằng hân có ở đời. Có lẽ hân cũng không biết rằng hân là con quỷ dữ của làng Vũ Đại, để tác quái cho bao nhiêu dân làng. Hân biết đâu hân đã phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đập đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao nhiêu người lương thiện. Hân biết đâu vì hân làm tất cả những việc ấy trong khi người hân say: hân say thì hân làm bất cứ cái gì người ta sai hân làm. Tất cả dân làng đều sợ hân, và tránh mặt hân mỗi lần hân qua.

Vì thế cho nên hân chửi, hay là chẳng vì cái gì hân cũng chửi, cứ rượu xong là hân chửi. Hân chửi như những người... say rượu hát. Giá hân biết hát thì có lẽ hân không cần chửi. Khổ cho hân và khổ cho người, hân lại không biết hát. Vì thế hân chửi, cũng như chiều nay hân chửi...

Hân chửi trời và hân chửi đời. Hân chửi cả làng Vũ Đại. Hân chửi tất cả những đứa nào không chửi nhau với hân. Nhưng cũng mặc, ai mà hoài hoi, tức mình thì hân chửi đứa

nào để ra chính hần, lại càng không ai cần! Và hần lấy thể làm ức lắm: bởi vì người ta không thể chửi nhau một mình, chửi nhau một mình thì còn vấn về gì? Thế là hần chắc chắn đã có một cơ để mà tức tối, một cơ rất chính đáng để hần có thể hùng hổ đi báo thù. Phải, hần đi báo thù, báo thù vào bất cứ ai. Hần phải vào một nhà nào mới được, bất cứ nhà nào. Hần sẽ rẽ vào bất cứ ngõ nào hần gặp để đập phá, đốt nhà, hay lăn ra kêu làng nước. Phải đấy, hần sẽ rẽ vào bất cứ ngõ nào hần gặp... A, đây kia rồi, mau mau.

Nhưng mà mặt trăng lên, mặt trăng rằm vành vành. Và ánh trăng chảy trên đường trắng tinh. Ô cái gì đấy, đen và méo mó trên đường trăng nhể nhại? Nó xềnh xệch về bên phải, nó xệch xạc về bên trái, thu gọn vào rồi lại dài loang ra, xé rách ra vài chỗ. Nó cứ quần quật dưới chân Chí Phèo. Chí Phèo đứng lại nhìn nó, và hần bỗng nhiên ngả cười. Hần cười ngặt nghẽo, cười rũ rượi. Giá hần cứ chửi lại còn dễ nghe! Cái vật xệch xạc trên đường là bóng hần. Thế là hần cười, và hần quên báo thù; hần đi qua cái ngõ đầu tiên kia rồi. Bây giờ thì đến ngõ nhà Tụ Lãng, một anh thấy cũng có một bộ râu lở phờ. Chí Phèo bỗng nảy ra một ý: tạt vào đây và đập cái đàn châu vắn của lão Tụ nửa mùa này ra. Bởi vì lão Tụ này vừa làm thầy cúng lại vừa làm nghề hoạn lợn. Cái đàn của lão lừng phừng nghe còn chói tai hơn là lợn kêu. Nhưng lúc vào thì lão Tụ lại đang uống rượu, lão uống rượu ngay ở sân, vừa uống vừa vuốt râu, vừa rung rung cái đầu. Chí Phèo đứng lại nhìn, thấy lão cũng hay hay. Hần thấy tất cả người uống rượu đều hay hay. Rồi đột nhiên hần khát, trời ôi, sao mà khát! Khát đến như cháy họng... Không do dự, hần lại bên lão Tụ nhắc chai rượu, ngửa cổ dốc vào mồm tu. Lão Tụ đuổi cái cổ gà vặt lông ra, trở mặt lên nhưng không nói gì. Lười lão riu lại rồi, còn nói làm sao được? Lão đã uống hết hai phần chai. Còn một phần thì Chí Phèo tu nốt. Hần tu có một hơi, rồi khà một cái, chép chép cái miệng như còn thêm. Rồi hần nắm lấy mấy cái râu lở phờ của lão Tụ nâng soi lên trăng mà cười. Lão Tụ cũng cười. Hai thằng say rượu ngả vào nhau mà cười, như một đôi tri kỷ cuồng. Rồi Tụ Lãng vào nhà xách

chai rượu nữa ra; lão còn đúng hai chai nữa, lão mời Chí Phèo uống nữa, uống thật say không cần gì. Cứ việc uống đừng có lo ngại gì đấy! Vợ lão chết đến bảy tám năm nay rồi, con gái lão chữa hoang bỏ lão đi, lão chỉ có một mình, không còn vợ con nào mà nheo cả, lão muốn uống đến bao giờ thì uống. Cứ uống! Cứ uống, cứ uống đi ông bạn lạc đường ở cung trăng xuống ă! Uống thật tợn, uống đến dài ra rượu thì mới thích. Nhịn uống để làm gì? Có giàu, có sang, có làm nên ông cả bà lớn nữa, chết cũng không ai gọi là «cụ lớn mà»! Lão sống có đến hơn năm mươi năm rồi mà chưa thấy một cụ lớn mà nào sốt! Chỉ có cái mà. Cái mà tất. Ai chết cũng thành cái mà, say sưa chết cũng thành cái mà, lo gì? Cứ say!

Chưa bao giờ Chí Phèo được thỏa thuê đến thế! Hần lấy làm lạ sao mãi đến hôm nay mới ngồi uống rượu với thằng cha Tụ này. Chúng uống với nhau rất nhiều. Và rất là nhiều. Người ta tưởng như cả làng Vũ Đại phải nhịn uống để đủ rượu cho chúng uống.

Đến lúc hết cả hai chai thì Tụ Lãng đã bỏ ra sân. Lão bỏ như cua và hỏi Chí Phèo rằng: người ta đứng lên bằng cái gì? Chí Phèo vẫn ngửa lão ra, vuốt cái râu lở phờ của lão mấy cái, rồi để mặc lão thế, hần lão đảo ra về. Hần vừa đi vừa phanh ngực ra mà gãi. Hần gãi ngực rồi gãi lên cổ, gãi mang tai và gãi cả lên đầu. Có lúc hần phải đứng lại giữa đường mà gãi, ghêch chân lên mà gãi. Hần bứt rút quá, ngứa ngáy quá, và chợt nghĩ đến cái bờ sông gần nhà. Bởi vì cái vườn của hần ở gần một con sông con, nước lặng và trong, khắp bãi trồng toàn dâu, gió đưa đầy những thân mềm oặt ẹo, cuộn theo nhau thành làn. Duy có vườn nhà hần trồng toàn chuối, ở một góc vườn có túp lều con. Những đêm trăng như đêm nay, cái vườn phẳng ngồn ngang những bóng chuối đen đen như những cái áo nhuộm vắt tung lên bãi. Và những tàu chuối nằm ngửa, uốn cong cong lên hứng lấy trăng xanh rờ rọi như là ướt nước, thỉnh thoảng bị gió lay lại giẫy lên đành đạch như là hứng tình.

Chí Phèo vừa tò mò nhìn những tàu chuối vừa đi xuống vườn. Nhưng hần không vào cái lều úp xúp mà ra thẳng bờ

sông. Hắn định sẽ nhảy xuống tắm cho khỏi ngứa rồi lăn ngay ra vườn mà ngủ: tội gì chui đầu vào lều, bức đến không còn mà thở được. Một thằng như hắn, đập đầu không chết, huống hồ là gió sương... Đến bờ sông hắn dừng lại vì hình như có người. Có người thật và hắn ngáy ra nhìn.

Hắn nhìn giữa hai lọ nước và tựa lưng vào gốc chuối, một người đàn bà ngồi... Chính là người đàn bà, hắn biết vậy là nhờ mớ tóc dài buông xõa xuống vai trần và ngực... Hai tay trần của mẹ buông xuôi, cái mồm mẹ há hốc lên trắng mà ngủ hay là chết. Đôi chân thì duỗi thẳng ra trước mặt, cái váy đen xộc xệch...

Người đàn bà ấy lại là thị Nở, một người ngần ngơ như những người dân trong cổ tích và xấu ma chê quỷ hờn. Cái mặt của thị thực là một sự mỉa mai của hóa công: nó ngăn đến nỗi người ta có thể tưởng bề ngang hơn bề dài, thế mà hai má lại hóp vào mới thật là tai hại; nếu má phình phình thì mặt thị lại còn được hao hao như mặt lợn, là thứ mặt với nhiều hơn người ta tưởng ở trên cổ người. Cái mũi thị vừa ngắn, vừa to, vừa đỏ, vừa sần sùi như vỏ cam sành; bành bành muốn chen lẫn nhau với những cái mũi cũng cỡ to cho không thua cái mũi; có lẽ vì cỡ quá cho nên chúng nứt nẻ như rạn ra. Đã thế thị lại ăn trâu thuốc, hai môi dày được bồi cho dày thêm một lần, cũng may quét trâu sành lại, che được cái màu thịt trâu xám ngoách. Đã thế những cái răng rất to lại chìa ra; ý hắn chúng nghĩ sự cân đối chưa được một vài phần cho sự xấu. Đã thế thị lại đỏ hơi; đó là một ân huệ đặc biệt của thượng đế chỉ công: nếu sáng suốt thì người đàn bà ấy sẽ khổ sở ngay từ khi mua cái gương thứ nhất. Và thị lại nghèo, nếu trái lại, ít nhất đã có một đàn ông khổ sở. Và thị lại là đồng giống của một nhà có mả hủi: cái này khiến không một chàng trai nào phải phân vân. Người ta tránh thị như tránh một vật nào rất tởm. Ngoài ba mươi tuổi, thị vẫn chưa có chồng. Ở cái làng Vũ Đại này người ta kết bạn từ khi lên tám, và có khi có con từ lúc mười lăm, không ai đợi đến năm hai mươi để đưa con thứ nhất. Cứ tình hình ấy thì ta nói quách: thị Nở không có chồng. Mà thị cũng không còn ai thân thích, trừ một

người cô đã có thể gọi được là già, và đã không chồng như thị. Số giờ định thế: để không ai phải tro troi trên đời này. Người cô làm thuê cho một người đàn bà buôn chuối và trâu không xếp tàu đi Hải Phòng, có khi đi tận Hòn Gai, Cẩm Phả. Còn thị sống bằng những nghề lật vật ở làng. Hai cô cháu ở trong một cái nhà tre cách vườn của Chí Phèo bởi con đê: hắn ở ngoài bãi, hai người ở trong xóm. Có lẽ chính vì thế mà thị Nở không sợ cái thằng mà cả làng sợ ấy. Gần gũi lâu cũng sinh quen, mà quen thì ít khi còn sợ. Những người trông coi vườn bách thú thường bảo rằng hồ báo hiền y như mèo. Và lại có lí gì để thị sợ hắn đâu? Người ta không ai sợ kẻ khác phạm đến cái xấu, cái nghèo, cái ngần ngơ của mình, mà thị thì lại chỉ có ba cái ấy. Một phần nữa cũng bởi Chí Phèo ít khi ở nhà, mà hắn ở nhà lại hiền lành: ai có thể ác trong khi ngủ? Hắn chỉ về nhà để ngủ.

Ngày nào thị Nở cũng phải qua vườn nhà hắn hai ba lần. Là vì qua vườn nhà hắn có một lối đi nhỏ ra sông; trước kia cả xóm vẫn dùng cái ngõ ấy để ra sông tắm giặt hay kín nước. Nhưng từ khi hắn đến, người ta thôi dần, tìm một lối khác đi xa hơn. Trừ thị Nở: thị đã bảo thị là người đỏ hơi, thị không thích làm như kẻ khác. Quá tin ở người, quá tin ở mình liều lĩnh, bướng bỉnh hay có lẽ chỉ vì không chịu rời thói quen. Nhưng hãy biết thị cứ đi ngõ ấy, và vẫn chẳng làm sao cả. Thế rồi quen đi. Có lần trong lúc Chí Phèo ngủ, thị vào cả nhà hắn để rọi nhờ lửa nữa, có lần thị xin của hắn một tí rượu để về bóp chân; hắn mãi ngủ, cầu nhau bảo thị rằng: ở xó nhà ấy, muốn rót bao nhiêu thì rót để yên cho hắn ngủ. Và lần lúc thị ngạc nhiên: sao người ta ghê hắn thế?

Chiều hôm ấy thị Nở cũng ra sông kín nước như mọi chiều. Nhưng chiều hôm ấy, trăng lại sáng hơn mọi chiều, trăng tỏa trên sông và sông gợn biết bao nhiêu gợn vàng. Những gợn vàng ấy rung rung mới trông thì đẹp, nhưng trông lâu mỗi mắt. Gió lại mát như quạt hầu. Thị Nở thấy muốn ngáp mà mí mắt thì nặng dần, toan díp lại. Thị vốn có một tật không sao chữa được: có lúc đột nhiên muốn ngủ, bất cứ ở đâu hay đang đi làm gì. Bà cô thị bảo thị là một người vô

tâm. Ngáp một cái thì nghĩ bụng: hãy khoan kín nước, hãy để lộ xuống ngồi nghỉ đây. Bởi vì thị đã mệt quật dập đất từ trưa tới giờ. Mà mấy khi được một nơi mát thế, mát rợn da rợn thịt, sung sướng quá! Mát y như quạt hầu. Thị cởi áo ra ngồi tựa vào gốc chuối...

Ngồi một lúc thì thấy rằng: nếu cứ ngồi mãi thì ngủ mất. Nhưng thị đã ngủ đến hai phần rồi. Và thị nghĩ: ừ thì ngủ, ngủ thì đã làm sao! Về nhà thì cũng chỉ ngủ, ngủ ngay đây cũng vậy. Bà cô theo đi hàng ít ra cũng dăm hôm mới về. Thị cứ ngồi đây cho mát. Và thị ngủ. Thị ngủ ngon lành và say sưa.

Chí Phèo vẫn say sưa nhìn và run run. Bỗng nhiên hắn rón rén lại gần thị Nở: lần đầu tiên hắn rón rén, từ khi về làng. Thoạt tiên, hắn hãy xách hai cái lọ để ra xa, rồi hắn lẳng lẳng ngồi xuống bên sườn thị...

Chúng ngủ bên nhau... Chúng ngủ như chưa bao giờ được ngủ... Trăng vẫn thức, vẫn trong trẻo rắc bụi trên sông, và sông gợn biết bao nhiêu vàng... Nhưng gần đến sáng, bỗng Chí Phèo chống một tay xuống đất, ngồi lên một nửa. Hắn thấy người nôn nao, chân tay bủn rủn, như đến ba ngày nhịn đói. Thế mà bụng lại phình phịch đầy, hình như bụng hơi đau. Còn hình như gì nữa, thôi đứng đau bụng rồi. Đau thật, đau mỗi lúc một dữ! Nó cứ cuộn cuộn lên. A mà giờ lạnh lạnh. Hễ có gió thì kinh kinh. Mỗi lần gió hắn rùng rùng người. Hắn muốn đứng lên. Sao đầu nặng quá mà chân thì bầy rầy. Mắt hắn hoa lên. Bụng quặn lại, đau gò người. Hắn ọe. Hắn ọe ba bốn cái. Ọe mãi. Giá mưa ra được thì dễ chịu. Hắn cho một ngón tay vào móc họng. Hắn ọe một cái to hơn, ruột hình như lộn lên. Nhưng cũng chỉ nhổ ra toàn nước dãi. Hắn nghĩ một tí rồi lại cho tay vào móc. Lần này thì mưa được. Trời ơi! Mưa thối, mưa thối, mưa ồng ộc, mưa đến cả ruột. Đến nỗi người đàn bà phải dậy. Thị ngồi nhồm dậy và ngơ ngác nhìn. Cái óc nặng nề ấy thì phải lâu mới nhớ ra và lâu mới hiểu.

Bây giờ thì Chí Phèo đã mưa xong. Hắn mệt quá, lại vật người ra đất. Hắn dờ hai mắt ra khê rên: hắn chỉ còn đủ sức để rên khe khẽ. Từ đồng mưa bay lại một mùi gì thoang thoảng như mùi rượu: hắn bỗng nhiên rùng mình.

Thị Nở xích lại. Đặt bàn tay lên ngực hắn (thị suy nghĩ đến bây giờ mới xong) thì hỏi hắn:

— Vừa thồ hả?

Mắt hắn đảo lên nhìn thị, nhìn một loáng rồi lại dờ ra ngay.

— Đi vào nhà nhé?

Hắn làm như gạt đầu. Nhưng cái đầu không động đây, chỉ có cái mi mắt là nhích thôi.

— Thì đứng lên!

Nhưng hắn đứng lên làm sao được. Thị quàng tay vào nách hắn, đỡ cho hắn gượng ngồi. Rồi thị kéo hắn đứng lên. Hắn du vào cổ thị, hai người lảo đảo đi về lều.

Không có giường chỉ có một cái chõng tre. Thị để hắn nằm lên, và đi nhặt nhanh tất cả các manh chiếu rách đắp lên cho hắn. Hắn hết rên. Hình như hắn ngủ. Thị cũng lim dim chure ngủ. Nhưng trong nhà nhiều muỗi quá. Muỗi nhắc cho thị cái áo quên ngoài vườn. Thị ra vườn. Đợi lo nhắc cho thị việc đi kín nước. Thị mãi một mặc áo, rồi xách đôi lọ nước đi về nhà.

Khi Chí Phèo mở mắt thì giờ sáng đã lâu. Mặt trời chắc đã cao, và nắng bên ngoài chắc đã rực rỡ. Cứ nghe chim riu riu bên ngoài đủ biết. Nhưng trong cái lều ẩm thấp vẫn mới chỉ hơi lờ mờ. Ở đây người ta thấy chiều lúc xế trưa và gặp đêm khi bên ngoài vẫn sáng. Chưa bao giờ Chí Phèo nhận thấy thế, bởi chưa bao giờ hết say.

Nhưng bây giờ thì hắn tỉnh. Hắn băng khuâng như tỉnh đây sau một cơn say rất dài. Cũng như những người say tỉnh đây, hắn thấy miệng đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì bủn rủn, chân tay không buồn nhấc, hay là đói rượu, hắn hơi rùng mình. Ruột gan lại nôn nao lên một tí. Hắn sợ rượu cũng như những người ốm sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá. Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hắn mới nghe thấy... Chao ôi là buồn!

- Vải hôm nay bán mấy?
- Kém ba xu đi ạ.
- Thế thì còn ăn thua gì!
- Có khéo co mới được một tấm năm xu.
- Thật thế đấy. Nhưng chẳng nhẽ rằng lại chơi...

Chi Phèo đoán chắc rằng một người đàn bà hỏi một người đàn bà khác đi bán vải ở Nam Định về. Hắn lại nao nao buồn, là vì mẩu chuyện ấy nhắc cho hắn một cái gì rất xa xôi. Hình như có một thời hắn đã ao ước có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn, cây thuê, vợ dệt vải, chúng bỏ lại một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua năm ba sào ruộng làm.

Tỉnh dậy hắn thấy hắn già mà vẫn còn cô độc. Buồn thay cho đời. Có lí nào như thế được. Hắn đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi tuổi đâu... Dầu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hắn đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hắn, chịu đựng biết bao nhiêu là chât độc, dẫu dơ, cực nhục mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời giờ rét, nay mùa đông đã đến. Chi Phèo hình như đã trông thấy trước tuổi già của hắn, đói rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau.

Cũng may thị Nở vào. Nếu thị không vào, cứ để hắn vẫn vợ nghĩ mãi, thì đến khóc được mất. Thị vừa cấp một rổ, trong có nồi gì đây vung. Đó là một nồi cháo hành còn nóng nguyên. Là vì lúc còn đêm, thị trần trọc, một lát, thị bỗng nhiên nghĩ rằng: cái thằng liều lĩnh ấy kể ra thì đáng thương, còn gì đáng thương bằng đau ốm mà nằm còng queo một mình. Giả thử đêm qua không có thị thì hắn chết. Thị kêu ngao vì đã cứu sống cho một người. Thị thấy như yêu hắn (...) Cho nên thị nghĩ: mình bỏ hắn lúc này thì cũng bạc (...) Phải cho hắn ăn tí gì mới được. Đang ốm thế thì chỉ ăn cháo hành. Ra được mồ hôi thì là nhẹ nhõm người ngay đó mà... Thế là vừa

sáng thì đã chạy đi tìm gạo. Hành thì nhà thị may lại còn. Thị nấu bỏ vào cái rổ, mang ra cho Chi Phèo.

Thằng này rất ngạc nhiên. Hết ngạc nhiên thì hắn thấy mắt hình như ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho. Xưa nay, nào hắn có thấy ai tự nhiên cho cái gì. Hắn vẫn phải dọa nạt hay là giật cướp. Hắn phải làm cho người ta sợ. Hắn nhìn bát cháo bốc khói mà bâng khuâng. Thị Nở thì chỉ nhìn trộm hắn, rồi lại toe toét cười. Trông thị thế mà có duyên... Tình yêu làm có duyên. Hắn thấy vừa vui, vừa buồn. Và một cái gì, nửa giống như là ăn năn. Cũng có thể như thế lắm. Người ta hay hối hận về tội ác khi không đủ sức mà ác nữa. Thị Nở giục hắn ăn cho nóng. Hắn cầm lấy bát cháo đưa lên mồm. Trời ơi! cháo mới thơm sao! Chỉ khỏi xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm. Hắn húp một húp và nhận ra rằng, những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo ăn rất ngon. Nhưng tại sao lại mãi đến tận bây giờ hắn mới nếm vị mùi cháo?

Hắn tự hỏi rồi tự trả lời: vì có ai nấu cho ăn đâu? Mà còn ai nấu cho mà ăn nữa! Đời hắn chưa bao giờ được săn sóc bởi một bàn tay « đàn bà ». Hắn nhớ đến « bà ba » cái con quỷ cái hay bắt hắn bóp chân mà lại cứ bóp lên trên, trên nữa, nó chỉ nghĩ đến sao cho thỏa nó, chứ nó yêu hắn đâu. Hồi ấy hắn hai mươi. Hai mươi tuổi người ta không là đá, nhưng cũng không toàn là xác thịt. Người ta không thích cái gì người ta khinh. Vả lại bị một con đàn bà gọi đến mà bóp chân! Hắn thấy nhục hơn là thích, huống hồ lại sợ. Quả thật, từ khi biết rằng con vợ chủ sai hắn một việc không chính đáng, hắn vừa làm vừa run. Không làm thì không được; mọi việc trong nhà, quyền đàn bà. Chứ hắn, hắn có lòng nào đâu! Đến nỗi người đàn bà phát cáu. Bà thấy xa xôi không được, phải làm đến nơi. Bà bảo hắn rằng: « Mày thực thà quá! Con giai gì mới hai mươi tuổi mà đã như ông già ». Hắn vẫn giả vờ không hiểu. Bà lẳng lơ bảo: « Chả nhẽ tao gọi mày vào chỉ để bóp chân thế này thôi ư...? » và thấy hắn giùng giàng, bà mắng xoi xoi vào mặt. Hắn chỉ thấy nhục chứ yêu đương gì. Không, hắn chưa được một người đàn bà nào yêu cả. Vì thế mà bát cháo hành của thị

Nở làm hần suy nghĩ nhiều. Hần có thể tìm bạn được, sao lại chỉ gây kẻ thù?

Bát cháo húp xong rồi. Thị Nở đỡ lấy bát cháo và múc thêm bát nữa. Hần thấy đầm mình bao nhiêu mồ hôi. Mồ hôi chảy ra trên đầu, trên mặt, những giọt to như giọt nước. Hần đưa tay áo quạt ngang một cái, quạt mũi, cười rồi lại ăn. Hần càng ăn mồ hôi lại càng nhiều. Thị Nở nhìn hần, lắc đầu thương hại. Hần thấy lòng thành trẻ con. Hần muốn làm nũng với thị như với mẹ. Ôi sao mà hần hiền, ai dám bảo đó là cái thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rách mặt mà đâm chém người? Đó là cái bản tính của hần, ngày thường bị lấp đi. Hay trợn ồm thay đổi hần về sinh lý, cũng thay đổi cả tâm lý nữa? Những người yếu đuối vẫn hay hiền lành. Muốn ác, phải là kẻ mạnh. Hần đâu còn mạnh nữa. Và có lúc hần ngấm mình mà lo. Xưa nay hần chỉ sống bằng cướp và dọa nạt. Nếu không có sức mà giết cướp, dọa nạt nữa thì ra sao? Đã đành, hần chỉ mạnh vì liều. Nhưng hần mơ hồ thấy rằng sẽ có một lúc mà người ta không thể liều được nữa. Bấy giờ mới nguy! Trời ơi! Hần thêm lương thiện, hần muốn làm hòa với mọi người, biết bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hần. Thị có thể sống yên ổn với hần thì sao người khác lại không thể được. Họ sẽ thấy rằng hần cũng có thể không làm hại được ai. Họ sẽ nhận hần vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện... Hần băn khoăn nhìn thị Nở, như thăm dò. Thị vẫn im lặng, cười tin cẩn. Hần thấy tự nhiên nhẹ người. Hần bảo:

— Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?

Thị không đáp, nhưng cái mũi đỏ của thị như càng bành ra. Hần thấy thế cũng không có gì là xấu. Bằng một cái giọng nói và một vẻ mặt rất phong tình theo ý hần, hần bảo thị:

— Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui.

Thị lườm hần. Một người thật xấu khi yêu cũng lườm. Hần thích chí, khanh khách cười. Lúc tỉnh táo, hần cười nghe thật hiền. Thị Nở lấy làm bằng lòng lắm.

Chúng sẽ làm thành một cặp rất xứng đôi. Chúng cũng nhận thấy thế và nhất định là lấy nhau. Như thế năm ngày

chăn thì ở nhà hần cả ngày lẫn đêm, trừ những lúc đi kiếm tiền. Hần không còn kinh rượu nhưng cố uống cho thật ít. Để cho khỏi tốn tiền, nhưng nhất là để tỉnh táo mà yêu nhau. Đàn bà không có men như rượu, nhưng cũng làm người say. Và hần say thị lắm. Nhưng thị lại là người dở hơi. Đến hôm thứ sáu, thì thị bỗng nhớ rằng thị có một người cô ở đời. Người cô ấy nội ngày nay sẽ về. Thị nghĩ bụng: «Hãy dùng yêu để hỏi cô thị đã».

Thấy thị hỏi, bà già kia bật cười. Bà tưởng cháu bà nói đùa. Nhưng chợt nhớ ra rằng cháu bà vốn dở hơi. Bà bỗng trở nên hoảng hốt. Bà nhục cho ông cha nhà bà. Cũng có lẽ bà tủi cho thân bà. Bà nghĩ đến cái đời dài dằng dặc của bà, không có chồng. Bà thấy chua xót lắm. Bà uất ức, uất ức với ai không biết. Nhưng rồi đồ cái uất ức ngay lên cháu bà. Người đàn bà đức hạnh thấy cháu bà sao mà dĩ thế! Thật đốn mạt. Ngoài ba mươi tuổi... mà chưa trót đời. Ngoài ba mươi tuổi... ai lại còn đi lấy chồng! Ai đời lại còn đi lấy chồng! Ừ! Mà có lấy thì lấy ai chứ... Đàn ông đã chết hết cả rồi hay sao, mà lại còn dám đầu đi lấy một thằng không cha. Ai lại đi lấy thằng chỉ có một nghề là rách mặt ra ăn vạ. Trời ơi! Nhục nhã ơi là nhục nhã! Hỏi ông nhà bà! Bà gào lên như con mẹ đại. Bà xía xói vào mặt cái con cháu gái ba mươi tuổi mà chưa trót đời. Bà bảo phất nổ:

— Đã nhìn được đến bằng này tuổi thì nhìn hần; ai lại đi lấy thằng Chí Phèo!

Thị nghe thấy thế mà lộn ruột. Nhưng thị biết cãi bà làm sao? Con người ấy có quyền nói thế, bởi con người ấy năm mươi tuổi rồi, năm mươi tuổi còn ai lấy chồng. Thị biết cãi làm sao. Mà không cãi được thì giận dữ nổi lên dùng dưng. Thị tức lắm! Thị tức lắm! Thị cần đồ cái tức ấy lên một người. Thị lon ton chạy lên nhà nhân ngãi. Thị thấy hần đang uống rượu và vừa uống vừa lầm bầm chửi thị về nhà lâu. Hần không quen đợi; bởi phải đợi, hần lại lòi rượu và uống cho đỡ buồn. Uống vào thì phải chửi, quen mồm rồi! Nhưng thị làm gì mà hần chửi? Mà hần có quyền gì chửi thị? Ô, thị điên

lên mắt! Thị giẫm chân xuống đất, rồi lại nhảy căng lên như thượng đồng. Hấn thú vị quá, lắc lư cái đầu cười! Lại còn cười! Nó nhạo thị trời ơi! Thị điên lên mắt, trời ơi là trời! Thị chống tay vào háng, vênh vênh cái mặt, và đón cái môi vĩ đại lên, trút vào mặt hấn tất cả lời bà cổ. Hấn nghĩ ngợi một tí rồi hình như hiểu. Hấn bỗng nhiên ngẩn người. Thoáng một cái, hấn lại như hít thấy hơi cháo hành. Hấn cứ ngồi ngẩn mặt, không nói gì. Thị trút xoang giận rồi. Cái mũi đỏ của thị đi xuống rồi lại bạnh ra. Thị hả hê lắm lắm. Thị ngoay ngoáy cái miệng đi đi ra về. Hấn sững sốt, đứng lên gọi lại. Ai mà thêm lại! Còn muốn lời thôi cái gì? Hấn đuổi theo thị, nắm lấy tay. Thị gạt ra lại dúi thêm cho một cái. Hấn lặn khoèo xuống sân. Đã lặn ra thì hấn phải kêu: bao giờ chả thế. Hấn nhặt một hòn gạch vỡ, toan đập đầu. Nhưng hình như hấn chưa thật say. Vì hấn nghĩ: đập đầu ở đây chỉ thiệt; đập đầu ở đây, để mà nằm ăn và ai? Hấn tự phải đến cái nhà con đi Nở kia. Đến để đâm chết cả nhà nhà nó, đâm chết cái con khom già nhà nó. Nếu không đâm được, lúc ấy hãy đập đầu ra kêu làng. Muốn đập đầu, phải uống thật say. Không có rượu, lấy gì làm mồi cho nó cháy! Phải uống thêm chai nữa. Và hấn uống. Nhưng tức quá, càng uống lại càng tỉnh ra. Tỉnh ra, chao ôi buồn! Hơi rượu không sặc sụa. Hấn cứ thoang thoảng thấy hơi cháo hành. Hấn ôm mặt khóc rưng rức. Rồi lại uống. Rồi lại uống. Hấn uống đến say mềm người; rồi hấn đi. Hấn ra đi với một con dao ở thắt lưng. Hấn lầm bầm: «Tao phải đâm chết nó! Tao phải đâm chết nó!». Nhưng hấn lại cứ thẳng đường mà đi. Cái gì đã làm hấn quên rẽ vào nhà thị Nở? Những thằng điên và những thằng say rượu không bao giờ làm những cái mà lúc ra đi chúng định làm.

Trời nắng lắm, nên đường vắng. Hấn cứ đi, cứ chữi, cứ dọa giết «nó», và cứ đi. Bây giờ đến ngõ nhà cụ Bà. Hấn xông xông đi vào. Cả nhà đi làm đồng vắng; chỉ có mình cụ bà đang nằm nghỉ trưa. Nghe tiếng hấn, cụ thấy sao bức mình! Chính thật thì cụ đã đang bức mình. Bởi vì cụ thấy đầu hơi rức. Cụ đang muốn có một bàn tay man mát xoa cái đầu.

Cũng có lẽ cụ chỉ muốn bà tư đừng đi lâu quá thế. Đi đâu thế, không biết rằng đi đâu? Sao bà ấy còn trẻ quá! Gần bốn mươi rồi mà trông còn phây phây. Còn phây phây quá đi nữa! Cụ năm nay đã ngoài sáu mươi. Già yếu quá, nghĩ mà chua xót. Già thế thì bà ấy chỉ cũng già cho xong. Bà ấy lại cứ trẻ, cứ phây phây, cứ đẹp như mới ngoài hai mươi tuổi. Mà sao đa tình! Nhìn thì thích nhưng mà tưng tức lạ. Khác gì nhìn miếng thịt bò lứt sứt khi rụng gần hết răng. Mắt bà, miệng bà, có duyên, nhưng trông đã lắm! Hơi một tí thì cười toét, tí cả mắt lại, cái má thì hây hây. Mà thấy ghét những cái thằng giai trẻ, già làm con bà không đáng mà thấy bà đâu cũng đùa. Chúng đùa nhạt như nước ốc, chỉ được cái tho tục, mà gặp ai đâu cũng cười! Chẳng nghĩ gì đến địa vị cả, người đâu mà vô tâm! Tức lạ! Cụ chỉ muốn cho tất cả những thằng giai trẻ đi ở tù... Nhưng lúc như thế, thì một người dẫu khôn ngoan cũng không bình tĩnh được. Nhất là khi trông thấy một thằng chỉ đến vòi tiền uống rượu như Chí Phèo. Tuy vậy, cụ cũng móc sẵn năm hào. Thà móc sẵn để tổng nó đi cho chóng. Nhưng móc rồi, cụ cũng phải quát một câu cho nhẹ người.

— Chí Phèo đây hở! Lẽ bẽ vừa vừa chứ, tôi không phải là cái kho!

— Rồi ném bẹt năm hào xuống đất, cụ bảo hấn:

— Cầm lấy mà cút đi đi cho rảnh. Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à!

Hấn trợn mắt, chỉ vào mặt cụ:

— Tao không đến đây xin năm hào.

Thấy hấn toan làm dữ, cụ đành dịu giọng:

— Thôi cầm lấy vậy, tôi không còn hơn.

Hấn vênh cái mặt lên, rất là kiêu ngạo:

— Tao đã bảo tao không đòi tiền.

— Giỏi! Hôm nay mới thấy anh không đòi tiền. Thế thì anh cần gì?

Hắn đồng ý:

— Tao muốn làm người lương thiện!

Bá Kiến cười ha hả:

— Ở tưởng gì! Tôi chỉ cần anh lương thiện cho thiên hạ nhờ.

Hắn lắc đầu:

— Không được! Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện nữa. Biết không? Chỉ còn một cách... biết không!... Chỉ còn một cách là... cái này! Biết không!...

Hắn rút dao ra, xông vào. Bá Kiến ngồi nhồm dậy. Chí Phèo đã văng dao tới rồi. Bá Kiến chỉ kịp kêu một tiếng. Chí Phèo vừa chém túi bụi vừa kêu làng thật to. Hắn kêu làng, không bao giờ người ta vội đến. Bởi thế khi người ta đến thì hắn cũng đã đang giẫy dánh dạch ở giữa bao nhiêu là máu tươi. Mất hẳn trợn ngược. Mồm hắn ngáp ngáp, muốn nói, nhưng không ra tiếng. Ở cổ hắn, thỉnh thoảng máu vẫn còn ứ ra.

Cả làng Vũ Đại nhao lên. Họ bàn tán rất nhiều về vụ án không ngờ ấy. Có nhiều kẻ thán phục. Không thiếu kẻ mừng ra mặt. Có người nói xa xôi: «Giời có mắt đấy, anh em ạ!». Người khác thì nói toạc: «Thằng nào chứ hai thằng ấy chết thì không ai tiếc! Rõ thật bọn chúng nó lại giết nhau, nào có phải cần đến tay người khác đâu». Mừng nhất là bọn ki hào ở trong làng. Họ tuôn đến để hỏi thăm, nhưng chính là để nhìn lí Cường bằng những con mắt thỏa mãn và khiêu khích. Đội Tảo, không cần kén dáo, nói toang toang ngay ngoài chợ, trước mặt bao nhiêu người: «Thằng bố chết, thằng con lớp này không khỏi người ta cho ăn bần». Ai chả hiểu «người ta» đó chính là ông. Bọn đàn em thì bàn nhỏ: «Thằng một già ấy chết, anh em mình nên ăn mừng». Nhưng người biết điều thì hay ngờ vực; họ chép miệng nói: «Tre già măng mọc, thằng ấy chết, còn thằng khác, chúng mình cũng chẳng lợi tí gì...»

Bà cô thị Nở chỉ vào lặn mặt cháu mà đay nghiến:

— Phúc đời nhà mày, con nhé. Chả ôm lấy ông Chí Phèo!

Thị cười và nói làng:

— Hôm qua làm biên bản, lí Cường nghe đâu đã tốn gần một trăm. Thiệt người lại thiệt của.

Nhưng thị nghĩ thầm:

— Sao có lúc nó hiền như đất.

Và nhớ lại những lúc ăn nằm với hắn, thị nhìn trộm bà cô, rồi nhìn nhanh xuống bụng:

— Nói đại, nếu mình chữa, bây giờ hắn chết rồi, thì làm ăn thế nào?

Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng người lại qua...

Tháng 2 năm 1941

CHÚ THÍCH: Nam Cao viết truyện ngắn này năm 1940 và đặt tên là «Cái lò gạch cũ», Nhà xuất bản khi in đã tự ý đổi là «Đôi lứa xứng đôi» (1941). Năm 1946, Nam Cao cho in lại tác phẩm trong tập *Luống cày* với tên là *Chí Phèo*. Chí Phèo, Bá Kiến là những nhân vật có thật ở làng Đại Hoàng. Làng này xa phủ huyện, bọn cường hào làm chúa một vùng, nông dân bị hà hiếp, bóc lột tàn tệ, có người bị đẩy vào thế cùng lưu manh hóa, giết người, tự tử.

(1) *Phó*: (do từ «phó tượng mục» là chức thợ thứ hai). Trước kia người ta thường gọi người thợ thường là phó, sau đó thành thói quen, người ta dùng tiếng phó để gọi chung các người thợ: phó mộc, phó may, phó nề v.v... (2) *Bá* (do từ bá hộ) một thứ phẩm hàm mà bọn thống trị phong kiến ban cho hạng người giàu có, có thể lực trước đây. (3) *Súng đá*: (từ tiếng Pháp: soldat là lính) như một thằng lính tây. (4) *Chày*: đồ binh khí bằng sắt, bằng đồng hay bằng gỗ, một đầu tròn và to. (5) *Thanh động*: có lẽ tác giả dùng với ý là ồn ào. (6) *Cổ hủ*: vốn có. (7) *Quân ngư tranh thực*: đàn cá tranh ăn. (8) *Thất cơ lỡ vận*: mất cơ hội, lỡ điều may. (9) *Măng-đa*: (từ phiên âm tiếng Pháp: mandal) giấy chuyển tiền qua bưu điện. (10) *Tứ cố vô thân*: tứ cố: nhìn ra, ngoảnh ra bốn phía; vô thân: không cha, không mẹ, không bà con thân thích. (11) *Kì hào*: (kì: người già trên 60 tuổi; hào: kẻ có thế lực) ở đây muốn nói, bọn cường hào trong làng. (12) *Triện đồng*: con dấu bằng đồng của bọn tổng lí. Tranh triện đồng là tranh chức lí trưởng, chánh tổng. (13) *Một thước cắm dùi không có*: (do thành ngữ *vô lập chày chày địa*) không có mảnh đất nhỏ để cắm lốt cái dùi tức là nghèo lắm. (14) *Cười Tảo Tháo*: xem chú thích trang 67.

KÉP TƯ BỀN

NGUYỄN CÔNG HOAN (1)

Các ngài thích xem hát bội, hẳn chẳng ai là không biết tên anh kép Tư Bền. Ấy, anh ta chỉ nổi tiếng về cái tài bông lơn (2). Lần lúc ra sân khấu, chẳng cần nói một câu khôi hài nào, nhưng chỉ một điệu bộ cón con, anh ta cũng đã làm khán giả phải ôm bụng mà cười, vỗ tay đồm độp.

Anh ở Sài Gòn ra hát Hà Nội đã ba năm nay. Vì anh có tài riêng mà tính lại thích tự do, nên anh chẳng chịu làm chuyên cho một rạp nào. Nhưng rạp nào khéo dùng anh một độ, là cũng đông khách. Cho nên, tối nào bà con Hà Thành đọc chương trình hay xem báo, thấy kép Tư Bền đóng vai giễu (3), là cũng nô nức đi xem, làm người đến chậm, phải mang tiền về không và phàn nàn rằng rạp chật quá!

Cho nên những tối hát có anh giúp, thì các hí viện (4) đều chứng lên là buổi hát đặc biệt.

Nhưng đã hơn một tháng nay, anh ta không diễn ở đâu cả. Vì đã hơn một tháng nay, cha anh ta ốm. Đã hơn một tháng nay, lúc nào trong cái gác tối um ở gian nhà ngay đầu ngõ Sầm Công cái tiếng rên rĩ của ông cụ cũng hòa lẫn với tiếng rầu rĩ của siêu thuốc mà làm anh Tư Bền phải rầu gan sốt ruột, chẳng thiết đến sự làm ăn. Bệnh cha anh càng ngày càng nặng, thuốc thang chữa chạy, nào anh có quản ngại gì. Nhưng cái số tiền để dành của một vai kép hát, dần dần nó cũng đi bải lâu mã (5), đến nỗi anh phải đi vay trước của các ông chủ rạp hát ít nhiều.

Một hôm, ông chủ rạp Kịch Trường đến nhà anh chơi. Sau một vài câu hỏi thăm chiều lệ, ông ta nghiêm sắc mặt, nhắc đến món nợ.

— Sao? Cái số tiền đó, cậu đã có đề trả tôi chưa?

— Thưa ngài, xin ngài hãy thư cho ít bữa, khi nào thu thế, tôi sẽ đi làm nộp sau.

Ông chủ bĩu môi nói:

— Thôi, biết bao lần rồi! Cậu không trả, tôi sẽ đem ra tòa đó.

Anh Tư Bền cười lạt cho xong chuyện, nhưng lại thấy ông chủ ngọt ngào đó:

— Bấy lâu cậu nghỉ hát ở các rạp nhiều khách quen lấy làm nhớ lắm. Vậy cậu liệu mà đi làm ăn chứ?

— Vâng, tôi vẫn định thế...

— A, này, tôi mới nhờ một nhà văn sĩ đại danh soạn cho một vở hài kịch theo lối tuồng cổ, vậy cậu ra giúp tôi vai chính. Vì phi cậu, không còn ai xứng đáng.

— Diễn vở mới thì phải học, thưa ngài?

— Phải, phải học và tập diễn trong độ nửa tháng.

— Trong nửa tháng! Chà!

Anh Tư Bền nhắc lại ba tiếng đó, nhưng trong óc anh lần lần nghĩ ngợi biết bao nhiêu điều! Trong nửa tháng. Trong mười lăm hôm trời. Mỗi ngày anh phải xa cách cha anh mấy tiếng đồng hồ để đi học diễn. Cha anh ốm, trong khi anh vắng nhà, ai trông nom săn sóc thay anh. Nghĩ vậy, anh đáp phắt ngay rằng:

— Thôi, xin lỗi ông, tôi bận quá mà!

Rồi anh trở vào màn, nói tiếp:

— Cha tôi yếu, tôi phải ở nhà.

Lúc ấy, ở trên giường bệnh, ông cụ ho sù sụ, rồi thở tay ra cái ghế đầu kê ở cạnh, để với lấy cái ống nhổ, nhưng lại đặt cầm không vững, đánh rơi ngay xuống sàn gác, đồm độp rồi lên lênh bênh.

Anh Tư Bền giật mình, chạy lại đỡ cha và nói:

— Sao ông không gọi con?

Rồi anh lấy chổi quét chỗ nước lênh láng đi, đoạn nét mặt rầu rầu, anh nói:

— Đó ông coi, vắng tôi sao đáng?

— Không, cậu cứ nhận lời giúp tôi, tôi sẽ sai người đến trông nom hộ cậu.

— Đa tạ ông, nhưng tôi không yên tâm.

Lúc ấy, trong màn có tiếng keng keng như tiếng chiếc đĩa đập vào bát sứ. Đó là cái hiệu gọi. Anh Tư Bền lật đật chạy lại gần cha. Giọng khàn khàn, ông cụ sai anh Tư Bền rót chén nước.

Nhân muốn gọi cảm anh, ông chủ rạp Kịch Trường lại gần giường, mở màn ra hỏi:

— Chào cụ, cụ có biết tôi là ai không?

Ông già giương hai mắt lên, rồi như đã nhận biết, bèn nhăn bộ răng ra cười, cái cười khó khăn, và gật gật mấy cái rồi run lẩy bẩy, giơ tay ra bắt.

Các ngài đừng tưởng rằng ông cụ quen chào lối tây, nên mới bắt tay đầu. Đến phải nhăn bộ răng ra cười còn là sự bất đắc dĩ nữa là. Nay sở dĩ còn phải bắt tay, là vì phải tiếp khách theo lối lịch sự của những người mà con mình có nhờ vả.

— Cụ cũng không yếu lắm nhỉ. Sao mà cậu Tư Bền không nhận lời cho tôi?

Ông cụ hất hàm, có ý hỏi.

— Tôi sắp cho tập vở hát mới, định nhờ cậu ấy sắm vai chính.

Ông cụ lại nhăn răng ra cười và gật. Nhưng anh Tư Bền nói ngay với cha:

— Ông mệt lắm, con phải ở nhà.

Ông cụ cau mặt. Cái cau mặt chỉ có anh Tư Bền là hiểu. Bởi vì ông cụ chẳng muốn vì mình mà con làm trái lòng người chủ nợ. Ông chủ dõ dạnh nói:

— Cậu cứ cố giúp tôi đi. Cậu mà nhận lời, thì món tiền ấy cậu để đến bao giờ cũng được, mà tiền hoa hồng (6) khi diễn tấn Ông Nghị ba phải này, cậu cứ lấy cả để thuốc thang cho ông cụ.

Cái sức làm cho anh kếp Tư Bền có thể nghĩ đến sự bỏ cha ốm một mình là ở câu nói ấy. Mà cha anh cũng vì câu nói ấy mà nở nang cả lồng xương ngực, cổ thở mạnh mấy cái cho khoan khoái trong lồng.

— Cậu nghĩ sao?

— Nhưng nửa tháng trời! Ai trông nom cho cha tôi?

— À, thôi, thế này thì cậu bằng lòng nhé. Cậu cứ ở nhà mà học vở, đến khi diễn thử lần cuối, cậu hãy đến rạp cũng được. Vì tôi biết cậu thông minh và có tài hơn kếp khác. Tôi chỉ có dịp trở tài vả lại để cho thiên hạ nhớ mong lâu cũng không tiện.

Nghe câu nói sau cùng như được ăn bánh thánh, anh Tư Bền có vẻ nghĩ ngợi, nhìn cha. Ông cụ thấy con còn ngần ngừ, thì lộ ra vẻ không bằng lòng, nhăn mặt, cổ cất lên cái tiếng khàn khàn để gật:

— Nhận lời đi!

Nói xong, lại ho sù sù.

Anh Tư Bền cảm động, nhìn ông chủ rạp Kịch Trường và trả lời:

— Vâng!

Ông chủ vì chờ cái tiếng «vâng» này mất nhiều công quá nên sợ nó không được chắc chắn, lỡ đến hôm diễn, cha anh Tư Bền có làm sao, rồi anh cứ vắng mặt ở rạp hát thì lỗ bét. Ông bèn bắt anh làm giấy giao kèo cẩn thận.

Bà con sinh hát, hôm đó thấy ô tô quảng cáo chạy rong khắp phố để thả chương trình và rải căng ở các ngã tư, đều nó nức rủ nhau đi xem buổi hát đặc biệt có Tư Bền sắm vai chính.

Tối đến, cửa rạp Kịch Trường đèn thấp sáng trưng như ban ngày, chiếu rõ cái cảnh người đứng lơ nhơ như luống hoa trăm hồng ngàn tia, bướm ong chồn vờn. Trên thềm, dưới bậc, giữa đường, non nghìn thiếu niên nam nữ tùm tùm lại, tìm chỗ để ngấm nhau cho đỡ nóng ruột lúc chờ đợi. Tiếng nhạc hòa trong rạp, du dương trầm bổng, chứa chan biết bao tình ái ân, như câu, như kéo, làm cho ta quên hẳn ta, mà bất giác moi túi lấy tiền mua vé.

Rồi cái làn sóng người dần dà tràn vào trong. Trên các hàng ghế, chỗ nọ, họ nhắc lại câu bông lơn của kếp Tư Bền, chỗ kia, họ bắt chước những điệu bộ của kếp Tư Bền. Ai nấy đều nóng ruột sốt lòng mong mãi không đến giờ mở màn sân khấu, để được cười, được vỗ tay, được học thêm vài lối pha trò mới, để mai làm cho nhếch mép người yêu.

Vinh dự thay, anh kếp Tư Bền! Nhưng mà khốn nạn thân anh! Người ta có biết đâu rằng hiện bây giờ ở nhà, cha anh đương giữ chứng khô khề, chỉ chờ từng phút để thở một cái nữa là hết nợ. Mà ở trong buồng trò, anh cũng đương nấp ruột, rầu gan.

Thật vậy, ai ngó vào trong buồng trò mới thấy được cái khổ tâm của anh Tư Bền. Anh ngồi ủ rũ ở trước cái gương, bụng thì rối beng, mặt thì nhăn nhó, mà tay vẫn phải sờ vào hộp phấn hồng để đánh mặt, quệt vào đĩa mực để bôi nhỏ cái mồm. Rồi anh lại phải mặc trái cái áo lung thụng thêu, dân đôi hia xanh và đội cái mũ cánh chuồn ngược. Anh đóng vai này trông ra phết giàu sang sung sướng. Chớ nữa, anh còn phải làm cho chủ anh bằng lòng, các bạn anh trông anh mà găng sức, các khán giả được một phen cười vỗ bụng, vỗ rít tay kia mà!

Nhưng mà... Cha anh Tư Bền sắp chết! Ban này lúc anh ở nhà ra đi, ông cụ đã nguy lắm rồi. Thôi! Nhưng mà mặc kệ. Anh phải quên đi, mà bông, mà đùa, mà pha trò trên sân khấu cho chúng tôi cười, hết lên mà cười, cười đến nỗi phải lăn ra cả đất!

Một hồi chuông vừa dứt. Màn kéo lên. Một tràng vỗ tay đôm đốp như pháo nổ, đã hoan nghênh ông chúa khôi hài. Anh Tư Bền lững thững bước ra, cúi đầu chào, rồi đứng thẩn người ra như phỏng đến một lúc. Tiếng reo, tiếng hò, tiếng vỗ tay lại làm dữ hơn trước. Khán giả thấy anh ăn mặc ngớ nghĩnh, mồm anh bôi nhỏ nhem, thì ai mà nhìn cười được. Càng thấy anh đứng yên, họ càng được lúc ngấm, họ càng cho là anh muốn pha trò như thế, nên càng cười già.

Àe thật! Vai anh Tư Bền đóng hôm ấy cứ luôn luôn phải ở sân khấu, mà nhất là phải làm nhiều điệu bộ hơn mọi khi, lắm lúc lại phải nặn ra mà cười ha hả!

Hết cảnh đầu. Sao mà lâu thế! Anh được nghỉ một chốc, bèn nhờ người về thăm tình hình cha anh ra làm sao. Rồi anh lại phải ra trò, anh lại phải hò, phải hét, phải dẫn từng tiếng, phải ngân từng câu, phải làm những bộ điệu, phải cười ha hả như cảnh thứ nhất. Người xem hát thì cứ trông thấy anh là họ cũng đủ cười rồi. Nào họ có để ý nhìn rõ đâu được cái vẻ lo âu của anh, nó hiện ra ở trên mặt. Bỗng khi anh đang phệnh phạo trên sân khấu, người ta vỗ tay đôm đốp, thì anh nghe thấy có người ở trong phòng nói ra:

— Nguy hơn ban này. Đã cấm khẩu rồi!

Cha anh cấm khẩu rồi! Đành vậy. Nhưng chính là bấy giờ mới nhiều cái vui trò, mà khán giả dưới kia, hàng mấy nghìn con mắt đương chăm chăm vào anh và im phăng phắc. Họ chỉ chờ anh há miệng là họ được lăn ra cười và vỗ tay mà thôi.

Cảnh thứ hai cũng lâu như cảnh đầu, mãi mới hết. Lúc anh đương ngồi thư người trong buồng trò, thì anh lại nhận được một tin báo nữa, là hiện nay cha anh đã mê đặc, chân tay đã lạnh cả rồi.

Còn gì đau đớn hơn cái tin ấy nữa. Anh Tư Bền bỗng ứa hai hàng nước mắt, rồi khóc nức khóc nỏ:

— Cha ơi!

Ông chủ thấy vậy sợ quá. Anh mà bỏ dở vở kịch đương vui thì nguy. Ông bèn cố khuyên giải và cấm không ai được báo tin gì cho anh biết hết.

Sân khấu hai trí đã gần xong. Ông chủ bắt anh đánh lại tí phấn cho thêm xuân sắc, và sửa lại bộ áo mũ cho có vẻ ngớ nghĩnh hơn. Ông thấy anh vừa thắt dải áo vừa sụt sịt mếu máo, bèn bắt anh im đi, chùi nước mắt, và đẩy anh ra sân khấu. Anh lại phải hò hét, ngâm, cười, múa, nhảy để mua giọng lấy những tràng vỗ tay.

Cái cảnh thương tâm của Tư Bền, đi đôi với cái bóng lớn, cứ diễn ra mãi, mà mỗi chốc lại càng thương tâm hơn lên. Mà càng thấy vắng bật tin nhà, ruột anh càng rầu như dưa, xót như muối.

Cái cảnh cuối cùng mà anh cho là lâu tới, thì khán giả cho là chóng quá. Cho nên khi sắp hạ màn, anh cúi chào, thì cả rạp vỗ tay đồng đốp. Rồi anh tưởng phen này quyết hết nợ, quyết được về cạnh giường bệnh của cha mà nhìn thấy mặt cha một lượt sau cùng trước khi tắt nghỉ, thì ở chỗ ghế hạng nhất, người ta kêu ầm lên :

— Bis ! Bis ! (7)

Ông chủ rạp lại cho kéo màn lên. Anh Tư Bền lại phải giấu bộ mặt rầu rầu mà anh thích vì nó hợp với tâm lí anh hơn, để vui vẻ mà diễn lại đoạn cuối một lần nữa.

Rồi bài kèn chào nổi lên, hồi vỗ tay sau cùng như vỗ rạp. Cái màn từ từ buông xuống. Anh cúi đầu thông thả chào. Nhưng bao nhiêu người chẳng bỏ chậm thì giờ, đã tranh nhau chạy lên gần anh. Người tặng hoa, người thì bắt tay, người thì khen, làm cho anh ruột càng rầu như thiếu như đói.

Khi không còn phải thở dài để hoan nghênh những cái hoan nghênh của công chúng, anh Tư Bền mới lật đật chạy vào buồng trò, cởi vớ mũ áo và rửa quàng mũi mặt.

Lúc ấy, trong khi anh đương rối beng nghĩ đến cha anh, không biết bây giờ đã lạnh đến đâu, thì một người bạn hát chạy đến, vớ và đưa tập giấy bạc của ông chủ để sẵn cho anh, và nói :

— Mau mà về, anh Tư ! Hồng từ này mất rồi ! Khốn nạn thân anh quá.

27-7-1933

NHẬT TÂN — 1933

CHỮ THÍCH : (1) Xem tiểu sử tác giả ở phần chú thích của bài *Tinh thần thề dục*. (2) *Bóng lớn* : pha trò gây cười. (3) *Vai giễu* : vai hề. (4) *Hí viện* : rạp hát. (5) *Bài đầu mã* : Bài hát khi phi ngựa, ở đây có ý nói là hay biến mất. (6) *Tiền hoa hồng* : ở đây là tiền công. (7) Bis ! Bis ! tiếng Pháp đọc là bit-x nghĩa là diễn lại lần nữa.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Ý nghĩa tố cáo và giá trị hiện thực của truyện ngắn này.
2. Phân tích tấn bi kịch của Kép Tư Bền, những mâu thuẫn ở anh và cái kết cục bi thảm mà anh phải chịu đựng ở cuối truyện.
3. Ngôn ngữ và lối văn kể chuyện giàu tính kịch của Nguyễn Công Hoan.

ĐỌC VÀ BÌNH CHỮ

TINH THẦN THỀ DỤC (1)

NGUYỄN CÔNG HOAN (2)

Có linh huyện mang trát (3) quan về làng :

Quan tri huyện huyện X.

Sức (4) hương li (5) xã Ngũ Vọng tuân cứ (6).

Nay thừa lệnh Tỉnh đường, ngày 19 Mars (7) này, tức 29 tháng giêng năm Nam, tại sân vận động huyện có cuộc đá bóng thi, nhiều chiến tướng đã rất hay, mọi nhẽ.

Vậy sức các thầy phải thông báo cho dân làng biết và phải thân dẫn đủ một trăm người, dùng 12 giờ trưa đến xem, không được khiếm diện.

Những người đã cất đi dự cuộc khánh thành thề dục tháng trước thì lần này được miễn.

AI có mặt tại sân vận động cũng phải ăn mặc tử tế, đi đứng nghiêm chỉnh và phải vỗ tay luôn luôn, vì hôm ấy có nhiều quan khách.

Làng Ngũ Vọng lại phải có 5 lá cờ, sẵn sàng từ 10 giờ sáng.

Việc này tuy là việc thề dục, nhưng các thầy không được coi thường, nếu không tuân lệnh sẽ bị cữu (8).

Nay sức
LÊ THĂNG

Anh Mịch nhân nhó nói :

— Lay ông. ông làm phúc tha cho con, mai con phải đi làm trừ nợ cho ông Nghị, kéo ông ấy đánh chết.

Ông Li cau mặt, lắc đầu giơ roi song to bằng ngón chân cái lên trời, dậm dậm :

— Kệ mày, theo lệnh quan, tao chiếu sổ đình, thì lần này đến lượt mày rồi.

— Cẩn cô con lạy ông trăm nghìn mở lạy, ông mà bắt con đi thì ông Nghi ghét con, cả nhà con khổ.

— Thì mày hẹn làm ngày khác với ông ấy, không được à?

— Đối với ông Nghi, con là chỗ đầy tớ, con sợ ảm, con không dám nói sai lời, vì là chỗ con nhờ vả quanh năm, nếu không vợ con con chết đói.

— Chết đói hay chết no, tao đây không biết, nhưng giấy quan đã sức, tao cứ phép tao làm; đũa nào không tuân, để quan gắt, tao trình thì rữ tù (?)

— Lạy ông, ông thương phận nào con nhờ phận ấy.

— Mặc kệ chúng bay, tao thương chúng bay, nhưng ai thương tao, hôm ấy mày mà không đi, tao sai tuần đến gõ cửa (?) lại, đừng kêu.

Bác Phở gái, dịu dàng, đặt cánh cửa lên bàn, ngồi xồm ở xó cửa gái tại nói với ông Li:

— Lạy thầy, nhà con thì chưa cất con, mấy lại sợ thầy mắng chửi, nên không dám đến kêu. Lạy thầy, quyền phép trong tay thầy, thầy tha cho nhà con, đừng bắt nhà con đi xem đá bóng vội.

— Ồ, việc quan không phải như chuyện đàn bà của các chị.

— Thì lạy thầy, thế này, làng ta thì đông, thầy cất ai không được. Tại nhà con ốm yếu, nên xin thầy hoãn cho đến lượt sau.

— Ốm gần chết cũng phải đi. Lệnh quan như thế. Ai cũng lấy cơ ốm yếu mà không đi, thì người ta đá bóng cho chỗ xem à?

— Thưa thầy, giá nhà con khỏe khoản thì nhà con chả dám kêu. Nhưng thưa thầy, từ đây lên huyện những chín cây lô mếch. Sợ nhà con đi nắng thì cảm, rồi phải lại (?) thì oan gia (?).

— Đây không biết, mà đây cũng không nghe đâu. Vợ chồng thu xếp với nhau thế nào, đây mặc kệ.

— Thưa, hay con nghỉ buổi chợ đề đi thay nhà con có được không ạ?

— Không! Phải là đàn ông kia, chứ nữ nhân ngoại tộc (?) ai kể.

Người đàn bà thở dài:

— Thế thì con biết làm thế nào được!

Bà cụ phó Binh mắt kèm nhèm, vừa nói vừa cười rất vô duyên:

— Thì lòng thành, ông Li cứ nhận đi cho cháu, cháu hôm ấy không bận đi ăn cưới thì cháu cũng xin vâng, cháu đã thuê thằng Sang đi thay cho cháu cũng thế. Ông ngo đi là được.

— Thế ngộ quan biết có chết tôi không!

— Quan đếm đủ đầu người là xong, chứ ai xem thế mà ông sợ.

— Tôi nhận lễ của con bà mà tôi lo lắm; việc quan nào phải việc chơi.

— Thì cũng như ông làm phúc ấy mà li.

— Nhưng thằng Sang có khăn áo tử tế hay lại mặc như thằng ăn mày ấy.

— Ông không phải lo việc ấy. Nó đã dám mượn được đủ cả rồi. Cháu mặc cả và đã khoản đủ với nó như thế.

Ông Li nhăn mặt, nhặt ba hào bỏ túi:

— Làm việc mà cứ gặp phải những người như con bà, thì tôi đến chết mất.

— Thì ông không cho phép cháu ở nhà, cháu phải thuê người khác đi thay cũng thế chứ gì.

— Thế đến gà gáy hôm 29, bà bảo thằng Sang chực sẵn ở đình, tôi dẫn đi.

— Ấy, ông cho nó cơm nước thông thả đã chứ. Đá bóng ít ra ba, bốn giờ mới bắt đầu kia, mà tôi tưởng mười hai giờ ở nhà đi cũng vừa. Buổi sáng tôi còn mượn nó cuốc mảnh vườn.

— Ba bốn giờ, mới bắt đầu, nhưng quan bắt đến huyện từ mười hai giờ. Đề ngài điem. Mà quan sức mười hai giờ thì mình phải đến từ mười một giờ, cho sớm sửa. Vả lại tôi còn phải mang cờ lên lúc mười giờ, thì chả đi từ năm sáu giờ thì đi vào lúc nào. Cho nên mọi người phải chờ ở đình từ gá gáy.

— Thế thì sớm quá.

Ông Li gắt:

— Tôi không lười thôi. bà không bằng lòng thế, thì tôi cứ bắt dịch danh con bà. Mặc kệ!

Bà Phó sợ hãi:

— Không, lệnh ông thì thế nào tôi chả phải nghe. Là tôi nói chuyện thế đấy chứ.

— Mấy lì bao nhiêu người phải thế, chứ riêng gì bà. Bà bảo thằng Sang năm cơm từ chiều hôm trước, chứ sáng hôm ấy dậy mới thôi thì không kịp đâu.

— Vâng.

Ngay từ sáng tờ mờ hôm 29, ở sân đình làng Ngũ Vọng, đã có tiếng ông Li quát tháo om sòm:

— Thiếu những mười tám thằng kia à? Tuần (14) đâu, đến tận nhà chúng nó, lôi cò chúng nó ra đây. Chứ đã hẹn đi lại còn định chuẩn phỏng!

Sau tiếng dạ ran, những ngọn đuốc linh tinh kéo đi các ngã. Ông Li dặn theo, tiếng oang oang:

— Hễ đứa nào láo, cứ đánh sặc tiết chúng nó ra, tội vạ ông chịu. Mẹ bố chúng nó, việc quan thế này có chết cha người ta không! Chúng bay gô cò cả giải cho được ra đây cho ông!

Lại một tiếng dạ nữa, giữa những tiếng chó rống dậy. Ngọn lửa đỏ như nôi lênh bênh trong biển sương mù.

Thì đại khái cái cảnh diễn ra như thế này:

Hai người tuần, một người cầm đuốc, một người cầm tay thước, đập cửa vào nhà thằng Cò. Sau khi tìm sục khắp gian ngoài, buồng trong, không thấy một ai, họ xuống bếp, chọc tay thước vào cột gio và bồ trấu. Rồi họ lùng ra mé sau nhà. Cũng vô hiệu.

Nhưng bỗng có tiếng trẻ khóc thét lên, thì hai anh tuần mới khám phá ra chỗ người trốn: thằng Cò nằm ẹp với con ở cạnh đồng rơm, phủ lên mình đầy rơm.

Nó bị lôi ra ngoài. Nó van lạy:

— Lạy các bác, các bác cho tôi ở nhà làm ăn.

— Sao anh đã hẹn với ông Li lại không đi, để ông ấy chửi địa lên kia kia.

— Tôi đi thì tôi mất cả ngày, mà mất buổi làm thì tôi với cháu nhịn đói.

— Tôi không biết.

— Mấy lì tôi không mượn đâu được quần áo.

— Không biết! Anh ra đình mà kêu với ông Li.

Thằng bé con nhắm nghiền mắt, ôm chặt lấy bố. Nó sợ quá không khóc được nữa. Thằng Cò chưa kịp trả lời, đã bị lôi sềnh sịch đi.

Cuộc săn dừ riết đến đâu cũng không sao tróc đủ một trăm người phải xem đá bóng. Dăm sáu anh khôn ngoan đã kéo đến ngủ nhờ nhà khác, hoặc làng khác. Họ làm như lãnh nạn.

Khi đã thấy chậm giờ, ông lí trưởng nghiêng rằng nói:

— Chúng nó ngu như lợn, người ta cho xem đá bóng chứ ai làm gì mà cũng phải bắt. Rồi quan thấy không đủ số lại chửi ông không tận tâm.

Chín mươi tư thằng ở đây xếp hàng năm lại, đi cho đều bước. Tuần chúng bay phải kèm chung quanh giúp tao, đứa nào mà trốn về thì ông bảo.

Đoạn ông lo lắng, đi cuối cùng, mắt nhanh nhẹn để coi cẩn thận như coi tù binh.

Rồi vừa đi, ông vừa làm nhảm chữ:

— Mẹ bố chúng nó, cho đi xem đá bóng chứ ai giết chết mà phải trốn như trốn giặc.

CHỮ THÍCH: (1) Những năm 1936 — 1938, tên thống sứ Sa-ten đề xướng « phong trào thể dục, thể thao » để đánh lạc hướng thanh niên. Tác giả viết bài này, nhằm đã kích phong trào lừa bịp đó.

(2) Nguyễn Công Hoan sinh ngày 6 tháng 3 năm 1903, trong một gia đình nho học. Quê ông ở thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hải Hưng.

Trước Cách mạng tháng Tám dạy học và viết văn. Sau Cách mạng, ông làm công tác tuyên truyền và báo chí. Trong kháng chiến chống Pháp, gia nhập quân đội. Sau kháng chiến, ông chuyên hoạt động văn học.

Viết văn từ năm 1920, Nguyễn Công Hoan là một nhà văn hiện thực xuất sắc của giai đoạn văn học 1930 — 1945. Ông mất ngày 6-6-1977 tại Hà Nội, thọ 74 tuổi.

Những tác phẩm chính:

— Viết trước Cách mạng: *Lá ngọc cành vàng* (tiểu thuyết — 1934), *Cô giáo Minh* (tiểu thuyết — 1936), *Bước đường cùng* (tiểu thuyết — 1938), *Cái thủ lợn* (tiểu thuyết — 1939), *Kép Tư Bền* (tập truyện ngắn — 1935), *Truyện ngắn chọn lọc* — tập I và II (1958).

— Viết sau Cách mạng: *Tranh tối tranh sáng* (tiểu thuyết — 1957), *Hồn canh hồn cừ* (tiểu thuyết — 1960).

(3) *Trát*: giấy của bọn quan lại truyền cho dân thi hành một mệnh lệnh nào đó (4) *Sức*: truyền, ra lệnh (5) *Hương lý*: bọn chức việc trong chính quyền thực dân phong kiến ở thôn xã nước ta thời trước (6) *Tuần cứ*: vàng theo thể mà làm. (7) *Mars*: (tiếng Pháp đọc là mác-xi) tháng ba. (8) *Cửu*: tội lỗi; bị cửu: bị tội. (9) *Rũ tử*: (rũ: kiệt sức, gục xuống, lả xuống) bị giam cho đến kiệt sức, có thể chết ở trong tù. (10) *Gồ cồ lại*: trói chặt lại. (11) *Phải lại*: bị ốm lại. (12) *Oan gia*: ý nói: mang tai vạ cho gia đình. (13) *Nữ nhân ngoại tộc*: (đàn bà người họ khác) đàn bà không được kể là người trong gia đình. (14) *Tuần*: (gọi tắt từ tuần phu) những người tham gia vào việc tuần phòng, khám xét, bắt bớ.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Vì sao truyện ngắn này lại làm cho người đọc cười? Những mâu thuẫn gì đã gây ra tiếng cười? Tiếng cười ở đây có nghĩa gì? Cái hài ở đây có xen cái bi không? Vì sao?

2. Những thành công và hạn chế của Nguyễn Công Hoan trong truyện ngắn này.

3. Liên hệ phong trào thể dục, thể thao bịp bợm trên với phong trào rèn luyện thân thể, sẵn sàng lao động, bảo vệ Tổ quốc của chúng ta ngày nay.

ĐỌC VÀ BÌNH CHỮ

TRỐNG QUÂN MỚI DIỄN TÍCH

DÂN BIỂU TRANH NẲNG (1)

TÚ MỠ (2)

Nghị trường:

Thưa với các ngài,

Mấy lời thưa với các ngài,

Viện ta làm việc năm này thời vừa ba

Vì dân, vì nước, lại vì nhà,

Trên đường chinh trị, đã quyết ra vẫy vùng

Đảng đàn (3), tranh biện (4), tranh hùng.

Lấy câu ích lợi cộng đồng làm vinh.

Khoa này ta đã sắp mần canh,

Cùng nhau thử tính toán việc hoàn thành xem sao.

Ích dân lợi nước những thế nào,

Xin các ngài cho biết đề ghi vào... công sổ công.

Phần tôi xin khai trước hội đồng.

Rằng: tôi nhiệt huyết trong lòng chứa chan.

Này tim, này mật, này gan,

Muốn moi ra hết đề trên bàn hiến dân

Đã nguyện hai chữ công tâm

Vì dân, vì nước, dầu xả thân có ngại gì.

Nghị làm báo:

Mồ bụng làm chi,
Tôi xin can ngài, mồ bụng làm chi,
Thiệt thân mà có ích gì ai đâu!
Tôi đây chỉ hết sức thỉnh cầu,
Cho báo Tân văn được sống lâu giàu bền,
Đông Tây tư tưởng tuyên truyền,
Thông thư(?) truyền bá khắp các miền thị thôn,
Giữ gìn quốc túy, quốc hồn(?),
Đề giấy kia đủ rách, lẽ còn(?), lâu bền lâu.

Nghị thầu khoán:

Tôi cũng thỉnh cầu,
Lép chi, tôi cũng thỉnh cầu.
Được mấy món thầu, xây cống, đắp đê,
Thực là ích lợi cho dân quê,
Chẳng còn lo hạn hán, chẳng còn ghê vỡ đường,
Thời buổi này kinh tế khủng hoảng(?),
Anh em thất nghiệp nhờ nhằng biết bao,
Tôi mộ phu, công nhật những một hào,
Kiếm việc cho đồng bào dư bát cơm ăn,
Rõ ràng ích quốc lợi dân,
Công tư liên lạc mười phân...mười vẹn mười.

Nghị rượu:

Rượu mới ra đời,
Vạn Văn này rượu mới ra đời(?)
Độc quyền bãi bỏ, dám hỏi: ai công đâu!
Tôi đây chứ nào có phải ai đâu,
Lao tâm, khổ trí thỉnh cầu... nên mới nên,
Vi dân tôi tốn của hao tiền,
Mở lò cất rượu để đưa chên cho kịp người,
Người Nam ta thu được mỗi hời,
Lợi tôi, dân lợi, lẽ thời... nhiên dĩ nhiên.

Nghị đồn điền:

Ruộng cả ao liền...
Tiếng rằng tôi ruộng cả ao liền,
Tôi khẩn cầu, cho thuê thổ, thuê điền giảm đi,
Nhưng nào tôi có vị mình chi,
Thủy chung một dạ, tôi chỉ vì quốc dân,
Vi bằng tôi nói trái lương tâm,
À! là tội với quỷ thần... vai hai vai.

Nghị chủ thuyền:

Giảm thuế thuyền chài...
Cũng như tôi xin giảm thuế thuyền chài.
Há phải vì tôi vốn có dăm mươi chiếc thuyền:
Tôi xin thề trên có hoàng thiên,
Tôi chỉ vì dân thủy thủ kiếm ăn miền bể, sông,
Việc nhỏ nhen nào dám tâng công,
Nhưng phải nói ra cho hả tấm lòng... dân vì dân...

Nghị tang bảm:

Xoay nghiệp thuốc dân(?)...
Từ ngày tôi xoay nghiệp thuốc dân,
Mời xét ra thuốc bắc chịu phần thuế cao,
Cho nên phải vận động hô hào,
Kêu cho thuốc bắc nhập vào nước Nam,
Một là được miễn thuế nhà đoan(?),
Hai là chỉ chịu thuế nhẹ nhàng được đặc ân...

Nghị trường:

Vì nước, vì dân,
Chúng ta đều vì nước, vì dân.
Xét ra ai cũng có phần công lênh;
Dù không bia đá sử xanh,
Cũng còn bia miệng để lưu danh... đời muôn đời.

CHỮ THÍCH: (1) Dân biểu tranh năng: tác giả phỏng theo tên một tác phẩm khuyết danh *Lạc súc tranh công* (sáu con vật tranh nhau kẻ công) để đặt tên cho bài thơ của mình. *Tranh năng*: tranh nhau khoe khoang tài năng của mình.

(2) Tú Mỡ tên thực là Hồ Trọng Hiếu, sinh năm 1900 trong một gia đình nghèo ở Hà Nội. Tuy làm thư ký cho Sở tài chính Đông Dương, ông vẫn khinh ghét thực dân Pháp với bề lũ tay sai và làm thơ ca đả kích chúng.

Sau Cách mạng tháng Tám, ông là công chức của Bộ tài chính nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ được ít lâu, ông chuyển sang làm công tác tuyên truyền, văn nghệ.

Năm 1951, Tú Mỡ được giải nhất, năm 1956 được giải nhì về thơ ca của Hội văn nghệ Việt Nam.

Ông là nhà thơ đầu tiên được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua toàn quốc trong phong trào thi đua yêu nước 1951-1952 và được thưởng Huân chương Kháng chiến hạng nhì. Năm 1956 ông được tặng thưởng huân chương Kháng chiến hạng nhất.

Ông mất ngày 13-7-1976 tại Hà Nội, thọ 76 tuổi.

Tác phẩm chính:

Dòng nước ngược — tập I (1934) *Dòng nước ngược* — tập II (1941), *Dòng nước ngược* — tập III (1946), *Anh hùng vô tận...* (1949), *Nụ cười kháng chiến* (1954), *Nụ cười chính nghĩa* (1958), *Ông và cháu* (1970).

(3) *Đồng dân*: bước lên đàn. (4) *Tranh biện*: cãi nhau lẽ phải trái. (5) *Niên lịch thông thư*: một thứ lịch sách của nhà in Trung Bắc Tân văn xuất bản, trong đó có truyền bá những điều mê tín như tương số, ngày tốt, ngày xấu v.v... (6) *Quốc hồn quốc túy*: cái hay riêng về tinh thần hay vật chất của một nước. (7) *Giấy kia dù rách lẽ còn*: tục ngữ «giấy rách phải giữ lấy lề» có nghĩa là dù thế nào cũng phải giữ lấy cái truyền thống tốt đẹp. (8) *Kinh tế khủng hoảng*: muốn cho có văn và thêm ý vị trào phúng tác giả đã đổi *khủng hoảng* ra *khủng hoang*. (9) *Rượu Vạn văn*: rượu đầu tiên của người Việt Nam sản xuất để bán cho sở thương chính, làm cho rượu Phông-ten không còn giữ độc quyền như trước được nữa. (10) *Thuốc dân*: tiếng trào lộng nghĩa là lừa bịp dân, hại dân. (11) *Nhà đoan* (từ phiên âm tiếng Pháp) sở chuyên coi về thuế gián thu thời thuộc Pháp (thuế rượu, thuế diêm, thuế muối, thuế thuốc phiện, thuế thuốc lá, thuế xuất nhập khẩu, v.v...).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích tính chất trào phúng của bài thơ (thể hiện qua đề mục, thể thơ, ngôn ngữ nhân vật).

2. Thực chất của viện dân biểu, của các nghị viện dưới chế độ thực dân nửa phong kiến được tác giả vạch ra như thế nào và bằng cách nào?

CHƯƠNG IV

VĂN HỌC CÁCH MẠNG 1930 — 1945

KHÁI QUÁT

Văn học cách mạng so với văn học hiện thực phê phán và nhất là văn học lãng mạn có nhiều điểm khác căn bản, khác về con người sáng tác, về đối tượng phản ánh, về mục đích sáng tác, về giá trị và tác dụng của nó.

I — VĂN HỌC CÁCH MẠNG QUA CÁC THỜI KÌ

Văn học cách mạng phục vụ cho cuộc đấu tranh cách mạng, phát triển song song với những hoạt động của Đảng cộng sản Đông Dương.

1. Thời kì 1930 — 1935, chủ yếu có thơ văn Xô-viết Nghệ — Tĩnh, sáng tác trong phong trào đấu tranh sôi sục của quần chúng Nghệ — Tĩnh những năm 1930 — 1931. Cuộc đấu tranh đẫm máu, hiệp giao phong quyết liệt đầu tiên của Đảng cộng sản lúc đó chưa đầy tuổi tới với bọn phong kiến, đế quốc đã làm tan rã chính quyền của chúng ở một số địa phương. Những xô-viết đầu tiên ở Đông Dương được thành lập. Cùng với gây gộc, giáo mác của nhân dân cách mạng, thơ văn Xô-viết Nghệ — Tĩnh đã đánh mạnh vào thành lũy của đế quốc, phong kiến và tư bản. Nó gồm hàng trăm bài thơ ca, hát ví, hát dặm, văn tế, là những bản cáo trạng hùng hồn đánh thép, kết tội bọn thống trị. Nó vạch mặt bọn *miệng bảo hộ mà tay bóc lột, bọn nặng túi tham vor vét bạc tiền, chiếm ruộng đất lập đồn điền không khi nào chán mỏi*. Nó vẽ lại cuộc sống cơ cực của quần chúng nhân dân, nhất là của công, nông, binh, phụ. Rồi nó kêu gọi:

Ấy ai nó lệ trên đời.

Ai mà cực khổ đồng thời đứng lên.

Và những người công nhân ở Bến Thủy, những người nông dân ở Thanh Chương và bao nhiêu huyện khác, tổng khác, dưới lá cờ của Đảng đã vùng dậy lấy gươm vàng chọi với đạn sắt (1) để viết thêm vào lịch sử đấu tranh của dân tộc những trang rạng rỡ oai hùng.

Sau khi bị khủng bố, đàn áp dữ dội, cách mạng tạm thời thoái trào. Nhiều chiến sĩ bị bắt vào nhà ngục. Trong lúc tạm dừng bước trên con đường hoạt động, họ đã dùng thơ ca động viên nhau giữ vững phẩm chất cách mạng và đấu tranh chống những tư tưởng không vô sản trong phạm vi nhà tù (2).

2. Năm 1935, tiếp thụ ảnh hưởng của phong trào Mặt trận binh dân ở Pháp, phong trào cách mạng của ta lại phục hồi và một bộ phận chuyển sang công khai. Tư tưởng vô sản có dịp tỏa ánh rộng rãi trên văn đàn, trên báo chí của Đảng, trên báo chí tiến bộ khác và trong các «tập sách dân chúng», loại sách mác-xít phổ thông được xuất bản công khai.

Thời kì Mặt trận dân chủ đã nổ ra nhiều cuộc đấu tranh tư tưởng, đặc biệt là cuộc đấu tranh chung quanh vấn đề «nghệ thuật vị nghệ thuật» hay «nghệ thuật vị nhân sinh». Những nhà văn có tư tưởng vô sản đã phê phán quan điểm học thuật tư sản của số lớn văn nghệ sĩ đương thời. Họ kêu gọi các nhà văn «đem ngòi bút lột trần cái xã hội hiện tại để cho dân chúng trông rõ cái nguồn gốc của mọi sự đau thương mà tìm lấy đường sống, tẩy sạch đồng phân văn chương ủy mị đang làm đơ bần lùn khờ khi của dân tộc Việt Nam (3).

Ngoài thơ ca là một bộ phận quan trọng mà tiêu biểu là thơ Tố Hữu, còn có một số kí sự và truyện ngắn. Trong tập kí sự *Ngục Kontum*, Lê Văn Hiến đã kịch liệt tố cáo chế độ nhà tù dã man của đế quốc và nêu lên tinh thần đấu tranh bất khuất của các chiến sĩ bị bắt giam ở nơi địa ngục trần gian ấy.

(1) Tất cả những chữ, những câu in ngả trên đây đều trích trong văn thơ Xô-viết Nghệ — Tĩnh.

(2) Ví dụ chống tư tưởng của một số đảng viên Việt Nam quốc dân đảng.

(3) Báo Tao đàn, 16-5-1939.

3. Đến thời kì 1939 — 1945, trong tình hình thế giới nghiêm trọng, bọn thống trị Pháp đã tấn công ác liệt vào Đảng ta. Lại thêm bọn phát xít Nhật khát máu cũng quay cuồng, lồng lộn trên sân khấu Đông Dương. Văn học cách mạng phải rút vào bí mật, về các vùng căn cứ cách mạng và cùng với Đảng, tiếp tục sứ mệnh cứu nước thiêng liêng. Cũng như thơ văn Xô-viết Nghệ — Tĩnh, thơ văn cách mạng thời Mặt trận Việt Minh sôi sục tinh thần đấu tranh. Nó theo sát tình hình trong nước và tình hình quốc tế. Nó phản ánh cuộc sống khổ cực, đau thương của nhân dân ta dưới hai tầng thống trị nặng nề Pháp-Nhật. Nó kêu gọi:

Nào đoàn nào hội những ai
Những ai yêu nước, ai người Việt Nam

Việt Minh tha thiết chào mời
Mau vào mặt trận giết loài xâm lăng.

Năm 1943, Đảng công bố bản *Đề cương văn hóa*. Bản đề cương không những có tác dụng đến bước phát triển của văn học cách mạng thời kì này mà còn đặt cơ sở cho việc xây dựng toàn bộ nền văn hóa mới Việt Nam trên ba nguyên tắc cơ bản: *dân tộc, khoa học, đại chúng*. Ở thời kì này, thơ ca nhà tù không chỉ làm nhiệm vụ động viên giữ vững tinh thần cách mạng, hoặc nói lên tâm tư, tình cảm của người chiến sĩ mà còn góp phần tích cực với các chiến sĩ và quần chúng cách mạng bên ngoài trong công cuộc đấu tranh chung (1).

(1) Ví dụ bài thơ sau đây của Xuân Thủy:

Cuối năm 1940, Xuân Thủy bị giam ở Sở mật thám Hà Nội. Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đang tiếp diễn. Nhật kéo vào Đông Dương. Tháng 9-1940, nhân dân Bắc Sơn nổi dậy. Tháng 11, Nam Kỳ khởi nghĩa, Xuân Thủy có bài thơ:

PHẢI TÍNH SAO

Pháp chưa ra đi Nhật đã vào.
Chuyển này ta phải tính làm sao.
Anh hùng châu Bắc phơi xương trắng
Chiến sĩ miền Nam đổ máu đào.
Dân đã đồng tình hô phá ngục,
Mình đâu cảm cảnh chịu ngồi lao
Cho hay bom đạn dồn Âu, Á
Pháp, Nhật chỉ chi cũng lộn nhào!

II — GIÁ TRỊ CỦA VĂN HỌC CÁCH MẠNG

Văn học cách mạng về số lượng ít hơn văn học hiện thực phê phán và văn học lãng mạn. Nhưng về tư tưởng, giá trị của nó rất cao. Văn tức là người. Những người sáng tác thơ văn cách mạng hầu hết là những chiến sĩ cộng sản. Họ là những người được vũ trang bằng thế giới quan tiến bộ nhất, thế giới quan của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, và bằng một nhận thức quan cao cả nhất, nhận thức quan cộng sản chủ nghĩa của người chiến sĩ vô sản, những người khi đã thấy mặt trời chân lý chói qua tim⁽¹⁾ thì nguyện suốt đời đấu tranh cho hạnh phúc của giai cấp, của dân tộc, của nhân loại. Thế giới quan và nhận thức quan đó đã đem vào văn học một nội dung và một nghệ thuật mới không thể tìm thấy ở các dòng văn học khác của giai đoạn.

1. Nội dung

Nhìn vào hiện thực, văn học cách mạng thấy rõ mỗi mâu thuẫn cơ bản trong xã hội, thấy rõ bạn thù. Nó không những chỉ tố cáo, giải thích, mà chủ yếu là tìm cách cải tạo xã hội, cải tạo bằng con đường đấu tranh cách mạng. Nó thấy rõ lực lượng nào có thể giải quyết được mâu thuẫn và phải làm thế nào để giải quyết:

« Con đường sống của bọn nghèo ta
Có một và duy chỉ một, là
Tranh đấu luôn và tranh đấu mãi
Cho ngày mai đẹp hơn ngày qua »⁽²⁾.

Nắm được hiện tại, người cách mạng nhìn thẳng về tương lai, biết rõ nhân loại sẽ đi tới đâu. Văn học cách mạng đã động viên, giáo dục, dìu dắt nhân dân đứng dậy để đưa nước nhà đi vào con đường lịch sử duy nhất đúng.

Thế giới quan cách mạng có tác dụng quyết định đến nhận thức quan tức là đến quan niệm của người vô sản về văn nghệ

(1) Thơ của Tố Hữu trong bài *Từ ấy*.

(2) Thế Nhụ.

sống chết, vấn đề yêu ghét, sống thế nào cho phải, chết thế nào cho nên, yêu ai, ghét ai. Người cộng sản sống là để tranh đấu: tranh đấu cho hạnh phúc của những người bị áp bức trong đó có mình, cho toàn thể nhân loại cần lao, tranh đấu không ngừng: « Còn một giây, một phút » là còn « tranh đấu mãi không thôi »⁽¹⁾.

Người cộng sản thiết tha yêu đời. Vì yêu đời, vì muốn sống cuộc đời tốt đẹp, muốn mọi người đều được hưởng hạnh phúc, nên phải đấu tranh. Họ hiểu rằng sống nó lệ không phải là sống. Và khi cần chết, họ biết chọn cái chết có ý nghĩa nhất. Họ hiểu có hy sinh thì cách mạng mới sống được, mà một người chết thì trăm nghìn người sẽ xông lên. Những cái chết như thế đã làm cho đế quốc run sợ và thời bao nhiêu sinh khí vào lòng những người sống.

Sống cho một lý tưởng mà mình biết chắc thế nào cũng thực hiện được cống hiến cả cuộc đời cho cách mạng, không sợ gian nguy, không sợ đến cả cái chết, người cộng sản có một tinh thần lạc quan đặc biệt, không gì dập tắt nổi. Thơ văn của họ trẻ và khỏe một cách kì diệu:

Ta nghĩ ngày mai hết đói nghèo,
Hết tù, hết tội, hết gieo neo.
Trong ngoài bốn bề anh em cả,
Ôi, đẹp vườn xuân những sớm chiều⁽²⁾.

2. Nghệ thuật

Thơ văn cách mạng được sáng tác trong những hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng của cuộc đấu tranh sinh tử với kẻ thù. Tác giả của dòng văn học này là những người chiến sĩ, họ dùng thơ văn để phục vụ trực tiếp và kịp thời cho phong trào cách mạng của quần chúng. Do mục đích sáng tác như vậy nên đặc sắc nghệ thuật nổi bật của thơ văn cách mạng là tinh

(1) Tố Hữu.

(2) Không gian được trí óc (Xuân Thủy).

dân tộc và đại chúng. Mỗi bài thơ, bài ca là cả một bầu tâm huyết nóng bỏng nhiệt tình yêu nước, lòng căm thù đế quốc, phong kiến của người chiến sĩ. Do đó, thơ ca cách mạng có tính chất trữ tình⁽¹⁾ phong phú. Mỗi bài nghị luận bút chiến là một mũi cách mạng tiến công với lời lẽ đanh thép, lập luận chặt chẽ, sắc bén, có lúc đi sâu vào tình cảm con người, có sức thuyết phục rất mạnh mẽ.

Đặc điểm nghệ thuật mới mẻ của văn học cách mạng là về mặt phương pháp sáng tác: sự kết hợp giữa chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa lãng mạn cách mạng⁽²⁾. Nó đặt những viên gạch đầu tiên cho phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa⁽³⁾ của nền văn học Việt Nam sau này.

Sau 15 năm đấu tranh, Đảng Cộng sản đã đưa dân tộc ta đến thắng lợi rực rỡ. Văn học cách mạng đã góp phần trong sự nghiệp lớn lao đó. Thơ văn cách mạng tất nhiên bé nhỏ hơn sự nghiệp cách mạng nhiều. Ở mỗi nhà thơ, nhà văn cách mạng, sự nghiệp văn thơ cũng thường bé hơn sự nghiệp cách mạng. Mặc dù vậy, dòng văn học cách mạng vẫn là dòng quan trọng hơn cả. Nó đã mang vào cho văn học của thời đại một

(1) *Trữ tình*: Chứa đựng tình cảm.

(2) *Lãng mạn cách mạng*: là một yếu tố của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Khái niệm lãng mạn cách mạng dùng để chỉ niềm khát vọng, say sưa đối với xã hội tương lai, những khát vọng đó là hợp với quy luật tiến hóa của xã hội và có thể thực hiện được.

(3) *Hiện thực xã hội chủ nghĩa* là phương pháp sáng tác được hình thành đầu thế kỉ XX trong hoàn cảnh xã hội mà cuộc đấu tranh của quần chúng lao động, của giai cấp công nhân lên cao và chủ nghĩa Mác đã thâm nhập vào quần chúng biến thành lực lượng vật chất của xã hội. Phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa chủ trương: với lập trường tình đảng cộng sản, dùng hình tượng, điển hình phản ánh con người và cuộc sống một cách chân thật, cụ thể — lịch sử trong quá trình phát triển cách mạng của nó. Nó có nhiệm vụ phê phán cái cũ, nhưng nhiệm vụ chủ yếu của nó là xây dựng cái mới, khẳng định cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa. Hai yếu tố hiện thực chủ nghĩa và lãng mạn cách mạng kết hợp chặt chẽ với nhau.

cách nhìn mới, một cách sống mới, và đã đưa ra một phương pháp sáng tác mới đặt nền móng cho nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa là nền văn học sẽ phát triển không ngừng sau ngày Cách mạng thành công.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Quá trình phát triển của văn học cách mạng, giai đoạn 1930 — 1945 và thành tựu của nó qua mỗi thời kì?
2. Văn học cách mạng 1930 — 1945 có những đặc điểm gì khác với văn thơ yêu nước trong giai đoạn trước?
3. Giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của văn học cách mạng.
4. So sánh văn học cách mạng với văn học hiện thực phê phán và văn học lãng mạn để thấy rõ văn học cách mạng là bộ phận văn học có giá trị nhất trong giai đoạn này.

TÁC PHẨM “TỪ ẤY”

1 — CÁC PHẦN: “MÁU LỬA”, “XIẾNG KÍCH”, “GIẢI PHÓNG”

Từ Ấy là tập thơ đầu của Tố Hữu. Nó gồm bảy mươi một bài sáng tác trong mười năm (1937 — 1946) và chia làm ba phần, mỗi phần đánh dấu một thời kì trên bước đường trưởng thành của người thanh niên tiêu tư sản quyết tâm đi theo ngọn cờ của Đảng.

1. *Máu lửa* gồm những bài sáng tác trong thời kì Mặt trận dân chủ, lúc Tố Hữu đang còn là một học sinh và bước đầu được giác ngộ cách mạng. Say mê lí tưởng Đảng, nhà thơ đã nguyện làm con của vạn nhà, làm em của vạn kiếp phôi pha. Tố Hữu thông cảm sâu sắc với cuộc sống cơ cực của những người nghèo khổ trong xã hội: những em bé mồ côi sống vất vưởng bên tha, những vú em phải bỏ con mình trong lò lạnh để ôm ấp con cái bọn nhà giàu, những cô gái sông Hương, không biết khi mở

mới thoát khỏi cái kiếp sống bị giày vò nhục nhã, những ông già công lưng đan chiếc rờ, mai bán lấy vài xu, những lão đầy tớ sống như cái kiếp ăn mày, ngồi ăn trong góc xó. Nhà thơ còn thương những bà mẹ, những người vợ, những em bé ở khắp nơi trên thế giới, nạn nhân của những cuộc chiến tranh xâm lược do bè lũ phát xít gây ra. Dần dần tình thương ấy gắn chặt với lòng căm thù uất hận, với ý chí hành động cụ thể. Nhà thơ muốn truyền lí tưởng cách mạng của Đảng cho những người bị cuộc đời hắt hủi, bị chế độ bất công đè nén đè nhóm lên trong lòng họ ngọn lửa đấu tranh thôi thúc họ *liên hiệp lại*, đứng dậy đòi quyền sống.

2. *Xiềng xích* gồm những bài sáng tác trong các nhà lao lớn ở Trung Bộ thời Tố Hữu bị đế quốc bắt giam (tháng 4-1939 đến tháng 3-1942). Trước hết, đó là tâm tư của một thanh niên vốn tha thiết với tự do nay bị tù túng, vốn say mê hoạt động nay bị giam cầm, vốn sống giữa rừng người nay bị lẻ loi cô quạnh. Nhà thơ không khỏi thấy buồn rầu thương nhớ, *nhớ người, nhớ đồng*. Nhưng nỗi buồn thương đó chỉ thoáng qua không chày thành đôi lệ hèn. Trái lại, được thử thách tới tuyện trong hoàn cảnh đấu tranh một mất một còn với đế quốc, thơ Tố Hữu rắn rỏi thêm. *Xiềng xích* có những vần thơ phơi phới một tinh thần chiến đấu kiên cường, nhiều khi *vút lên như sóng cửa Thuận* (1), những vần thơ biểu hiện một nhân sinh quan cao cả, vào loại những vần thơ hay nhất của thơ ca nhà tù. Giữa bốn bức tường lạnh của nhà lao, Tố Hữu vẫn quan tâm đến cuộc cách mạng của dân tộc đang diễn ra và sáng tác để góp phần vào cuộc đấu tranh bên ngoài. Nhà thơ cũng đã đề trí tưởng tượng vượt không gian và thời gian mà ca ngợi cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Trung Hoa chống đế quốc Nhật, hoặc ca ngợi tinh thần cách mạng của nhân dân Pháp những ngày tháng 7-1789. Ở *Xiềng xích*, chủ đề công

(1) Chữ dùng của Trần Huy Liệu.

Trong bài, những chữ, những câu in nghiêng đều là của Tố Hữu trong *Từ ấy*.

nòng được hình thành rõ nét, biểu hiện ở tác giả một sự giác ngộ giai cấp sâu sắc hơn so với trước.

3. *Giải phóng* gồm những bài sáng tác từ khi Tố Hữu vượt ngục tự giải phóng, cho đến những ngày đầu giải phóng vĩ đại của toàn dân tộc. Ra khỏi nhà tù, Tố Hữu đã gắn thành một khối với quần chúng cách mạng. Tiếng thơ của nhà thơ là tiếng nói trực tiếp của nhân dân lao động đấu tranh giành quyền lợi cơm áo hằng ngày kết hợp với đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc.

Cách mạng tháng Tám thành công. Nhà thơ thanh niên đã nhiệt thành ca ngợi Lãnh tụ:

Đã quyết chiến hi sinh

Cho Việt Nam độc lập

Cho thế giới hòa bình.

Nhưng rồi bọn thực dân lại quay đầu trở lại. Lửa phản nộ trong lòng nhà thơ đã bốc lên thành những tiếng thét kêu gọi *giết giặc sặc như lưỡi lê*, giòn như tiếng súng.

Nhưng dù bọn hiếu chiến có điên cuồng, nhân loại cũng vẫn cứ đang nghe *«xuân tới nở một cười»*. Kết thúc tập thơ là một *«niềm vui bất tuyệt»*, niềm vui đã khiến nhà thơ như thấy lòng bay lên với *«đôi cánh mở của đất trời giải phóng»*.

II — GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG VÀ NGHỆ THUẬT

«Từ ấy» là tiếng hát yêu thương, tiếng thét căm thù, thể hiện những tình cảm sôi nổi của người thanh niên khi đã tìm thấy lý tưởng: yêu đời, yêu giai cấp, yêu Tổ quốc, yêu nhân loại và căm thù bọn thực dân, phong kiến, bọn áp bức, bóc lột.

«Từ ấy» là tiếng hát chiến đấu kiên cường, bất khuất của người thanh niên cộng sản nguyện chiến đấu suốt đời và sẵn sàng hy sinh cho lý tưởng cao quý: giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.

«Tứ ấu» là tiếng hát lạc quan cách mạng. Bất kỳ trong trường hợp nào, hoặc nói đến người nghèo khổ, hoặc biểu hiện một cảnh bất công đen tối, hoặc nói lên nỗi hiềm nghèo trên bước đường cách mạng, cả đến chết chóc hi sinh, thơ Tố Hữu bao giờ cũng kết thúc bằng những hình ảnh đầy sức sống, những màu sắc tươi thắm, biểu hiện một niềm tin, một niềm phấn khởi, biểu hiện cái tiến tới, cái vươn lên.

Đặc điểm chính về hình thức nghệ thuật của thơ Tố Hữu là tính chất dân tộc và đại chúng. Lời thơ thường giản dị, Nhân vật, thi liệu (1) đều quen thuộc với quần chúng. Mặt khác, ảnh hưởng của những điệu dân ca nơi quê hương tác giả và những hình ảnh mới lạ của một tài năng nghệ thuật luôn luôn tìm tòi sáng tạo đã làm cho thơ Tố Hữu có một bản sắc khó nhầm lẫn với thơ của các nhà thơ khác.

* *

Với nội dung tư tưởng tiến bộ, với tính chất lạc quan cách mạng đặc sắc, với hình thức nghệ thuật độc đáo, *Tứ ấu* có một sức hấp dẫn, một khả năng truyền cảm, một tác dụng giáo dục lớn. Thanh niên thuộc lòng thơ «Tứ ấu», người cán bộ cách mạng cũng lấy những vần thơ Tố Hữu làm phương châm hành động.

Trong nền thơ ca tiếng Việt trước Cách mạng, *Tứ ấu* là là cờ đầu.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nội dung từng phần «Máu lửa», «Xiềng xích», «Giải phóng» trong tập *Tứ ấu*?
2. Giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của tập *Tứ ấu*.
3. Trong tập thơ *Tứ ấu*, anh (chị) thích những bài thơ nào nhất, vì sao?

(1) *Thi liệu*: chất liệu để làm thơ (ngôn ngữ, hình ảnh, nhạc điệu...).

CON CÁ, CHỘT NỬA (?)

- 1 Năm sáu ngày mệt xiu
Thuốc làm khuấy mấy điều
Vài ba hộp nước trong
Suy nghĩ chuyện bao đồng (?)
- 5 Vẫn không ngoài chuyện đời.
Đầu sần, canh bốc khói
Chén cá nức mùi thơm
Lên họa với mùi com.
Sao mà như cảm dỗ!
- 10 Muốn ngủ mà không ngủ
Cái bụng cứ nằn nì:
«Ăn đi thôi, ăn đi!
Chết làm chi cho khổ!»
Nghe hần thăm quýt rở
- 15 Tôi đổ mặt bưng tai:
«Tha đi cái giọng mày
Tao tha cam chịu chết!»
Hần nằm im đó một
Rồi tha thiết van lơn:
- 20 «Đời mới hai mươi xuân
Chết làm chi cho khổ!»
Hần nói to, nói nhỏ
Kể lè chuyện dè hèn
Tôi vẫn cứ nằm yên
- 25 Hần liền thay chiến thuật:
«Thôi thì thôi, cứ vật
Nhưng phải ráng cầm hơi
Theo với bạn, với đời
Cho đến ngày kết quả
- 30 Ăn đi vài con cá
Năm bảy cái chột nửa
Có ai biết ai ngờ?
Thế vẫn tròn danh dự!
Không can chi mà sợ

25 Có hơi miệng hơi mồm
Còn có nước khi hôm
Uống vô là sạch hết!

Lần này tôi thú thiệt:
Lời hân cũng hay bay
40 Lí sự cũng đủ đầy
Nghe ra chừng phải quá!
Ăn đi vài con cá
Năm bảy cái chột nửa
Có ai biết, ai ngờ?

45 Thế vẫn tròn danh dự!
Nhưng mà tôi lưỡng lự
Suy nghĩ rồi lắc đầu
Đành không ai biết đâu
Vẫn không làm thế được!

50 Từ khi chân dấn bước
Trên con đường đấu tranh
Tôi sẵn có trong mình
Đôi mắt thần: chủ nghĩa.

55 Đã đứng trong đoàn thể
Bênh vực lợi quyền chung
Sống chết có nhau cùng
Không được xa hàng ngũ
Không thể gì quyến rũ
Mua bán được lương tâm
60 Danh dự của riêng thân
Là của chung đồng chí

Phải giữ gìn tỉ mỉ
Như trông mắt con người
Đến cạn máu tàn hơi
65 Không xa rời kỉ luật!
Phải trái lòng chân thật
Không một nét quanh co

Không một bóng lơ mờ
Không một nhần ám muội!
70 Bụng nghe, chừng biết tội,
Từ đó hết nản nì
Không dám thở than chi
73 Và tôi cười đắc thắng.

Lao Bảo, tháng 11-1940
(Trong những ngày tuyết thực)

CHÚ THÍCH: (1) Con cá, chột nửa: cá kho với chột nửa. (Nửa: củ
nửa giống củ khoai môn. Chột: thân cây mọc trên củ).
(2) Bao đồng: lan man.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Ý nghĩa tượng trưng của đôi mắt thần và của cái bụng?
2. Phân tích quá trình diễn biến của cuộc đấu tranh được miêu tả trong bài thơ.
3. Bài thơ giúp cho anh (chị) rút ra được những bài học gì về việc tu dưỡng bản thân?

BÀ MÃ HẬU GIANG

Trời Hậu Giang, tù và dậy rúc
Phèng la kêu, trống giục vang đồng
Đường quê đổ rục cò hồng
Đào gươm sáng đất, tầm vông nhọn trời
Quyết một trận, quét đời nô lệ
Quăng máu xương, phá bể xiềng gông!
Hỡi ôi! Việc chữa thành công
Hôm nay máu chảy đỏ đồng Hậu Giang
Giặc lùng, giặc đốt xóm làng
Xác xơ cây cỏ, tan hoang cửa nhà
Một vùng trắng bãi tha ma
Lặng im, không một tiếng gà gáy trưa.

Có ai biết, ai ngờ trong đó
Còn chờ vợ một ổ lên con
Đạn bom qua, hãy sống còn
Núp sau lưng rừng một hòn đá to.
Có ai biết trong tro còn lửa
Một má già lần lửa không đi
Ở đây sóng gió bất kì
Má ơi, má ở làm chi một mình?

Rừng một dải U Minh tối sớm,
Má lom khom đi lượm củi khô
Ngày đêm chắt củi bên lò
Ai hay má cắt củi khô làm gì?
Hay má lần quên vì tuổi tác
Hay má liệu một thác cho yên?

Bỗng đâu một buổi mai lên
Trên đường quê ấy, qua miền nghĩa quân.
Một cán quý rầm rầm rộ rộ
Mắt mèo hoang, mũi chó, râu dê
Súng trường nhọn hoắt lưỡi lê
Khét nồng khí chết, tanh dề máu oan!
Chúng rảo bước. Linh quan nện gót
Mắt nhìn quanh lục một dạng người
Đồng không, lạch vắng, im hơi
Chỉ đôi bóng quạ ngang trời loáng qua
Ách là (1)! Thăng quan ba dừng bước
Rút ống dòm, và ngược mắt nheo.

Xa xa, sau lớp nhà xiêu
Một tia khói nhỏ ngoằn ngoèo bay lên...
Hắn khoái trá cười điên sáng sặc
Nhe hàm răng sáng quắc như gươm

(1) *Đừng lại* : (tiếng hò của bọn nhà binh Pháp).

Vây tay là tổ gươm gươm
Như bầy chó đói chực chồm miếng
Rồi lạng lạng bước chân hùm sói
Tiến dần lên tia khói, vây quanh...

Má già trong túp lều tranh
Ngồi bên bếp lửa, đun canh củi khô
Một mình má, một nồi to
Com vừa chín tới, vùi tro, má cười...
Chết! Có tiếng gì rơi sột soạt?
Má già run, trán toát mồ hôi
Chạy đâu? Thôi hết, chết rồi!
Gót giày đâu đã đạp rơi liếp mảnh.
Một thẳng cướp, mắt xanh mũi lõ
Độc gươm dài tuốt vỏ cầm tay
Rung rinh bậc cửa tre gãy
Nghênh ngang một ống chân đầy lõi dùi!

Hắn dướn cổ, giương mũi, tron mắt
Như hổ mang chột bắt được mồi
Trùng trùng trông ngược, trông xuôi
Trông vào bếp lửa: một nồi com to.
Hắn rống hét: « Con bỏ cái chết!
Một mình mày ăn hết này sao?
Đừng hòng che được mắt tao
Khai mau, đu kích ra vào nơi đâu?
Khai mau, tao chém mắt đầu!»
Má già lấy bầy như tàu chuối khô
Má ngã xuống bên lò bếp đỏ
Thằng giặc kia đứng ngó trùng trùng
Má già nhắm mắt, rưng rưng
« Các con ơi, ở trong rừng U Minh
Má có chết, một mình má chết
Cho các con trả hết quân Tây!»

Thằng kia bỗng giậm gót giày
Đạp lên đầu má: « Mẹ mày, nói không? »
Lưỡi gươm lạnh toát kề hông
« Các con ơi! Má quyết không khai nào! »
Sức đầu như ngọn sóng trào
Má già đứng dậy, ngó vào thằng Tây
Má hét lớn: « Tụi bay đồ chó! »
Cướp nước tao, cắt cổ dân tao!
Tao già không sức cầm dao
Giết hay, có các con tao trăm vùng!
Con tao, gan dạ anh hùng
Như rừng được mạnh, như rừng tràm thơm!
Thân tao chết, dạ chẳng sờn!
Thương ơi! Lời má lưỡi gươm cắt rồi!
Một dòng máu đỏ lên trời
Má ơi, con đã nghe lời má kêu!
Nước non muôn quý ngàn yêu
Con in bóng má sớm chiều Hậu Giang.

Đầu năm 1941

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hình ảnh lũ giặc ác quỷ nhưng bất lực được miêu tả trong bài thơ như thế nào? (phân tích qua một số chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ).
2. Hình ảnh bà má Hậu Giang già yếu, nhưng kiên cường, dũng mãnh và lớn lao hiện lên trên trang thơ như thế nào? (phân tích qua một số chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ).
3. Phân tích nghệ thuật tự sự kết hợp với trữ tình, nghệ thuật xây dựng hình tượng đối lập (bà má và lũ giặc).

ĐỌC VÀ BÌNH CHÚ THÊM VỀ « TỪ ẤY »

1. TỪ ẤY

Từ ấy trong tôi hừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tím
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...

Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Đã tình trang trải với trăm nơi
Đã hôn tôi với bao hôn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.

Tôi đã là con của van nhà
Là em của van kiếp phôi pha
Là anh của van đầu em nhỏ
Không áo cơm, cù bất cù bơ...

7-1938

2. TIẾNG HÁT SÔNG HƯƠNG

Tặng tác giả Đời mưa gió

Trên dòng Hương Giang
Em buông mái chèo
Trời trong veo
Nước trong veo

Em buông mái chèo
Trên dòng Hương Giang (*)

Trăng lên trăng đứng trăng tàn
Đời em ôm chiếc thuyền nan xuôi dòng.
Thuyền em rách nát
Mà em chưa chồng
Em đi với chiếc thuyền không
Khi mô vô bến rồi dòng dâm ô?
Trời ơi, em biết khi mô
Thân em hết nhục giày vò năm canh?
Tình ơi gian đối là tình
Thuyền em rách nát còn lành được không?

— Răng không (?), cô gái trên sông!
 Ngày mai cô sẽ từ trong tới ngoài
 Thơm như hương nhụy hoa lái,
 Sạch như nước suối ban mai giữa rừng.
 Ngày mai gió mới ngan phương
 Sẽ đưa cô tới một vườn đầy xuân.
 Ngày mai trong giá trắng ngần
 Cô thôi sống kiếp đầy thân giang hồ.
 Ngày mai bao lớp đời đơ
 Sẽ tan như đám mây mờ đêm nay.
 Cô ơi tháng rộng ngày dài
 Mở lòng ra đón ngày mai huy hoàng

Trên dòng Hương Giang...

Tháng 8-1933 — Máu lửa

CHÚ THÍCH: (1) Sông Hương ở tỉnh Bình Trị Thiên chảy qua thành phố Huế, dòng lặng nước trong. Thời phong kiến và thực dân (cũng như dưới chế độ Mỹ nguy), trên sông Hương, có những người kỹ nữ ở thuyền bán cái chèo bạc giàu có để sinh sống. — (2) Răng không sao lại không (răng: sao, tiếng Trung họ).

HƯỚNG DẪN

(1) *Đời mưa gió* (1934) là quyển tiểu thuyết của Khải Hưng và Nhất Linh kể chuyện một cô gái giang hồ đẹp, thông minh (Tuyết) sau vài lần thử gắng sống một đời sống đàng đản, vẫn nghe tiếng gọi cảm dỗ của cảnh sống giang hồ và cuối cùng lại «trở về đời mưa gió». Đứng trên quan điểm tiến hóa xã hội của thế giới quan duy vật lịch sử mà xét, thì đó là một luận đề phản động: nó không nhận rằng nghề thanh lâu là sản phẩm của một chế độ xã hội có áp bức bóc lột (trong ấy nhân dân bị bán cùng hóa, phụ nữ không có công ăn việc làm, một số kẻ ăn không ngồi rồi mà thừa tiền đi tìm thú nhục dục); nó không thấy triển vọng tiến hóa của xã hội loài người; nó phủ nhận khả năng cải tạo của con người. Tố Hữu chống lại quan điểm của các tác giả *Đời mưa gió*. (2) — Cách biểu hiện của nhà thơ: tương tượng cuộc đời thối giữa một kỹ nữ trên sông Hương và một người vô hình. Người kỹ nữ than thở nỗi buồn tủi ô nhục của mình bằng tiếng hát; người kia an ủi, gây lòng tin tưởng cho cô gái giang hồ bằng cách phác họa tương lai của cô trong một xã hội ngày mai kiên mới. (3) — Cảm xúc của tác giả, nhất là ở phần trên: Niềm cảm thông giữa nhà thơ và cô gái giang hồ, nạn nhân của chế độ

bóc lột. Mỗi cảm xúc ở đây rất khác với niềm thương hại của nhiều nhà thơ lãng mạn đã lấy người kỹ nữ làm đề tài. (4) — Nghệ thuật: Đoạn đầu (tiếng hát của cô gái); âm nhạc (chủ ý 6 câu đầu có nhịp điệu uyển chuyển khoan thai như nhịp chèo của chiếc thuyền trên sông Hương); biểu tượng (chiếc thuyền, dòng nước; cách trình bày bức tranh gợi ý: con người bé bỏng trong cảnh vật bát ngát và thơ ơ, kiếp sống buông theo định mệnh như chiếc thuyền nan xuôi dòng); giá trị trữ tình. Đoạn sau: việc dùng tỷ dụ — ngược chiều ở đoạn này: khẳng định mơ hồ: đời tỷ dụ có phần khuôn sáo.

3. TRẮNG TRỜI

Từ thuở ấy, quăng thân vào gió bụi
 Đến hôm nay phút chết đã kề bên
 Đến hôm nay kiệt sức, tôi nằm rên
 Trên ván lạnh không mảnh mền, mảnh chiếu
 Trời cách mạng, từ khi tôi đã hiểu
 Dấn thân vô là phải chịu tù đầy
 Là gươm kề tận cổ, súng kề tai
 Là thân sống, chỉ còn còn một nửa
 Bao khổ ấy, thôi cần chỉ nói nửa
 Bạn ơi! ta đã nhiều nhau rồi.

Nếu mai đây có chết một thân tôi
 Hai mươi tuổi, tim đang dào dạt máu
 Hai mươi tuổi, hồn quay trong gió bão
 Gân đang săn và thớ thịt căng da.
 Đời mặn nồng hứa hẹn biết bao hoa!
 Hai mươi tuổi mới qua vòng thơ bé
 Dù phải chết, chết một đời trai trẻ
 Liếm thân tàn bằng một mảnh chiếu con
 Rồi chôn xương rục thối dưới chân cùn
 Hay phơi xác cho một đàn quạ rĩa?
 Tôi chẳng tiếc, chỉ cười trong mai mỉa
 Bao nhiêu hình ảnh đó vẽ quanh tôi.
 Tiếc làm chi? Thế cũng đã sống rồi
 Trường đông tổ mấy năm trời vật lộn

Với cách mạng, tôi không hề đùa bỡn
 Và không hề dám chối một nguy nan
 Dân bao nhiêu thành quả của thanh xuân
 Tôi mới hái một đôi lần ít ỏi
 Và bên bạn, chỉ là tên lính mới
 Gót chân tơ chưa dầy dạn phong trần
 Tôi vẫn hằng tự nghĩ: Miễn quên thân
 Dâng tất cả để tôn thờ chủ nghĩa
 Thế cũng được, lựa chi nhiều tài trí
 Mới là tên lính quý của đoàn quân?
 Và lòng vui, trí nhẹ đủ trăm phần
 Tôi sẽ chết bình yên, không hối hận.

Tôi sẽ chết như bao nhiêu số phận
 Nẻo đường xa, đã mạnh dấn chân vào
 Đã từng lăn trong máu dưới gươm trao
 Thân đã nặng bởi bao gông xiềng xích!
 Tôi sẽ chết, tuy chưa về tới đích
 Nhưng cần chi, đã có bạn chung đời
 Tung hoành trên mặt đất bốn phương trời
 Trường giao chiến không một giờ phút lặng
 Rồi chiến thắng sẽ về ta, chiến thắng
 Và tương lai, ta sẽ chiếm về ta!
 Trường đấu tranh là một bản hùng ca
 Ta sẽ chết trong điệu đàn tranh đấu.

Đây là tiếng, hỡi bạn đời yêu dấu
 Của một người bạn nhỏ, trước khi đi
 Đây là lời trăng trối để chia li
 Hãy đón nó, bạn đời ơi, đón nó!
 Đường tranh đấu không một giờ thoái bộ
 Sống đã vì cách mạng, anh em ta
 Chết cũng vì cách mạng chẳng phiến hã!
 Vui về chết như cây xong thừa ruộng

Lòng khỏe nhẹ anh dân quê sung sướng
 Ngửa mình trên liếp cỏ ngủ ngon lành
 Và trong mơ thơm ngát lúa đồng xanh
 Vui nhẹ đến trên môi cười hi vọng.]

Lao bảo, tháng 11-1940
 (Trong những ngày tuyết thực)

4. ĐI

Tặng bạn trẻ

Đi! bạn ơi, đi! Biệt thàng ngày
 Hoang mang không định hướng tương lai
 Buồn thiu như dưới chiều quê vắng
 Giải nước mương lê xuống vũng lầy.

Đi, bạn ơi, đi! Sống đủ đầy
 Sống trào sinh lực, bốc men say
 Sống tung sóng gió thanh cao mới
 Sống mạnh, dù trong một phút giây.
 Đi, bạn ơi, đi! Cả cuộc đời
 Của ta nào chỉ của ta thôi!
 Đã vay dòng máu thơm thiên cò
 Phải trả ta cho mạch giống nòi!

Trả hết không quyền tiếc mây may
 Trả ngay, không hẹn khát rày mai
 Nước non rên xiết trong xiềng xích
 Đã giục ta ra giữa chiến đài!

Và vạn anh hùng trên gió mây
 Và nghìn thế hệ tới sau đây
 Đương nhìn ta đó! Đi đi bạn
 Cát nhẹ thân lên giữa phút này!

Nỗ lực, bình sinh diệt địch cứu
 Chúng ta nào phải lũ phiêu lưu
 Tung bừa sinh mạng lên đùa bỡn
 Với gió mây như đùa thả diều.

Ta đã đi, là ta quyết đi!
Đạp bằng trở lực, vượt gian nguy
Ngực còn thoi thóp, tim còn đập
Còn nghiêng rặng giương thẳng nghĩa ki!

1944

5. XUÂN ĐẾN

Hôm nay xuân ớn dậy
Buồn như đông, nhợt nhạt, mưa phùn.
Trên đường quê nhộp nháp lầy bùn,
Đôi bóng xám nghiêng nghiêng trong gió rét...
Ôi xuân đó, những mắt viễn bóng chết,
Những mảnh bướm xơ xác phủ vai gầy,
Những chân run bấp ngón trên đường lầy
Không biết định về đâu, nơi sống sót!
— Hỡi người bạn đã bao ngày đau xót!
Lòng tru tư giá lạnh như chiều nay,
Hãy đưa tôi nắm chặt lấy bàn tay
Của bạn! trong mưa phùn gió rét,
Lòng sẽ ấm cùng nắm tay đoàn kết,
Ta đi đi, tìm hạnh phúc từ đây!
Cùng những ai chán ngán cuộc đời này
Ta hôn hờ riết bàn tay huynh đệ.
Không gì mạnh bằng đoàn quân nô lệ
Mà hờn căm đã bốc lửa ran dầu!
Cả loài người đau khổ đã kêu nhau
Vùng đứng dậy, nghiêng chật rặng chiến đấu!
— Hỡi người bạn, vui lên đi! Ất Dậu
Sẽ là năm khởi nghĩa, năm thành công!
Trời hôm nay dầu xám ngắt màu đông,
Ai cần được mùa xuân xanh tươi sáng,
Ai cần được những đoàn chim quyết thắng
Sắp về đây tắm nắng xuân hồng?

Xuân Ất Dậu (1945) — Giải phóng

HƯỚNG DẪN

(1) *Bối cảnh lịch sử*: Mùa xuân năm 1945 (Ất Dậu), trên thế giới, Hồng quân Liên Xô đã đánh vào nội địa nước Đức. Trong nước, nạn đói do bọn Pháp, Nhật gây ra đã lên đến cao độ khắp miền Bắc nước Việt Nam. Nhật đã hất cẳng thực dân Pháp. Cao trào kháng Nhật cứu nước cuốn cuộn. Các căn cứ cách mạng của ta chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa.
(2) — *Kết cấu*: a) Miêu tả cảnh mùa xuân hiện tại, nhợt nhạt đầy cảnh đói rét, chết chóc; — b) Kêu gọi những người đói rét hãy nắm tay nhau đoàn kết vùng dậy; — c) Nói rõ ngày khởi nghĩa sắp đến và phác họa mùa xuân tương lai, mùa xuân sau khi cách mạng thành công. — (3) — *Sự cảm xúc của tác giả* trước những cảnh đau khổ trước mắt (Chứng minh: khác với thơ ca lãng mạn tiêu cực, ở đây niềm cảm xúc của nhà thơ và của người chiến sĩ cách mạng nhất trí. Vì thế mà Tố Hữu dùng thơ làm công cụ đấu tranh cách mạng. Thơ Tố Hữu nói đến sự đau khổ của quần chúng với một niềm cảm xúc chân thành và mở ra một con đường thoát, phác họa những viễn ảnh tương lai tươi sáng, lạc quan, giàu chất lãng mạn cách mạng, cho nên được quần chúng yêu thích). — (4) *Hình thức*: Chú ý một số động từ, tính từ và ngữ điệu khá mạnh dạn mà đúng chỗ, tạo nên những hình tượng sinh động mà hàm súc. — Cần thơ bậc cao cũng được sử dụng khá mạnh bạo giúp cho ý thơ thêm hình hoạt; nhưng có chỗ cũng có phần gượng ép, ít nhiều làm giảm tính chất thơ ca. — *Chuyện lạ* trong phong cách của thơ Việt Nam.

NHẬT KÍ TRONG TỬ

« Nhật kí trong tù », tập nhật kí bằng thơ của Hồ Chủ tịch, gồm 114 bài thơ chữ Hán, sáng tác thời kì Bắc bị bọn Tưởng Giới Thạch bắt giam lúc vừa qua biên giới Việt — Trung và bị giải tới giải lui qua mấy chục nhà lao tỉnh Quảng Tây từ tháng 8-1942 đến tháng 9-1943. « Nhật kí trong tù » là tài sản tinh thần rất quý của dân tộc và tài sản chung của văn hóa nhân loại⁽¹⁾. Tập thơ « không những là một văn kiện lịch sử vô giá mà còn là một tác phẩm văn học lớn »⁽²⁾.

(1) Năm 1960 lần đầu tiên bản *Nhật kí trong tù* từ quyền sở viết tay của Hồ Chủ tịch lưu trữ trong Viện bảo tàng cách mạng Việt Nam, được dịch ra tiếng Việt để xuất bản và giới thiệu trong nước. Cũng từ đó, tập thơ đã nhanh chóng được dịch ra nhiều thứ tiếng và xuất bản ở nhiều nước trên thế giới.

(2) Lời nói đầu của Viện Văn học — *Nhật kí trong tù* — Nhà xuất bản Văn học — 1960.

I — « NHẬT KÍ TRONG TÙ », MỘT VĂN KIẾN LỊCH SỬ VÔ GIÁ

Nhân dân thế giới gọi cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ tịch là « thiên thần thoại » của một « anh hùng thần thoại ». Tập nhật kí thơ cung cấp nhiều chi tiết cụ thể, chính xác về quãng thời gian hơn một năm trời trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác, đã trở thành một tài liệu lịch sử hết sức quý. Rất quý đối với lịch sử mà cũng hết sức quý và thân thiết đối với mỗi tâm hồn Việt Nam. Xúc động biết bao, khi ta đọc những văn thơ nói một cách cụ thể, chi tiết về đời sống của Lãnh tụ chúng ta ở trong nhà tù:

Bốn tháng cơm không no
Bốn tháng đêm thiếu ngủ...
Rừng rưng mất một chiếc
Tóc bạc thêm mấy phần...

Tập nhật kí thơ cũng cung cấp nhiều chi tiết chính xác, cụ thể về tình hình chế độ nhà tù và chế độ xã hội Trung Quốc thời kì Tưởng Giới Thạch, những chi tiết mà nhiều cuốn lịch sử không có được. Do Nhật kí trong tù phản ánh hiện thực nhà tù và hiện thực xã hội Trung Quốc ở một thời kỳ lịch sử với nhiều chi tiết cụ thể, chính xác và rất quý nên có thể nói Nhật kí trong tù là một thiên sử thi⁽¹⁾ của xã hội Trung Quốc ở một thời kỳ lịch sử.

II — « NHẬT KÍ TRONG TÙ », MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC LỚN

1. Nhật kí trong tù, bức tranh có giá trị hiện thực lớn và có ý nghĩa tố cáo, lên án đối với chế độ nhà tù và chế độ xã hội Trung Quốc thời kì Tưởng Giới Thạch.

Từ những bài thơ có giá trị hiện thực, tập thơ cho người đọc thấy hình ảnh một chế độ nhà tù vô nhân đạo, một chế độ xã hội tàn bạo và mục nát.

(1) Sử thi là loại hình văn học phản ánh những sự kiện lịch sử vĩ đại xuất hiện ở thời cổ. Về sau, những tác phẩm văn học nào phản ánh được hiện thực xã hội một cách chân thực, cụ thể — lịch sử ở một mức độ rộng lớn và sâu sắc đều được gọi là sử thi hay được coi là có tính chất sử thi.

Dưới ngòi bút nhà thơ, mấy chục nhà lao hiện lên với nhiều chi tiết chân thực, cụ thể và xúc động về bao nhiêu người, bao nhiêu việc, bao nhiêu cảnh. Có cảnh thật đau lòng! Một em bé ở Tân Dương vào nhà lao mới nửa tuổi! Một người tù chết trong ngục! Những người tù da bọc xương!... Có cảnh không thể không nổi giận! Người tù vào nhà lao phải nộp tiền, « lệ thường ít nhất năm mươi nguyên »⁽¹⁾. Ban trưởng, cảnh trưởng... một lũ ruồi bọ bâu quanh người tù để « kiểm ăn quanh »: hối lộ, dấn cơ, sát phạt bằng cơ bạc! Có cảnh thật hài hước mà cũng thật xót xa! Tối tối, tù nhân tranh nhau đưa chân vào cùm để « có chỗ ngủ »!

Chế độ nhà tù vạn ác đó là hình ảnh thu nhỏ của một chế độ xã hội vạn ác và mục ruỗng. Nhật kí trong tù mở ra trước mắt người đọc bức tranh rộng lớn về một chế độ xã hội trong đó nhân dân sống rất cơ cực, bị tù tội, chết chóc. Bọn cầm quyền ngang nhiên vi phạm an ninh, đóng tiền lưng đoạn cường quyền. Sống trong xã hội đó « núi cao gấp hồ mà vô sự, đường bằng gặp người bị tống lao ». Bọn thống trị bất giam đại biểu của nhân dân một nước láng giềng không có lý do. Chúng bắt vợ con của người nông dân trốn lính vào tù, và như ta biết, lúc bấy giờ, chúng bắt lính để đàn áp cách mạng, làm tay sai cho đế quốc.

« Nhật kí trong tù » là một bản án đối với chế độ nhà tù và chế độ xã hội vạn ác và mục ruỗng ấy.

2. Nhật kí trong tù, tỏa ánh sáng tư tưởng, tình cảm, đạo đức cao quý của một nhà thơ lớn, một nhà cách mạng vĩ đại

Lòng yêu nước, yêu dân biểu hiện trong tập thơ là lòng yêu nước, yêu dân của người chiến sĩ suốt đời phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân. Ở trong tù, nhiều đêm « trần trọc, bần khoản giấc chẳng thành », vì Bác nghĩ đến nước, đến dân, đến sự nghiệp giải phóng dân tộc:

(1) Nguyên : đồng.

*Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh*

Lòng yêu nước yêu dân kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản; cảnh vật và nhân dân Trung Quốc ám ảnh thương yêu của Bác trong mỗi vần thơ. Bác gọi người bạn tù là «nạn hữu» (bạn cùng hoạn nạn). «Thương người như thể thương thân», tình cảm lớn đó của dân tộc trong *Nhật kí trong tù* trở thành *linh hồn yêu nhân loại cần lao bao la*.

«Không có gì quý hơn độc lập, tự do», chân lý đó của thời đại cũng tỏa sáng trang thơ:

*Trên đời nghìn vạn điều cay đắng
Cay đắng chi bằng mất tự do?*

Tha thiết với tự do, ngay từ đầu tập thơ, Bác đã khẳng định: «Thân thể ở trong lao, tinh thần ở ngoài lao». Bác có thể mất «tự do phương tiện» (tự do đi lại hoạt động cách mạng), nhưng Bác không thể mất tự do tinh thần, tự do tư tưởng. Bị giải đi trên thuyền và chân bị trọc ngược, Bác vẫn ngẫm «thuyền câu rẽ sóng». Bị giam trong nhà lao, Bác vẫn «thưởng nguyệt». *Lòng yêu thiên nhiên ở «Nhật kí trong tù» thật thiết tha, triu mến. Thiết tha với thiên nhiên, với cuộc sống, tập thơ làm trong tù mà vẫn sáng ánh trăng soi, âm tiếng chim oanh hót xóm gần.. và có cả cái vui của cuộc sống hằng ngày: «cơm nước, canh rau đun với nấu...».* *Yêu đời, yêu cuộc sống.* «*Nhật kí trong tù*» biểu hiện niềm lạc quan không thể gì dập tắt được. Nhìn cảnh trong tù tối mịt, Bác thấy «ánh hồng trước mắt đã bừng soi». Bị giải đi sớm trong gió rét, trông cảnh hùng đông mà Bác thấy lòng lảy, huy hoàng như bình minh của một thời đại lịch sử mới:

*Phương đông màu trắng chuyển sang hồng
Bóng tối đêm tàn quét sạch không*

Tỏa ánh sáng của một tâm hồn lớn, «Nhật kí trong tù» cũng tỏa ánh sáng của một trí tuệ lớn. Đó là ánh sáng của thế giới quan, nhân sinh quan Mác — Lê-nin, là ánh sáng của những kinh nghiệm đấu tranh cách mạng phong phú được tổng

kết sâu sắc ở một Lãnh tụ vĩ đại. *Học đánh cờ* là tư tưởng chỉ đạo chiến lược, chiến thuật quân sự được hình tượng hóa mà thành thơ (1). *Cảm tưởng đọc «Thiên gia thi»* (2) là tuyên ngôn bằng thơ của thơ ca cách mạng và nhà thơ cách mạng; *Cột cờ sông, Nghe tiếng giã gạo* là những bài học lớn về đạo đức cách mạng. Thơ *Nhật kí trong tù* bài nào cũng lấp lánh ánh sáng của trí tuệ lớn.

«*Nhật kí trong tù*» còn tỏa ánh sáng của một *dũng khí lớn*. Đó là ánh sáng của một *khí phách hào hùng, một phong thái ung dung* của người chiến sĩ cộng sản vĩ đại trước lao lung. «*Gian nan rèn luyện tinh thần thêm hăng*». Bác cười với mọi gian khổ. Chân bị xiềng nà Bác nghe «mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung». Gian khổ, lao lung mà thơ *Nhật kí trong tù* vẫn «bay cánh hạc ung dung» (3). Ở tù dù «cơm không no», «đêm thiếu ngủ», «răng rụng mất một chiếc», «tóc bạc thêm mấy phần», Bác vẫn «không nao núng tinh thần», «không chin lùi một phân». Ra tù, Bác tập leo núi, rèn luyện đôi chân để hoạt động cách mạng. Khí phách của Lãnh tụ thật hào hùng:

*(Phải nhìn cho rộng, suy cho kĩ
Kiên quyết không ngừng thế tấn công.)*

Hào hùng mà vẫn ung dung! Bởi Lãnh tụ đã nắm được bước đường phát triển tất yếu của lịch sử, của cách mạng.

3. *Nhật kí trong tù*, là một tác phẩm thơ có nghệ thuật đặc sắc: rất *giản dị* và rất *phong phú*.

Nghệ thuật thơ trong «*Nhật kí trong tù*» *đẹp một vẻ đẹp giản dị*. Đó là vẻ đẹp của một nghệ thuật đã vượt qua thời kì

(1) Về bài *Học đánh cờ*, Đại tướng Văn Tiến Dũng cho là bài thơ đã «thể hiện một cách tập trung nhất tư tưởng chỉ đạo đấu tranh cách mạng, chiến tranh cách mạng nói chung và nghệ thuật quân sự nói riêng của nhân dân ta».

(2) *Thiên gia thi*: tập thơ của nghìn nhà, tập thơ tuyển chọn những bài thơ hay của các nhà thơ Trung Quốc ngày trước.

(3) Chữ dùng của Tố Hữu trong bài thơ «*Theo chân Bác*».

điều luyện để trở về với trạng thái hầu như tự nhiên. Đó là vẻ đẹp của sự hài hòa tuyệt diệu giữa nội dung và hình thức, giữa chân lí và nghệ thuật. *Nhật kí trong tù* rất ít điển tích. Nhà thơ nói về mọi đề tài trong cuộc sống, không hề né tránh đề tài « nhỏ », cũng không hề ngại dùng tiếng lóng.

Nghệ thuật thơ trong « *Nhật kí trong tù* » rất phong phú. Có bài là lời phát biểu trực tiếp, đọc hiểu ngay. Có bài lại dùng lối ngụ ngôn rất thâm thúy. Có bài tự sự. Có bài trữ tình hay vừa tự sự vừa trữ tình. Lại có bài châm biếm. Nghệ thuật châm biếm cũng nhiều vẻ. Khi là tiếng cười mỉa mai. Khi là tiếng cười phẫn nộ. Cũng có khi đằng sau nụ cười là nước mắt.

Thơ *Nhật kí trong tù* có bài hồn hậu, trong trẻo như thơ dân gian. Lại cũng có bài trang trọng, bát ngát như thơ Đường, thơ Tống. Giữ cốt cách Á đông mà thơ vẫn rất hiện đại. Giản dị, phong phú mà vẫn có phong cách riêng. « *Nhật kí trong tù* » là một tập thơ có nghệ thuật đặc sắc.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Vì sao có thể nói *Nhật kí trong tù* là một văn kiện lịch sử vô giá?
2. Ý nghĩa tố cáo và giá trị hiện thực của tập *Nhật kí trong tù*.
3. Những tư tưởng, tình cảm, đạo đức cao quý của một tâm hồn lớn, một trí tuệ lớn, một dũng khí lớn ở *Nhật kí trong tù*.
4. Giá trị nghệ thuật đặc sắc của *Nhật kí trong tù*.
5. Anh (chị) yêu thích nhất những bài thơ nào trong *Nhật kí trong tù*? Vì sao? Những bài học về tư tưởng và nghệ thuật rút ra từ tập thơ.

GIẢI ĐI SỚM

I

Gà gáy một lần đêm chưa tan,
Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn.
Người đi cất bước trên đường thẳm.
Rát mặt đêm thu trận gió hàn.

II

Phương đông màu trắng chuyển sang hồng.
Bóng tối đêm tàn, quét sạch không.
Hơi ẩm bao la trùm vũ trụ.
Người đi thi hứng bỗng thêm nồng.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích bức tranh tả cảnh ở đoạn I và đoạn II (màu sắc, âm thanh, đường nét). Tâm trạng của người tù bị giải đi sớm hiện lên sau bức tranh như thế nào?
2. Phân tích ý nghĩa tượng trưng toát ra từ toàn bộ bài thơ?
3. Sau khi học bài thơ, anh (chị) rút ra được những bài học gì về tư tưởng, tình cảm?

BỐN THÁNG RỒI

« Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài »
Lời nói người xưa đâu có sai.
Sống khác loài người vừa bốn tháng.
Tiêu tụy còn hơn bốn năm trời.
Bởi vì:

Bốn tháng cơm không no,
Bốn tháng đêm thiếu ngủ.
Bốn tháng áo không thay.
Bốn tháng không giặt giũ.

Cho nên:

Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc thêm mấy phần.
Gầy đen như quỷ đói
Ghẻ lở mọc đầy thân

May mà:

Kiên trì và nhẫn nại
Không chịu lùi một phân.
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích một số hình ảnh, chỉ tiết để thấy những nỗi gian khổ lao lung mà Linh-tự đã trải qua.
2. Phân tích chủ đề của bài thơ.
3. Bài học về tư tưởng và nghệ thuật rút ra từ bài thơ.

ĐỌC VÀ BÌNH CHÚ THÊM VỀ «NHẬT KÍ TRONG TÙ».

1. NGẮM TRĂNG

Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

2. NGƯỜI BẠN TỪ THỜI SÁO

Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu
Khúc nhạc linh quê chuyển điệu sầu:
Muôn dặm quan hà khôn xối nổi,
Lên lầu, ai đó ngóng trông nhau.

3. ỚM NẶNG

Ngoài cảm trời Hoa cơ nóng lạnh,
Nội thương đất Việt cảnh lăm than;
Trong tù mắc bệnh càng đau khổ,
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn.

4. HỌC ĐÁNH CỜ

I

Nhàn rồi đem cờ học đánh chơi,
Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài.
Tấn công thoái thủ nhanh như chớp
Chân lẹ, tài cao ắt thắng người.

Phải nhìn cho rộng, suy cho kĩ,
Kiên quyết, không ngừng thể tấn công.
Lạc nước, hai xe dành bỏ phí,
Gặp thời, một lốt cũng thành công.

III

Vốn trước hai bên ngang thế lực
Mà sau thắng lợi một bên giành
Tấn công, phòng thủ không sơ hở,
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.

5. MỜI RA TÙ, TẬP LEO NÚI

Núi áp ôm mây, mây áp núi
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ,
Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.

6. CẢM TƯỞNG ĐỌC « THIÊN GIA THÍ »

Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp:
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

ĐỌC THÊM VÀ BÌNH CHÚ VỀ THƠ VĂN CÁCH MẠNG 1930 - 1945

1. BÀI CA CÁCH MẠNG (1)

Khuyết danh

Hỡi anh chị em Nam Việt,
Nông nổi này ai biết chăng ai!

Đã non sáu chục năm trời,
 Làm thân nô lệ cho loài chó đê
 Quân Tây nó nhiều bề độc ác,
 Người ta càng lắm lúc nguy nan.
 Lại thêm áp bức tham tàn,
 Càng nô lệ mãi, càng oan khổ dày.
 Miệng bảo hộ mà tay bóc lột,
 Mặt nhân từ mà ruột hiểm sâu;
 Rầy sưu mai thuế trưng cầu,
 Cầm con, cầm vợ, bán trâu, bán bò.
 Rượu ta nấu, nó cho rượu lậu,
 Muối ta làm, nó bảo muối gian
 Lại thêm những kẻ hung tàn,
 Cảnh binh hiếp chúng (2), phu đoàn hiếp dân.
 Kể sao xiết muôn phần nhục nhã,
 Văn minh chi, khai hóa chi chi (3),
 Than ôi, giấc ngủ còn mê!
 Những phường bán nước nhiều bề vinh thân.
 Lũ mặt thám chó săn khéo rúc,
 Tội quan trường một đực chui ra,
 Người ta làm hại dân ta,
 Mồ voi giày xéo (4), gà nhà đá nhau.
 Bòn khố rách, sấm dù, sơn kiệu,
 Hút máu dân làm rượu, làm trà.
 Khổ ta lại phải lo ta,
 Thế không chịu nổi, liệu mà tình mau!
 Kia Bến Thủy đứng đầu, dậy trước,
 Nọ Thanh Chương tiếp bước bước lên.
 Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên
 Anh Sơn, Hà Tĩnh một phen dậy rồi.
 Không có lẽ ta ngồi chịu chết
 Phải cùng nhau cương quyết một phen.
 Tổng này xã nọ kết liên
 Ta hò ta hét, hét lên thử nào!
 Trên gió cả cờ đào phất thẳng,
 Dưới đất bằng giấy trắng tung ra (5),

Giữa thành một trận xông pha,
 Bên kia đạn sắt, bên ta gan vàng.
 Hơi nghĩa khí đồn vang bốn mặt
 Dải đồng tâm thắt chặt muôn người
 Lợi quyền ta cố ta đòi.
 Dân xưng đế quốc, xẻo môi quan trường.
 Làm cho nó không đường an nghỉ,
 Đến thời cơ ta sẽ dùng binh.
 Ở ngoài quốc tế liên minh
 Ở trong, quần chúng đồng tình kéo lên
 Non nước cũ tay liền kéo lại
 Nòi giống ta tới cõi vinh quang
 Dù ai liều giữa chiến trường,
 Rồi đây bia đá, tượng vàng nghìn thu.
 Ai ơi tỉnh dậy mau mau!

CHÚ THÍCH: (1) Bài này xuất hiện trong phong trào Xô-viết Nghệ - Tĩnh được phổ biến rộng rãi và có ảnh hưởng to lớn trong quần chúng cách mạng hồi bấy giờ. (2) Ưc hiếp dân chúng. (3) Bọn thực dân Pháp thường tự xưng là chúng đi « khai hóa văn minh » cho dân thuộc địa. (4) Do câu thành ngữ « rước voi về giày mỗ », ý nói đưa giặc về hại nước hại nhà. (5) Cờ đào: cờ đỏ (cờ cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương). Giấy trắng tung ra: tung truyền đơn kêu gọi quần chúng nổi dậy.

2. CA DAO CHỐNG ĐẾ QUỐC (1)

— Cao su xanh tốt lạ đời,
 Mỗi cây bón một xác người công nhân.
 — Cao su đi dễ khó về,
 Trai đi mất vợ, gái về thêm con (2)
 — « Đồn Tây dãi cát ra vàng
 Nghe ai dụ dỗ mà chàng ra đây
 Lầm than cực khổ thế này
 Xúc than cuộc đất suốt ngày lọ lem »
 — « Mỗi lần đưa nhát cuốc chim
 Như đau như nhói vào tim thợ già

Những ai mất xác Nam Kỳ⁽³⁾
 Những ai bón cỏ xanh rì ngoài Uông⁽⁴⁾
 — « Ngày ngày nghe tiếng còi tăm
 Nghe như tiếng vọng từ âm phủ về
 Tiếng còi nào nuốt tái tê
 Bước vào hầm mỏ như lê vào tù »

CHÚ THÍCH: (1) Trong thời kì đô hộ, bọn thực dân Pháp ra sức mộ phu đi Tân Đảo, đi đồn điền cao su Nam Kỳ, đi mỏ Uông Bí, Cẩm Phả. Ngay từ những năm trước 1930, trong văn học yêu nước đã có những câu ca dao tố cáo tội ác của bọn thực dân và nói lên nỗi khổ của anh em công nhân ở các đồn điền cao su, ở vùng mỏ. (2) Đàn ông làm phu đồn điền cao su thì bị bọn chủ Tây và tay sai cướp vợ; đàn bà thì bị chúng cưỡng hiếp. (3) Đồn điền cao su ở bờ sông Cầu Lóng, Nam Bộ. (4) Uông: tức mỏ than Uông Bí.

3. KHÔNG GIAM ĐƯỢC TRÍ ÓC⁽¹⁾

XUÂN THỦY⁽²⁾

Dể quốc tù ta, ta chẳng tù,
 Ta còn bộ óc, ta không lo.
 Giam người, khóa cả chân tay lại
 Chẳng thể ngăn ta nghĩ tự do.
 Có lúc người toan đánh bẻ đầu.
 Đầu ta chẳng bẻ sống càng lâu.
 Sống lâu ta nghĩ trăm ngàn kế.
 Nghĩ kế đưa người xuống vực sâu.
 Đời ta đã có một con đường
 Ý nghĩ ta đi khắp bốn phương
 Đi đến hang sâu, vào ngục tối.
 Gọi hồn nhân loại nắn đau thương.
 Này này để quốc biết hay chăng?
 Người đã già nua, ta trẻ măng,
 Trái đất người ôm, ôm chẳng nổi.
 Trời kia, ta với cả cung trăng.

Người ơi, người đã trở về già.
 Trời đất non sông này trả ta.
 Cửa kín tường cao bùng bít mảy,
 Ta nhìn vũ trụ vẫn bao la.

Ta nghĩ ngày mai hết đói nghèo,
 Hết tù, hết tội, hết gieo neo,
 Trong ngoài hỗn bễ anh em cả.
 Ôi, đẹp vườn xuân những sớm chiều.

CHÚ THÍCH: (1) Năm 1938, đồng chí Xuân Thủy bị bọn Pháp bắt giam với cái án cầm đầu cuộc biểu tình chống thuế. Bài thơ trên đây muốn nêu lên một chân lý: mặc dù bọn đế quốc lập ra những nhà tù kiên cố để giam hãm và tra tấn những chiến sĩ cách mạng, nhưng chúng vẫn không thể nào tiêu diệt được tinh thần yêu nước, đấu tranh bất khuất của những người cộng sản.

Toàn bài thơ toát lên một tinh thần lạc quan cách mạng cao độ.

(2) Đồng chí Xuân Thủy sinh năm 1912 ở xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội. Từ 1938 đến 1943, đồng chí bị đế quốc bắt giam ở Phúc Yên, Hà Đông, Hà Nội, Sơn La.

Đồng chí Xuân Thủy nguyên là Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư kí Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đồng chí mất tháng 6 năm 1985.

4. Ý XUÂN⁽¹⁾

LÊ ĐỨC THỌ⁽²⁾

Xuân đến nơi đây giữa một chiều,
 Căn buồng vắng lặng vẻ hoang liêu
 Với mảnh chiếu mỏng tình đơn chiếc,
 Gió lạnh ngoài xa thổi lạnh nhiều.

Nằm đón xuân về trên ổ rạ⁽³⁾
 Xóm làng đã vắng bóng cây nêu
 Pháo im tiếng pháo không giòn giã,
 Những mái nhà tranh vắng khói chiều⁽⁴⁾,

Non nước điêu hiu xơ xác quá
Xuân về như vẽ nét thê lương
Của bao kiếp sống đang quần quai
Giữa cảnh điêu tàn của máu xương.

Lòng tôi ấm lại trong đau khổ
Máu hận hun lên lửa bất bình
Muốn đập cho tan xiềng xích cũ
Xuân về xóa hết vạ điều linh.

Một mùa xuân mới không xa nữa
Nó đã đương về với thế gian
Muôn cánh hoa lòng đều hơn hờ
Không còn tiếng khóc với lời than.

Làng Phú Gia
Xuân 1945

CHÚ THÍCH: (1) Bài thơ này đã đăng báo *Cờ giải phóng*. Tác giả đi công tác bí mật. Tết năm ấy nằm lại ở làng Phú Gia. Xung quanh nhân dân đói khổ, ba ngày Tết vẫn ăn cháo! Nhưng tác giả cũng vẫn tin tưởng: tết này tuy đói khổ nhưng cách mạng sẽ tới đập tan « xiềng xích cũ », mang lại hạnh phúc cho nhân dân.

(2) Đồng chí Lê Đức Thọ, biệt hiệu là Trung Thành, sinh năm 1911 tại làng Dịch Lễ, tổng Đồng Phú, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Hà Nam Ninh. Vào Đảng cộng sản Đông Dương năm 1929. Bị bắt và bị cầm tù ở Côn Đảo, Sơn La, Hòa Bình... Hiện nay đồng chí là cố vấn Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam. (3) Tác giả nằm trên ổ rạ, đắp một manh chiếu mỏng. (4) Không có gạo nấu cơm ăn.

5. NHẮN BẠN (1)

HOÀNG VĂN THỤ (2)

Việc nước xưa nay có bại thành,
Miễn sao giữ vẹn được thanh danh.
Phục thù chí lớn không hề nản,
Ngọc nát còn hơn giữ ngôi lành,
Thân dầu lao tù lâm cảnh hiểm,
Chí còn theo dõi buổi tung hoành.
Bạn hỡi gần xa hăng chiến đấu,
Trước sau xin giữ tấm lòng thành!

1943

CHÚ THÍCH: (1) Năm 1943 đế quốc Pháp bắt giam đồng chí Hoàng Văn Thụ ở nhà pha Hỏa Lò và tháng 5-1944 chúng xử tử đồng chí ở trường bắn Bạch Mai. Đồng chí làm bài thơ trên đây trong khi bị giam chờ ngày đem ra trường bắn.

(2) Hoàng Văn Thụ tức Hoàng Đình Hưng (dân tộc Tày), sinh năm 1906 ở tỉnh Lạng Sơn. Thời kì 1931 — 1938, đồng chí hoạt động cách mạng ở Trung Quốc, năm 1941 được cử vào Ban chấp hành Trung ương Đảng và là một trong những người sáng lập ra Mặt trận Việt Minh. Đồng chí bị đế quốc bắt và xử tử năm 1944.

6. LÀ THI SĨ

Tặng các nhà thơ Việt Nam
SÔNG HỒNG

Nếu « thi sĩ nghĩa là ru với gió,
Mơ theo trăng và vờ vẩn cùng mây »,
Đề tâm hồn treo ngược ở cành cây,
Hay là lướt đi hiu cùng ngọn liễu;
Nếu thi sĩ nghĩa là nhẩn với mếu,
Nghĩa là van Thượng đế rủ lòng thương.
Hồn bơ vơ, lạc lõng ở mười phương,
Khóc rả rích như ve sầu tháng hạ;
Nếu thi sĩ vui dần mãi miết tả
Cặp « tuyết lê » hồi hộp trước tình yêu,
Cho cuộc đời là mộng ảo cao siêu,
Chìm đắm ở thương hoa và tiếc ngọc;
Nếu thi sĩ nghĩa là đem gấm vóc
Phủ lên trên xã hội đã điêu tàn,
Véo von ca cho át tiếng kêu than
Của nhân loại cần lao đang giãy giụa;
Thì bạn hỡi, một nhà thơ như rứa (1)
Là tai ương, chướng họa của nhân quần.
Nhọc tư lòng mà phí cả ngày xuân
Đề ca ngợi bất công và tàn ngược;
Uốn gối trước cường quyền và mong được
Lượm hương thừa, phấn thái để qua ngày;
Khiến loài người đâm đuổi và mê say,
Sống thoi thóp dưới gông xiềng nô lệ.

151

Không, không được ! Hỡi các nhà văn nghệ,
 Các nhà thơ yêu dấu của đồng bào,
 Các nhà thơ trong sạch và thanh tao,
 Hoa thơm ngát trong vườn xuân đất Việt !
 Là thi sĩ phải là hồn cao khiết,
 Chi kiên cường và sứ mệnh cao siêu,
 Ca tự do, tiến bộ với tình yêu
 — Yêu nhân loại, hòa bình và công lí —
 Cao giọng hát những bài ca chính khí
 Của anh hùng vì nước đã quên mình,
 Sống quang vinh mà chết cũng quang vinh.
 Của Bài Sậy, Thái Nguyên và Yên Bái...
 Là thi sĩ nghĩa là theo gió mới
 Tìm ý thơ trên ngọn sóng Bạch Đằng,
 Để tâm hồn dào dạt với Chi Lăng,
 Làm bất tử trận Đống Đa oanh liệt.
 Đốc cho hết cả một bầu nhiệt huyết,
 Tươi tâm can đồng loại lúc tàn đông;
 Thả trái tim hòa nhịp với Đô Lương,
 Với lục tinh, Bắc Sơn và Đình Cả.
 Là thi sĩ nghĩa là cao khúc họa
 Cuộc đấu tranh vĩ đại của hoàn cầu,
 Chống hung tàn xâm lược khắp năm châu,
 Trên trái đất dựng cao cờ dân chủ.
 Dùng bút làm đòn chèo xoay chế độ,
 Mỗi vần thơ: bom đạn phá cường quyền,
 Và lúc cần, quảng bút lấy long tuyến (2).
 Hỡi thi sĩ hãy vươn mình đứng dậy !
 Thời rệu rã, đêm gấm đã qua rồi,
 Thời thôi đừng khóc gió với than mây,
 Hãy nhịp bước trên con đường tiến bộ !
 Dùng thi khúc mà lạnh lùng soi tỏ
 Những bệnh căn xã hội đã tràn đầy;
 Cùng công nông vun xới cuộc tương lai
 Đã chớm nở từ Liên Xô hùng vĩ.

Ngoại thành Hà Nội
 Tháng 6-1942

CHÚ THÍCH: (1) *Như rửa*: như vậy (liếng miền Trung). (2) *Long tuyến*: tên một thanh gươm quý. (3) *Sóng Hồng*: bút danh của đồng chí Trường Chinh, một nhà hoạt động cách mạng đồng thời là nhà hoạt động văn học. Hiện nay là cố vấn Ban chấp hành trung ương Đảng công sản Việt Nam. Tác phẩm chính: Đề cương văn hóa Việt Nam (1943); Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam (1943). Phần đầu cho nền văn nghệ dân tộc phong phú dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội (1957). Thơ — Sóng Hồng (1966).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tác giả đã phê phán thơ ca lãng mạn và thức tỉnh các nhà thơ lãng mạn như thế nào? (Phân tích qua các lập luận, hình ảnh, ngôn ngữ).
2. Tác giả đã đề ra nhiệm vụ và vị trí của thơ ca cách mạng và các nhà thơ cách mạng như thế nào? (phân tích của cách lập luận, hình ảnh, ngôn ngữ).
3. Phân tích nghệ thuật trào phúng và nghệ thuật hùng biện của bài thơ (cách dùng từ, hình ảnh, cách sử dụng nhịp điệu).

7. PHÁT XÍT ĐỨC ĐÃ TẮT THỞ

Hôm 2-5-1945, Hồng Quân, do tướng Duy-cốp (1) chỉ huy đã hạ xong kinh đô nước Đức.

Hôm 8-5-1945, phát xít Đức xin hàng không điều kiện.

Tên trùm phát xít Hít-le (2) đã chết mất xác trong trận Hồng Quân đánh phá Béc-lanh. Mui-xô-li-ni (3) tên đầy tớ già của Hít-le, bị thanh niên Ý phanh thây, xé xác.

Bên Âu Tây, những kẻ thủ phạm gây ra chiến tranh, xô đẩy loài người vào vòng đạn lửa đã tắt thở.

Đội quân tiên phong của phát xít quốc tế hoàn toàn thất bại. « Trận thập tự (4) đánh phá Liên Xô và chủ nghĩa Bôn-sê-vich » đã tan tành. Thế là cái ảo mộng làm bá chủ hoàn cầu của phe Trục (5) tiêu tan như mây khói. Ô hô « nền trật tự mới » (6) của bọn đế quốc phát xít, nham hiểm và vô lương!

Chính nghĩa đã thắng.

Dã man phải lùi bước!

Thế giới văn minh và tiến bộ vừa thoát được cái họa lớn: chủ nghĩa Hít-le.

Cái khâu chính của dây xiềng mà phe Trục định dùng để trói buộc loài người, vừa đứt phứt. Ngày mai toàn thể dây xiềng sẽ tan rã. Phát xít Nhật, bạn đồng minh của Đức Hít-le, bị trơ trọi hằn và đang lo như cá nằm trên thớt. Chẳng bao lâu nữa, chúng sẽ trở về thiên cổ (?) theo gót bạn chúng bên trời Âu. Rồi đây, tất cả bọn phát xít xâm lược dã man sẽ bị quét sạch trên mặt trái đất.

Đức bại trong khi cuộc Hội nghị tổ chức thế giới an toàn đang họp ở Cựu Kim Sơn (8). Bình minh đang trở lại với loài người đau đớn nhưng anh dũng sắp qua được một đêm kinh khủng, đầy máu lệ và sắt lửa. Một thế giới dân chủ đang được dựng lên trên bao nhiêu chết chóc và điêu tàn. Loài người sắp hòa giải, đã bắt đầu hát bài ca bác ái.

Công ấy của ai?

Của Hồng quân Liên Xô, đội quân xung trận của nhân loại cần lao và tiến bộ, đội quân giải phóng của tất cả các dân tộc bị áp bức trên hoàn cầu. Lịch sử đã muốn rằng: Hồng Quân chiếm lấy thành Béc-lanh, trái tim của con thú dữ Đức phát xít, và làm cho cả thân hình ghê tởm của nó phải quy xuống; làm cho nanh vuốt của nó đang bám sâu vào thịt nhân loại phải rã rời.

Công ấy của ai?

Của các nước Đồng minh Anh, Mĩ đã cùng Liên Xô đánh vào đất Đức, đã giúp đỡ một phần khí giới và lương thực cho Hồng Quân làm tròn nhiệm vụ xung phong. Ý nguyện của nhân dân Anh, Mĩ và toàn thế giới đã muốn rằng: một phần đế quốc tương đối tiến bộ là Anh, Mĩ phải bắt tay nước chủ nghĩa xã hội là Liên Xô để phá tan kế hoạch tham tàn của đế quốc phát xít.

Công ấy của ai?

Của thợ thuyền, dân cày các nước chống xâm lược trên thế giới đã can củ sinh sản đang tiếp tế cho mặt trận chống phát xít toàn thế giới, đã vác súng ra trận, đem xương máu đắp thành chiến lũy ngăn cản quân Trục, đã thúc đẩy Anh, Mĩ phải gắn bó với Liên Xô và đánh mạnh để sẻ gánh nặng cho Liên Xô.

Công ấy của ai?

Của hết thảy các dân tộc bị áp bức đang phấn đấu chống bọn xâm lược, quyết giành lấy tự do và độc lập.

Ngày nay, thắng được Đức quốc xã là nắm được thắng lợi hoàn toàn. Đó là kết quả công lao của toàn thể loài người chống phát xít, đặc biệt là của Hồng Quân Liên Xô đã hi sinh hàng triệu chiến sĩ để bảo vệ chủ nghĩa xã hội thắng lợi và luôn thể, bảo vệ cả nền văn minh thế giới.

Song mặc dầu thắng lợi, chúng ta không nên tự mãn. Đức quốc xã bại, nhưng Nhật phát xít vẫn còn. Cả loài người chiến đấu đang bước mạnh dạn vượt lên giai đoạn mới, giai đoạn chót của cuộc chiến tranh chống phát xít xâm lược. Khẩu hiệu của phe chống xâm lược đã đổi. Tất cả thế lực tự do và hòa bình lúc này đều tập trung vào nhiệm vụ trước mắt:

— Mau hạ phát xít Nhật!

— Mau kết liễu chiến tranh!

Nhất định Hồng Quân, sau khi làm tròn nhiệm vụ vĩ đại đánh đổ Đức quốc xã, sẽ chuyển mạnh sang Viễn Đông cùng Anh, Mĩ, Tàu tiêu trừ nốt bọn đế quốc phát xít Nhật. Trục tiếp giải phóng cho các dân tộc châu Âu, kể cả dân tộc Đức khỏi họa Hít-le, Hồng Quân sẽ không quên nhiệm vụ trực tiếp giải phóng cho các dân tộc bị áp bức Viễn Đông, kể cả nhân dân Nhật, khỏi họa phát xít quân phiệt Nhật. Liên Xô đã xé hiệp ước trung lập kí với Nhật và Hồng Quân đã đến đóng trên đèo Trương Cao Phong để sửa soạn xông thẳng vào dinh lũy của giặc Lùn.

Dù sao nhân dân Đông Dương không thể bị động trông chờ những may mắn từ đâu đưa lại: cũng không thể ỷ lại vào ai hết. Phải đứng dậy đánh đuổi giặc, góp sức với đồng minh đim chết con thú dữ Nhật Bản dưới đây Thái Bình Dương. Cao trao kháng Nhật cứu nước của ta đã nổi dậy. Quân du kích của ta đã làm chủ nhiều nơi. Nhưng chưa đủ. Phải tiến mãi, liên nữa. Tiến!

Mở rộng du kích ra nhiều tỉnh; không nộp thóc, nộp thuế để triệt lương quân giặc, phá hoại kỹ nghệ chiến tranh và giao thông của giặc, biểu tình đòi ăn, làm cho giặc bối rối thêm.

Sẵn sàng phát động tổng khởi nghĩa giành hẳn lại đất nước.

Đó là cách chúng ta công đồng tác chiến với quân đồng minh diệt lũ giặc Phù Tang.

CỜ GIẢI PHÓNG (10)

Ngày 1-6-1945

CHÚ THÍCH: Tháng 3-1943, Đảng quyết định gấp rút chuẩn bị và trang khởi nghĩa. Tháng 3-1945, Đảng chỉ thị sẵn sàng tổng khởi nghĩa. Bài phát xít Đức đã tái tổ chức trên báo *Cờ giải phóng* tháng 6-1945 nhằm vạch ra cho nhân dân ta thấy rõ thời cơ thuận lợi đã đến, nhân dân Đông Dương phải tiến lên mạnh mẽ hơn nữa, chủ động tự lực đấu tranh để tận dụng thời cơ giành lại đất nước. (Lúc ấy chúng ta rất cảnh giác với bọn đồng minh Anh, Mĩ, Pháp tuy họ vẫn ở trong phe Đồng minh để chống phát xít. (1) *Duy-cốp*: (hiện nay dịch âm là Jucốp) nguyên soái tổng chỉ huy các binh đoàn Hồng quân tấn công vào phát xít Đức. (2) *Hít-le*: tên cầm đầu bọn phát xít quốc xã Đức, một tên độc tài, hiếu chiến đã gây vô vàn tang tóc và đau thương ở châu Âu. (3) *Mút-xô-li-ni*: tên cầm đầu bọn phát xít Ý, đồng minh của Hít-le. (4) *Trận thập tự*: thời trung cổ, những nước theo đạo Thiên chúa ở Tây Âu đã mở những cuộc viễn chinh liên quân để giành lại đất thánh (nơi mộ của Giê-su và nơi phát tích của đạo Thiên chúa) nằm trong tay Hồi giáo; ở đây ý nói bè lũ đế quốc và phát-xít quốc tế âm mưu câu kết với nhau để đánh phá tiêu diệt Liên Xô và chủ nghĩa cộng sản. (5) *Trục*: liên minh bộ ba phát xít Đức, Ý, Nhật. (6) *Trật tự mới*: bọn phát xít gọi chế độ các nước châu Âu sống dưới sự chỉ huy của chủ nghĩa phát-xít là «trật tự mới». (7) *Thiên cổ*: nghìn xưa, lâu đời. Người thiên cổ: người chết. Trở về thiên cổ: chết. (8) *Cầu Kim Sơn*: tên gọi thành phố Xăng Phrăngxít-xcô ở miền tây nước Mĩ. Các đại biểu Liên Xô, Anh, Mĩ đã họp ở đây đầu năm 1945 để thỏa thuận về một số vấn đề lớn trên thế giới (9) *Đòi ăn*: đòi

thóc gạo, vì lúc ấy nhân dân đương đói, mà bọn quân phiệt Nhật tích trữ rất nhiều lúa gạo. (10) *Cờ giải phóng*: cơ quan ngôn luận bí mật của Đảng cộng sản Đông Dương, xuất bản từ năm 1942 đến Cách mạng tháng Tám.

8. « KÉP TƯ BÈN » MỘT TÁC PHẨM THUỘC VỀ CÁI TRIỀU LƯU « NGHỆ THUẬT VỊ DÂN SINH » Ở NƯỚC TA

HẢI TRIỀU

Ở xứ này muốn chủ trương một vấn đề gì mà đến khi tìm vài cái chứng giả thiết thực về xã hội, thật nhiều khi không biết vớ vào đâu. Tôi nhận thấy ở nước ta, trong văn học giới đã bắt đầu có cái triều lưu « Nghệ thuật vị dân sinh » (1), tôi đã thừa nhiều cơ hội đề đề khởi đến nó và đã có phen bút chiến với ông Thiệu Sơn về vấn đề ấy (Báo *Đời mới* số 1. 3. 4). Nhưng đến khi ai hỏi tôi cái tư triều văn nghệ vị dân sinh ở nước ta đâu nào? Thật tôi cũng tự thấy lúng túng mà không biết kiếm đâu cho ra một cái chứng có đích xác. Nhưng đến ngày nay, tôi đã có thể tự đắc mà nói rằng: « Có rồi, có rồi, ông cứ xem quyển *Kép Tư Bền* đi. Cái chủ trương « Nghệ thuật vị dân sinh » của tôi ngày nay, đã biểu hiện bằng những bức tranh rất linh hoạt dưới ngòi bút tài tình của nhà văn sĩ Nguyễn Công Hoan mà người ta đã tặng cho cái tên hay hay là « nhà văn của hạng người khổ nạn ».

Tôi có người bạn gái rất thích đọc tiểu thuyết của Khải Hưng, Nhất Linh, v.v... Nhưng ngày nay tôi lại thấy bạn tôi thích đọc tiểu thuyết Nguyễn Công Hoan làm cho tôi lấy làm lạ mà hỏi duyên cớ. Bạn tôi trả lời bằng một câu gây gợn mà rất ý nghĩa: « *Tiểu thuyết Nguyễn Công Hoan gần người hơn* ».

...

Sau những cuộc khủng hoảng về chính trị, kinh tế và xã hội, nước ta mấy năm gần đây, người nào có ý khảo sát về

(1) *Triều lưu*: Tức trào lưu (Đ. Q. L.).

hiện trạng xã hội, đều nhận thấy có một số triển chuyển (revirement) trong tinh thần của phần đông trí thức nước ta. Họ hoặc vì kinh khiếp mà sinh ra bi quan, hoặc vì thất bại mà sinh ra hoài nghi, hoặc vì cùng kề mà sinh ra hưởng lạc. Những cái tư tưởng lãng mạn, thần bí, tôn giáo, cá nhân, khoái lạc do đó mà bùng bật phát sinh. Giữa cuộc phân tranh của xã hội, họ muốn kiếm một cái địa thế trung lập (Zone neutre) để tránh hết những sự gay go, bức bối đã đem đến cho họ gần mấy năm về trước. Văn học chịu cái ảnh hưởng trực tiếp của tình trạng ấy rất nhiều, nên chúng ta thấy sản xuất ra không biết bao nhiêu là tác phẩm đầy đầy những tư tưởng « yêu đời, vui đời, chán đời, lãng mạn, du dương, mơ mộng, thần bí ». Tác giả tự đưa văn nghệ ra khỏi cái tình trạng thiết hiện của xã hội; họ đánh cắp văn học lên núp trên những « cái tháp ngà » (tour d'ivoire) rồi ngồi trên ấy họ tự đắc mà bảo chúng ta: « Ở trên này chúng tôi lấy làm mãn nguyện lắm, chúng tôi lấy nghệ thuật mà phụng sự cho nghệ thuật cũng sướng chán. Chẳng những thế chúng tôi còn giúp ích cho đời nữa. Các anh khổ à? Hãy leo lên mà ngắm những cái quả mà chúng tôi biếu đây, các anh cũng sẽ vui sướng như chúng tôi và quên hết nỗi khổ ở trần gian ». Vô tâm hay hữu ý, các ông ấy đã lừa chúng ta bằng cái thủ đoạn « nhìn rừng mơ cho đỡ khát nước ».

Giữa sự sống vất vả và khốn khổ, đầy những mâu thuẫn của xã hội ngày nay, người ta đang ao ước, về mặt tinh thần, đọc được những tác phẩm có thể diễn dịch được nỗi lòng của họ. Cái buồn, cái vui, cái giận, cái tiếc, cái thương, cái mơ ước đều sáng suốt đẹp đẽ hay là cực cần thô lỗ, cũng cứ việc tỏ vẽ ra cho họ bằng những câu văn chân thật, cứng cỏi, mạnh bạo. Họ không cần những lời văn hoa mỹ mà điêu toa. Họ ưa những thể văn bình dị mà thiết thực. Bao nhiêu những tác phẩm đương lưu hành trong xã hội hiện tại đều làm cho họ chán nản vô cùng, vì họ chỉ thấy rất những chuyện tình với tình, cái tình mơ mộng ở đâu trong mây, trong mưa, còn những cái khổ sở lầm than của họ, sự bức tức tối tăm của họ, không mấy ai đề ý đến. Giữa tình trạng ấy, quyền *Kép Tư Bền*

ra đời, dầu nó chưa được hoàn toàn, nhưng cũng có thể gọi rằng có phù hợp với cái khuynh hướng chung của một số đông người đương khát vọng. Thời các ngài hãy đọc những truyện như *Người ngựa và ngựa người*, *Thằng ăn cắp*, *Kép Tư Bền*, v.v... Các ngài sẽ thấy trong xã hội, một số đông người phải bán thân nuôi miệng, hoặc các ngài sẽ thấy những đứa bé khốn quá, quyết ăn lương để chịu đấm, hoặc các ngài thấy một giai cấp đủ ăn đủ mặc, chực mua cái cười cái vui bên cái khổ của người nghèo khổ. Rồi các ngài lại đọc qua những truyện như *Báo hiếu*, *Mơ nó đi Tây*, *Tôi chủ báo* v.v... các ngài sẽ thấy trình bày biết bao nhiêu những sự xấu xa, mục nát của một chế độ xã hội. Những cái đạo đức, luân lý, tình ái mà trước họ cho là thiêng liêng cao quý lắm, thì ngày nay đã hóa ra một bức màn để che đậy biết bao nhiêu sự thối tha hèn mạt ở trong.

Sau khi nếm những vị cay chua, bức tức, buồn cười của cái xã hội nhố nhăng này, gắp quyển sách lại, dầu các ngài vô sự đến mấy, các ngài cũng nghe thấy như bồi hồi, man mác, cái bồi hồi man mác tự nhiên của con người có một chút tình đối với nhân loại. Cái mục đích của thuyết nghệ thuật vì nhân sinh đến đây có thể gọi là có chút thành quả vậy.

Viết đến đây, tôi nghĩ không gì bằng nhắc lại câu phê bình của ông Thái Phỉ để kết thúc bài này: « Với Khải Hưng thì là cái thế giới đang tàn, mà với Công Hoan thì là cái thế giới mới nhóm dậy ». Chính vì cái « thế giới mới nhóm » ấy nên mới có bài phê bình này.

Tiền thuyết thứ bảy số 62, tháng 8 — 1935
(Về văn học nghệ thuật — Hải Triều —
Nhà xuất bản Văn học — 1965)

HƯỚNG DẪN

1. *Hải Triều* tên thật là Nguyễn Khoa Văn, sinh năm 1908 ở Huế, vào Đảng cộng sản Đông Dương từ năm 1930. Thời kì Mặt trận dân chủ, ông đã viết cho nhiều tờ báo tiền bộ và viết sách tuyên truyền chủ nghĩa Mác. Sau Cách mạng tháng Tám, ông lần lượt phụ trách công tác tuyên truyền ở Trung bộ và ở khu IV. Ông mất năm 1954 ở Thanh Hóa.

Hải Triều là một trong những chiến sĩ xung kích của Đảng trên mặt trận đấu tranh tư tưởng và nghệ thuật thời kì 1935 — 1939, nổi

tiếng trong hai cuộc bút chiến với Phan Khôi về vấn đề « *Dùng tâm hay dụng vật* » và với Thiệu Sơn (sau đó là với nhóm Hoài Thanh — Lưu Trọng Lư) về vấn đề « *nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh* ».

2. Bài bình luận trên đây Hải Triều viết trên báo « *Tiểu thuyết thứ bảy* » vào đầu tháng 8 năm 1935, có dụng ý đề cao tập truyện ngắn « *Kép Tư Bền* » của Nguyễn Công Hoan (mới ra đời hồi đó) nhằm củng cố quan điểm « *nghệ thuật vị nhân sinh* » của mình, sau khi đã viết một loạt bài hồi đầu tháng 5 năm 1935 (tức là trước đó 3 tháng) trên báo « *Đời mới* » nhằm phê phán quan điểm « *vị nghệ thuật* » của Thiệu Sơn. Nhưng chính bài này — tiếp ngay sau đó — lại là cái « *ngòi nổ* » làm bùng ra một cuộc luận chiến mới sôi nổi hơn nhiều giữa hai phái « *vị nghệ thuật* » và « *vị nhân sinh* » trên văn đàn hồi đó, kéo dài cho tới năm 1939 mới tạm chấm dứt với sự thắng thế bước đầu của phái « *vị nhân sinh* ».

3. Trong bài này, với lối văn sôi nổi, nhiệt thành, pha đôi chút châm biếm sắc nhọn, Hải Triều một mặt đã nhiệt liệt hoan nghênh tập truyện ngắn « *Kép Tư Bền* » của Nguyễn Công Hoan mà ông coi như một « *thành quả* » đầu tiên hết sức đáng mừng của quan điểm « *nghệ thuật vị nhân sinh* »; mặt khác, nhân dịp này ông tiếp tục phê phán mạnh mẽ xu hướng « *nghệ thuật vị nghệ thuật* » lỗi thời mà biểu hiện tập trung nhất là tiểu thuyết của « *Tứ lực văn đoàn* » với những cây bút trụ cột như Khải Hưng, Nhất Linh... Ông tố ý hoan nghênh nhà văn hiện thực Nguyễn Công Hoan (với « *Kép Tư Bền* » đã vì « *cái thế giới mới nhóm* » (tức giai cấp cần lao) mà viết, trong khi phái văn sĩ lãng mạn đương thời (tiêu biểu là Khải Hưng) lại vì « *cái thế giới đang tàn* » (tức giai cấp tư sản, địa chủ...) mà cầm bút!

CHƯƠNG V

HỆ THỐNG HÓA MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÍ LUẬN VĂN HỌC

(Kết hợp ôn tập về văn học Việt Nam
giai đoạn 1930 — 1945)

1

CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC

Văn học bắt nguồn từ thực tế khách quan, phản ánh hiện thực đời sống, giúp cho người đọc hiểu biết về cuộc sống. Đó là chức năng *nhận thức* của văn học. Văn học nhận thức hiện

thực khách quan thông qua ngôn ngữ văn học và tạo nên những hình tượng nghệ thuật sinh động, đem lại cho người đọc những cảm xúc lành mạnh, tốt đẹp. Đó là chức năng *thẩm mĩ* của văn học. Văn học thuộc về lĩnh vực tư tưởng. Nhận thức cái gì và như thế nào, tạo nên những hình tượng nghệ thuật thành công, sử dụng những hình thức nghệ thuật độc đáo lúc miêu tả, đề cuối cùng đem lại cho quần chúng bạn đọc một lí tưởng, một cách sống. Đó là chức năng *giáo dục* của văn học.

Mối quan hệ hữu cơ giữa ba chức năng của văn học

Ba chức năng *nhận thức*, *thẩm mĩ* và *giáo dục* có mối quan hệ hữu cơ với nhau. Chỉ có trên cơ sở nhận thức đúng đắn cuộc sống, tác phẩm văn học mới có tác dụng giáo dục tốt. Và tác phẩm văn học chỉ có tác dụng giáo dục sâu sắc, đi sâu vào tình cảm của quần chúng, khi nào nó tạo nên được những hình tượng nghệ thuật đặc sắc, nó đem lại cho người đọc những cảm xúc thẩm mĩ vững bền. Và bản thân những xúc cảm thẩm mĩ chỉ có được trong người đọc khi tác phẩm văn học cho người ta thấy được những vấn đề mới mẻ trong đời sống và giúp cho người ta sống, suy nghĩ lành mạnh.

Chức năng giáo dục có tầm quan trọng hàng đầu

Trong ba chức năng của văn học (của nghệ thuật nói chung), thì chức năng giáo dục có tầm quan trọng hàng đầu. Sáng tác cho ai? Sáng tác để làm gì? Đó là vấn đề đầu tiên bao giờ cũng được đặt ra trước nhà văn. Văn học của ta sáng tác cho nhân dân, và nhằm giáo dục lí tưởng xã hội chủ nghĩa, cách sống xã hội chủ nghĩa cho nhân dân. Văn học của ta phải đáp ứng yêu cầu công tác tư tưởng của Đảng. Tất nhiên chức năng giáo dục chỉ có thể làm được tốt trên cơ sở giúp cho người đọc nhận thức cuộc sống một cách đúng đắn, sâu sắc thông qua những hình tượng nghệ thuật có giá trị cao. Nói đến chức năng giáo dục là nói đến tính đảng, tính tư tưởng của tác phẩm. Coi nhẹ chức năng giáo dục của văn học, tuyệt

đối hóa chức năng thẩm mĩ của văn học nhà văn sẽ rơi vào chủ nghĩa hình thức, vào quan điểm « nghệ thuật vì nghệ thuật » lỗi thời và những khuynh hướng quái đản của nghệ thuật tư sản.

« Là tiếng nói của tình cảm, là hình thức thuần nhĩ và sắc bén của tư tưởng, có tác dụng sâu rộng và lâu bền trong đời sống tinh thần của nhân dân, văn nghệ giữ một vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng đạo đức, tình cảm và tác phong xã hội chủ nghĩa ».

« Văn nghệ xã hội chủ nghĩa của ta phản ánh cái mới và đấu tranh cho cái mới thắng lợi. Không những nó chỉ thể hiện cuộc sống mới và con người mới, mà còn tích cực góp phần thúc đẩy cuộc sống mới phát triển, góp phần sáng tạo và giáo dục con người mới. Mỗi tác phẩm văn nghệ phải có tác dụng rọi ánh sáng mới vào nhận thức, tư tưởng và tình cảm của xã hội, cổ vũ nhân dân phấn khởi tiến lên, hăng hái thi đua hoàn thành kế hoạch Nhà nước, đấu tranh vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và của sự nghiệp thống nhất nước nhà ».

(Thư của T.Đ. Đảng Lao động Việt Nam gửi Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ III)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI VÀ ÔN TẬP

1. Văn học có mấy chức năng? Cho ví dụ cụ thể.
2. Mối quan hệ giữa ba chức năng của văn học như thế nào? Giải thích và cho dẫn chứng.
3. Vận dụng những hiểu biết về chức năng của văn học để phân tích, đánh giá tác dụng về từng mặt (nhận thức, thẩm mĩ, giáo dục) của ba dòng văn học (lãng mạn, hiện thực phê phán, cách mạng) trong giai đoạn 1930 — 1945.
4. Đi sâu phân tích và dẫn chứng để thấy rõ: dưới sự lãnh đạo của Đảng, dòng văn học cách mạng trong giai đoạn này đã không ngừng đấu tranh cho một quan điểm chính xác, tiến bộ về chức năng của văn học, và bản thân nó đã thực hiện được đúng đắn và có hiệu quả ba chức năng của văn học.

TÍNH GIAI CẤP TRONG VĂN HỌC

Trong xã hội có giai cấp không có văn học siêu giai cấp

Trong xã hội có giai cấp, văn học tất yếu có tính giai cấp. Không thể có văn học siêu giai cấp. Vì sao? Vì:

— Văn học phản ánh hiện thực. Hiện thực trong xã hội có giai cấp chủ yếu là hiện thực về mối quan hệ giai cấp, về đấu tranh giai cấp.

— Đối tượng phản ánh chủ yếu của văn học là con người, với những mối quan hệ của nó trong đời sống xã hội. Trong xã hội có giai cấp, con người thuộc về một giai cấp nhất định, có một bản chất xã hội, bản chất giai cấp nhất định. Văn học phản ánh con người trong sự « tổng hòa những quan hệ xã hội » của nó không thể không mang nội dung giai cấp.

— Văn học phản ánh hiện thực thông qua lăng kính của nhà văn. Mà bản thân nhà văn là thuộc về một giai cấp nhất định, không bao giờ có thể đứng trên các giai cấp. Ở một thời điểm nào đó, nhà văn ở một vị trí nhất định trong đấu tranh giai cấp, mang thế giới quan, lập trường, quan điểm của một giai cấp nhất định trong lúc đánh giá, phản ánh hiện thực. Goóc-ki đã nói: « Nhà văn là con mắt, là tiếng nói, là lỗ tai của một giai cấp. Nhà văn có thể không có ý thức, có thể phủ nhận, nhưng nhà văn không bao giờ và không bao giờ có thể tránh khỏi là một bộ máy cảm quan của một giai cấp... ».

— Hơn nữa, trong xã hội có giai cấp, văn học luôn luôn có quan hệ chặt chẽ với đấu tranh giai cấp, tích cực tham gia đấu tranh giai cấp. Giai cấp bóc lột thống trị dùng văn học để truyền bá tư tưởng của mình, thần thánh hóa chế độ của mình. Nhân dân lao động, các giai cấp bị áp bức bóc lột cũng dùng văn học để đấu tranh lại; đảng tiên phong của họ dùng văn học để giác ngộ, động viên quần chúng đấu tranh lật đổ bọn bóc lột thống trị, xây dựng một xã hội mới công bằng, hợp lý hơn. Văn học là một vũ khí đấu tranh giai cấp sắc bén.

Tính giai cấp biểu hiện như thế nào?

Khi xét tính giai cấp của nhà văn, không thể bỏ qua việc nghiên cứu thành phần xuất thân, thành phần xã hội của bản thân họ, nhưng chủ yếu là phải căn cứ vào nội dung hiện thực và nội dung tư tưởng của tác phẩm, với những biểu hiện cụ thể sau đây:

— Hiện thực cuộc sống được nhà văn phản ánh, đánh giá có chính xác hay không, theo lập trường, quan điểm của giai cấp nào.

— Dung ý sáng tác của nhà văn với những kết luận, những quan điểm tư tưởng, những nguyên tắc được xác định là kim chỉ nam cho hành động rút ra từ sự phản ánh của nhà văn, mang tính chất giai cấp nào.

— Tác dụng của tác phẩm: có lợi cho giai cấp nào, có hại cho giai cấp nào.

Bài học áp dụng

Sáng tác phê bình, nghiên cứu văn học, phải công nhận đứng trên một lập trường giai cấp nhất định, giai cấp liên bộ nhất. Trong thời đại hiện nay, lập trường giai cấp duy nhất đúng đắn và tiến bộ nhất là lập trường công nhân. Mọi lối về giai cấp, rất dễ rơi vào trận địa kẻ thù.

— Phải « tìm cho ra lợi ích của giai cấp này hoặc giai cấp khác đằng sau bất cứ những lời tuyên bố, những lời hứa hẹn nào về đạo đức, về tôn giáo, về chính trị, về xã hội » (Lê-nin). Nếu không, sẽ dễ lạc lõng giữa đám « hỏa mù phi giai cấp » của bọn bóc lột thống trị, của bọn theo chủ nghĩa xét lại. Năm được tính giai cấp của nhà văn, của tác phẩm, ta có điều kiện phân tích, đánh giá đúng nhà văn, tác phẩm ấy.

— Trong xã hội có giai cấp, văn học tất yếu phản ánh đấu tranh giai cấp, biến chuyển theo tình hình đấu tranh giai cấp. Phân tích, đánh giá văn học, phải đặt nó trong cuộc đấu tranh giai cấp (hoàn cảnh lúc tác phẩm ra đời, yêu cầu của cuộc đấu tranh giai cấp ngày nay), và phải biết vận dụng quy luật đấu tranh giai cấp để nghiên cứu nó.

Mấy điểm cần chú ý

Trong lịch sử, giai cấp đang lên là giai cấp tiến bộ, đại diện cho sức sản xuất mới. Quyền lợi và nguyện vọng của nó

nói chung phù hợp với lợi ích của nhân dân. Văn học của giai cấp đó tuy là tiếng nói của giai cấp, nhưng vẫn phản ánh lợi ích chung của cả dân tộc.

— Giai cấp thống trị suy tàn, thối nát thường che giấu thực chất giai cấp. Chúng tung ra nhiều luận điệu dối trá. Luận điểm chủ yếu của chúng thường là thuyết « nhân tính »; chúng nhấn mạnh thời đại nào người mẹ cũng yêu con mình, con người vẫn cảm xúc trước cái đẹp, v.v... Thật ra, có nhân tính, nhưng không có nhân tính chung chung trừu tượng, chỉ có nhân tính cụ thể. Vì lòng mẹ yêu con, cảm xúc trước cái đẹp, v.v... ở những giai cấp khác nhau xưa nay vẫn mang những bản sắc khác nhau.

— Khi xét tính giai cấp, không nên máy móc, thô thiển. Cần suy nghĩ cẩn thận: phải đặt nhà văn, tác phẩm vào trong hoàn cảnh xã hội, lịch sử cụ thể.

Đặc biệt trong những giai đoạn mâu thuẫn giữa nhân dân lao động và giai cấp thống trị đã được phơi bày quá rõ ràng, thường có một bộ phận trí thức của giai cấp đó do tiếp xúc với hiện thực, gần gũi nhân dân, thấy rõ hiện thực, chịu ảnh hưởng của nhân dân, tiếp thu được quan điểm của nhân dân, nên sáng tạo được những tác phẩm có giá trị. Những thiên tài đó thuộc về nhân dân.

— Hai dòng văn học của giai cấp thống trị và của quần chúng bị trị không ngừng đấu tranh với nhau, nhưng vẫn tác động, ảnh hưởng lẫn nhau. Chính vì vậy mà chúng ta không ngạc nhiên khi thấy trong văn chương truyền miệng dân gian đôi khi có những yếu tố tư tưởng của giai cấp phong kiến thống trị.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI VÀ ÔN TẬP

1. Vì sao văn học lại có tính giai cấp?
2. Tính giai cấp trong văn học được biểu hiện cụ thể ở một tác phẩm, một tác giả, một xu hướng văn học như thế nào?
3. Dùng những hiểu biết về tính giai cấp trong văn học luôn luôn có tác dụng tích cực trong đấu tranh giai cấp, hãy chứng minh: văn thơ cách mạng 1930 – 1945 nói chung và đặc biệt các tác phẩm *Từ ấy* của Tố Hữu, *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh nói riêng, đều là những vũ khí đấu tranh giai cấp sắc bén.

PHẦN THỨ HAI

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN NAY⁽¹⁾

CHƯƠNG I

KHAI QUÁT VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945 — 1975

Nhân dân ta vốn yêu văn học. Những ngày trước trong xã hội có áp bức, bóc lột, văn học phát triển chậm. Từ Cách mạng tháng Tám đến nay, văn học có những điều kiện vô cùng thuận lợi để phát triển, và đã phát triển phong phú.

NHỮNG SỰ KIỆN LỊCH SỬ VÀ XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN VĂN HỌC

Ngày 19-8-1945, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Hồ Chủ tịch, đã tổng khởi nghĩa giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, đem lại độc lập, tự do cho đất nước.

(1) Chủ yếu từ 1945 đến 1975.

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp trở lại xâm lược miền Nam, nhân dân ta bắt đầu cuộc kháng chiến trên gần nửa nước. Đến cuối năm 1946, chúng tấn công ta ở Hải Phòng, khiến khích ta ở khắp nơi, nhất là ở thủ đô, nên ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ; nhưng ta càng đánh càng mạnh và càng mạnh càng thắng. Chiến thắng Biên Giới năm 1950 mở đường liên lạc giữa ta và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Những chiến thắng năm 1954 suốt Nam Bắc, đặc biệt chiến thắng Điện Biên Phủ đã buộc thực dân Pháp và can thiệp Mỹ phải kí kết hiệp nghị Giơ-ne-vơ (20-7-1954) thừa nhận chủ quyền độc lập, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

Trong kháng chiến, năm 1953, Đảng phát động quần chúng đấu tranh giảm tô và cải cách ruộng đất. Kết thúc năm 1955, cuộc cải cách ruộng đất đã đánh đổ giai cấp địa chủ phong kiến, giành lại ruộng cây và địa vị làm chủ xã hội cho nông dân.

Hiệp định Giơ-ne-vơ quy định hai miền tập kết quân đội, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời, cho đến khi tổng tuyển cử thống nhất đất nước vào tháng 7 năm 1956.

Ở miền Bắc, từ ngày hòa bình được lập lại, nước ta bước sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sau khi tiếp quản vùng tạm bị chiếm cũ, Nhà nước và nhân dân ta chăm lo khôi phục kinh tế, hàn gắn những vết thương chiến tranh. Từ năm 1958 đến 1960, chúng ta thực hiện kế hoạch ba năm phát triển kinh tế và văn hóa. Sau kế hoạch ba năm này, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã giành được những thắng lợi quyết định. Vì thế Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (1960) đã quyết nghị đưa miền Bắc sang thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội với kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 — 1965), đồng thời tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Ở miền Nam, đế quốc Mỹ và bọn đại địa chủ phong kiến, tư sản mại bản tay sai của chúng phá hoại hiệp nghị Giơ-ne-vơ, mưu toan chia cắt đất nước, biến miền Nam thành căn cứ quân sự và thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Nhân dân miền Nam đấu tranh quyết liệt chống âm mưu đó. Cuộc đấu tranh yêu nước

và đây hi sinh gian khổ ấy đã phát triển không ngừng và thu được những thắng lợi vĩ đại. Năm 1960, Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam Việt Nam, Mặt trận dân tộc Giải phóng, quân đội Giải phóng ra đời. Đến năm 1968, tuyệt đại bộ phận đất đai và nhân dân ta đã thoát khỏi ách kìm kẹp của Mỹ ngụy. Về phía bọn xâm lược và tay sai, mặc dù hung hăng, tàn bạo, chúng càng đánh càng thua, càng thua càng bí, nội bộ thấy tổ chức lục đục, cắn xé lẫn nhau. Để gỡ thế bí, đế quốc Mỹ gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, nhưng mọi âm mưu và thủ đoạn của chúng đều bị quân dân cả nước ta làm cho thất bại. Năm 1973, Mỹ buộc phải kí kết Hiệp định Pa-ri và rút toàn bộ quân đội xâm lược của chúng về nước. Ngày 30-4-1975, kết thúc chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh vĩ đại, quân dân ta đã lật nhào ngụy quyền tay sai của đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Tổ quốc ta hoàn toàn giành được độc lập, thống nhất và bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HỌC

I. 1945 — 1946: Văn học chuyển mình bước sang con đường mới.

Trước cách mạng, văn học có xu hướng tiến bộ và yêu nước trên văn đàn công khai bị hạn chế, bóp nghẹt. Bọn thực dân khuyến khích những thứ văn học suy đồi, mất gốc, hình thức chủ nghĩa. Dòng văn học cách mạng do Đảng lãnh đạo nẩy nở trong bí mật, bền bỉ, phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Sau Cách mạng tháng Tám, cùng với cả dân tộc ta, nền văn học nước nhà được giải phóng, các nhà văn được công nhiên cổ động yêu nước, ca ngợi độc lập và tự do, tố cáo tội ác của đế quốc⁽¹⁾. Hội Văn hóa cứu quốc mà cơ quan ngôn

(1) Tô Hữu diễn tả quang cảnh đất nước được giải phóng, ca ngợi Hồ Chủ tịch (*Huế tháng Tám, Hồ Chí Minh, Vui bất tuyệt*); Xuân Diệu đề cao quốc kì, quốc hội (*Ngọn quốc kì, Hội nghị non sông*); Nguyên Hồng, Nam Cao viết những truyện ngắn về hiện thực xã hội hội thuộc Pháp, Nhật (*Địa ngục, Lỗ Lừa, Mỏ sấm banh...*); Nguyễn Huy Tưởng lần đầu tiên đưa sự việc cách mạng, con người cách mạng lên sân khấu trong một vở kịch dài (*Bắc Sơn*), v.v...

luận là tạp chí *Tiên phong* ra đời từ thời kì bí mật, lúc này thu hút phần lớn các nhà văn.

Văn học đã có một không khí mới và nội dung cũng có phần đổi mới. Tuy vậy, nhà văn phần nhiều là người của xã hội cũ, không phải một lúc mà đã hấp thụ được tư tưởng mới, lập trường, quan điểm sáng tác mới; lối cảm nghĩ, cách diễn đạt của họ còn mang nhiều vết tích cũ. Phương châm « dân tộc — khoa học — đại chúng », họ thực hiện còn khó khăn.

2. 1947 — 1954: Văn học tích cực phục vụ cuộc kháng chiến của toàn dân

Nói chung các nhà văn có lòng yêu nước nồng nàn. Nghe theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, hầu hết họ đã tham gia kháng chiến. Trong những ngày đầu kháng chiến, thơ văn của họ phần nhiều còn xa lạ với quần chúng công nông, chưa gây được cảm xúc mạnh mẽ trong những người cầm súng giết giặc và sản xuất nuôi quân. Lí do là vì họ chưa hòa được vào quần chúng, họ còn sáng tác với tư tưởng cũ, lề thói cũ. Cách nhìn và lối sống của họ không giống cách nhìn và lối sống của công nông. Ngoài ra nền văn bồng bầy, bay bướm, hoặc cầu kì trước kia có chăng chỉ thích hợp với đối tượng trí thức, thanh niên tiểu tư sản thành thị, thì nay lại không thích hợp với quảng đại quần chúng.

Đảng thấy cần phải tập hợp các nhà văn nghệ để bàn bạc, xác định lập trường quan điểm, và thống nhất ý kiến về một số vấn đề quan trọng trong sáng tác. Năm 1948, Đại hội Văn hóa toàn quốc họp dưới khẩu hiệu « Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến » do Hồ Chủ tịch nêu ra, và ở đó đồng chí Trường Chinh đã đọc bản báo cáo quan trọng (*Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam*) nêu rõ lập trường văn hóa của cách mạng ta, mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, và gợi ý giải quyết một số vấn đề mắc mứu trong công tác văn nghệ. Sau đó, các nhà văn nghệ họp riêng và thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam. Năm 1949, Hội Văn nghệ mở hội nghị tranh luận về sáng tác qua đó các nhà văn nghệ trao đổi kinh nghiệm đi thực tế và xác định phương châm: *Cách mạng hóa tư tưởng, quần chúng hóa sinh hoạt*.

Nhờ xác định lập trường và đi sâu vào thực tế sản xuất và chiến đấu, nhà văn đã thu được nhiều kết quả bước đầu rất đáng phấn khởi. Phong trào sáng tác sôi nổi của quần chúng cũng thúc đẩy nhà văn; ngược lại, sự tham gia của nhà văn vào phong trào văn nghệ quần chúng càng khuyến khích quần chúng sáng tác (cả đao, hồ, vè, độc tấu, kịch cương, v.v. của bộ đội, dân công, học sinh, mẹ chiến sĩ...).

Trong kháng chiến, một lớp nhà văn trẻ đầy hứa hẹn xuất hiện bên cạnh những nhà văn lớp trước. Nhiều tác phẩm có tính hiện thực sâu sắc và nội dung tư tưởng cao ra đời lịch sử phục vụ cuộc kháng chiến của toàn dân. Văn học kháng chiến của ta đã có một vị trí xứng đáng trong lịch sử văn học⁽¹⁾.

Năm 1953, nhà văn được chính huấn để xác định chỗ đứng của mình trong cuộc đấu tranh cải cách ruộng đất. Nhận rõ hạn chế, phần lớn các nhà văn về nông thôn tham gia đấu tranh giai cấp cùng với nông dân. Trong những năm 1954, 1955 đã xuất hiện nhiều tác phẩm viết về cải cách ruộng đất⁽²⁾, đáng chú ý nhất là những bài thơ nói lên nỗi khổ đã qua và niềm phấn khởi hiện tại của nông dân.

3. Từ 1955 đến 1975, văn học phát triển trên cơ sở tinh thần hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam; Xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ, cứu nước, đấu tranh thống nhất nước nhà

a) Trên miền Bắc, quang cảnh kháng chiến thắng lợi làm cho nhân dân ta phấn khởi. Nhà văn sáng tác nói lên niềm phấn khởi đó và biểu dương những cố gắng của nhân dân ta

(1) Thơ của Tố Hữu (Việt bắc), Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Huy Cận, Tú Mỡ, Tế Hanh, Chính Hữu, Hoàng Trung Thông, Trần Hữu Thung, Anh Thơ, Nông Quốc Chấn, v.v...; truyện của Nguyễn Đình Thi (Xung kích), Võ Huy Tâm (Vùng mỏ), Nguyễn Văn Bổng (Con trâu), Tô Hoài (Truyện Tây bắc), Nam Cao (Đôi mắt), Bùi Hiền (Đánh trận giặc lửa); kí sự của Nguyễn Huy Tưởng (Kí sự Cao Lạng), của Trần Đăng (Trên Phố Ràng...) v.v...

(2) Như: Cọp và địa chủ của Trần Hữu Thung, Mẹ con đồng chí Chanh — truyện thơ của Nguyễn Đình Thi, truyện Cây mít của Nguyễn Công Hoan, truyện dài Truyện anh Lạc của Nguyễn Huy Tưởng, Bếp đỏ lửa của Nguyễn Văn Bổng.

đã phát huy tinh thần làm chủ đất nước phục hồi kinh tế nhanh chóng, tích cực bước vào giai đoạn cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhưng bọn thù địch của Tổ quốc, của chế độ đã coi những thắng lợi đó là mối nguy đối với chúng. Lợi dụng một số khó khăn tạm thời của Đảng và nhân dân ta, bọn chúng đề ra cái quái thai Nhân văn — Giai phẩm và tấn công ta trên mặt trận tư tưởng và văn nghệ⁽¹⁾.

Bọn Nhân văn — Giai phẩm là một ổ phản động gồm những tên mật thám, gián điệp, lưu manh, to-rốt-kit, địa chủ, tư sản phản động và một số phần tử phản đảng, văn nghệ sĩ bất mãn. Cuộc đấu tranh quyết liệt chống bọn Nhân văn — Giai phẩm là một cuộc đấu tranh giai cấp trên mặt trận chính trị và văn nghệ, một cuộc đấu tranh tư tưởng có tính chất quần chúng rộng rãi để thức tỉnh và nâng cao cảnh giác không những cho giới văn học nghệ thuật mà còn cho cả cán bộ và nhân dân. Trong Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ hai (1957), bức thư của Ban chấp hành trung ương Đảng và bài nói chuyện của đồng chí Trường Chinh đã phê bình những tư tưởng sai lầm và chỉ rõ đường lối tiến lên của văn nghệ trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cuộc học tập đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ sĩ tháng 4 năm 1958 đã có lập những tên phản động và làm cho anh chị em làm công tác văn nghệ càng sáng tỏ bước đường của mình.

Từ giữa năm 1958, nhà văn lại đi vào cuộc sống và đấu tranh của quần chúng và đã có nhiều cố gắng phản ánh cuộc sống mới, con người mới⁽²⁾.

(1) Một số phần tử phản động đã tụ tập nhau lại ra các báo Nhân văn và Giai phẩm dùng làm công cụ để kích động chế độ xã hội chủ nghĩa và đường lối văn nghệ xã hội chủ nghĩa của Đảng ta.

(2) Thơ: Trời mỗi ngày lại sáng (Huy Cận), Riêng chung (Xuân Diệu), Ánh sáng và phù sa (Chế Lan Viên), Đường chúng ta đi (Hoàng Trung Thông), Ra khơi (Phạm Hồ), Những con người đẹp nhất (Lưu Trọng Lư), v.v... Truyện kí: Cái sân gạch, Vn lúa chiêm (Đào Vũ); Những người thợ mỏ (Võ Huy Tâm); Mùa lạc, Hãy đi xa hơn nữa (Nguyễn Khải); Cỏ non (Hồ Phương); Cái hom gió (Vũ Thị Thương); Con cò song (Bùi Đức Ái); Đi bước nữa (Thế Phương); Sông Đà (Nguyễn Tuấn); Lên công trường (Hồng Hà); Bảo biên (Chu Văn); v.v...

Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ ba và Đại hội nhà văn lần thứ hai tổ chức vào cuối năm 1962 đã xác nhận những tiến bộ của văn học và nhận định rằng văn học đang tiến triển trên một chiều hướng tốt đẹp. Thư của Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam gửi Đại hội có viết: « Văn nghệ miền Bắc nước ta hiện nay là một nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa, tuy còn trẻ tuổi, nhưng nó đã tỏ ra có sức sống dồi dào và đầy hứa hẹn. Nhưng nó còn mắc một nhược điểm quan trọng là chưa thật nhạy bén đối với những vấn đề của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tư tưởng, tình cảm mới của chủ nghĩa xã hội chưa được biểu hiện sâu sắc dễ lay chuyển mạnh mẽ lòng người và nhóm lên ngọn lửa thiêng liêng của khí thế cách mạng ».

Từ sau ngày miền Bắc được giải phóng, văn học nói chung phong phú và nhiều vẻ hơn trước. Có những tiến bộ rõ rệt về chiều sâu trong suy nghĩ, trong sự thể hiện con người và cuộc sống, trong ngôn ngữ diễn đạt.

Công việc nghiên cứu, phê bình văn học và dịch thuật giới thiệu văn học nước ngoài được đẩy mạnh. Các nhà văn, các nhà nghiên cứu phê bình văn học đã bền bỉ sưu tầm, phiên dịch những tác phẩm cũ tru tử trong và ngoài nước, ghi chép văn thơ truyền miệng, viết lịch sử văn học, giới thiệu, phê bình tác phẩm cũ và mới, bàn luận những vấn đề về sáng tác, nghiên cứu và phê bình văn học.

Văn học phục vụ thiếu nhi là một bộ phận rất được chú ý từ sau ngày miền Bắc được giải phóng. Đảng và Chính phủ đã cho thành lập một nhà xuất bản riêng để ra sách phục vụ thiếu niên, nhi đồng. Nhiều truyện ngắn viết cho thiếu nhi trong văn học mới dồi dào trí tưởng tượng, thích hợp với tâm lí trẻ em, có ý nghĩa giáo dục cao (1). Thơ cho nhi đồng cũng có nhiều bài tươi mát, hợp với lứa tuổi các em.

(1) Như *Chim chích lạc rừng* (Tô Hoài), *Ông Cẩn Ngủ* (Kim Lân), *Chú đất nung* (Nguyễn Kiên), *Cái chết của Mèo con* (Nguyễn Đình Thi), *Con chim vàng* (Nguyễn Quang Sáng) v. v..

Các dân tộc ít người ngày xưa bị bọn thực dân và phong kiến miệt thị, do đó văn học của họ cũng bị coi thường. Trong kháng chiến, bạn đọc miền xuôi và miền ngược đã thường thức tập *Việt Bắc giết giặc* của nhà thơ Tây Nông Quốc Chấn. Từ ngày miền Bắc được giải phóng, Đảng và Chính phủ hết sức coi trọng công tác phát triển kinh tế và văn hóa của các dân tộc ít người, nhờ đó văn học miền núi thêm đà phát triển. Nhiều tác phẩm cũ được sưu tầm và dịch ra tiếng Việt (Kinh) đã có tiếng vang khắp nước về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của nó (1). Một loạt nhà văn thuộc đủ lứa tuổi hăng hái sáng tác về những loại hình mới nhất: truyện ngắn, kịch, bút kí. Nhưng thơ trữ tình là thể loại thành công hơn hết. Nhiều bài thơ của Nông Quốc Chấn, Bàn Tài Đoàn... và của quần chúng sáng tác đã đem vào nền thơ ca Việt Nam tiếng nói trong sáng, hồn nhiên, tình cảm lành mạnh và sôi nổi của các dân tộc miền núi đang cùng đồng bào miền xuôi sát cánh kề vai tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa.

b) Ở miền Nam. Mĩ và ngụy quyền phát triển văn học nô dịch, đồi trụy, hiếu chiến. Nhưng vì nhân dân vốn có truyền thống và ý thức cách mạng, cho nên văn học dân chủ và cách mạng vẫn phát triển và lớn mạnh mau chóng. Ở vùng đô thị tạm bị chiếm, mặc dù thứ « văn học » lai căng, đồi trụy, phản động được bọn Mĩ và tay sai ra sức truyền bá, nhưng những cây bút tiến bộ cũng đã nhiều khi phê phán khéo léo chế độ của chúng trên báo chí công khai. Nhân dân yêu nước và cách mạng làm thơ, ca dao, hò, vè, nguyên rủa chính sách phản dân, hại nước của Mĩ ngụy, nói lên tâm lòng chung thủy đối với Bác Hồ, đối với Đảng, đối với sự nghiệp thống nhất, khuyến khích thanh niên chống bắt phu, bắt lính, chống tố cộng, áp chiến lược... Nhân dân miền Nam càng đấu tranh mạnh thì tình chiến đấu cách mạng của văn học miền Nam càng phát triển. Từ năm 1960 trở về sau, cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam ngày càng thu được thắng lợi to lớn, văn học miền Nam cũng bừng bừng khí thế của những người đang chiến đấu và

(1) Như *Sóng cha son sao* (Thái), *Huyền Nga Hai Mối* (Mường), *Dăm Sạn* (Ê-đê), *Xing Nhũ* (Giơ-rai)...

chiến thắng. Nó phát huy những gương chiến đấu dũng cảm, kêu gọi người người tiến lên phía trước san bằng đồn bốt, ấp chiến lược và cả chế độ thối nát, tàn bạo của Mĩ nguy. Lúc đầu, văn học cách mạng ở miền Nam hầu như chỉ phát triển dưới hình thức thơ ca, vì thơ ca dễ lưu hành trong vòng hợp pháp. Về sau, nhờ vùng giải phóng mở rộng, công việc ăn loát thuận lợi, nên truyện dài, truyện ngắn, bút kí, hồi kí, bắt đầu ra đời. Các nhà văn ưu tú đều tập hợp ở vùng giải phóng, họ vừa sáng tác vừa chiến đấu: văn học giải phóng có một ảnh hưởng và một sức hấp dẫn ngày càng lớn đối với vùng tạm bị chiếm và đóng góp những tác phẩm có giá trị cho nền văn học chung của cả nước⁽¹⁾.

TÍNH CHẤT CỦA NỀN VĂN HỌC MỚI

Nền văn học mới của ta là một nền văn học có tính dân tộc, tính hiện thực, tính đảng và tính nhân dân.

Nền văn học ta có tính dân tộc vì trước hết nó phục vụ lợi ích của dân tộc: kháng chiến giành độc lập, kiến thiết đất

(1) Ngày 31-12-1965 Hội đồng văn học, nghệ thuật miền Nam được thành lập — Hội đồng đã nghiên cứu tuyển chọn và trao tặng giải thưởng văn học nghệ thuật 1960 — 1965 mang tên nhà thơ yêu nước nổi tiếng của miền Nam — Nguyễn Đình Chiểu — cho 54 tác phẩm sáng tác, trong đó:

a) Giải đặc biệt có:

— Từ tuyến đầu Tổ quốc và Sống như Anh.

b) Giải chính thức có:

— Tám tập ghi chép, bút kí, hồi kí, truyện ngắn.

Những ngày gian khổ của nhiều tác giả: Cửu long cuộn sóng, bút kí của Trần Hiếu Minh; Người mẹ cầm súng, ghi chép của Nguyễn Thi; Bức thư Cà mau, tập bút kí và truyện ngắn của Anh Đức; Về làng, tập truyện ngắn của Phan Tà; Trường sơn hùng tráng, tập bút kí của nhiều tác giả; Rừng Xà-nu, tập bút kí và truyện ngắn của Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thiệu Nam và Tập truyện ngắn của nhiều tác giả.

— Về truyện dài: Hòn đất của Anh Đức.

— Về thơ: Quê hương của Giang Nam; Bài ca chim Chơ-rao của Thu Bồn; Những người đồng chí trung kiên của Thanh Hải và Tập thơ của nhiều tác giả.

nước, đấu tranh thống nhất nước nhà. Nó đề cao tinh thần dân tộc, những đức tính tốt của dân tộc, tiếp thu và phát huy truyền thống văn học và thẩm mĩ của dân tộc, quý trọng và gìn giữ bản sắc của dân tộc. Nó diễn đạt bằng ngôn ngữ dân tộc, kế thừa và phát triển phong cách diễn đạt của dân tộc.

Trong nền văn học chung của đại gia đình Việt Nam, văn học của mọi dân tộc trên đất nước đều được phát triển tự do trên truyền thống của mình, với khả năng và màu sắc của mình.

Tuy mang bản sắc dân tộc, văn học ta vẫn tồn tại hài hòa với văn học các dân tộc khác trên thế giới. Văn học ta hấp thụ tinh hoa của các nền văn học khác để tự bồi dưỡng và có những đóng góp cụ thể vào văn học thế giới.

Văn học ta có tính hiện thực vì nó bắt nguồn từ cuộc sống lao động, đấu tranh vĩ đại của nhân dân ta. Sự việc, con người, tình cảm trong tác phẩm là sự việc, con người và tình cảm ở ngoài đời được chọn lọc, được khái quát hóa, điển hình hóa nhưng không thoát li hiện thực, không phải là sản phẩm chủ quan của khối óc con tim nào. Vì vậy, đó cũng không phải là những hiện tượng riêng lẻ mà là những hiện tượng nổi lên được bản chất của cuộc sống mới, con người mới Việt Nam.

Thỉnh thoảng có nhà văn miêu tả cuộc sống toàn một màu hồng, không có khó khăn vấp vấp gì cả. Tác phẩm của họ không thuyết phục được ai vì nó xa lạ với cuộc sống đang diễn ra. Cũng có người miêu tả những hiện tượng tiêu cực cá biệt lẻ tẻ đây đó thành hiện tượng phổ biến.

Tác phẩm của họ cũng không phản ánh đúng hiện thực và gây tác hại cho chức năng giáo dục của văn học.

Phương pháp sáng tác của nhà văn ta là phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa, bởi vì nhà văn nhìn, xét, phản ánh sự vật trên lập trường tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Họ miêu tả sự biến chuyển cách mạng của cuộc sống theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Văn học có tính đảng (đảng của giai cấp vô sản) vì nó phấn đấu cho sự thắng lợi của lí tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Nó phát triển dưới ánh sáng của đường lối chính trị và văn nghệ của Đảng. Nó giáo dục lập trường tư tưởng, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, nó đấu tranh không mệt mỏi chống mọi tư tưởng phi vô sản, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nó phấn đấu để có những tác phẩm nội dung tốt và nghệ thuật cao.

Các nhà văn của ta, có người là đảng viên, có người ở ngoài đảng, nhưng họ đều thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng, phục tùng tổ chức của Đảng. Họ đã dùng ngòi bút của mình góp phần phấn đấu cho kháng chiến thắng lợi, cải cách ruộng đất thành công, và họ đã sáng tác để chống Mĩ, cứu nước, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Họ đã có nhiều cố gắng để nâng cao tinh tư tưởng và tính nghệ thuật trong tác phẩm, để cho tác phẩm tác động mạnh mẽ vào quần chúng, nhằm nâng cao nhận thức và tình cảm xã hội chủ nghĩa, ý chí cách mạng của quần chúng.

Quá trình phấn đấu để nâng cao tính đảng trong văn học là quá trình rèn luyện tư tưởng và luôn luôn bồi dưỡng vốn văn hóa, vốn sống và nghiệp vụ của nhà văn. Nhờ đường lối và chính sách sáng suốt, sự săn sóc tận tình của Đảng đối với sự nghiệp văn học nói chung và đối với các nhà văn nói riêng, nhờ sự trưởng thành về chính trị và văn hóa của nhân dân, tính đảng của nền văn học của ta ngày càng rõ nét và được củng cố ngày một vững chắc.

Văn học ta có tính nhân dân vì đó là một nền văn học vì nhân dân mà phục vụ, một nền văn học của nhân dân, do nhân dân mà ra. Nó phản ánh sự nghiệp chiến đấu và lao động của quần chúng nhân dân để phục vụ sự nghiệp đó. Nó giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức cho nhân dân, nó làm cho nhân dân có năng lực và điều kiện hưởng thụ nghệ thuật, và tự mình tham gia sáng tạo nghệ thuật.

Trước Cách mạng tháng Tám, phần lớn các nhà văn thuộc tầng lớp tiểu tư sản. Sau Cách mạng, Đảng đã giúp họ xác định

vì ai mà viết, viết để làm gì. Đồng thời một phong trào sáng tác nảy nở trong quần chúng nhân dân và số nhà văn xuất thân từ công nông ngày càng nhiều. Ngoài ra, đông đảo quần chúng đã tham gia phê bình, xây dựng văn học (không ít tác phẩm tốt hoặc xấu đã do quần chúng nhân dân phát hiện trước hết).

Văn học ta còn có tính nhân dân ở hình thức nghệ thuật. Hương tu dưỡng của nhà văn về hình thức là làm cho ý văn sáng sủa, lời văn dễ hiểu đối với đại chúng, và vận dụng cách cảm nghĩ, lối diễn đạt đặc sắc của nhân dân để gây hứng thú cho nhân dân, đồng thời nâng cao từng bước sự hiểu biết và khiếu thẩm mĩ của họ. Những điều đó nói lên tính nhân dân của văn học ta một cách rõ rệt.

Tính nhân dân và tính đảng trong nền văn học mới của ta gắn liền với nhau một cách hữu cơ. Văn học mang tính đảng vô sản bao giờ cũng lấy quyền lợi, hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu và phục vụ. Và văn học muốn có tính nhân dân cao không thể không chứa đựng lí tưởng của Đảng, tình thân và nhiệt tình cách mạng sâu sắc.

Giải phóng cho dân tộc, Đảng cũng đồng thời giải phóng cho văn học. Thanh toán nạn mù chữ và phát triển văn hóa trong đông đảo quần chúng nhân dân, Đảng đã mở ra cho văn học những khả năng nảy nở không bờ bến mà không một chế độ nào khác có thể làm được. Đảng lại đề ra đường lối lãnh đạo đúng đắn, thành lập những tổ chức thích hợp, cải tạo tư tưởng và giúp đỡ phương tiện vật chất cho nhà văn, phát triển văn học quần chúng và phát hiện, bồi dưỡng mầm non văn học. Nhờ những thuận lợi mà Đảng đã tạo ra, nhờ sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, nền văn học của ta đã không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng. Nó phong phú hơn hẳn các thời kì trước. Nó bắt rễ từ cuộc sống chiến đấu và lao động sáng tạo của quần chúng nhân dân do đó giàu sức sống hơn bao giờ hết. Mặc dù chưa có nhiều tác phẩm xứng đáng với hai cuộc cách mạng vĩ đại của nhân dân, mặc dù chưa thật nhạy bén đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa, nền văn học từ

Cách mạng tháng Tám đến nay đã hơn hẳn văn học trước cách mạng. Nó đã tiến nhanh tiến mạnh và đang tiến. Đó là một nền văn học « có sức sống dồi dào và đầy hứa hẹn ».

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Những sự kiện lịch sử và xã hội chính tác động đến văn học từ Cách mạng tháng Tám đến nay?
2. Quá trình phát triển của văn học từ Cách mạng tháng Tám đến nay? Đặc điểm của mỗi giai đoạn?
3. Những thành tựu của văn học yêu nước và cách mạng miền Nam?
4. Những tính chất chủ yếu của nền văn học mới là gì?

CHƯƠNG II

THƠ CA TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN NAY

Ca hát, nhảy múa là những sự tự biểu cảm đầu tiên và hồn nhiên nhất của con người trong cuộc sống lao động; được nâng lên nghệ thuật, ca hát trở thành ca dao, dân ca, thơ, nhạc. Con người được giải phóng, lao động và đấu tranh tự giác thì cảm xúc càng phong phú, do đó thơ ca càng nảy nở. Hơn nữa nhân dân ta vốn có truyền thống ưa thích thơ ca. Những nhân tố ấy cùng với sự lãnh đạo của Đảng đã làm cho thơ ca sau Cách mạng phát triển mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp động viên, giáo dục nhân dân.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THƠ CA TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN NAY

Nhờ Cách mạng tháng Tám, dòng thơ cách mạng ra công khai và trở thành nền móng của phong trào thơ ca mới. Tiên

biểu vẫn là thơ Tố Hữu. Tố Hữu diễn tả không khí tung bừng sau ngày khởi nghĩa, ca ngợi Hồ Chủ tịch, kêu gọi nhân dân đứng lên giết giặc ở miền Nam... Hầu hết các nhà thơ trong phong trào thơ mới đều đi theo cách mạng và cố gắng sáng tác phản ánh thực tế cách mạng. Thời kì đầu cuộc kháng chiến, các nhà thơ lại càng hăng hái sáng tác hơn, vì họ giác ngộ nghĩa vụ của người dân đối với nước. Tuy vậy suốt từ 1945 đến 1948, những bài thơ hay chưa có nhiều.

Không nhìn thấy hoặc không nhìn đúng thực tế thì không thể có thi hứng chân thực; lại quen với nếp cảm nghĩ, lối diễn đạt cũ kĩ, thơ của họ chưa đi được thật sâu vào tâm hồn quần chúng và còn nhiều cái rớt: mộng rớt, buồn rớt...

Từ những năm 1948, 1949, nhà thơ được học tập và đi thực tế, phong trào văn nghệ nhân dân được phát động. Nhờ đó, thơ ca đi sát với thực tế kháng chiến hơn và có những thành tựu tốt đẹp. Thơ ca lúc này diễn tả những con người kháng chiến, nói lên tâm tư, xúc cảm của nhà thơ trước cuộc chiến đấu anh dũng của toàn dân, dă kích thục dân và bù nhìn, ca ngợi chiến công của ta. Bên cạnh các nhà thơ lớp trước (như Tố Hữu, Huy Cận, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên, Tản Nô, Nguyễn Xuân Sanh, Tế Hanh, Anh Thơ...), một lớp nhà thơ trẻ ra đời, đông đảo và hăng say: Hoàng Trung Thông, Nguyễn Đình Thi, Trần Hữu Thung, Chính Hữu, Vĩnh Mai... Tiếng thơ miền núi cũng bắt đầu cất lên với Nông Quốc Chấn, Bàn Tài Đoàn. Các chiến sĩ làm « thơ báng súng »⁽¹⁾, các bà mẹ, các chị — những nhà thơ quần chúng ở nông thôn — làm ca dao, hò, vè, động viên nhân dân đầu quân, tăng gia sản xuất, đóng thuế nông nghiệp, phòng gian bảo mật... Thời kì kháng chiến đã để lại cho ta nhiều bài thơ có giá trị⁽²⁾.

(1) Thơ viết tay dán lên báng súng của bộ đội trên đường hành quân.

(2) Như: *Cả nước, Phá đường, Bầm ơi! Lượm, Sáng tháng năm, Tự đi tốt, Việt Bắc* của Tố Hữu; *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi; *O hiệp sĩ* của Lưu Trọng Lư; *Người dân bà Ninh Thuận* của Tế Hanh; *Kể chuyện Vũ Lăng* của Anh Thơ; *Dọn về làng* của Nông Quốc Chấn; *Nhà của Hồng Nguyên*; *Đêm nay Bác không ngủ* của Minh Huệ; *Bài ca về đất* của Hoàng Trung Thông; *Thăm lúa* của Trần Hữu Thung; *Đồng chí* của Chính Hữu; *Người dân quân xã* của Vĩnh Mai v.v...

Thơ ca sáng tác trong cuộc đấu tranh cải cách ruộng đất cũng chân thành, thiết tha không kém. Người ta thấy nhà thơ thực sự đau thương nỗi đau thương của nhân dân, căm thù bọn chúa đất, biểu lộ niềm biết ơn vô hạn đối với Đảng và Bác Hồ (1).

Sau khi kháng chiến chống Pháp thắng lợi (1954), thơ ca càng nảy nở mạnh. Các nhà thơ chuyên hướng sáng tác về hai chủ đề lớn: xây dựng, bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chống Mĩ, cứu nước, đấu tranh thống nhất nước nhà.

Đặc biệt từ khi cả nước có chiến tranh, thơ ca đã kịp thời tích cực phục vụ sự nghiệp chống Mĩ, cứu nước của toàn dân.

Lĩnh vực của thơ trữ tình nở rộng bao gồm từ tình yêu nước, tình thân quốc tế vô sản, lòng yêu lao động, đến mọi tình cảm phong phú, lành mạnh khác của con người mới của thời đại. Thơ trào phúng đã kích Mĩ và tay sai ở miền Nam, chế giễu những thói hư tật xấu, những tập quán và con người lỗi thời làm trở ngại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Từ nhiều năm qua, đã liên tiếp ra đời nhiều tập thơ tốt của nhiều nhà thơ tiêu biểu (2). Một số bài thơ đã vươn lên có hơi thở lớn của thời đại. Tác giả miền núi phát triển mạnh đã đem vào thơ ca dân tộc chất trữ tình hồn nhiên, trong sáng của miền núi.

(1) Một vài bài thường được nhắc: *Mẹ còn đồng chí Chanh* (Nguyễn Đình Thi); *Tiếng hát quê ta* (Nguyễn Xuân Sanh); *Cop và dĩa chuối, Cầu lại nổi liền* (Trần Hữu Thung); *Bà cụ mù lòa* (Xuân Diệu); v.v...

(2) Như: *Gió lộng, Ra trận, Mùa và hoa* (Tố Hữu); *Trời mỗi ngày lại sáng, Đất nở hoa, Bài thơ cuộc đời* (Huy Cận); *Gửi miền Bắc, Tiếng sóng, Hai nửa yêu thương* (Tế Hanh); *Riêng chung, Mũi Cà Mau* (Xuân Diệu); *Ánh sáng và phù sa, Hoa ngày thường, chim báo bão* (Chế Lan Viên); *Đường chúng ta đi* (Hoàng Trung Thông); *Bài thơ Hắc Hải* (Nguyễn Đình Thi); *Theo cánh chim câu* (Anh Thơ); *Ra khơi* (Phạm Hồ); *Bút chiến đấu* (Tú Mỡ); *Tiếng ca người Việt Bắc* (Nguyễn Quốc Chấn); *Muối của em Hồ* (Bàn Tài Đoàn); *Những người đồng chí trung kiên* (Thanh Hải — miền Nam); *Quê hương* (Giang Nam — miền Nam); *Bài ca chim Chơ-rao* (Thu Bồn — miền Nam); *Hoa dừa* (Lê Anh Xuân); v.v...

ĐẶC ĐIỂM CỦA THƠ CA TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN NAY

1. Thơ ca ngày nay gắn liền với cuộc sống của đồng bào nhân dân

Bao giờ cũng thế, khi nhà thơ rung cảm về những nỗi vui mừng hay niềm đau khổ của nhân dân, thì thơ họ hay. Nhưng nhà thơ ngày xưa không phải luôn luôn thấy như thế. Nhà thơ phong kiến thường ngâm vịnh về một số thi đề nhất định. Nhà thơ lãng mạn trước Cách mạng tháng Tám làm thơ về tình cảm riêng tây của mình, nhất là tình yêu nam nữ. Nhà thơ ngày nay có trái tim đập nhịp nhàng với trái tim của quần chúng cho nên những xúc cảm chung của quần chúng đều vang dội vào thơ họ. Cả những khi họ nói về tình cảm riêng tây thì tình cảm ấy cũng là tình cảm lành mạnh, liêm biểu, có tác dụng nâng phần cao quý trong phẩm chất con người lên.

2. Thơ ca ngày nay là sự kết hợp hài hòa nhân tố hiện thực và nhân tố lãng mạn cách mạng

Thơ ca không thể không lãng mạn. Lãng mạn là dùng trí tưởng tượng, dùng cảm hứng chủ quan vượt ra ngoài, vươn lên trên thực tại khách quan. Thơ có lãng mạn mới làm nức lòng người. Nhưng lãng mạn ngày xưa là lãng mạn thoát li. Chất lãng mạn trong thơ ca hiện nay là chất lãng mạn lên men từ trên thực tế dào dạt của cuộc sống được một lí tưởng cao đẹp soi đường. Nó có cơ sở vững chắc trong hiện thực. Nó nâng cao con người lên vì chất mộng diệu kì, lại vì chất sống nóng hổi trong ấy, để cho con người lại quay về hăng say lăn vào cuộc sống, phấn đấu cho lí tưởng mà thơ ca biểu dương (1).

(1) Tháng 10-1951, chưa rời khỏi Việt Bắc, chưa tiếp quản đồng bằng, Tố Hữu đã viết:

Ngày mai rộn rã sơn khê
Ngược xuôi tàu chạy bốn bề lưới điện

(xem tiếp chủ thích trang 182)

3. Thơ ca mới tìm những hình thức đại chúng, dân tộc có khả năng chứa đựng nội dung phong phú

Muốn đại chúng cảm hiểu thơ mình, nhà thơ đã dần dần từ bỏ những thể điệu câu kì, rắc rối, lai căng. Người ta tìm những thể điệu quen tai với quần chúng nhất để làm thơ. Người ta tìm trong thơ lục bát, trong dân ca, hò, những nhịp điệu hợp với đại chúng để ứng dụng trong thơ. Điệu tám tiếng tuy mới ra đời trong phong trào «Thơ mới» những năm 30, nhưng kiến trúc câu thơ lại rất quen chứ không phải xa lạ, nên vẫn được dùng. Để nói cho hết những ý nghĩ của mình, diễn tả chỗ được cảm xúc dồi dào và luôn luôn diễn biến của mình, nhà thơ thường ghép nhiều điệu, thay đổi cách gieo vần, nhiều khi dùng câu dài ngắn khác nhau, làm nên những bài thơ tổng hợp nhiều thể rất thành công. Có thể gọi thơ đó là thơ tự do, nhưng nó không quá tự do đến nỗi không có vần, kéo dài câu lê thê, hoặc leo thang câu kì, trúc trắc.

Từ Cách mạng tháng Tám đến nay, thơ ca phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Nó đã tiến lên diện tả

(tiếp theo trang 181)

và tiếp theo đó, vẽ nên một bức tranh tưởng tượng rực rỡ về cảnh giao lưu phồn vinh và chứa chan tình nghĩa giữa miền xuôi và miền núi trong tương lai. Thật là lãng mạn. Sở dĩ Tố Hữu có thể vẽ bức tranh ấy là vì nhà thơ đã sống cảnh đoàn kết dân tộc ruột rà trong đấu tranh cách mạng:

*Thương nhau chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng*

đã nhìn thấy lực lượng đoàn kết dân tộc hùng hậu trong cuộc kháng chiến vĩ đại:

*Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng...*

Cái lãng mạn đó góp phần động viên người ta phấn đấu để cho mọi ước mơ lãng mạn kiểu ấy biến thành sự thật. Bức tranh mơ của Tố Hữu ngày nay cũng đã trở thành cảnh thực.

được những tâm tình, những cảm xúc của lớp người mới từ những cảm xúc rộng lớn như âm vang của thời đại đến tiếng lòng non trẻ của tuổi xuân. Nó là tiếng thét căm thù, là tiếng cười khinh bỉ kẻ thù, là điệu ca vui tươi của lao động và sự sống, là tiếng reo của những con người đang chiến thắng địch, chinh phục thiên nhiên. Sức lôi cuốn và thuyết phục của thơ ca mới thật to lớn.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm hiểu những nguyên nhân làm cho thơ ca từ Cách mạng tháng Tám đến nay phát triển phong phú.
2. Đặc điểm của thơ ca từ Cách mạng tháng Tám đến nay.
3. Tìm hiểu về thơ ca kháng chiến chống Pháp, thơ ca chống Mĩ, cứu nước, thơ ca miền Nam và thơ ca viết về đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội.
4. Anh (chị) biết những nhà thơ và những tác phẩm thơ ca nào từ Cách mạng tháng Tám đến nay?

ĐẤT NƯỚC

Sáng mát trong như sáng năm xưa,
Gió thổi mùa thu hương cốm mới,
Tôi nhớ những ngày thu đã xa.

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội,
Những phố dài xao xác hơi may,
Người ra đi đầu không ngoảnh lại,
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.

Mùa thu nay khác rồi,
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi,
Gió thổi rừng tre phấp phới,
Trời thu thay áo mới
Trông biếc nói cười thiết tha.
Trời xanh đây là của chúng ta,
Núi rừng đây là của chúng ta,
Những cánh đồng thơm mát,

Những ngã đường bát ngát,
 Những dòng sông đỏ nặng phù sa.
 Nước chúng ta,
 Nước những người chưa bao giờ khuất,
 Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất,
 Những buổi ngày xưa vọng nói về.
 Ôi những cánh đồng quê chảy máu,
 Dây thép gai đâm nát trời chiều.
 Những đêm dài hành quân nung nấu,
 Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu.
 Từ những năm đau thương chiến đấu,
 Đã ngời lên nét mặt quê hương.
 Từ gốc lúa bờ tre hiền hậu,
 Đã bật lên tiếng hét căm hờn.
 Bát cơm chan đầy nước mắt,
 Bay còn đắng khỏi miệng ta.
 Thằng giặc Tây, thằng chúa đất,
 Đứa đè cổ, đứa lột da.
 Xiềng xích chúng bay không khóa được
 Trời đầy chim và đất đầy hoa.
 Súng đạn chúng bay không bắn được
 Lòng dân ta yêu nước thương nhà.
 Những làng xóm mọc lên lũy thép,
 Những ruộng vườn thành bể dầu sôi.
 Quân giặc kinh hoàng trên đất chết,
 Mỗi bước đi lạnh toát mồ hôi.
 Khói nhà máy cuộn trong sương núi,
 Kèn gọi quân văng vẳng cánh đồng.
 Ôm đất nước những người áo vải,
 Đã đứng lên thành những anh hùng.
 Ngày nắng đốt theo đêm mưa dội,
 Mỗi bước đường mỗi bước hi sinh.
 Trán cháy rục nghê trời đất mới,
 Đây những người con Hồ Chí Minh.

Súng nổ rung trời giận dữ.
 Người lên như nước vỡ bờ.
 Nước Việt Nam từ máu lửa.
 Ru bùn đứng dậy sáng lòa.

1948 — 1955
 NGUYỄN ĐÌNH THI

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tình yêu quê hương đất nước nồng nàn, tha thiết của nhà thơ được thể hiện ra như thế nào?
Phân tích ý thức tự chủ và độc lập của con người mới.
2. Tìm những chi tiết chứng minh lòng căm thù, tinh thần chiến đấu bất khuất anh dũng của dân tộc.
3. Nội dung tình cảm được diễn tả bằng âm điệu, hình ảnh như thế nào? (điệp ngữ, điệp từ, nhịp điệu vô vập, hình ảnh chọn lọc, tập trung).

ĐƠN VỀ LÀNG (1)

Mẹ! Cao — Làng hoàn toàn giải phóng.
 Tây bị chết, bị bắt sống hàng đàn.
 Vệ quốc quân chiếm lại các đồn.
 Người đồng như kiến, súng dài như củi.
 Sáng mai về làng, sửa nhà, phát cỏ,
 Cày ruộng vườn trồng lúa, ngô, khoai.
 Mấy năm qua quên tết tháng giêng, quên rằm tháng bảy (2).
 Chạy hết núi lại khe, cay đắng đủ mùi.
 Nhớ một hôm mù mịt mưa rơi,
 Con gió bão trên rừng cây đổ.
 Con sấm sét, lán sụp xuống nát cửa,
 Đường đi lại vất bầm đầy chân.
 Súng nổ kia! Giặc Tây lại đến lưng,
 Từng cái lán, nó đốt đi tro trụi.
 Nó vơ hết áo quần trong túi.
 Mẹ dịu em chạy tót lên rừng.
 Lăn đi trước, mẹ vẫy gọi con sau lưng.

Tay dắt bà, vai đeo đầy nải,
 Bà lòa mắt không biết lối bước đi.
 Làm sao bây giờ? Ta phải chống!
 Giặc đã bắt cha con đi, nó đánh,
 Cha chửi Việt gian, cha đánh lại Tây.
 Súng nổ ngay đi dùng một loạt,
 Cha ngã xuống nằm lấm trên mặt đất.
 Cha ơi! Cha không biết nói rồi...
 Chúng con còn thơ, ai nuôi ai dạy?
 Không ai chống gậy khi bà cụ qua đời.
 Mẹ ngồi khóc, con cúi đầu cũng khóc.
 Sợ Tây nghe, mẹ dỗ: «nín», con im.
 Lán anh em rải rác không biết nơi tìm,
 Không vãn, không người đưa cha đi cất.

Mẹ tháo khăn phủ mặt cho chồng,
 Con cởi áo liệm thân cho bố!
 Mẹ con đưa cha đi nằm một chỗ.
 Máu đầy tay, trên mặt nước tràn...
 Mày sẽ chết! thằng giặc Pháp hung tàn,
 Băm xương thịt mày tan mới hả.

Hôm nay Cao — Bắc — Lạng cười vang,
 Dọn lán, rời rừng, người xuống làng.
 Người nói, cỏ lay trong ruộng rậm,
 Con cày, mẹ phát ruộng ta quang.
 Đường cái kêu vang tiếng ô-tô,
 Trong trường riu rít tiếng cười con trẻ.
 Mờ mờ khói bếp bay trên mái nhà lá,
 MẶc gà gáy chó sủa không lo.
 Ngày hai bữa rau ta có muối,
 Ngày hai buổi, không tìm củ bầu, củ nâu⁽³⁾.
 Có bắp xay dón gạo no lâu.
 Đường ngõ từ nay không cỏ rậm,
 Trong vườn chuối, hồ không dám đến để con;
 Quả trên cành không lo tự chín tự rụng,
 Ruộng không thành nơi máu chảy từng vũng,

Bộ đội đỡ phải đi thung lũng núi rừng,
 Ra đường xe hát nói ung dung;
 Từng đoàn người dắt lá cây tiến bước,
 Súng bên vai, bao gạo buộc bên vai;
 Chân đi có giày không sợ nẻ,
 Trên đầu có mũ che nắng mưa.
 Mặt trời lên, sáng rõ rồi, mẹ ạ!
 Con đi bộ đội, mẹ ở lại nhà,
 Giặc Pháp, Mĩ còn giết người cướp của trên đất nước ta,
 Đuổi hết nó đi, con sẽ về trông mẹ.

Mùa đông 1950
 NÔNG QUỐC CHẤN

CHÚ THÍCH: Từ Cách mạng tháng Tám, nhờ chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng ta mà các dân tộc anh em ở miền núi dần dần phát triển về văn hóa. Trong kháng chiến chống Pháp đã xuất hiện nhiều nhà thơ miền núi, tác phẩm có nhiều đặc sắc, hứa hẹn nhiều triển vọng tốt đẹp. Nông Quốc Chấn hồi ấy là một nhà thơ trẻ người Tây. Ông đã viết nhiều bài đăng trong tạp chí Văn nghệ. Thơ ông viết bằng tiếng Tây, ông thường tự dịch ra tiếng phổ thông, sau này in thành tập lấy tên là: *Việt Bắc giết giặc*. Hiện nay Nông Quốc Chấn là thư trưởng Bộ văn hóa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

(1) Trong những năm Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn bị giặc Pháp chiếm đóng, đồng bào ta phải rời bản làng, chạy vào rừng núi để tiếp tục kháng chiến. Năm 1950, với chiến thắng biên giới, Cao — Bắc — Lạng được giải phóng, đồng bào nô nức trở về làng cũ, xây dựng một cuộc sống mới, tiếp tục góp phần đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Nông Quốc Chấn đã viết bài thơ này sau chiến thắng vang dội đó.

(2) Tết tháng giêng, rằm tháng bảy: những ngày hội vui chơi của đồng bào các dân tộc miền núi.

(3) Củ bầu, củ nâu: hai thứ củ dùng ăn thay cơm khi đói.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm và phân tích những hình ảnh và từ ngữ nói lên cuộc sống gian khổ của nhân dân trong những ngày Cao — Bắc — Lạng bị chiếm đóng và những ngày giặc đi lũng quét.

2. Hãy phân tích sự diễn biến tình cảm của người con trước cái chết đau thương và anh dũng của người cha. Từ ngữ, hình ảnh, cách diễn đạt ở đoạn thơ này làm người đọc xúc động, vì sao?

3. Quang cảnh « Đón về làng » và cảnh sinh hoạt ở làng sau ngày giải phóng đã được miêu tả như thế nào? Tác giả đã sử dụng từ ngữ, hình ảnh, đặc biệt là cách diễn đạt như thế nào để miêu tả quang cảnh đó?

4. Phân tích bốn câu thơ cuối của bài thơ. Bốn câu thơ đó đã phát triển và hoàn thiện chủ đề của bài thơ, làm cho bài thơ chặt chẽ và thống nhất như thế nào?

NGÔI MỚI

Khắp nơi, trên những đường tôi đi
Tôi đã nghe xao xuyến, râm rì

Ngôi mới.

Trên những đường tôi dạo, tôi qua
Tôi đã nghe nhiều, những khúc ca

Ngôi mới.

Dù đi nhanh, dù đứng lại nhìn,

Trong lòng tôi sắc hây còn in

Ngôi mới.

Trong buổi chiều hồng, trong mai xanh
Mắt tôi giờ những trang tốt lành

Ngôi mới.

Giữa khu phố cũ, hoặc ven hồ

Trên những vườn hoang, trên ngoại ô :

Ngôi mới.

Cất lên trên ruộng, chạy băng đồng,

Chen với lùm cây, soi xuống sông,

Ngôi mới.

Ơi ngàn vạn ngôi, nói xôn xao

Như đất ta vui hồng vọt trào

Ngôi mới! Ơi ngàn muôn sức lực

Trải qua thành rộng, dựng thành cao!

Quên sao được lúa thì con gái

Xanh thắm, dày, chen, gợn đến trời

Bồng nở như hoa vùng ngôi đỏ,

Lúa toan vượt ngôi, ngôi càng tươi.

Mái nhà máy mới, mái nhà thương,

Mái chợ xum xuê, lại mái trường :

Mái ngôi trăm nơi cùng cửa sổ

Xây lên không khí những tòa gương,

Tôi đi trên đất nước thân yêu.

Không biết bao nhiêu, chỉ biết nhiều

Ngôi mới.

Muốn trộm ban phúc dưới trời xanh,

Có lẽ lòng tôi cũng hóa thành

Ngôi mới.

9-1959

XUÂN DIỆU

(Riêng chung)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đối tượng cảm xúc của nhà thơ trong bài này là gì? Phân tích tác dụng biểu cảm của điệp khúc *Ngôi mới*.

2. Qua hình tượng ngôi mới, tác giả đã biểu hiện cuộc sống lao động, kiến thiết chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc như thế nào? Tình cảm của tác giả khi nói đến vấn đề trên được biểu hiện ra sao?

3. Văn và cách cấu trúc câu thơ ở bài này có gì đặc biệt? Tìm biểu tác dụng của nó.

TỜ QUỐC BAO GIỜ ĐẸP THẾ NÀY CHĂNG?

Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm

Tờ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?

— Chưa đâu! Và ngay cả trong những ngày đẹp nhất

Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc,

Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hóa thành văn,

Khi Nguyễn Huệ cười vui vào cửa Bắc,

Hùng Đạo diệt quân Nguyễn trên sông Bạch Đằng...

Những ngày tôi sống đây là ngày đẹp hơn tất cả

Dù mai sau đời muôn vạn lần hơn!

Trái cây rơi vào áo người ngấm quả,

Dường nhân loại đi qua bóng lá xanh rờn,

Mặt trời đến mỗi ngày như khách lạ
Gặp mỗi mặt người đều muốn ghé mỗi hôn...
Cha ông xưa từng đắm nát tay trước cửa cuộc đời.

Cửa vẫn đóng và Đời im im khóa
« Những pho tượng chùa Tây phương » không biết cách
trả lời ! (1)

Cả dân tộc đói nghèo trong rơm rạ...
Văn chiêu hồn từng thấm giọt mưa rơi ! (2)

Có phải cha ông đến sớm chẳng và cháu con thì lại muộn
Dẫu có bay giữa trăng sao cũng tiếc không được sống phút
bây giờ

Buổi đất nước của Hùng Vương có Đảng
Mỗi người dân đều được thấy Bác Hồ,
Thịt xương ta giặc phơi ngoài bãi bắn
Lại tái sinh từ Pắc Bó, Ba Tơ...

Không ai có thể ngủ yên trong đời chật
Buổi thủy triều vẫy gọi những vầng trăng,
Mỗi giẻ lụa đều muốn thêm nhiều hạt,
Gỗ trăm cây đều muốn hóa nên trăm.

Mỗi chú bê đều nằm mơ ngựa sắt
Mỗi con sông đều muốn hóa Bạch Đằng...

Ôi Trường Sơn vĩ đại của ta ơi
Ta tựa vào Ngươi, kéo pháo lên đồi.
Ta tựa vào Đảng, lên tiếng hát
Dưới chân ta, đến đầu hàng : Đờ Cát, (?)

Rồng, năm móng vua quan thành bụi đất,
Mỗi trang thơ, đều dội tiếng ta cười !
Đèn lồng hương thơm những cánh đồng hợp lác
Chim cu gòn, chim cu gáy xa xa...
Ruộng đoàn tụ nên người thổi chèo cầu,
Đem no ấm giọng chèo khuya khoan nhặt
Lúa thêm mùa khi lúa chín về ta.

Rồi với đôi tay trắng từ Đinh, Lý, Trần, Lê, Đảng làm
nên công nghiệp

Điện trời ta là sóng nước sông Hồng,
An Dương Vương hãy dậy cùng ta xây sắt thép
Loa thành này có đẹp mắt Người chăng ?

Ông bay nhà khu tỉnh ủy Hưng Yên (4)
Mặt đồng bằng mùa nhãn ngọt môi em,
Cây xanh ngắt đất bạc màu Vĩnh Phúc...
Ôi ! cái thuở lòng ta yêu Tổ quốc
Hạnh phúc nào không hạnh phúc đầu tiên ?
Ôi cái buổi sinh thành và tái tạo
Khi thiếu súng và khi thiếu gạo
Nhưng phù sa này đi ra những Cà Mau thịnh vượng mai sau
Cho tôi sinh ra buổi Đảng dựng xây đời,
Mất được thấy dòng sông gặp bề.
Ta với mẽ thép gang đầu là đưa trẻ sinh đôi,
Nguyễn Văn Trỗi ra đi còn dạy chúng ta cười...
Cho tôi sinh giữa những ngày diệt Mĩ
Vóc nhà thơ đứng ngang tầm chiến lũy
Bên những dũng sĩ đuổi xe tăng ngoài đồng và hạ trực
thăng rơi

Nhà viết Hồ Táp
gần ngày kỷ niệm Đảng 1965

CHẾ LAN VIÊN
(HOA NGÀY THƯỜNG, CHIM BẢO BẢO —
Nhà xuất bản Văn Học — 1967)

CHÚ THÍCH : Chế Lan Viên tên thật là Phan Ngọc Hoan, quê tại
Cam Lộ — Quảng Trị (nay thuộc tỉnh Bình Trị Thiên). Hiện nay ông
công tác tại Hội nhà văn Việt Nam, tác phẩm chính : *Điêu tàn* (trước
Cách mạng tháng Tám). Sau cách mạng : *Ánh sáng và phù sa*, *Hoa
ngày thường*, *chim bảo bảo*, *Đối thoại mới*.

(1) Chùa Tây Phương thuộc huyện Thạch Thất tỉnh Hà Sơn Bình
(nay thuộc ngoại thành Hà Nội). Ở bài « Các vị La Hán chùa Tây
Phương » của Huy Cận có câu :

« Một câu hỏi lớn. Không lời đáp,
Cho đến bây giờ mặt vẫn chau »

(2) *Văn chiêu hồn* của Nguyễn Du, tả mười loại chúng sinh không có cách giải thoát.

(3) *Đờ-Cát*: thiếu tướng chỉ huy quân xâm lược Pháp tại Điện Biên Phủ, đã đầu hàng và bị quân đội ta bắt sống tháng 5-1954.

(4) Hưng Yên: thuộc tỉnh Hải Hưng bây giờ.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích những hình ảnh về quá khứ và tương lai được nhà thơ xây dựng để so sánh với vẻ đẹp của Tổ quốc ta ngày nay. Vì sao Tổ quốc ta vẫn chưa bao giờ đẹp như bây giờ?

2. Phân tích những hình ảnh cụ thể sinh động trong bài thơ để thấy rõ vẻ đẹp sâu sắc của Tổ quốc ta ngày nay và niềm tin yêu, say mê, trân trọng vô hạn của nhà thơ đối với hiện tại.

3. Bài thơ vừa có tính chất chính luận, vừa có tính chất trữ tình nhưng sự suy nghĩ nghị luận vẫn không chung chung, trừu tượng, vì sao?

BÀI CA CHIM CHƠ-RAO (1)

Trích

« Bài ca chim Chơ-rao » là bài thơ dài kể chuyện chiến đấu và hi sinh của hai chiến sĩ cách mạng: Hùng, người Kinh — và Rìn, người Thượng — trong nhà tù man rợ của bọn Mĩ và tay sai ở miền Nam. Qua tư thế hiên ngang của hai chiến sĩ cách mạng trước cái chết, bài thơ nói lên mối tình đoàn kết chiến đấu gắn bó máu thịt giữa đồng bào Kinh và Thượng, nói lên tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất và khi thế tất thắng của nhân dân miền Nam anh hùng. Bài thơ phảng phất âm điệu những bản trường ca cổ vừa hùng tráng vừa trữ tình của các dân tộc Tây Nguyên: Dăm San, Xing Nhã. Hình ảnh tiếng hát quê hương ngân dài trong suốt bài thơ và câu chuyện một mối tình đau thương và cao đẹp làm cho bài thơ thêm giàu tính chất lãng mạn cách mạng: « Bài ca chim Chơ-rao » là một trong những thành công tốt đẹp của thơ ca cách mạng miền Nam. Đoạn trích sau đây nói về cái chết anh hùng của Hùng và Rìn:

Máy rú xe từ từ lăn bánh
Hai chiến sĩ điềm nhiên đến pháp trường
Hùng, Rìn nhìn trời mây cây cỏ
Lần cuối cùng vĩnh biệt quê hương.

Người con gái xừ dừa thơ mộng
Và cô Sao (?) giờ ở nơi đâu?
Trời Tây xạc xào gió gọi
Và biển Đông có tiếng sóng gào.

Ôi! Đôi mắt sáng ngời, sâu thẳm
Anh nhìn gì về phía biển xanh
Nơi ấy có chân trời sóng vỗ
Chiếc thuyền con ghé lại trước nhà anh

Ngôi tháp Chăm rêu phong cổ kính
Bầy dơi nghe động bay vù
Con sư tử đã nằm lim dim ngủ
Rừng dừa xa thấp thoáng sương mù

Mẹ thường khuyên hàm răng con đẹp
Hé môi cười ánh sáng cười theo
Con đã cạ rồi hàm răng ngà ngọc
Khổ trần một chiếc bương (?) dèo.

Tộc bên, tay căng, tay vòng lấp lánh (?)
Con đi theo hướng mặt trời
Mỗi buổi sáng chim rừng ca hát
Con nhớ chừng thuyền mẹ lướt ra khơi

Ăn trái gấc (?) nhớ trái dừa tha thiết
Tắm vũng suối trong, nhớ biển biếc bao la
Những đêm mưa rừng sấm động
Nhớ làm sao tiếng sóng vỗ quanh nhà

Mẹ vẫn chờ anh ngày trở lại
Ôi người mẹ trọn đời kim chỉ và may
Vá tấm áo như vá đời mẹ khổ
Từ buổi con đi bầm dốt từng ngày

May tấm áo chờ anh về mặc
Ấp ủ ngày đêm mảnh áo quê nhà
Đem cả nhớ thương tấm lòng mẹ dệt
Gởi đưa con yêu phía trời xa.

Tấm áo mẹ, con không bao giờ mặc nữa
Đề dành cho em con mặc buổi ra khơi
Tấm áo quê nhà che bao nắng gió
Vững mái chèo bão táp chớ buông rơi

Nhớ lắm thương nhiều anh làm cách mạng
Em của anh ơi! Đừng nản tâm lòng
Hãy vui vẻ như con chim én
Lượn giữa mây hồng nắng đẹp trời trong

Và cô gái biển đẹp xinh người vợ trẻ
Ngày chiến thắng về không có bóng anh
Em hãy nhìn lên sắc cờ kiêu hãnh
Có anh về ôm ấp răng dừa xanh

Rin nhìn đỉnh La Bà cao ngất
Lòng anh chứa chất căm hờn
Từ biệt con đường gập ghềnh đá nhay
Những chiều mây sườn nắng Trường Sơn

Chim Chơ-rao (6) ơi! Chào chim nhỏ
Con chim không bao giờ chịu lẻ đàn
Chim hãy đến rẫy rừng ta ca hát
Đem nguồn vui đến nóc buôn sang (7)

Gió ơi! Ta muốn hòa vào trận gió
Vuốt ve những sợi khói lam chiều
Ta sẽ thổi lên những đôi nắng lửa
Hôn hờ mặt người cây lúa thân yêu

Mẹ ơi! Con vẫn ở giữa lòng đất nước
Trời nắng thiêu nghe riu mẹ chém cây
Chiếc riu cùn như đời mẹ cực
Đã cho con bao bát cơm đầy

Mẹ giữ muối như từng giọt máu
Dừng tan muối ơi! Chắt mặn Sa Huỳnh
Muối trắng giã từ bàn tay giặc
Thấm máu bao đồng chí đã hi sinh

Sao ơi! Em là con bướm trắng
Mắc giữa cánh gai sắc dập vùi (8)
Bao giờ em thoát đời tù ngục
Về với lũ làng mùa hát ca vui?

Có phải em là cô con gái
Năm xưa hò hẹn cùng anh
Đã bao lần ông mặt trời giấu lửa
Anh tìm em! Với vơi lá rừng xanh

Hùng nhé! Rin chưa gặp cô gái đẹp
Một đêm nào Hùng kể say sưa
Ngày thống nhất Rin về dưới nớ
Hùng sẽ cho Rin uống nước dừa

Thôi những người con dân tộc
Sẽ thay Rin đi uống nước dừa
Nước ngọt như mối tình Kinh Thượng
Gạt hết hiềm thù cay đắng năm xưa

Trên nương sáng nay lúa vừa ngậm sữa
Chung đêm Hùng, Rin trối chắt vào cây
Ơi chim đại bàng trong bão tố
Đầu sắp rơi đôi cánh vẫn tung bay

Tên sĩ quan cắt tai Hùng rỗng máu chảy
Xâu hai tai vào một sợi mây
Nó găm lên như con cọp đói:
— Đêm nay tao nhắm rượu cả gan mày!

Nó cầm con dao còn đâm máu
Khoét luôn một mắt của Rin
Rin chồm lên nhổ vào mặt nó:
— « Mày là con vật không tim! »

... Tên quan mặt phồng lên đón dáo
Thét lính đồn dân đứng xung quanh:
— Hãy xem đây đứa nào theo Việt cộng
Tao sẽ cho vào thử « lửa dầu tranh »!

Ủn ừn ngọn lửa cao như núi
Chúng chờ nghe những tiếng rên la
Nhưng lạ lùng thay hai ngọn lửa
Bồng trầm hùng vang vọng khúc ca.

Bến thuyền xa gió kéo dài ngọn lửa
Chớp xé trời tuang thuyền lên nghiêng ngửa bão đông
Con cá kinh lao mình trong đảo sóng
Lướt đá ghềnh bọt trắng nước menh mông

Dừa réo lên vượt cong ngàn tia kiếm
Lốc xoáy tròn bụi cát lười bay tung
Những tru bướm gây phăng cánh bướm toi tả
Vực đen ngòm mạn vãn đảo lung.

Tiếng chinh (*) chiêng đảo trời ngày ngất
Mỗi tiếng chiêng lóc lửa trời
Ơi ơi tiếng người tiếng công gào thét
Những hòn đá nhọn nắng lên hơi

Con hồ gấm rừng vách núi
Bầy voi đi phun nước trắng dòng sông
Con trâu rừng đội chĩa lao xuống hố
Đôi chim phượng hoàng về đứng nóc nhà rồng (10).

Sợi dây trời cháy thành tro bụi
Nhưng tim anh hùng còn đập giữa khối đen
Hai ngọn đuốc rừng rùng rợn tiến lại
Cái chết đầu làm ta phải yếu hèn

Lửa rực hai khuôn mặt bầu rạng rỡ
Hai vòng tay lửa xiết vào nhau
Người anh em ơi! Đây là lời của Đảng
Gắn bó đến cùng cả lúc thương đau

Quân thù kia ơi! một bầy man rợ
Bay dừng hồng khuất phục đời ta
Bay định đốt ta thành hòn than quý lay
Trong ánh lửa hồng ta xuất hiện một vòng hoa

Linh quan khiếp đờm ừn nhau chạy
Chúng bắn vào hai đuốc lửa sáng ngời
Đất Tây Nguyên đón hai con về nghỉ
Bầy chim Chơ-rao bay liệng theo người
Lệ dân làng thấm sâu vào đất
Ủ nóng hai anh giữa núi đồi!
Hãy nhận lấy những hoa rừng đẹp nhất
Cả què hương vùng đây kia rồi
Chim Chơ-rao ơi! Bay về buôn vắng
Báo tin buồn đi khắp mọi nơi
Mặt trời đã rụng hai tia nắng
Rừng Tây ánh lửa đỏ sáng ngời.

THU BỒN
(Bài ca chim Chơ-rao)

CHỮ THÍCH: (1) Giải thưởng văn học nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu 1960 — 1965 của Hội đồng văn học nghệ thuật miền Nam.

(2) Người con gái rừ dừa: người yêu của Hùng. Sao: người yêu của Rìn, cũng bị bắt giam. (3) Bương đeo: băng đeo, vười đeo. (4) Hùng là cán bộ hoạt động ở Tây Nguyên. Để thực hiện « ba cùng » với đồng bào, anh đã cạo răng, cạo tóc, búi tóc, đeo vòng, mặc khổ như người Thượng. (5) Trái gấm: một loại quả thổ sản Tây Nguyên. (6) Chim Chơ-rao: Chim sáo, người Tây Nguyên thường ví với những người khôn ngoan, vui vẻ, tốt bụng. (7) Buôn: làng của các dân tộc Tây Nguyên. (8) Sao và Rìn yêu nhau nhưng bị tên chánh tổng Lum phá hoại, chia rẽ. Rìn bỏ đi làm cách mạng. Sao cũng trốn đi hoạt động. Hai người gặp nhau trong nhà tù. (9) Chinh: một loại chiêng không có núm. (10) Nhà rồng: nhà công cộng, nơi hội họp của người trong một buôn.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích ý nghĩa, tình cảm của Hùng và Rìn trên đường ra nơi hành binh. Những ý nghĩa, tình cảm hướng về những đối tượng nào? Nó nói lên những phẩm chất gì của người chiến sĩ cách mạng? Nghệ thuật trữ tình trong đoạn thơ này? (Chú ý những hình ảnh què hương miền biển và miền núi, người mẹ Kinh và người mẹ Thượng, người con gái miền xuôi và người con gái miền ngược, tình cảm trầm tĩnh của Hùng và tình cảm sôi nổi của Rìn, v.v...)

2. Phân tích cảnh tượng hi sinh của Hùng và Rín (địa điểm, cách hành hình, sự tàn bạo và hèn hạ của kẻ thù, hình ảnh lời ca trong ngọn lửa và cái chết oanh liệt, hùng tráng, đẹp đẽ, rực sáng của hai chiến sĩ). Nghệ thuật an bài của đoạn thơ này? (Chú ý âm điệu, hình ảnh phân bố của thiên nhiên).

3. Phân tích ý nghĩa phong phú của hình tượng Hùng và Rín hi sinh, vòng hoa lửa (tình đoàn kết, chiến đấu Khá — Thương, tình thần kiên cường bất khuất của nhân dân miền Nam, khí thế tất thắng của cách mạng miền Nam).

THƠ TỔ HỮU SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

I— SƠ LƯỢC TIỂU SỬ TỔ HỮU

Tổ Hữu tên là Nguyễn Kim Thành, sinh năm 1920 ở Thừa Thiên (nay thuộc tỉnh Bình Trị Thiên). Do ảnh hưởng của quê hương, của gia đình, Tổ Hữu sớm có tâm hồn thơ từ bé.

Thời kì Mặt trận dân chủ (1938 — 1939), lúc còn là một thiếu niên học sinh ở Huế, Tổ Hữu đã tham gia phong trào, giác ngộ cách mạng và được kết nạp vào Đảng. Các báo chí liên bộ công khai thời bấy giờ đăng các bài thơ đầu tiên của nhà thơ cách mạng trẻ tuổi. Năm 1939, Tổ Hữu bị bắt và bị bọn đế quốc đưa đi giam ở hầu hết các nhà lao ở Trung bộ. Trong nhà tù, Tổ Hữu nung nấu thêm tình cảm cách mạng, rèn luyện thêm ý chí cách mạng và tiếp tục làm thơ. Năm 1942, Tổ Hữu vượt ngục ra hoạt động. Cách mạng tháng Tám bùng nổ, Tổ Hữu ở trong Ủy ban khởi nghĩa Trung Bộ. Từ cuộc kháng chiến chống Pháp cho đến suốt cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, Tổ Hữu là một trong những người lãnh đạo chủ yếu của Đảng và Nhà nước ta.

Thơ Tổ Hữu có tác dụng sâu rộng trong nhân dân.

Từ ấy, Việt Bắc, Gió lộng, Ra trận, Mùa và hoa là những tập thơ nối tiếp đánh dấu những giai đoạn khác nhau trong quá trình sáng tác của Tổ Hữu trước và sau Cách mạng tháng Tám (1937 — 1977).

II— GIỚI THIỆU THƠ TỔ HỮU SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

I

Việt Bắc (1947 — 1954) là sự tiếp tục tự nhiên của *Từ ấy* sau Cách mạng tháng Tám.

Nếu *Từ ấy* chủ yếu là tiếng hát căm hờn, tin tưởng, chiến đấu, trong những ngày đất nước còn nô lệ, tối tăm, là tiếng reo vui trong những ngày cách mạng mới thắng lợi, thì *Việt Bắc* là tiếng ca hùng tráng, thiết tha về cuộc kháng chiến chống Pháp và những con người kháng chiến.

Cách mạng tháng Tám giải phóng con người Việt Nam chưa được bao lâu, giặc Pháp quay trở lại. Những con người đó lại đứng lên đánh giặc để giữ gìn Tổ quốc, bảo vệ Cách mạng. Họ là những người lao động rất bình thường và cũng rất anh hùng. Trong tập thơ *Việt Bắc*, Tổ Hữu miêu tả và ca ngợi những con người đó với tấm lòng yêu thương thấm thía và cảm phục sâu xa.

Đó là người con gái Bắc Giang, dù cửa nhà bề bộn, con thơ đại mà đêm rét vẫn vui vẻ, hăng hái theo chồng đi « Phá đường » ngàn giặc :

Nhà em phơi lúa chưa khô
Ngó chưa vào bờ, sản thái chưa xong
Nhà em còn bế con bằng
Em cũng theo chồng đi phá đường quan...

Đó là những bà mẹ lao động nghèo khổ, yêu nước với yêu con là một, yêu con vô cùng và cũng yêu nước vô hạn :

Cách mạng miền Nam càng chuyển biến, tình cảm miền Nam trong thơ Tố Hữu cũng chuyển biến theo. Đúng như nhận xét của Chế Lan Viên: «Miền Nam năm nao là tiếng khóc, tiếng thét...»:

Dòng bào ơi, anh chị em ơi!

Hỡi lòng tâm tất cả loài người!...

... Hãy nghe tiếng của một nghìn cái xác

Không chịu chết, vạch trời kêu tội ác!

(«Thư muôn đời muôn kiếp không tan» — 1959)

«...Nhưng bây giờ là tiếng mõ, tiếng súng, náo động trong thơ anh»:

Mấy hôm nay, như đứa trẻ nhớ nhà

Ta vẫn mơ hoài, rạo rực, vào ra

Nghe tiếng mõ và nghe tiếng súng

Miền Nam đây, hò reo náo động!

(«Bài ca mùa xuân 1961»)

Gió lòng cũng chuyển biến theo từng bước đời thay trên miền Bắc. Tố Hữu nói lên bằng thơ những ý nghĩ, tình cảm, nỗi niềm của con người Việt Nam đang xây dựng đất nước và xây dựng mình theo chủ nghĩa xã hội:

Yêu biết mấy, những bước đi dằng dặt

Của đời ta chấp chững buổi đầu tiên

Tập làm chủ, lập làm người xây dựng

Dám vươn mình cưỡi quân lại thiên nhiên!

(«Mùa thu mới»)

phát hiện và ca ngợi những cái mới, cái đẹp ngày một nảy sinh trên đất nước:

Năm năm mới bấy nhiêu ngày

Mà trông trời đất đổi thay đã nhiều...

Dân có ruộng, đập đìa hợp tác

Lúa mọc đồng, âm áp làng quê

Chiêm mùa, cờ đỏ ven đê

Sớm trưa tiếng trống đi về trong thôn...

trong con người:

... Đời kẻ sống tuổi ăn bám

Đời của ai dùng cảm là sinh

Những người lao động quang vinh

Chúng ta là chủ của mình từ đây...

(«Ba mươi năm đời ta có Đảng»)

trong sự nghiệp dựng nước rất mực gian nan mà vô cùng phấn khởi của nhân dân ta:

Đội vui đó, tiếng ca đoàn kết

Ta nắm tay nhau xây lại đời ta

Ruộng lúa, đồng khoai, nương sắn, vườn cà

Chuồng lợn, bãi gà, đàn trâu, ao cá

Đón tí phân rơi, nhặt từng ngọn lá

Mỗi hòn than, màu sắt, cán gỗ,

Ta nâng niu gom góp dựng cơ đồ!...

Và phải chăng đây chính là bài ca của tuổi trẻ trong sự nghiệp dựng nước gian nan mà phấn khởi đó:

Đi ta đi! Khai phá rừng hoang

Hỏi núi non cao, đâu sắt đâu vàng?

Hỏi biển khơi xa, đâu luồng cá chạy?

Sông Đà, sông Lô, sông Hồng, sông Chảy

Hỏi đâu thác nhảy, cho điện quay chiều?

Hỏi những người trai, những cô gái yêu

Trên những đèo mây, những tầng núi đá

Hai bàn tay ta hãy làm tất cả!

Xuân đã đến rồi, Hỡi há tương lai...

(«Bài ca mùa xuân 1961»)

Trên bước đường cách mạng mới, tình yêu Đảng, yêu Lãnh tụ, yêu anh em bè bạn quốc tế càng thêm thiết tha, nồng thắm. Tố Hữu ca ngợi «Ba mươi năm đời ta có Đảng»:

Nghìn năm giấc mộng đêm ngày

Ba mươi năm Đảng, hôm nay có mình.

Nói đến Bác Hồ, câu thơ Tố Hữu bao giờ cũng xúc động lạ thường:

*Hỡi Người, tim những thương yêu
Cánh chim không mỏi, sớm chiều vẫn bay...*

(«Cánh chim không mỏi»)

Ngày trước, tình cảm quốc tế trong nhà thơ đau đớn gọi:
«Em bé Triều Tiên ơi!». Ngày nay, tiếng gọi vui mừng, sung
sướng hơn:

*Em ơi! Ba Lan mùa tuyết tan
Đường bạch dương sương trắng nắng tràn...*

(«Em ơi... Ba lan...»)

Với *Gió lộng*, tâm hồn, lí tưởng nhà thơ ngày một mở rộng,
nâng cao. Tố Hữu đã theo sát bước lớn lên của cách mạng,
của đất nước, của con người Việt Nam. So với *Việt Bắc*, *Gió
lộng* đánh dấu một bước tiến mới về tầm nhìn lớn, nhìn xa,
về những tình cảm yêu thương lớn, về tình anh hùng ca của
hời thơ.

Ra trận (1962-1971) sẽ phát huy những sức sống mới này
trên đường thơ Tố Hữu.

Năm 1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt
Nam ra đời. Phong trào đồng khởi dâng lên. Cách mạng miền
Nam liên tiếp thu được những thắng lợi vô cùng to lớn. Trước
nguy cơ quân nguy tay sai bị tiêu diệt, năm 1965 Mĩ đem quân
trực tiếp xâm lược miền Nam, đồng thời gây chiến tranh phá
hoại «leo thang» ra miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Theo lệnh
của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, cả nước ta sôi sục chống
Mĩ, cứu nước. Việt Nam trở thành tuyến đầu của cuộc đấu
tranh cách mạng của nhân dân toàn thế giới. Chính trong không
khí đấu tranh cách mạng sôi sục đó của cả dân tộc, những bài
thơ «*Ra trận*» của Tố Hữu đã ra đời.

+ Trước hết, «*Ra trận*» là bản anh hùng ca về «*Miền Nam
trong lửa đạn sáng ngời*». Lực lượng xung kích trong cuộc
«*ra trận*» này là quân dân miền Nam anh hùng. Chủ nghĩa

anh hùng cách mạng của nửa đất nước ở tuyến lửa là niềm
tự hào của cả nước:

*Ôi Tổ quốc giang sơn hùng vĩ
Đất anh hùng của thế kỉ hai mươi
Hãy kiêu hãnh; trên tuyến đầu chống Mĩ
Có miền Nam, anh dũng tuyệt vời.*

(«*Miền Nam*»)

Tiêu biểu cho miền Nam anh hùng là hình ảnh tuyệt diệu
của anh chiến sĩ Giải phóng quân, những «*chàng trai chân đất*»,
với «*cái mũ vải mềm dễ thương như một bàn tay nhỏ*», «*chẳng
làm đau một chiếc lá trên cành*»:

*... Mũ xống xáo, mũ tung hoành, ngang dọc
Mạnh hơn tất cả đạn bom, làm run sợ cả Lầu năm góc!*

(«*Bài ca xuân 68*»)

Tiêu biểu cho miền Nam anh hùng còn là những người
công nhân ưu tú như Anh Trỗi mà «*Trái tim lớn không sợ gì
súng đạn!*» đã làm nao động cả thế giới với «*Dáng hiên ngang
vạn ngàn cao đầu*» trước cái chết khi việc lớn chưa thành!
(*«*Chàng như cây tre*»*).

Lại có những em bé như Cu Theo mới 14 tuổi đã có gan
«*một tay em chấp mười tay quân thù*» và đã từng biết phục
kích đánh mìn làm cho giặc Mĩ «*lương quan lẩn chết nháy
ràng một hàng*» («*Chuyện em*»).

Tóm lại, từ những «*em thơ cũng hóa những anh hùng*»,
những «*ong dại cũng luyện thành chiến sĩ*», những «*hoa trái
cũng biến thành vũ khí*»... tất cả miền Nam — Thành đồng Tổ
quốc — đã nhất tề đứng lên đánh giặc như thế đấy:

*Lớp cha trước, lớp con sau
Đã thành đồng chí, chung câu quân hành...*

(«*Tiếng hát sang xuân*»)

+ «*Ra trận*» cũng là bản anh hùng ca về miền Bắc ra quân
trong lửa đạn vừa chiến đấu vừa sản xuất, đình đạc, đường hoàng.
Đối với người ở hậu phương lớn, «*Ra trận*» trước hết là tích
cực chi viện người và của cho miền Nam tuyến đầu của Tổ
quốc, bất kể bạo lực điên cuồng của giặc Mĩ:

Tiến tuyến ra sức tiến công
Hậu phương, hết lòng chai sạn.

Ních-xơn !

Mày có thể đốt cháy Trường Sơn

Không thể ngăn đường, lấp biển.

Ta đã đi, là đến.

(« Bài ca xuân 71 »)

« Ra trận » đối với hậu phương lớn còn có ý nghĩa sống còn là phải ra sức vừa chiến đấu vừa sản xuất, tích cực xây dựng chủ nghĩa xã hội bất chấp bom đạn ác liệt của kẻ thù:

Hãy xem! Đồng ruộng cũng chính là thế trận

Lúa đứng thẳng hàng quyết tâm 5 tấn

Chào có dân quân vai súng tay cày

Chân lội bùn, mơ hạ máy bay!

(« Chào xuân 67 »)

Và:

Giặc Mĩ phá, thì ta xây lại

Lấp hố bom mà dựng lò cao

Nhà máy tra hang sâu vững chãi

Ta tựa lòng ta, rất đời tự hào.

(« Bài ca xuân 71 »)

Cũng tự hào biết bao, một bà mẹ già bên bến sông cũng trở thành anh hùng trong cuộc « đung đầu » lịch sử của dân tộc ta với giặc Mĩ xâm lược:

Một tay lái chiếc đò ngang

Bến sông Nhật Lệ quân sang đêm ngày...

... Tàu bay hán bắn sớm trưa

Thì tui cứ việc nâng mư đưa đò.

(« Mẹ Suốt »)

Chúng ta đã bắt kẻ thù phải trả một giá rất đắt tội ác của chúng. Hàng nghìn máy bay Mĩ đã bị bắn rụng. Bởi vì chúng ta có hàng nghìn Nguyễn Viết Xuân đã biết đồng dao hồ: « Ngang dân lên, nhắm thẳng quân thù mà bắn! ». Chúng ta cũng đã có hàng trăm những « O du kích nhỏ giữa rừng cao sừng » đặt vào trại giam những « Thằng Mĩ lênh khênh bước cúi đầu ».

đồ cho các em nhỏ của chúng ta vẫn ung dung « Mang mũ rom đi học đường dài... ».

Vĩ đại biết bao, hình ảnh cả dân tộc ta đang hành quân « ra trận » trong khí thế rạo rực của Mùa xuân đất nước.

Xuân hãy xem! Cuộc điều binh hùng vĩ

31 triệu nhân dân

Tất cả hành quân

Tất cả thành chiến sĩ

... Mạnh hơn thác, trùng trùng vô tận.

(« Chào xuân 67 »)

+ Bao trùm lên tất cả trong « Ra trận » chính là cảm xúc hào hùng của mỗi người Việt Nam yêu nước về con đường cách mạng chúng ta đang đi dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ: con đường cách mạng sáng ngời chân lí Mác — Lenin:

Mác — Lenin, vĩnh viễn mặt trời

Giữa mây đục, càng sáng ngời chân lí.

Cả dân tộc ta có thể tự hào về vai trò của cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh chống đế quốc trên thế giới, đứng đầu là đế quốc Mĩ:

Vui gì hơn làm người lính đi đầu

Trong đêm tối, tìm ta làm ngọn lửa!

Cùng với niềm tự hào đó là niềm vinh dự cao cả trên mỗi bước đường thử thách, hi sinh của nhân dân ta:

Ta hiến vì sao ta chiến đấu

Ta hiến vì ai ta hiến máu.

(« Chào xuân 67 »)

Nhân dân ta đánh Mĩ, tên hung nô của thế kỉ 20, kẻ thù hung bạo và quỷ quyết nhất của loài người « không chỉ vì một dải đất riêng » của Tổ quốc Việt Nam, mà cũng ý thức được rằng:

Khi ta đứng lên cầm khẩu súng

Ta vì ta, ba chục triệu người

Cũng vì ba ngàn triệu trên đời!

(« Miền Nam »)

Bởi vậy, có lẽ chưa bao giờ hình ảnh Tổ quốc Việt Nam lại hiện lên trong thơ Tố Hữu cao cả và hùng vĩ như trong cuộc « Ra trận » lần này:

Ta giữ cho ai? Mảnh đất này
Việt Nam! Hai tiếng gọi hôm nay
Mệnh mạng đời cánh bay maồn dậm
Qua mây trùng dương, vượt tuyết dày.

(« Xuân sớm »)

Tóm lại, « Ra trận » chính là bài ca chiến đấu về vang của dân tộc ta trong những ngày cả nước chống Mĩ, cứu nước. Niềm tự hào chân chính và cao đẹp về Tổ quốc Việt Nam — Tổ quốc của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đứng trên « tuyến đầu chống Mĩ » của cả loài người tiên bộ, sáng ngời chân lí của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng: đó là cảm xúc chủ đạo toát ra từ toàn bộ bản anh hùng ca bất tuyệt này.

4

Tiếp sau « Ra trận », Máu và hoa — tập thơ 5 năm tiếp theo của Tố Hữu (1972 — 1977) — sẽ đánh dấu đỉnh cao của bản anh hùng ca về con đường cách mạng cực kì gian khổ nhưng sáng ngời chân lí và đầy chiến thắng về vang của dân tộc ta nói trên đây.

... Đâu phát đường xanh. Đường qua máu chảy
Năm mươi năm, máu đỏ thành hoa
Cuộc sinh nở nào đau đớn vậy?
Rất tự hào, mà xối tận trong da.

(« Với Đảng, mùa xuân »)

Đúng như vậy, « Đường qua máu chảy »... Đã bao giờ nhân dân ta phải trải qua con đường thử thách ghê gớm như lúc này:

Dạn bom, bão lụt, cơ hàn
Chết đi sống lại, hết tàn lại tươi.
Thủy chung, vẫn đậm tình người.
Cần đôi hạt muối chung đời cháo rau

Đồng cùng viên thuốc chia đau
Quên mình chia lửa, cứu nhau chia hăm...

(« Nước non ngàn dặm »)

Đã bao giờ cuộc sống của đất nước ta bị phá hoại điều tàn đến thế này:

Bời bời cỏ lút đồng hoang
Chim kêu cảnh cut, chang chang nắng cồn
Tả tơi mấy ấp khu đồn
Mãi tôn, rào kẽm, tháp đồn chơ vơ!
— Cây khô, chết chẳng nghiêng đầu
Nghìn tay than cháy rạch màu trời xanh
— Xê xan, tan nát đạn cây
Trống tro rừng khộp, khô gầy rừng le.
— Vạn ngày có buổi nào yên?
Cá ăn phải máu, chim quên lối vườn.

(« Nước non ngàn dặm »)

Thậm chí, bom đạn Mĩ đêm ngày ròng rã còn muốn đốt cháy rụi cả dải Trường Sơn, cột sống thần kì của Tổ quốc ta, điểm tựa diệu kì của cuộc hành quân thần thánh của quân dân cả nước ta!...

— Nhưng cũng chính Trường Sơn lại là nơi hò hẹn lớn lao của các thế hệ thanh niên anh hùng, em bước theo anh, con nối gót cha, liên tiếp lên đường đón nhận cuộc thử thách cao đẹp nhất của cả đời mình:

Trường Sơn, xẻ dọc, rọc ngang
Xẻng tay mà viết nên trang sử hồng.
Trường Sơn, vượt núi, băng sông
Xe đi trăm ngã, chiến công bốn mùa.
Trường Sơn, đông nắng, tây mưa
Ai chưa đến đó, như chưa rõ mình...

Và cũng chưa ở đâu, Tổ quốc ta lại hùng vĩ, tươi đẹp
như ở đây, bất chấp cả vạn triệu tấn bom đạn hủy diệt của
kẻ thù:

Sáng hè đẹp lắm, em ơi
Đầu non cỏ lục, mặt trời vừa lên
Đa trời xanh ngắt, thần tiên
Đỏ au đường lớn mang tên Bác Hồ
Trường Sơn mây núi lơ xơ
Quân đi sóng lượn nhấp nhô, bụi hồng...

(« Nước non ngàn dặm »)

« Quân đi... »! Đúng! « Ta đã đi. Và ta đã đến ». Trong
tập thơ « Ra trận », Tố Hữu đã từng danh thép nói lên lời
nguyên của cả dân tộc ta với tên hung nô của thời đại:

Ních-xon!

Mày có thể đốt cháy Trường Sơn
Không thể ngăn đường, lấp biển.

Ta đã đi, là đến

(« Bài ca xuân 71 »)

Tuy nhiên, hán đã không đốt cháy nòi dãi Trường Sơn
mà « ta » vẫn « đến »!

Ôi buổi trưa nay, tuyết trần nắng đẹp
Bác Hồ ơi! Toàn thắng về ta.
Chúng con đến, xanh ngời ánh thép
Thành phố tên Người lộng lẫy cờ hoa...

Vì sao như vậy?

... Bởi có Bác, từ nơi đây ra đi tìm đường Kách mệnh
Cho chúng con nay được trở về, vĩnh viễn Việt Nam!

(« Toàn thắng về ta »)

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp oanh liệt của nhân dân
ta kết thúc, Nguyễn Đình Thi đã từng thốt lên:

Nước Việt Nam từ máu lửa
Rũ bùn đứng dậy sáng lòa.

(« Đất nước »)

Lần này, cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước thân
thành của dân tộc ta chấm dứt, Tố Hữu xúc động reo lên:
Ôi Việt Nam! Từ trong biển máu
Người vươn lên, như một thiên thần...

Và!

Chúng muốn đốt ta thành tro bụi
Ta hóa vàng nhân phẩm, lương tâm.

(« Việt Nam, máu và hoa »)

Có lẽ phải đến lúc này chúng ta mới hiểu được cái không
bao giờ hiểu hết là Tổ quốc Việt Nam, con người Việt Nam:

Việt Nam!

Người là ta, mà ta chưa bao giờ hiểu hết
Người là ai? Mà sức mạnh thần kì
Giữa cái chết không phải nên chùn chết
Lửa quanh mình, một lúc cũng không đi!

Sống cho ta, sống cả cho người
Là trái tim, cũng là lẽ phải
Việt Nam ơi!
Người là ai? Mà trở thành nhân loại.

(« Với Đảng, mùa xuân »)

Cũng đến lúc này, có lẽ hơn lúc nào hết, chúng ta mới có
được niềm tự tin lạ thường ở sức mạnh tiềm tàng của xứ sở
quê hương cũng như của mỗi con người Việt Nam mới:

Xứ sở mình có đủ nắng quanh năm
Cuộc sống ấm áp tình, với Đảng
Lớn khôn chung, một sẽ hóa thành trăm
Đời rạng rỡ, mỗi con người tự sáng.

Và càng quyết tâm hơn bao giờ hết:

Thời gian không đợi

Cả trời đất vào Xuân, cùng ta đồng khởi

Cho những mùa gặt lớn mai sau...

(« Với Đảng, mùa xuân »)

Chúng ta nhớ tới câu thơ mùa xuân năm ấy Tố Hữu đã từng « gửi miền Nam »:

... Phải bao máu thấm trong lòng đất

Một ánh hồng lên sắc tự hào.

(« Xin gửi miền Nam » — 1-1972)

Phải chăng lúc này đây « máu thấm trong lòng đất » ấy nay đang nở thành « hoa »? Một mùa hoa tuyệt đẹp mà Tố Hữu muốn dâng lên Bác Hồ kính yêu nhân dịp lễ khánh thành lăng Người sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng:

Xin dâng lên Bác một mùa hoa

Cả nước, anh em đẹp một nhà

Như khốt hoa cương và cầm thạch

Ngàn năm quanh Bác, bản hòa ca...

(« Vui thế, hôm nay... »)

— Có thể coi « Máu và hoa », tập thơ thứ 5 và gần đây nhất của Tố Hữu, vừa là sự kế tục vừa là sự phát triển tới đỉnh cao của phong cách thơ Tố Hữu kể từ « Từ ấy »... Là tiếng thơ vút lên từ cuộc chiến đấu ở giai đoạn ác liệt và phức tạp nhất, từ những chiến thắng oanh liệt nhất trong lịch sử dân tộc, những chiến thắng đã từng gây chấn động lớn trên thế giới, « Máu và hoa » chính là tiếng hát ngợi ca, tin tưởng, thôi thúc vươn tới tương lai của một dân tộc đã chiến thắng vẻ vang mọi kẻ thù hung dữ nhất để tự mình làm chủ đời mình và chắc chắn sẽ toàn thắng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ cuộc sống mới, xây dựng và bảo vệ một Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh và huy hoàng!

Nếu tìm những khái niệm thật bao trùm để nói lên cái độc sắc về nghệ thuật của thơ Tố Hữu thì đó sẽ là: tính dân tộc và tính đại chúng.

Thơ Tố Hữu gần gũi với mọi tấm lòng, xúc động và cảm hóa đông đảo quần chúng trước hết vì đó là tiếng nói chân tình, tha thiết của một tâm hồn tận tụy, trung thành với lí tưởng của Đảng, của dân tộc, của nhân dân. Tiếng nói chân tình, tha thiết ấy lại được nói ra bằng một ngôn ngữ thơ ca bao giờ cũng trong trẻo, du dương như thấm vào lòng, như in vào dạ.

Tố Hữu kế tục và phát huy truyền thống thơ ca cổ điển và dân gian. Thơ Tố Hữu lúc thì phảng phất ca dao, lúc thì gợi nhớ thơ Kiều, Chinh phụ, đồng thời cũng rất mới, rất hiện đại. Thơ Tố Hữu dễ hiểu, dễ ngâm, dễ thuộc; tình với ý, nhạc với lời quyện lẫn, càng đọc lâu càng thấm thía, ngọt ngào. Cũng như mọi nghệ thuật thật sự nhân dân, thơ Tố Hữu trong sáng và mọi mặt, trong sáng như dòng suối ngọt, không trợn lặn, không pha chế, uồng vào thì mất rươi và khỏe khoắn tâm hồn.

Từ Từ ấy qua Việt Bắc, đến Gió lộng, Ra trận và Máu và hoa (1937 — 1977), thơ Tố Hữu 40 năm qua trước sau vẫn mang cái bản sắc của riêng Tố Hữu, không thể nào lẫn lộn, đồng thời ngày một nhiều vẻ, ngày một tinh luyện hơn.

Năm tập thơ, một lí tưởng, một con đường đi lên cùng cách mạng. Đúng như Tố Hữu đã từng tâm sự:

Đảng dạy tôi biết ngẩng đầu, đứng dậy

Vững hai chân, đứng thẳng, làm người

Tôi đi tới, với bạn đời, từ ấy

Đến hôm nay, mới thấy trọn vòng trời!

(« Với Đảng, mùa xuân » — 1-1977)

Thơ Tố Hữu sẽ cùng cách mạng tiếp tục đi lên nữa. Thơ Tố Hữu luôn luôn là ngọn cờ đầu của thơ ca hiện đại.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Năm tập thơ của Tố Hữu trước sau Cách mạng tháng Tám (1937 — 1977) nối tiếp nhau như thế nào? Vì sao có thể nói rằng thơ Tố Hữu lớn lên cùng cách mạng?
2. Những đặc điểm của nghệ thuật thơ Tố Hữu là gì?
3. Vị trí của thơ Tố Hữu trong thơ ca hiện đại Việt Nam.
4. Trong các bài thơ của nhà thơ Tố Hữu, anh (chị) thích những bài nào nhất, vì sao?

VIỆT BẮC

— Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?

Tiếng ai tha thiết bên cồn
Đang khua trong dạ, hồn chồn bước đi
Ao chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

— Mình đi, có nhớ những ngày
Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù.
Mình về, có nhớ chiến khu
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?

— Mình về, rừng núi nhớ ai
Trám bùi đề rụng măng mai để già.

Mình đi, có nhớ những nhà
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son.

Mình về, còn nhớ núi non
Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh

Mình đi, mình có nhớ mình
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa?

— Ta với mình, mình với ta
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh
Mình đi, mình lại nhớ mình
[Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu...]

Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.
Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy.
Ta đi, ta nhớ những ngày
Mình đây, ta đó đắng cay ngọt bùi...

Thương nhau chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.
Nhớ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan
Nhớ sao ngày tháng cơ quan
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.
Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều
Chày đêm nện cối đều đều suối xa...

Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
Ngày xuân mơ nở trắng rừng

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi đàn
Ve kêu rùng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Nhớ khi giặc đến giặc lùng
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây
Núi dăng thành lũy sắt dày
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù
Mênh mông bốn mặt sương mù
Đất trời ta cả chiến khu một lòng.
Ai về ai có nhớ không?
Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giăng.
Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng
Nhớ từ Cao — Lạng, nhớ sang Nhị Hà...

Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan.
Dân công đổ đức từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.
Tin vui chiến thắng trăm miền
Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về
Vui từ Đồng Tháp, An Khê
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.

Ai về ai có nhớ không?
Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang

Nắng trưa rực rỡ sao vàng
Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công
Điều quân chiến dịch thu đông
Nông thôn phát động, giao thông mở đường
Giữ đê, phòng hạn, thu lương
Gửi dao miền ngược, thêm trường các khu...

Ở đâu u ám quân thù
Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi
Ở đâu đau đớn giống nòi
Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền
Mười lăm năm ấy ai quên
Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hòa
Mình về mình lại nhớ ta
Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào.

— Nước trời nước có về nguồn
Mây đi mây có cùng non trở về
Mình về, ta gửi về quê
Thuyền nâu trâu mộng với bè nửa mai

Nâu này nhuộm áo không phai
Cho lòng thêm đậm cho ai nhớ mình
Trâu về, xanh lại Thái Bình
Nửa mai gái chắt mối tình ngược xuôi.

— Nước trời, lòng suối chẳng trôi
Mây đi mây vẫn nhớ hồi về non
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Chàm nâu thêm đậm, phấn son chẳng nhòa
Nửa mai mình gửi quê nhà
Nước non đâu cũng là ta với mình.

Thái Bình đồng lại tươi xanh
Phên nhà lại ấm, mái đình lại vui...

— Minh về thành thị xa xôi
Nhà cao, còn thấy núi đồi nữa chăng?
Phố đông còn nhớ bản làng
Sáng đèn, còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?
Minh đi, ta hỏi thăm chừng
Bao giờ Việt Bắc tung bừng thêm vui?

— Đường về, đây đó gần thôi!
Hôm nay rời bản về nơi thị thành
Nhà cao, chẳng khuất non xanh
Phố đông, càng giục chân nhanh bước đường!
Ngày mai về lại thôn hương
Rừng xưa, núi cũ yêu thương lại về.
Ngày mai rộn rã sơn khê
Ngược xuôi tàu chạy, bốn bề hời hửng.

Than Phấn Mã, thiếc Cao Bằng
Phố phường như năm như măng giữa trời.
Mái trường ngôi mới đỏ tươi
Chợ vui trăm nẻo về khơi luồng hàng.
Muối Thái Bình ngược Hà Giang
Cày bừa Đông Xuất, mía đường tỉnh Thanh.
Ai về mua vại Hương Canh
Ai lên mình gửi cho anh với nàng
Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng
Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông.
Áo em thêu chỉ biếc hồng
Mùa xuân ngày hội lòng từng thêm tươi

Còn non, còn nước, còn trời!
Bác Hồ thêm khỏe, cuộc đời càng vui!

— Minh về với Bác đường xuôi
Thưa giùm Việt Bắc không người nhớ Người
Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời
Áo nâu, túi vải, đẹp tươi lạ thường!
Nhớ Người những sáng tinh sương
Ưng dung yên ngựa trên đường sẫm reo
Nhớ chân Người bước lên đèo
Người đi, rừng núi trông theo bóng Người...

Lòng ta ơn Đảng đời đời
Ngược xuôi, đôi mắt một lời song song
Ngàn năm xưa, nước non Hồng
Còn đây, ơn Đảng nối dòng dài lâu.
Ngàn năm non nước mai sau
Đời đời ơn Đảng càng sâu càng nồng.
Cầm tay nhau hát vui chung
Hôm sau mình nhớ hát cùng Thủ đô.

Tháng 10-1954
(Việt Bắc)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Anh (chị) có nhận xét gì về thể thơ, về bố cục, về ngôn ngữ và hình ảnh của bài thơ Việt Bắc?
2. Bài thơ Việt Bắc biểu hiện những tình cảm cao đẹp gì của tác giả và của nhân dân ta? Phân tích qua những hình ảnh, nhịp điệu bài thơ.
3. Phân tích hình ảnh nhân dân và đất nước hiện lên trong bài thơ.
4. Hình ảnh Bác Hồ và hình ảnh của Đảng hiện lên trong đoạn cuối như thế nào?
5. Tình dân tộc và tình đại chúng nói chung được thể hiện trong bài thơ Việt Bắc như thế nào?

BÀI CA MÙA XUÂN 1961

Tôi viết bài thơ xuân
Nghìn chín trăm sáu mốt
Cành táo đầu hè rung rinh quả ngọt
Nắng soi sương giọt long lanh...
Rét nhiều nên ấm nắng hanh
Đắng cay lắm mới ngọt lành đó chẳng?
Giã từ năm cũ băng khuâng
Đã nghe xuân mới lằng lằng lạ thường!

* * *

Chào xuân đẹp! Có gì vui đấy
Hỡi em yêu? Mà má em đỏ đây
Như buổi đầu hò hẹn, say mê
Anh nắm tay em, sôi nổi vùng về
Mà nói vậy: « Trái tim anh đó
Rất chân thật, chia ba phần tươi đỏ:
Anh dành riêng cho Đảng phần nhiều
Phần cho thơ, và phần để em yêu... »
Em xấu hổ: « Thế cũng nhiều anh nhỉ! »
Rồi hai đứa hôn nhau, hai người đồng chí
Dắt nhau đi, cho đến sáng mai nay
Anh đón em về, xuân cũng đến trong tay!

* * *

Ô tiếng hót vui say con chim chiến chiến
Trên đồng lúa chiêm xuân chao mình bay lộng
Xuân ơi xuân, vui tới mệnh mông
Biển vui dâng sóng trắng đầu ghềnh

Thơ đã hát, mắt trong lời chúc:
Đường lên hạnh phúc rộng thênh thênh (1)
Tam Đảo, Ba Vì vui núi xuân xanh...
Chào 61! Đỉnh cao muôn trượng
Ta đứng đây, mắt nhìn bốn hướng
Trông lại nghìn xưa, trông lối mai sau
Trông Bắc trông Nam, trông cả địa cầu!

* * *

Trải qua một cuộc bể dâu (2)
Câu thơ còn đọng nỗi đau nhân tình
Nỗi chìm kiếp sống lênh đênh
Tổ Như ơi, lệ chảy quanh thân Kiều!
Nghe hồn Nguyễn Trãi phiêu diêu
Tiếng gươm khua, tiếng thơ kêu xé lòng...
Ôi tiếng của cha ông thuở trước
Xin hát mừng non nước hôm nay:
Một vùng trời đất trong tay
Dẫu chưa toàn vẹn, đã bay cờ hồng!
Việt Nam, dân tộc anh hùng
Tay không mà đã thành công nên Người!
Có gì đẹp trên đời hơn thế
Người yêu người, sống để yêu nhau
Đảng cho ta trái tim giàu
Thẳng lưng mà bước, ngẩng đầu mà bay!

* * *

(1) Câu thơ của Hồ Chủ tịch trong bài thơ Chúc mừng năm mới 1961.

(2) Câu thơ của Nguyễn Du (Tổ Như) trong Truyện Kiều:
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Đời vui đó, hôm nay mở cửa
Như dãy hàng Bách hóa của ta
Hỡi những người yêu, hãy ghé mua hoa
Và đến đó, sắm ít quà lễ cưới:
Lụa Nam Định đẹp tươi mát rượi
Lược Hàng Đào chải mái tóc xanh!
Ta còn nghèo, phố chật nhà gianh
Nhưng cũng đủ vài tranh treo tết.

Đời vui đó, tiếng ca Đoàn kết
Ta nắm tay nhau xây lại đời ta
Ruộng lúa, đồng khoai, nương sắn, vườn cà
Chuồng lợn, bầy gà, đàn trâu, ao cá
Dọn tí phân roi, nhặt từng ngọn lá
Mỗi hòn than, mẩu sắt, cân ngô
Ta nâng niu gom góp dựng cơ đồ!

Ồ thích thật, bài thơ miền Bắc
Rất tự do nên tươi nhạc, tươi văn
Cả không gian như xích lại gần
Thời gian cũng quên tuần quên tháng.
Đời trẻ lại! Tất cả đều cách mạng!
Rũ sạch cô đơn, riêng lẻ, bần cùng
Quê hương ta rộn rã cuộc vui chung
Người hợp tác nên lúa đầy thêm đó.

Đường nở ngực. Những hàng dương liễu nhỏ
Đã lên xanh như tóc tuổi mười lăm.

Xuân ơi xuân, em mới đến dăm năm
Mà cuộc sống đã từng bừng ngày hội
Như hôm nay, giữa công trường đỏ bụi.
Những đoàn xe vận tải nối nhau đi
Hong Quảng, Lào Cai, Thái Nguyên, Việt Trì
Tên đất nước reo vui bao tiếng gọi...

Nào đi thôi! Bác Hồ ta nói
Phút giao thừa, tiếng hát đêm xuân
Kế hoạch năm năm. Mời những đoàn quân
Mời những bàn chân, tiến lên phía trước,
Tất cả dưới cờ, hát lên và bước!

Đi ta đi! Khai phá rừng hoang
Hỏi núi non cao, đâu sắt đâu vàng?
Hỏi biển khơi xa, đâu luồng cá chạy?
Sông Đà, sông Lô, sông Hồng, sông Chảy
Hỏi đâu thác nhảy, cho điện quay chiều?

Hỡi những người trai, những cô gái yêu
Trên những đèo mây, những tầng núi đá
Hai bàn tay ta hãy làm tất cả!
Xuân đã đến rồi. Hỡi hủ tương lại
Knói những nhà máy mới ban mai...

Tôi viết cho ai bài thơ 61?
Đêm đã khuya rồi, rét về tê buốt
Hà Nội ri rầm... Còi thổi ngoài ga

Một chuyến tàu chèo bánh đi xa
Tiếng sinh sịch chạy dọc đường Nam Bộ...

Ơi đâu phải con tàu! Trái tim ta đó.
Tiếng đập thình thịch, muốn vỡ làm đôi!
Ta biết em rất khỏe, tim ơi!
Không khóc đấy. Nhưng sao mà nóng bỏng
Như lửa cháy trong lòng ta gió lộng?

Mấy hôm nay, như đứa nhớ nhà
Ta vẫn vơ hoài, rạo rức, vào ra
Nghe tiếng mõ và nghe tiếng súng
Miền Nam đây, hò reo náo động!
Ba con tôi đã ngủ lâu rồi
Còn bao nhiêu chưa được ngủ trong nôi
Miền Bắc thiên đường của các con tôi!

Gà gáy sáng. Thơ ơi, mang cánh lửa
Hãy bay đi! Con chim kêu trước cửa
Thêm một ngày xuân đến. Bình minh
Cành táo đầu hè quả ngọt rung rinh
Như hạnh phúc đơn sơ, ước mơ nhỏ nhỏ
Treo trước mắt của loài người ta đó:

Hòa bình
Độc lập
Ấm no
Cho
Con người
Sung sướng
Tự do!

24-1-1961
(Gió lộng)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Mùa xuân 1961 là mùa xuân đầu tiên của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc. « Bài ca mùa xuân 1961 » của Tố Hữu là tiếng hát chào đón mùa xuân chan hòa niềm vui khi đất nước xây dựng cuộc sống mới. Niềm vui có nhiều cung bậc và sắc độ khác nhau theo dòng cảm xúc trào dâng hồn nhiên, đột ngột mà vẫn ở trong một mạch thơ liên tục, chắt chắt có sức cuốn hút say người.

Hãy chọn lọc và phân tích những ý thơ độc đáo, những hình ảnh thơ tiêu biểu xuất hiện bất ngờ qua từng khúc thơ, từng khổ thơ để chứng minh.

CHÚ Ý: Bài thơ được kết cấu thành nhiều khúc thơ, mỗi khúc gồm từ 1 đến 3,4 khổ thơ. Niềm vui được diễn tả hầu như xuyên suốt bài thơ qua từng khúc với mỗi cung bậc, mỗi sắc độ khác nhau.

Từ niềm vui băng khuâng, lảng lảng trước cảnh năm cũ đang chuyển sang năm mới đầm ấm, hạnh phúc (khúc 1, 2), đến niềm vui menh mông bát ngát trước cảnh đất nước đang chuyển mình từ chế độ cũ sang chế độ mới: chế độ xã hội chủ nghĩa — « đỉnh cao » của lịch sử dân tộc và của xã hội loài người (khúc 3, 4). Và từ niềm vui đầm ấm thiết tha trước hình ảnh cuộc sống mới tươi đẹp đang mở rộng trong tiếng ca. Đoàn kết, cần kiệm xây dựng nước nhà (khúc 5), hoặc niềm vui rộn rã, tươi tắn trước hình ảnh cuộc sống cách mạng trẻ trung, sôi động trên miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội (khúc 6); đến niềm vui phấn chấn, hồ hởi trong khúc hát tiến quân sôi nổi, náo nức của tuổi trẻ trên mặt trận kiến thiết Tổ quốc xã hội chủ nghĩa với kế hoạch 5 năm đầu tiên theo tiếng gọi thiêng liêng của Bác Hồ (khúc 7).

2. « Miền Nam là một sự day dứt lớn trong thơ Tố Hữu. Ngay trong cái vui trên miền Bắc vẫn có cái day dứt về miền Nam » (Hoài Thanh). Hãy chứng minh điều đó qua hai khúc thơ kết thúc. (Phân tích những hình ảnh sinh động, có sức gợi cảm mạnh mẽ, phản ánh nỗi bồi hồi, rạo rức của nhà thơ khi chợt nhớ tới miền Nam đau thương, gian khổ đang chuyển mình đứng dậy).

3. « Bài ca mùa xuân 1961 » cũng mang một hình thức phong phú sáng tạo về mặt thể thơ như thế nào? (Chú ý: Tố Hữu đã vận dụng một cách linh hoạt các thể thơ dân tộc ở đây: có lục bát, song thất lục bát, có thất ngôn, có các thể thơ mới 8 tiếng, 9 tiếng hoặc 5 tiếng và cả 2 tiếng, 1 tiếng... để diễn đạt một cách sinh động nội dung cảm xúc qua mỗi khúc thơ).

CHÀO XUÂN 67

Đất nước ta ơi
 Xin lên hai mươi phát đại bác vang trời
 Chào xuân 67
 Xuân của chúng ta
 Nam Bắc hai miền chiến công lừng lẫy!
 Báo cho anh em bè bạn gần xa
 Tin vui của chiến trường chống Mĩ!
 Xuân hãy xem! Cuộc điều binh hùng vĩ!
 31 triệu nhân dân
 Tất cả hành quân
 Tất cả thành chiến sĩ
 Hiện đại, thô sơ
 Của ngày xưa và của bây giờ
 Với cách mạng đều là vũ khí:
 Tên lửa, tên lửa
 Lưỡi lê, lưỡi mác
 Và thuyền và xe
 Chân đi, vai vác
 Qua núi qua khe
 Mạnh hơn thác, trùng trùng vô tận!
 Hãy xem! Đồng ruộng cũng chinh tề thế trận
 Lúa đứng thẳng hàng, quyết tâm 5 tấn
 Chào cô dân quân vác súng, tay cày
 Chân lội bùn mớ hạ máy bay!
 Chào các cụ bạch đầu quân trồng cây chống Mĩ
 Chào các mẹ già run tay và may cho chiến sĩ
 Chào các em, những đồng chí của lương lai
 Mang mũ rơm đi học đường dài...
 Truyện thần kì, dân tộc ta là vậy!

Mặt trời đỏ đây
 Có vui không?
 Nhìn nam bắc tây đông
 Hỏi cả hai mươi thế kỉ:
 Ở đâu? Mỗi ngọn núi, dòng sông
 Cũng hiện hách chiến công
 Lừng danh dũng sĩ.
 Ở đâu? Một mũi chông, một ngọn lửa vòng
 Cũng hiện ngang như tường thành, chiến lũy.
 Và ở đâu? Trên trái đất này,
 Người vẫn ngọt ngào qua muôn nỗi đắng cay
 Sống chết từng giây, mưa bom bão đạn
 Lòng nóng bỏng căm thù vẫn mát tươi tình bạn.
 Việt Nam, ôi Tổ quốc thương yêu!
 Trong khổ đau, Người đẹp hơn nhiều
 Như bà mẹ sớm chiều gánh nặng
 Nhấn nại nuôi con, suốt đời im lặng...
 Biết hi sinh nên chẳng nhiều lời
 Gì quý hơn giá trị con người?
 Ta hiểu vì sao ta chiến đấu
 Ta hiểu vì ai ta hiến máu.
 Mác — Lê-nin, vĩnh viễn mặt trời
 Giữa mây đục càng sáng ngời chân lí.
 Cuộc đời ta, từ Cách mạng tháng Mười
 Đã tươi lại với nửa vòng thế kỉ.
 Nếu được làm hạt giống đề mùa sau,
 Nếu lịch sử chọn ta làm điểm tựa,

Vui gì hơn làm người lính đi đầu
 Trong đêm tối, tìm ta làm ngọn lửa!
 Cảm ơn Đảng đã cho ta dòng sữa
 Bốn nghìn năm chan chứa ân tình,
 Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, bạo chúa
 Kiếp là nô vùng dậy chém nghê kinh!
 Thiêng liêng thay, tiếng gọi của Bác Hồ:
 Vì độc lập, tự do, toàn dân ta quyết thắng!
 Tự hào thay, khi Nguyễn Việt Xuân hô:
 Ngừng đầu lên, nhằm thẳng quân thù mà bắn!
 Ôi sáng xuân nay, như lưỡi gươm trần sáng quắc
 Rạo rức lòng ta trống trận Quang Trung
 Tổ quốc giục cả hai miền Nam Bắc

Hãy xung phong! Hỡi mùa xuân 67 anh hùng!

3-2-1967

(Ra trận - Nhà xuất bản VH, 1972).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích hình ảnh « cuộc đấu binh hùng vĩ » của 31 triệu nhân dân ta tiến ra chiến trường quyết đánh thắng giặc Mĩ xâm lược? Nhận xét về những hình ảnh và nhịp điệu của lời thơ có tác dụng nêu bật sức mạnh và đặc điểm cuộc chiến đấu của nhân dân ta (cuộc chiến đấu toàn dân, toàn diện, đánh giặc bằng mọi cách, sức mạnh tiềm ẩn và niềm mong ước được diệt giặc của nhân dân ta).

2. Hình ảnh dân tộc ta và ý nghĩa, vai trò cuộc chiến đấu của dân tộc được diễn tả như thế nào? (Chú ý: niềm tự hào dân tộc - lời thơ lắng đọng, thiết tha). Phân tích âm hưởng của khổ thơ nói về Tổ quốc, về Đảng.

3. Bốn câu kết thúc bài thơ rất đẹp, như một hồi kèn xuất trận đánh thắng giặc. Phân tích giá trị gợi cảm và ý nghĩa của hình ảnh « gươm trần sáng quắc », tiếng « trống trận Quang Trung », từ « rạo rức ».

4. Nhận xét chung về giá trị bài thơ?

ĐỌC VÀ BÌNH THÊM VỀ THƠ CA TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN NAY

1. ĐI HỌP

Vút ngựa vượt qua đèo,
 Rì rầm tiếng suối reo.
 Khổng đèo trời mới tối,
 Vằng vặc mảnh trăng treo,

Ngựa mỗi đi bước một
 Người suy nghĩ vấn vương
 Nhiều khi ý kiến lớn,
 Vut đến lúc đi đường.

Đêm lạnh, cảnh sương đượm
 Long lanh ánh nguyệt vờn
 Nhà ai bếp vẫn đỏ,
 Thấp thoáng ở sườn non?

Đường xa, cơn gió rít,
 Xao xạc chim cầm canh.
 Hội nghị mai họp sớm
 Băm băm ngựa bước nhanh⁽¹⁾

SÓNG HỒNG

Việt Bắc mùa đông năm 1953
 (Trích Thơ Sóng Hồng)
 Nhà xuất bản Văn học - 1967

(1) Nước bầm, nước bồ tức là nước kiệu và nước đại.

2. NHỚ

I

Lũ chúng tôi,
Bọn người lữ xứ,
Gặp nhau hồi chưa biết chữ,
Quen nhau từ buổi « một hai ».
Súng bắn chưa quen,
Quân sự mươi bài,
Lòng vẫn cười vui kháng chiến.
Lột sắt đường tàu,
Rèn thêm dao kiếm,
Áo vải chân không,
Đi lùng giặc đánh.
Ba năm rồi gửi lại quê hương:
Mái lều gianh,
Tiếng mõ đêm trường,
Luống cày đất đỏ,
Ít nhiều người vợ trẻ
Mòn chân bên cối gạo canh khuya...
Chúng tôi đi
Nâng mira sơn mếp ba-lô,
Tháng năm bạn cùng thôn xóm.
Nghỉ lại lưng đeo
Nằm trên dốc nắng.
Kì họ lưng nhau ngang bờ cát trắng,
Quờ chân tìm hơi ẩm đêm mưa.
— Đàng nớ (1) vợ chưa?
— Đàng nớ?
— Tờ còn chờ Độc lập.
Cả lũ cười vang bên ruộng bắp,
Nhìn o thôn nữ (2) cuối nương dâu.

II

Chúng tôi đi mang cuộc đời lưu động,
Qua nhiều nơi không nhớ hết tên làng.

Đã nghỉ lại rất nhiều nhà dân chúng.
Tôi nhớ bờ tre gió lộng,
Làng xuôi xóm ngược mãi ra như nhau,
Có nắng chiều đột kích mấy hàng cau,
Có tiếng gà gáy xóm,
Có « khai hội, yêu cầu, chất vấn »!
Có mẹ hiền bắt rận cho những đứa con xa.
Trăng lên tập hợp hát om nhà.

Tôi nhớ
Giường kê cánh cửa,
Bếp lửa khoai vui,
Đồng chí nứ (1) vui vui,
Đồng chí nứ (1) dạy tôi dăm tối chữ.
Đồng chí mớ (2) nhớ nữa,
Kể chuyện Bình Trị Thiên,
Cho bày tôi nghe vì (4).

Bếp lửa rung rung trên vai đồng chí.
— Thưa. Trong nớ hiện chữ (5) vô cùng gian khổ,
Đồng bào ta phải kháng chiến ra rì... (6)

Đêm đó chúng tôi đi,
Nóng súng nghiêng nghiêng,
Đường mòn thấp thoáng...
Trong điểm nhỏ,
Mười người trai tráng
Sờ chuỗi lựu đạn,
Ngồi thối nùn rơm
Thức vira rạng sáng.
Nhìn trời sương nhằm bước chúng tôi đi.
Chúng tôi đi nhớ nhất câu nì,
Dân chúng cầm tay lắc lắc:
« Độc lập nhớ rõ viên (7) chơi vì chắc (8) ! »

HỒNG NGUYỄN (9)
(Tập tập thơ Việt Nam
1945-1960)

CHỮ THÍCH: (1) *Nó, nữ*: ấy. (2) *O*: cô. (3) *Mở*: đầu; ở đây có nghĩa « nào ». (4) *Vi*: với. (5) *Hiện chữ*: hiện bày giờ. (6) *Ra ri*: như thế này. (7) *Viễn*: về. (8) *Vi chắc*: với nhau (tiếng miền Trung). (9) *Hồng Nguyên*: cán bộ hoạt động văn nghệ quân đội khu Bốn hồi kháng chiến chống Pháp, đã mất trong kháng chiến.

HƯỚNG DẪN

1. Bài thơ này làm ở thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Để có thể cảm thông được với diễn biến cảm xúc của tác giả, cần lưu ý đến tính chất và quá trình trưởng thành của quân đội ta trong kháng chiến và sinh hoạt kháng chiến của nhân dân ta. Đặc biệt, cần chú ý đến tính chất gian khổ và anh dũng của chiến khu Bình Trị Thiên, sự trang bị, rèn luyện và sinh hoạt của bộ đội trong thời gian đầu kháng chiến.

2. Bài thơ này chủ yếu nói lên nỗi nhớ nhung của tác giả đối với những kỉ niệm chiến đấu và sinh hoạt của bộ đội trong thời kì đầu kháng chiến. Trong khi phân tích niềm lưu luyến của tác giả, nên chú ý làm nổi bật lên: a) niềm tự hào và tự tin của những con người chiến đấu vì một mục đích chính nghĩa, vượt lên tất cả những thiếu thốn gian khổ. (b) tình đồng đội, mối tình keo sơn của « bọn người từ xứ », gắn bó trên cơ sở ý chí quyết tâm chống xâm lược bảo vệ Tổ quốc. (c) tình quân dân thắm thiết, mối tình ấy là động lực lớn lao thúc đẩy bộ đội quyết tâm đánh giặc và đã giữ một vị trí quan trọng trong đời sống tinh cảm của bộ đội. (d) hình ảnh gia đình có « ít nhiều người vợ trẻ, mồn chân bên cối gạo canh khuya » và quê hương có « luống cày đất đỏ », có « tiếng mõ đêm trường » cũng đã in sâu vào tâm óc của những anh bộ đội, thúc đẩy tinh thần đánh giặc của họ. (e) những nét khá sinh động về sinh hoạt gian khổ nhưng tươi vui của bộ đội và sinh hoạt của nhân dân sản xuất và kháng chiến.

Điểm đáng chú ý là nỗi nhớ của tác giả có tính chất lạc quan, tin tưởng, yêu đời.

3. Bài thơ này không theo một thể thơ nào nhất định. Nhịp điệu và số tiếng thay đổi luôn tùy theo nhịp điệu rung cảm của tác giả. Đặc biệt cần chú ý đến cách dùng hình ảnh đẹp, gợi cảm và tiêu biểu (*ít nhiều người vợ trẻ, mồn chân bên cối gạo canh khuya; áo vải chân không đi lũng giặc đánh; kì hồ lưng nhau bên bờ cát trắng; có mẹ hiền bắt rận cho những đứa con xa v.v.*). Sự phối hợp chặt chẽ giữa âm điệu và hình ảnh đã tạo nên được không khí đặc biệt trong một vài đoạn (ví dụ: không khí vui nhộn thoải mái như đoạn tả cảnh trêu đùa của anh em đồng đội; không khí âm u lặng lẽ thoáng pha đôi chút buồn buồn như đoạn tả cảnh ra đi của bộ đội ở cuối bài). Phân tích lối dùng từ của tác giả — sắc và mạnh (*mồn chân bên cối gạo canh khuya, lột sắt đường tàu, có nắng chiều đột kích mấy hàng cau, tập hợp hát om nhà, cầm tay lắc lắc, v.v.*).

3. BÀN TAY TA NĂM NGÓN MỞ BÌNH MINH

Bà mẹ sinh con một lần bụng mang thai;
Nhà máy ta, ta ba lần làm lại.
Chẳng phải con phượng hoàng từ tro tàn tẻ tái
Lại hồi sinh

Mà chính bàn tay ta năm ngón mở bình minh
Làm lại ánh ngày, khơi dòng năm tháng.

Thời gian trong tay ta
Trở thành giàn thép sáng
Ta dựng ta xây

Có đôi chút gỉ hoen ta mài,

Ta cạo

Nhưng ba lần ta bước lên giàn giáo

Xây lại cơ ngơi

Vẫn đảm trên một nền móng sâu dày.

Chào anh thợ hàn giữa trời cao vôi vôi
Tay cầm lửa giữa muôn sao chớp chớp
Trên đêm nhưng đi những đường hàn
Đẹp, chắc đấy như hình học không gian.

Chào anh thợ lò cao má lửa

Rực chiếu hôn của tương lai chan chứa...

Chào sông Đà⁽¹⁾, ngựa bắt kham bồm sóng trắng phau

Ai đang nghĩ ghi cương nhịp bước sáng ngày sau

Đêm cuối năm, muôn sao sửa soạn gì trong thăm thẳm

Mà hội tụ đầu hôm đông lắm!

Năm hết vòng quay

Thời gian đang chuyển trạm.

Chuyến hành tinh chở ta về triệu dặm

Đang nặng thêm những hạnh phúc tươi non

Vật chất với tâm hồn

Lên mầm, ra nụ.

Chào Cò-hu-tếch⁽²⁾, chào ngôi sao thế kỉ

Thời đại ta mời sao về đăng kí!
 Sao chào ta từ vũ trụ vô cùng,
 Ta chào sao từ đỉnh đời thẳng Mĩ.
 Cho ta mượn chổi sao quét nốt bụi ngàn năm
 Rượu mạnh của đời trong suốt lên tằm.

28-12-1973
 HUY CẬN

CHÚ THÍCH: Bài thơ in trong tập thơ *Ngày hằng sống, ngày hằng thơ*. (Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1975) của Huy Cận.

(1) *Sông Đà*: một con sông lớn ở Tây Bắc nước ta đổ vào sông Hồng; ở đây đang xây dựng công trình thủy điện lớn.

(2) *Cô-hu-tếch*: ngôi sao chổi bay trong vũ trụ, năm 1973 bay đến vùng gần quả đất, con người nhìn thấy được.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm chủ đề bài thơ.
2. Tìm hiểu ý nghĩa bài thơ: *Bàn tay ta nắm ngọn mở bình minh*.
3. Phân tích các hình ảnh thơ: hình ảnh anh thơ hần, anh thơ là cao, hình ảnh con người ghim cương sông Đà bơm sông trắng phau, hình ảnh ngôi sao Cô-hu-tếch với nhà thơ ở đoạn cuối (những hình ảnh thơ đẹp, hào hùng, bộc lộ lòng tự hào về lao động, về sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta).
4. Anh (chị) hãy phát biểu cảm nghĩ của mình về nhân dân, về Tổ quốc ta sau khi đọc bài thơ.

4. NGHE EM VÀO ĐẠI HỌC

Nghe em vào đại học
 Nửa tin nửa ngờ, tên lại trùng tên...
 Hôm nay nhận được thư em
 Nét chữ nghiêng nghiêng cười trên giấy trắng
 Anh ngồi đây thấy trời hừng nắng
 Trên hồ Gươm và trên mái đầu em
 Ngọt gió quê hương, sông rạch dịu hiền...

Miền Nam, em ơi còn nhớ
 Kháng chiến năm nào gian khổ
 Đón giặc bủa vây, thôn xóm điêu tàn,
 Trường, giặc đốt rồi, còn lại ánh trăng
 Giữa hai trận càn, anh dạy em học chữ
 Mầu than đen vẽ lên tường gạch đỏ
 Những lá cờ sao bên những vòng tròn
 Đầu nghiêng nghiêng theo nét chữ run run...
 Có những buổi em học bài không thuộc
 Anh không mắng nhưng em buồn em khóc!
 Thương em, anh cố dỗ dành
 « Ráng học sau này cho được bằng anh
 Đề chép bài ca, đọc thông tin tức! »
 Ôi! Mơ ước làm thường, đơn giản nhất
 Sao ngày xưa vẫn quá lớn, em ơi!

« Bài ca » hôm nay em chép được rồi
 — Không phải bài: « Đoàn quân đi... » thuở trước
 Anh chưa bước chân vào trường đại học
 Chưa lên giảng đường, chưa mặc áo sinh viên
 Chưa biết vì sao ngày, tối tiếp liền
 Chưa biết quê ta nơi nào nhiều quặng
 Giặc dành cho ta nhà tù, bom đạn
 Bảy năm rồi trong máu lửa đấu tranh
 Thầy giáo dạy em năm trước học vắn
 Vẫn chưa vượt qua chương trình cấp một!
 Vẫn chật vật với những bài số học
 Thư viết cho em phải xóa, sửa mấy lần!
 Anh không buồn vì anh biết em anh
 Đang ngồi thay anh dưới mái trường đại học.
 Mai ngày nước nhà thống nhất
 Em lại về dạy chữ cho anh
 Không phải bằng than vẽ, gạch thêm đình

Không phải phập phồng giữa vòng đai giặc...
 Em sẽ bảo anh: «Cố lên, gắng học!...»
 Anh sẽ mỉm cười nhớ những đêm trăng...
 Chế độ cho em đôi cánh chim bằng
 Và vinh dự được làm người đi trước!
 Anh sẽ để riêng một đêm thức suốt
 Kể em nghe chuyện chiến đấu miền Nam...
 Câu chuyện mở đầu: «Thuở ấy, ở quê hương
 Anh chỉ học có một trường: Cách mạng...»

8-1964

GIANG NAM

(Thơ miền Nam, Nhà xuất bản Văn học — 1963)

4. VUI THẾ, HÔM NAY...

Ba mươi năm, trường kì kháng chiến
 Ta đã đi. Và ta đã đến.
 Thật đây rồi, hạnh phúc cầm tay
 Độc lập tự do, từ nay vĩnh viễn.

Tôi lại nhìn, như đôi mắt trẻ thơ
 Tổ quốc tôi, chưa đẹp thế bao giờ!
 Xanh núi, xanh sông, xanh đồng, xanh biển
 Xanh trời, xanh của những giấc mơ...

Tôi bay giữa màu xanh giải phóng
 Tầng thấp, tầng cao, chiều dài, chiều rộng
 Ôi Việt Nam! Yêu suốt một đời
 Nay mới được ôm Người lộng vện, Người ơi!

Hùng vĩ thay, toàn thân đất nước
 Tựa Trường Sơn, vươn lới Trường Sa
 Từ Trà Cổ rừng dương đến Cà Mau rừng đước
 Đỏ bình minh mặt sóng khơi xa.

Đã qua, thuở âm u bóng giặc
 Trắng khăn tang, tàn lụi cỏ cây
 Đã qua, nỗi đêm Nam ngày Bắc
 Giữa quê hương mà như kiếp đi đày!

Ta đã thắng, hãy thẳng đường đi tới
 Lấp những hố bom, xóa mọi đau buồn
 Từ tro bụi, ta lại xây dựng mới
 Phố làng ta, và cả những linh hồn

Tôi lại mơ... Trên Thái Bình Dương
 Tổ quốc ta như một thiên đường
 Của muôn triệu anh hùng làm nên cuộc sống
 Của tự do, hi vọng, tình thương...

..

Vui thế, hôm nay ngày mở hội
 Bốn phương đưa bạn lối cùng ta
 Từ hào thay, trái tim Hà Nội
 Phải đây đường lịch sử ghé qua?

Xin dâng lên Bác một mùa hoa
 Cả nước, anh em đẹp một nhà
 Như khối hoa cương và cẩm thạch
 Ngàn năm quanh Bác, bản hòa ca...

TỔ HỮU
 Tháng 8-1975
 (Màu và hoa)

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT

VĂN HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1930 — 1945

	Trang
CHƯƠNG I	
— Khái quát về văn học Việt Nam giai đoạn 1930 — 1945	3
CHƯƠNG II	
— Văn học lãng mạn 1930 — 1945	9
Bài đọc thêm: <i>Cây đàn muôn điệu</i> (Thế Lữ)	13
CHƯƠNG III	
— Văn học hiện thực phê phán 1930 — 1945	15
— Ngô Tất Tố và tác phẩm <i>Tắt đèn</i>	20
— Đọc và bình chú về <i>Tắt đèn</i>	28
— Tác phẩm <i>Chí Phèo</i> (Nam Cao)	66
— Đọc và bình chú: <i>Chí Phèo</i> (trích)	70
— Đọc và bình chú thêm về văn học hiện thực phê phán 1930 — 1945:	
<i>Kép Tư Bền</i> (Nguyễn Công Hoan)	98
<i>Tình thần thể dục</i> (Nguyễn Công Hoan)	105
<i>Dân biểu tranh năng</i> (Tú Mỡ)	111
— Văn học cách mạng 1930 — 1945	115
— Tác phẩm <i>Từ ấy</i> (Tố Hữu)	121
Trích giảng:	
<i>Con cá, chột nưa</i>	125

	Trang
<i>Bà má Hận Giang</i>	127
Đọc và bình chú thêm:	
<i>Từ ấy</i>	130
<i>Tiếng hát sông Hương</i>	131
<i>Trăng trời</i>	133
<i>Đi</i>	135
<i>Xuân đến</i>	136
— Tác phẩm <i>Nhật kí trong tù</i> (Hồ Chí Minh)	137
Trích giảng:	
<i>Giải đi sớm</i>	142
<i>Bến tháng rồi</i>	143
Đọc và bình chú:	
<i>Ngắm trăng</i>	144
<i>Người bạn tù thối sáo</i>	144
<i>Ôm nặng</i>	144
<i>Học đánh cờ</i>	144
<i>Mời ra tù tập leo núi</i>	145
<i>Cảm tưởng đọc « Thiên gia thi »</i>	145
— Đọc và bình chú thêm về thơ văn cách mạng 1930 — 1945:	
<i>Bài ca cách mạng</i> (Khuyết danh)	145
<i>Ca dao chống đế quốc</i>	147
<i>Không giam được trí óc</i> (Xuân Thủy)	148
<i>Ý xuân</i> (Lê Đức Thọ)	149
<i>Nhấn bạn</i> (Hoàng Văn Thụ)	150
<i>Là thi sĩ</i> (Sóng Hồng)	151
<i>Phát xít Đức đã tắt thở</i> (Cờ Giải phóng)	153
<i>« Kép Tư Bền », một tác phẩm thuộc về cái triều lưu nghệ thuật vị nhân sinh ở nước ta</i> (Hải Triều)	157

CHƯƠNG V

— Hệ thống hóa một số vấn đề về lí luận văn học:	
Chức năng của văn học	160
Tính giai cấp trong văn học	163

PHẦN THỨ HAI

VĂN HỌC VIỆT NAM
TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN NAY

	Trang
CHƯƠNG I	
— Khái quát về văn học Việt Nam giai đoạn 1945 — 1975	166
CHƯƠNG II	
— Thơ ca từ Cách mạng tháng Tám đến nay	172
Đất nước (Nguyễn Đình Thi)	183
Dọn về làng (Nông Quốc Chấn)	185
Ngôi mới (Xuân Diệu)	188
Tổ quốc, bao giờ đẹp thế này chăng? (Chế Lan Viên)	189
Bài ca chim Chơ-rao (Thu Bồn)	192
Thơ Tố Hữu sau Cách mạng tháng Tám	
Viết Bắc (Viết Bắc)	214
Bài ca mùa xuân 1961 (Gió lộng)	220
Chào xuân 1967 (Ra trận)	226
— Đọc và bình chú thêm về thơ ca từ Cách mạng tháng Tám đến nay :	
Đi họp (Sông Hồng)	229
Nhớ (Hồng Nguyên)	230
Bàn tay ta nắm ngọn cỏ bình minh (Huy Cận)	233
Nghe em vào Đại học (Giang Nam)	234
Vui thế, hôm nay... (Tố Hữu — Máu và hoa)	236

Nhóm chỉnh lý và bổ sung (năm 1979) :

ĐỖ QUANG LƯU
NGUYỄN GIA PHONG
NGUYỄN QUỐC TÚY

nuongmaitruongxua.v

**VĂN HỌC 12 P.T.
TẬP HAI**

In 38.600 bản,
khổ 14,5 x 20,5cm,
tại Nhà máy in Trần Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh.
Giấy phép số 12-KHTH, ngày
18-1-1988, của Cục xuất bản,
Bộ Thông tin.
In xong và nộp lưu chiểu
tháng 10 năm 1988.

Giá : 430 đ

<https://tieulun.hopto.org>